

Xin đón đọc số tới

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

SỐ ĐẶC-BIỆT VỀ

“KỶ-NIỆM ĐỆ NHỊ BÁCH CHU-NIÊN
THI-HÀO NGUYỄN-DU”

Với những bài nghiên-cứu đặc-sắc :

- * G.S. NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH nhận-xét về kỹ-thuật Đoạn Trường Tân Thanh * ĐÔNG-HỔ năm ba điều nghĩ về Truyện Kiều * L.M. THANH-LĂNG Nguyễn-Du như là một huyền-thoại hay thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du như là chứng nhân sự phản ánh cuộc đời hiện thực, kỳ quái của Ông trong Đoạn Trường Tân Thanh * BỬU CẨM & TẠ QUANG-PHÁT Về Trình đã phê-bình Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du như thế nào ? * TRỊNH HUY-TIẾN yếu tính của Đoạn Trường Tân Thanh * PHẠM-VĂN-SƠN một vài khía cạnh của phong-trào ‘Bài Kiều’ cách đây 41 năm * THẠC NHÂN vũ-trụ trong Đoạn Trường Tân Thanh * LÊ-XUÂN-GIÁO tác lòng cố-quốc tha hương của Nguyễn Du * TRẦN CỬU-CHẤN phê-bình sơ lược truyện Đoạn Trường Tân Thanh * CHÂM VŨ tinh-thần Nguyễn Du trong thể thơ Hai Kại Nhật-Bản * PHẠM-NHU-NGHĨA nghệ-thuật sưu-tầm bư-hoa và truyện thơ Kim-Vân-Kiều * ĐÀM-QUANG-HẬU Vương Thủy-Kiều, nhân-vật chính trong Đoạn Trường Tân Thanh * HỒNG-LIÊN phiếm luận về Tố-Như tiên sinh * THÂM QUỲNH tập Kiều : kỷ-niệm sinh nhật Cụ Tiên-Điền Nguyễn Du * ĐOÀN BÍCH Nguyễn Du the Revolutionary Poet * TRẦN QUANG - THUẬN Esthetic psychology of Kim-Van-Kieu or Kiều's real and dream World.

Và nhiều tranh ảnh về Tuần Lễ Kỷ-Niệm Đệ Nhị Bách Chu-Niên Thi-Hào Nguyễn Du.

VĂN-HOÁ

NGUYỆT-SAN

文化

SỐ ĐẶC BIỆT

KỶNIỆM ĐỆ NHỊ BÁCH CHU NIÊN
THI HÀO NGUYỄN DU

Năm thứ XIV, Quyển 10 & 11

Tháng 10 & 11, 1965

NHA VĂN-HOÁ
TỔNG BỘ VĂN-HOÁ XÃ-HỘI

SÀI-GÒN VIỆT-NAM



VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

TẬP-SAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

NHA VĂN-HOÁ TỔNG-BỘ VĂN-HOÁ XÃ-HỘI XUẤT-BẢN

Loại Mới

Năm thứ XIV, Quyển 10 & 11 (tháng 10 & 11, 1965)

Mục-lục

- Diển-văn khai-mạc "Tuần lễ kỷ-niệm đệ-nhi bách chu-niên thi-hào Nguyễn-Du" của Ông Tổng Ủy-Viên Văn-Hoá Xã-Hội kiêm Ủy-Viên Giáo-Dục (tại nhà Văn-Hoá ngày 3-10-1965)

Nhận xét về kỹ-thuật xây dựng		
Đoạn Trường Tân Thanh	G.S. NGUYỄN-KHẮC-HOACH	
Năm ba điều nghĩ về Truyện Kiều.	ĐÔNG-HỒ	1391
Nguyễn Du như là một huyền-thoại, hay thơ văn chữ Hán của Nguyễn Du như là chứng nhân sự phản ánh cuộc đời hiện-thực, kỳ quái của Ông trong Đoạn Trường Tân Thanh.	L.M. THANH-LĂNG	1415
Giá-trị triết-học, tôn-giáo trong Truyện Kiều	T.T. THÍCH-THIỆN-ÂN	1507
Vũ Trinh đã phê-bình Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du như thế nào ?	BÙU CẦM và TẠ-QUANG-PHÁT	1529
Yếu-tính của Đoạn Trường Tân Thanh.	TRINH-HUY-TIẾN	1545
Phê-bình sơ lược Đoạn Trường Tân Thanh	TRẦN-CỬU-CHẤN	1575
Một vài khía cạnh của phong-trào 'Bài Kiều' cách đây 41 năm	PHẠM-VĂN-SƠN	1583
Vũ-trụ Đoạn Trường Tân Thanh	THẠC-NHÂN	1601

Vương Thúy Kiều, nhân-vật chính trong Đoạn Trường Tân Thanh	ĐÀM-QUANG-HẬU	1629
Nghệ-thuật sưu-tầm bưư-hoa và truyện thơ Kim-Vân-Kiều	PHẠM-NHƯ-NGHĨA	1637
Tinh-thần Nguyễn Du trong thể thơ Hai-Kai Nhật-Bản	CHÂM-VŨ	1657
Tập Kiều : Kỳ-niệm sinh-nhật cụ Tiên Điền Nguyễn Du	THÂM QUỲNH	1677
Bản dịch "Vịnh Kiều thi tập tự" của Chu Mạnh Trinh	LÊ-MẠNH-LIÊU	1680

Tranh-ảnh

- Ông Tổng Ủy-viên Văn-Hoá Xã-Hội kiêm Ủy-Viên Giáo-Dục đọc diễn-văn khai mạc.
- Quang cảnh thính-đường.
- G.s. Nguyễn-Khắc-Hoạch, khoa-trưởng Đại Học Văn-Khoa Sài-gòn diễn-thuyết về Đoạn Trường Tân Thanh.
- Thi-sĩ Đông-Hồ diễn-thuyết về Đoạn Trường Tân Thanh.
- L.M. Thanh Lãng diễn-thuyết về Đoạn Trường Tân Thanh.
- Ô. Đại-sĩ Anh-Quốc đọc diễn-văn khai mạc budi diễn thuyết về Đoạn Trường Tân Thanh do Hội Việt-Anh tổ-chức.
- Quang cảnh "Triển lãm sách báo, nhạc-bản, họa-phẩm, điêu-khắc-phẩm và tài-liệu liên quan đến Nguyễn Du.
- Tác-phẩm về Nguyễn Du ».
- Đêm trình diễn văn-nghệ đề tưởng niệm Thi-hào Nguyễn Du. tổ chức tại Trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ ngày Chủ nhật 10-10-1965 (Tiếng đàn trong Đoạn Trường Tân Thanh).
- Đêm trình-diễn văn-nghệ (một điệu múa).

Phụ-trương

Address by Her Britanic Majesty's Ambassador on the occasion of the Celebration of the Bicentenary of Nguyen Du, Saturday 9 th October, 1965 at the House of Culture.		1685
Esthetic Psychology of Kim-Van-Kieu or Kieu's real and dream world.	TRAN-QUANG-THUAN	1689

CULTURE

MONTHLY REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS
MINISTRY OF CULTURAL AND SOCIAL AFFAIRS
Vol. XIV, Nos 10 & 11 (October-November, 1965)

Contents

• Opening Speech by H.E. the Minister of Cultural and Social Affairs on the occasion of the Bicentenary of Nguyen Du (at the House of Culture, October 3, 1965)		
Reflexions on the Technique of Doan Truong Tan Thanh	Prof. NGUYEN-KHAC-HOACH	1
Some reflexions on the poem Kim Van Kieu	DONG-HO	1391
Is Nguyen Du a Myth?...	R.P. THANH-LANG	1415
Philosophical and religious values of Doan Truong Tan Thanh	Ven. THICH-THIEN-AN	1507
On Doan Truong Tan Thanh's criticism. by Vu Trinh	BUU CAM & TA-QUANG-PHAT	1529
Main points in the Doan Truong Tan Thanh	TRINH-HUY-TIEN	1545
Simple criticism of Doan Truong Tan Thanh	TRAN-CUU-CHAN	1575
Some points of views on the criticism of the Doan Truong Tan Thanh 41 years ago	PHAM-VAN-SON	1583
The Universe of Doan Truong Tan Thanh	THAC-NHAN	1601

Vuong Thuy Kieu, first personage of Doan Truong Tan Thanh	DAM-QUANG-HAU	1629
Postage stamp and the poem Kim Van Kieu	PHAM-NHU-NGHIA	1637
Nguyen Du's Style and the Japanese Hai Kai	CHAM-VU	1657
Quoted verses from Doan Truong Tan Thanh on the birthday of Nguyen Du	THAM-QUYNH	1677
New translation of the Doan Truong Tan Thanh's Foreword by Chu Manh Trinh	LE-MANH-LIEU	1680

Figures and Illustrations

- H.E. the Minister of Cultural and Social Affairs delivering the opening speech.
- The Auditorium.
- Professor Nguyen Khac Hoach, Dean of the Faculty of letters delivering his speech on Doan Truong Tan Thanh.
- The Poet Dong Ho at the forum.
- R.P. Thanh Lang delivering his speech.
- H.E. the Ambassador of Great Britain to Vietnam delivering the opening speech (Lecture organized by the Anglo-Vietnamese English Speaking Club).
- Exhibits of works pertaining to Nguyen Du's.
- Nguyen Du's literary works.
- Theatrical performance on Kim Van Kieu at the National School of Music and Drama (Sunday October 10, 1965).
- A dance during the performance.

Supplement

Address by Her Britanic Majesty's Ambassador on the occasion of the Celebration of the Bicentenary of Nguyen Du, Saturday 9th October, 1965 at the House of Culture.		1685
Esthetic Psychology of Kim Van Kieu or Kieu's real and dream world.. . . .	TRAN-QUAN-THUAN	1689

CULTURE

REVUE MENSUELLE D'ETUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES
MINISTÈRE DE LA CULTURE ET DE L'ACTION SOCIALE

Nlle Série

Vol. XIV, Nos 10 & 11, (Octobre-Novembre, 1965)

Table des Matières

- Discours d'ouverture de S.E. le Ministre des Affaires Culturelles et Sociales cumulant les fonctions de Secrétaire d'État à l'Education, à l'occasion du Bicentenaire de Nguyen Du.

Réflexions sur la technique du Doan Truong Tan Thanh.	Prof. NGUYEN-KHAC-HOACH	
Quelques reflexions sur le Truyen Kieu de Nguyen Du	DONG-HO	1391
Le Mythe de Nguyen Du	R.P. THANH-LANG	1415
Valeurs philosophiques et religieuses du Doan Truong Tan Thanh.	Ven. THICH-THIEN-AN	1507
Critique du Doan Truong Tan Thanh par Vu Trinh	BUU-CAM & TA-QUANH-PHAT	1529
Traits caractéristiques du Doan Truong Tan Thanh	TRINH-HUY-TIEN	1545
Critique sommaire du Doan Truong Tan Thanh	TRAN-CUU-CHAN	1575
Points de vue sur une vieille critique du Doan Truong Tan Thanh	PHAM-VAN-SON	1583
L'Univers du Doan Truong Tan Thanh	THAC-NHAN	1601

Vuong Thuy Kieu, personnage principal du Doan Truong Tan Thanh	DAM-QUANG-HAU	1629
L'art de collectionner des timbres-poste et le poème Kim Van Kieu	PHAM-NHU-NGHIA	1637
L'art poétique de Nguyen Du dans le Hai Kaj	CHAM-VU	1657
Vers glanés dans le Doan Truong Tan Thanh en souvenir de Nguyen Du	THAM-QUYNH	1677
Nouvelle traduction du "Poème sur le Kim Van Kieu" de Chu Manh Trinh	LE-MANH-LIEU	1680

Planches et Gravures

- S.E. Le Ministre des Affaires Culturelles et Sociales cumulant les fonctions de Secrétaire d'Etat à l'Education, prononce le Discours d'Ouverture.
- L'Auditoire.
- Professeur Nguyen Khac Hoach, Doyen de la Faculté de Lettres de Saigon devant la tribune de conférence.
- Le Poète Dong Ho, Conférencier.
- R.P. Thanh Lang, Conférencier.
- S.E. L'Ambassadeur de la Grande Bretagne au Vietnam prononçant le Discours d'Ouverture de la séance de Conférences tenue par l'Association Vietnam-Angleterre.
- Expositions des œuvres littéraires concernant Nguyen Du.
- Les œuvres littéraires concernant Nguyen Du
- Soirée théâtrale en souvenir de Nguyen Du
- Une danse.

Supplément

Address by Her Britanic Majesty's Ambassador on the occasion of the Celebration of the Bicentenary of Nguyen Du, Saturday 9th October, 1965 at the House of Culture.

Esthetic Psychology of Kim Van Kieu or Kieu's real and dream world.	TRAN-QUANG-THUAN	1685
		1689



Ô. Tổng Ủy-Viên Văn-Hóa Xã-Hội kiêm Ủy-Viên Giáo-Dục,
đọc diễn văn khai-mạc

DIỄN-VÀN

của

Ông Tổng-Ủy-Viên Văn-Hóa Xã-Hội

kiêm Ủy-Viên Giáo-Dục

nhân ngày Lễ Kỷ-niệm 200 năm Cụ Nguyễn-Du

tại Nhà Văn-Hóa ngày 3-10-65

Kính thưa Quý Vị,

Hôm nay, chúng ta khai mạc tuần lễ kỷ-niệm 200 năm sinh-nhật Tiên-Điền Nguyễn-Du.

Đây chính một dịp để chúng ta nhận định lại *địa-vị của Nguyễn-Du trong nền văn-hóa dân-tộc.*

Sống trong thời kỳ toàn thịnh của văn-chương Việt-ngữ, đồng thời với các tác-giả Hoa-tiên, Cung-oán và Chinh-phụ, tác-giả truyện Kiều đã đem lại những gì cho văn-hóa Việt-Nam, *khác và hơn* những văn-hào thi bá đương thời và ở cả những thời-đại trước ?

Văn-nghiệp của Nguyễn-Du gồm có truyện Kiều, Văn-tế Thập loại chúng-sinh, và một số bài thơ chữ Hán. Qua những tác-phẩm ấy, chúng ta thấy rõ *một quan-niệm đặc sắc tân kỳ về văn-chương kể chuyện*, và hơn nữa, *tất cả cái đời sống bên trong của một người trí-thức Việt-Nam ở thời Lê-mạt, Nguyễn-sơ.*

Trong nền văn-chương thế-giới, Truyện Kiều, cũng như bản trường ca Rubaiyat của Omar Khayyam xứ Ba-tur, Bhavagad Gita của Ấn-độ, đã tự nhiên thành một áng văn *tiêu-biểu cho cả một dân-tộc.* Không có một tác phẩm văn-chương nào đã phổ-biến một cách sâu rộng như thế trong dân gian, từ những người thượng-lưu trí-thức cho đến người nông-dân hay lao-động cần cù không biết đọc biết viết và chưa bao giờ ra khỏi lũy tre

xanh. Không có một công trình sáng tạo nào đã qua sự phê phán của thời gian, qua cả những lúc hiểu lầm, qua những sự nổi chìm của lịch sử mà càng ngày lại càng trong sáng hơn như Truyện Kiều.

Văn-chương Truyện Kiều, có những câu mà thi-tứ phải hiểu qua tinh-hoa của thơ Lý Đỗ; và có những hình ảnh những rung cảm, những âm-điệu mà thơ tượng-trưng hay siêu-thực của Tây-phương cận-đại mới khám phá ra. Nhưng đồng thời cũng vẫn là văn kể chuyện, dẫn-dị, bình-dân và nhẹ-nhàng, dễ người ta có thể, dưới ánh đèn của một căn nhà vách đất, đọc cho nhau nghe những buổi tối gia-đình, để nghỉ ngơi sau một ngày nhọc mệt.

Truyện Kiều cũng đã vượt lên trên cái quan-niệm chật hẹp của những nhà Nho cổ, cái quan-niệm "văn-chương luân-lý", "văn-chương giáo-điều", cái quan-niệm đã làm cho các cụ ta cấm đàn bà con gái đọc Kiều và đã gây ra một cuộc tranh luận mà dư-âm, từ đầu đầu thế-kỷ tới bây giờ, vẫn còn vang trong các sách giáo-khoa. Truyện Kiều trong văn-chương Việt-Nam là cuốn tiểu-thuyết tâm-lý đầu tiên, và đồng thời, một điều chưa từng thấy trong văn-chương thế-giới—; cũng là một bức bích họa xã-hội vô cùng chân thật và rộng lớn.

Nhiều nhà văn-học hay phê-bình trước đây đã nói tới tâm trạng của Nguyễn-Du qua truyện Kiều. Phần lớn, chỉ đem một đoạn trong đó thoán qua cái hình bóng của Từ Hải để mà nói lại cái chí lớn mà Nguyễn-Du nuôi dưỡng một thời tuổi trẻ.

Bữa hôm nay, để kỷ-niệm Nguyễn-Du, tôi muốn đi sâu hơn vào tâm linh nhà đại văn-hào của dân-tộc, qua toàn thể truyện Kiều và tất cả văn-nghiệp của Tiên-Điền. Có lẽ ta sẽ hiểu rõ hơn nữa vì sao mà Nguyễn-Du đã trở thành nhà văn của dân-tộc.

Nhìn lại tất cả các tác-phẩm cùng thời với Truyện Kiều, chúng ta đều thấy phảng-phất màu tam-giáo. Tinh thần dung-hòa tông-hợp chính là tinh-thần đặc-biệt của người Việt-Nam. Nhưng sự nặng nhẹ có khác nhau từ văn-phẩm này sang văn-phẩm khác. *Chinh-phụ ngâm* thì gần như hoàn toàn theo Nho-học, đúng đường lối Tống Nho, cổ điển và hẹp hòi. Ở *Cung-oán ngâm khúc*, có một vài đoạn thuyết-pháp theo giáo-lý nhà Phật, nhưng những đoạn ấy không tránh khỏi sự miễn-cưỡng và gò ép; hơn nữa, toàn bộ tác-phẩm của Ôn Như Hầu thực ra chỉ là một bài trần tình của một nhà nho khoa bảng bị biếm chức nhưng lúc nào cũng mong lấy lại được sự sủng ái của đấng Quân-Vương: tu-tướng ấy, làm sao đi cùng

với triết-lý siêu thoát của Phật-giáo mà không thấy giả-tạo?

Sang tới truyện Kiều, trái hẳn lại với những tác-phẩm trên, chúng ta thấy một sự *thuần nhất, kết tinh của một tinh-thần tổng hợp dung hòa cõi mờ và linh-động*. Ở đây, nhà nho Nguyễn-Du đã vượt lên trên cái hình nhi hạ học của đạo Nho, nghĩa là cái phần chỉ chú trọng đến đạo đức thông thường, Lễ, Nghĩa, Trung, Tín, chật hẹp và gò bó. Trong truyện Kiều, Nho-giáo đã lấy lại được cái tinh-thần Trung Hoà, đề cao đạo "tùy thời chi nghĩa", biết đến câu "có khi biến, có khi thường", và hiểu được người "lấy hiếu làm trinh" và dám "hại một người, cứu muôn người". Còn đâu là cái khư khư cò chấp, cái hẹp hòi trói buộc của một đạo Khổng đã suy vi và bị đóng khung. Đây là cái đạo "trung khí dĩ vi hòa, bất thiên bất ý", của một Khổng-tử "vô khả vô bất khả", rất gần với cái đạo "vô vi nhi vô bất vi" của Lão-tử hay cái đạo "sắc không không sắc" của Phật-giáo và cũng rất hợp với sự phóng khoáng của người dân Việt-Nam. Trong nguyên-lý thế là thuần nhất, nhưng về phương-tiện thì phải tùy thời, tùy cơ, làm sao có thể bo bo giữ lấy một lẽ lối cứng nhắc được.

Vì sao mà nhà Nho trong con người Nguyễn-Du đã vượt lên trên được cái tầm thường của thời-đại? Có lẽ vì Nguyễn-Du đã có một quá khứ tranh đấu. Nhưng tôi nghĩ nhiều hơn là có lẽ vì sau khi tranh đấu, Tiên-Điền Nguyễn-Du đã tìm thấy trong Phật-giáo cái nghĩa của đời sống.

Toàn thể truyện Kiều thấm nhuần triết-lý của đạo Phật. Không những như học giả Trần-Trọng-Kim đã chứng tỏ bằng sự giảng giải về *thuyết nhân quả* và chữ *ngiệp*, và bằng sự tin tưởng ở *tâm* trái với *tài*. Đây mới chỉ là phần luân-lý và đạo-đức của Phật-giáo mà thôi.

Nguyễn-Du đã muốn lấy cả cuộc đời của nàng Kiều làm một bằng chứng cho giáo-lý nhà Phật. Nguyễn-Du đặt sự Tam-Hợp Đạo Cô vào vai trò của vị thâm-phán cuối cùng để xét tội trạng của Thúy-Kiều, và dùng vài Giác-Duyên làm phương-tiện cho sự từ-bi, để cời dây oan-nghiệt cho người thiếu-nữ họ Vương. Đó là một điều mà người dân Việt-Nam nào cũng có thể hiểu ngay được.

Để biện-minh cho thân thế nàng Kiều, Nguyễn-Du đã lập luận theo Duy-thức học. Phật-giáo Duy Thức, luận về Thiện Ác, căn-cứ vào *tâm căn* chứ không chú trọng về sự *tướng* của việc làm. Thúy-Kiều "mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm" "hại một người, cứu muôn người" đã

được coi là "biết đường kính trọng", và đây đủ công đức để thoát vòng tặc khiến oan trái.

"*Văn tế thập loại chúng sinh*" đưa chúng ta đến một khía cạnh khác của Tố-Như. Không ai biết bài *Văn-tế* này làm ra năm nào, cũng như không ai biết rõ truyện Kiều được câu tạo khoảng nào trong đời Nguyễn-Du. Tôi thường nhìn thấy ở bài *Văn-tế* một Nguyễn-Du trẻ tuổi, còn nhiều tính chất lãng-mạn, và sự hăng say của tuổi hai mươi lăm. Nguyễn-Du sau khi cuộc khởi nghĩa bị thất bại, và sau những ngày Tây Sơn chiến thắng quân nhà Thanh, nói tóm lại một Nguyễn-Du trước truyện Thúy-Kiều. Tư tưởng Phật-học của Nguyễn-Du khi ấy còn đượm màu Phật-giáo tiêu thừa và còn để chỗ cho một vài tín ngưỡng của người dân thời tao loạn. Truyện Kiều là một tác-phẩm sáng tác ít là mười năm sau, khi tâm hồn đã thanh thản, và chắc chắn là sau khi đã cùng tác-giả Mai Đình Mộng ký dự nhiều buổi hát thơ mộng của chị em phường vải.

Càng về già; tư tưởng Phật-giáo của Nguyễn-Du càng thâm trầm sâu sắc. Năm 1813, nhận sứ mệnh qua Trung-Hoa, Nguyễn-Du đã để lại một tập thơ Hán-văn "*Bắc Hành Thi Tập*". Chính trong tập thơ này, người ta thấy rõ Tố-Như đã hoàn-toàn hướng về Phật-giáo. Một bài *Độc Tiểu Thanh ký* (Độc truyện Tiểu thanh) nói lên tất cả ý nghĩa của chữ vô thường.

*Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như.*

Ba trăm năm trước, Tiểu thanh chết, thì nay bên nắm đất ở Tây-Hồ có Tố-Như khóc nàng. Nhưng sau khi Tố-Như chết ba trăm năm nữa, thì ai là người khóc Tố-Như đây?

Nguyễn-Du khi ấy đã vào đến bực Thiên-tông. Tôi *Tam thanh động*, đề thơ và viết:

*Mãn cảnh giai không hà hữu tướng
Thủ tâm thường định bất ly thiên
(Toàn cảnh đều không, đâu có tướng,
Tâm này thường định, chẳng rời thiên).*

Cũng như trong bài "*Lương Chiêu Minh thái-tử Phân Kinh Thạch Đài*", ông viết:

*Ngã độc Kim Cương thiên biến linh
Kỳ trung áo chỉ đa bất minh,
Cấp đảo Phân Kinh Thạch Đài hạ,
Chung tri vô tự thị chân kinh.
(Ta đọc Kim Cương hơn nghìn lượt,
Nghĩa kín phần nhiều không hiểu nổi
Kịp đến Phân Kinh Thạch Đài này,
Mới hiểu Chân kinh không cần chữ).*

Đời sống tinh thần của Nguyễn-Du đã giải-thích một phần nào cái địa-vị đặc-biệt, có thể gọi là *độc đảo* của Nguyễn-Du và truyện Kiều: ông văn-hóa và văn-chương Việt-Nam. Ở Nguyễn-Du đã thực hiện sự tổng hợp toàn bích của Nho-giáo và Phật-học, của con người tranh đấu, và con người siêu thoát. Vì thế mà, trải qua bao nhiêu cơn thử thách, hòn ngọc bích của văn-chương Việt-Nam vẫn toàn vẹn và mỗi ngày thêm trong sáng.

Tôi xin cảm ơn tất cả các quý vị và long trọng tuyên bố khai-mạc tuân lễ Nguyễn-Du, nhà văn của người dân Việt-Nam.

NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH

Khoa-Trường

Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

nhận xét về kỹ-thuật xây dựng 'đoạn trường tân thanh'*

Nói đến kỹ-thuật một tác-phẩm văn-nghệ tức là nói đến chuyện làm, chuyện dựng tác-phẩm đó như người làm đồ gốm nặn một chiếc bình, như người thợ sơn mài thể-hiện một tấm bình phong. Đó là một trong những mối ưu-tư chính của văn-nghệ-sĩ cũng như của các nhà phê-bình văn-nghệ thế-kỷ XX, những người như Dos Passos, Joyce, Valéry...

Chúng tôi nhận thấy *Đoạn-Trường Tân-Thanh* có những nét kỹ-thuật truyền thống của các tác-phẩm cổ-điển Việt-Nam đồng thời mang thêm những sắc thái mới-mẻ và độc-đáo của văn-nghệ hiện-dại.

1. Kiến-trúc toàn thể của *Đoạn-Trường Tân-Thanh* Cốt truyện và bố-cục.

Đoạn-Trường Tân-Thanh có thể xếp vào loại các tác-phẩm bố-cục chặt-chẽ, cân đối, trong đó các bộ-phận đều nhịp-nhàng xoay quanh một khuôn mặt chính, một đề-tài chính... Đó không phải là loại truyện trường-giang với nhiều cuộc đời, nhiều thế-hệ nhân-vật và nhiều đề-tài sáng tạo... mà cũng không phải loại truyện mới của các tác giả say mê thời-gian tâm-lý, muốn chẻ sợi tóc làm tư và chỉ lo phân-tích tỉ-mỉ một thời-gian và một không gian thật nhỏ bé... *Đoạn-Trường Tân-Thanh* đứng ở khoảng giữa, lấy cuộc đời một con người làm bản-vị và đề-cập đến một không-gian có kích thước tương đối vừa phải.

Cốt truyện được phân chia ra ba phần theo định-lý xây dựng các truyện cổ-điển Việt-Nam "Hạnh-phúc, Đau-thương, Hạnh-phúc tìm thấy lại" định-lý "Hết cơn bi-cực đến tuần thái-lai" nhưng phải kể đến phần kết-cấu hết sức độc-đáo, mới-mẻ của *Đoạn-Trường Tân-Thanh*. Ngoài ra, cái nhìn sáng-tạo của Nguyễn-Du ít đặt lên sự-vật và biến-cố cụ thể, đó

* Vì quá bận G.S. Nguyễn-Khắc-Hoạch chưa viết lại được toàn thể bài diễn-thuyết như ý muốn. Trên đây là bản tóm lược bài diễn-thuyết đó. L.T.S.

là cái nhìn hướng nội, rọi sáng những miền âm u nhất của tâm-hồn, cái nhìn khám-phá, cái nhìn tái tạo của thi-sĩ.

2. Thông nhất động-tác và cách "cắt" truyện

Động-tác Đoạn-Trường Tân-Thanh thống nhất là nhờ ở ý-hướng luân-lý có thống-hệ, bằng-bạc trong tác-phẩm nhưng một thứ luân-lý không đến nỗi hẹp-hòi cố chấp như trong các truyện cổ-diễn khác. Ngoài ra hình ảnh mỗi đau-thương triển-miền của người kỹ-nữ Bắc-kinh (Đoạn-Trường Tân-Thanh: tiếng kêu đau thương — đứt ruột — mới) cũng thể-hiện tính cách thống-nhất đó. Có thể nói đây là một bản nhạc đau thương mà những điệp-khúc, những "leit motiv" bất hủ là: tiếng đàn, mặt trắng, mùa thu, khuôn mặt Đạm-Tiên, v.v..., những cái gì đẹp và buồn như một nốt "ré mineur", thường biến-hiện đều đều trong cuộc đời Kiều-nhi.

Những hồi, cảnh trong Đoạn-Trường Tân-Thanh được xếp đặt nhịp nhàng, tác-giả "cắt" truyện một cách khéo-léo, những đoạn chuyện-mạch thường được thể hiện bằng một nghệ-thuật cao-siêu. Rất nhiều khi một phong-cảnh vật-chất được đặt xen giữa hai phong-cảnh tâm hồn để chuyện mạch hay ngược lại...

3. Vị-trí của tác-giả đối với truyện

Tác-giả gắn bó mật thiết với cốt truyện, không đứng tách rời ra. Tác-giả là điểm tựa của truyện. Đây không phải là kỹ-thuật khách-quan và lạnh-lùng (impassibilité) nhưng có cái gì rất gần-gũi với kỹ-thuật người kể chuyện bình-dân. Tác-giả luôn luôn xuất hiện, khen, chê, phẩm bình giống như một nhà đạo-diễn tuồng chèo hay một vũ-sư điều-khiển một vũ-khúc tập thể...

Khi thì tác-giả đứng gần, khi đứng xa. Vì vậy ta thấy tác-giả mô-tả những bình-diện (plan) vật-chất và tâm-hồn xa gần khác nhau, "sự thực" do đó được phân-tách kỹ-lưỡng hơn. Tác-giả là tấm gương lớn luôn luôn phản-chiếu tâm-hồn toàn thể nhân-vật; ít khi một nhân-vật được phản-chiếu qua ánh mắt một nhân-vật khác, tất cả đều phải qua tấm gương lớn kia. Đó có thể coi như là một nhược-điểm chăng?

4. Văn-đề không-gian và thời-gian truyện.

Tác-giả tôn-trọng thứ-tự thời-gian trong khi kể chuyện đúng



G.S. Nguyễn-Khắc-Hoạch, Khoa-trưởng Đại-học Văn-Khoa
Sài-gòn diễn-thuyết về Đoạn Trường Tân Thanh



Ông Nguyễn Khắc Hoạch, Khoa Trường Đại học Văn-Khảo
Số 101 đường Trần Hưng Đạo, Hà Nội

như kỹ-thuật truyền-thống. Thời-gian theo nhịp truyện, có rần đều-hòa, nhịp đúng nhịp một tâm-hồn Đông-phương, vui buồn không quá trộ-liều, ồn-ào, mặc dù Kiều, trong khi chống-đối lại định-mệnh (đôi khi ta có cảm tưởng nàng đi tìm tự-do...) đã có những cử-chỉ có vẻ quyết-lệ.

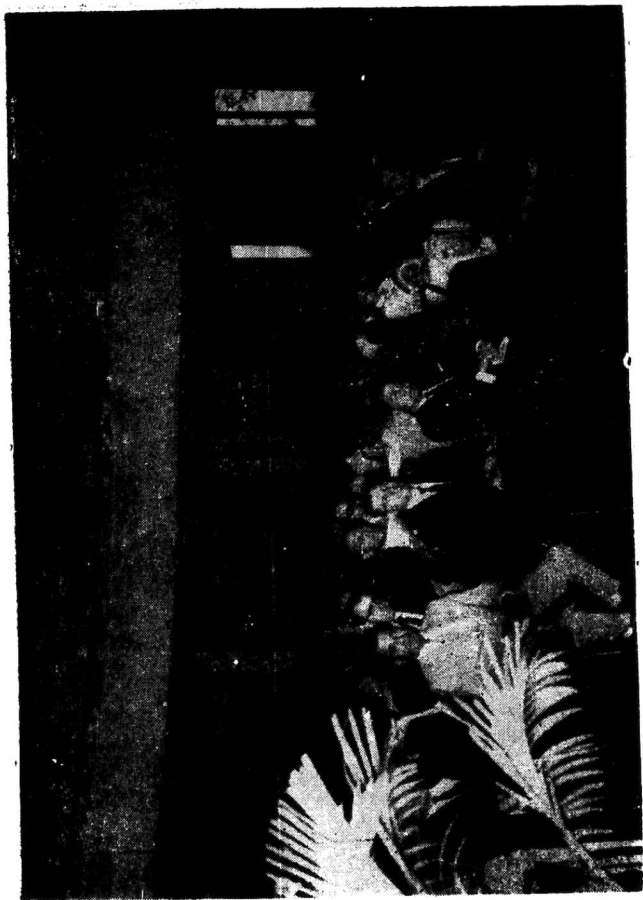
Không-gian Đoạn-Trường Tân-Thanh gồm nhiều bình-diện. Bình-diện trán-thế với miền duyên-hải Trung-hoa. Bình-diện không gian siêu linh với nữ sứ-giả Đạm-Tiên... và "giọt nước" Tiên Đường... Đúng như một tâm hồn Đông-phương, Kiều xê-dịch giữa các bình-diện đó một cách tự-nhiên, uyển-chuyển. Đó là một không-gian ngọt ngào, hấp-bệnh, nhưng không phải không có một vài hải-đảo yên tĩnh làm nơi nghỉ-ngơi tạm thời cho những tâm hồn đau khổ...

5. Sự cầu-tạo các nhân-vật.

Nhân-vật có hoàn-toàn tự do đối với tác-giả như Sartre nghĩ không? Chúng ta ngờ rằng đó chỉ là một ảo-ảnh. Kim-Trọng là hình bóng nho-sĩ Nguyễn-Du phong lưu và tài-hoa của buổi hoa-niên, Thúy-Kiều có thể là hiện-thân nỗi đau thương không cùng của một di thân nhà Lê, ba mươi tuổi đầu mà tóc đã bạc trắng, còn Từ-Hải phải chăng là bóng-giáng một Nguyễn-Du, người đất Hồng-Lam với ý chí quật-cường, bất-khuất, đã hằng say nhập cuộc và đã thất-bại như nhau?

Những con người đó bước lần theo dấu chân Định-mệnh, nhưng phải nhận rằng Thúy-Kiều có những nét cực-kỳ linh-động vì đã hơn một lần tỏ vẻ đối-kháng, bất-bình, không hoàn-toàn thụ-động... Cuộc chiến đấu tuyệt vọng của người đàn-bà này có một cái gì bi-đát và chính cái bi-đát đó đã dựng nên nghệ-thuật...

Những nhận-xét sơ-lược về kỹ-thuật Đoạn-Trường Tân-Thanh cho ta thấy kiệt-tác đó vừa bắt nguồn từ truyền-thống văn-nghệ quê-hương, vừa mới-mẻ, "cách-mạng" nghĩa là báo-hiệu tương-lai. Vì thế Đoạn-Trường Tân-Thanh tuy tuổi đời chông-chất nhưng vẫn mãi mãi trẻ, vẫn luôn luôn hiện-hữu bên chúng ta, bất-diệt và đẹp như một lời an-ủi, như một niềm tin nâng- đỡ chúng ta trong những giờ phút khó khăn của lịch-sử để cho sự nối-tiếp trường-cửu của thực-thể Việt-Nam được thể-hiện một cách hoàn-toàn.



Quang cảnh Think-Duong

ĐÔNG-HỒ

năm ba điều nghĩ về truyện kiều

*Một thiên cầm tú văn-chương
Nhớ ai dở khúc đoản-trường nên thơ
Mai sau còn có bấy giờ
Đốt lò hương ấy so tờ phím này
Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu hiu gió thì hay ai về.*

Thưa ông khoa-trường chủ-tọa,
Thưa chư tôn liệt-vị
Các anh em, chị em sinh-viên và học-sinh,

Đề-tài buổi thuyết-trình hôm nay là “*Năm ba điều nghĩ về Truyện Kiều*”. Đối với áng văn-chương thiên-cổ tuyệt-tác là thi-phẩm *Đoạn-trường tân-thanh*, đối với bậc vĩ-nhân thiên-cổ tài-hoa là thi-sĩ Tố-như, chúng ta thật đã có biết bao nhiêu điều nghĩ, chớ há chỉ có năm ba điều mà thôi.

Chúng ta có nhớ chăng?

Đêm nằng Thúy-Kiều nằm mộng Đạm-Tiên, tỉnh giấc bàn-hoàn, cảm thương cho thân-phận, kinh sợ cho tương-lai, số đoạn-trường là số thê nào mà cả một ám-ảnh khủng-khiếp kinh-hoàng bày ra trước mắt. Sau khi nghe mẹ dạy rằng: “Mộng-ảo chắc đâu, mà bỗng không mua não chắc sâu” Tố-như-tử, tác-giả *Đoạn trường tân thanh* đã hạ thêm một câu:

*Vâng lời khuyên giải thấp cao
Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch trong*

Lời mẹ khuyên răn, nghe như hữu-lý, hơi nào mà mua thảm chác

(Thuyết-trình của thi-sĩ Đông-Hồ tại Nhà Văn-Hoá, Sài-gòn, ngày thứ tư 6. X. 1965, trong tuần-lễ kỷ-niệm NGUYỄN-DU từ 3 đến 10. X. 1965).

[Năm. thứ XIV, Quyển 10 & 11 (Tháng 10 & 11, 1965)]

sầu với những chuyện không đâu mộng-ảo, thì tưởng như đã giải-quyết xong bao nhiêu lo-lắng vẩn-vơ, vô-căn-cứ, thì câu thơ của Tố-như-tử đã làm cho bao nhiêu niềm tin-tưởng ở mẫu-thân tan-vỡ hết. Lòng tin-tưởng đã tan-tành như băng giá, rồi theo suối sông nước-mắt tuôn dào. Bao nhiêu điều thắc-mắc, bao nhiêu nỗi băn-khoăn, tưởng như giải-quyết được, mà đều không giải-quyết được chút nào.

Chúng ta hôm nay đối với Truyện Kiều, đối với Tố-như, cũng như nàng Kiều đối với thân-thế, đối với cảnh-ngộ của mình, không lúc nào có thể gọi được là “đã xong điều nghĩ”.

Bởi “điều nghĩ chưa xong” cho nên cứ còn có “năm ba điều nghĩ”.

1. Mỗi tờ giấy rời.

Điều nghĩ thứ nhất là sự-kiện đã gây nên gia-biến cho nàng Kiều. Chúng ta đã biết, nàng Kiều, một tuyệt-thế giai-nhân, đa-tài đa-cảm, yêu nghệ-thuật, thích văn-chương, sinh trong một gia-đình phong-lưu, được cha mẹ kiều dưỡng, nuông chiều. Hạng tiêu-thư đài-các, thông-minh hay chữ đó, trong xã-hội nước Tàu và nước ta không phải là không-thường có. Buồi ban đầu, vì không kèm chế được tâm-hồn lãng-mạn, đã có những hành-động ra ngoài lễ giáo, nhưng đâu có phải vì việc hội-ngộ trong uất Thanh-minh, hay vì đêm tao-phùng dưới hiên Lâm-thúy mà gây nên nông nỗi thương-tâm, để chép nên một thiên hận sử đoạn trường.

Chúng ta thử đặt vấn đề. Nếu sau khi nàng Kiều gặp gỡ với chàng Kim Trọng, mà rồi chàng thư-sinh đó thi đậu, chàng thành danh, chàng với nàng kết hôn, thơ đào hơn-hơn, vẻ-vang mây mặt rõ ràng mẹ cha, thì nàng trở nên một mạng-phụ đường-đường, còn có gợn sóng nhỏ nào gây nên nỗi ba đào cho đời nàng nữa.

Đâu mỗi gây nên sóng gió cho đời nàng Kiều, đâu có phải do nàng gây dựng, mà là do một việc không-đầu, một sự kiện hết sức tầm-thường, mà chúng ta gọi là một biến-cố định-mệnh.

Sự kiện gây nên gia-biến cho nàng Kiều, ai cũng đều biết, là “Thằng bán tơ”. Một sự-kiện tầm-thường, một sự-kiện không-đầu, một sự-kiện không có chút phân-minh, đến vô-đoan phi-lý. Sau khi miêu tả bao nhiêu đồ vỡ tan tành, bao nhiêu thịt nát xương tan, bao nhiêu phủ-phàng khốc hại, Nguyễn Du dừng-dừng nói ra cho chúng ta biết nguyên-nhân đã gây ra biến-cố bằng một câu ngắn ngắn:

Hỏi ra sau mới biết rằng

Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ

Sự-kiện thật là lòng-lèo, nguyên-nhân thật là dễ-dàng. Thằng bán tơ, nó là thằng gì, nó đã làm nên nỗi nào, mà đến “tiếng oan dậy đất, án ngờ lòa mây” “*Tiếng oan*” thế nào, “*án ngờ*” thế nào, Nguyễn-Du cũng không hề cho chúng ta biết rõ.

Đề cho chúng ta thắc mắc mà phải hỏi:

Nghề bán tơ ở xã-hội nước Tàu, thuở triều Minh Gia-tính là nghề gì mà nguy-hiểm đến như vậy. Tơ của nước Tàu xưa đã dệt ra lụa-là êm ái, tơ ngày xưa đã dệt ra hoa gấm hồi văn. Tơ đã được biểu-hiện cho tình duyên đẹp-đẽ, tơ đã được xem như ngọc bạch bang giao, tượng-trưng cho tình hoà hiếu, mà sao tơ ở đây, lại dệt nên máu và nước mắt, tơ ở đây đã dệt nên một khúc thương-tâm, một bức thiên-cổ đoạn-trường.

Thi-nhân của chúng ta tế-nhị lắm đâu có nói rõ ra. Mà nói ra làm chi cho hết u ần thâm-trầm. Thi-nhân không nói thì chúng ta phải nói lên điều nghĩ của thi-nhân. Nói thì nói, nhưng mà vẫn chưa xong điều nghĩ.

Đó là điều nghĩ thứ nhất, sự-kiện đầu-mối đã gây dựng nên nửa đời gian-truân điều-đứng cho nàng Kiều.

Tại sao mà chúng ta không nói rằng “đã trọn một đời người” mà lại bảo rằng “chỉ có nửa cuộc đời”.

Chúng ta có nhớ hay chẳng?

Hỏi Hoạn-thư cho nàng Kiều ra chép kinh ở Quan-âm-các. Chúng ta tưởng-tượng mà xem, êm-đềm thanh-thú biết bao nhiêu.

Sân Quan-âm-các vườn ta

Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa

Có cỏ thụ, có sơn hồ

Cho nàng ra đó, giữ chùa chép kinh

Từ khi đó, một tâm hồn yên-ổn hòa-bình, một cảnh trí thanh tịnh lặng-lặng, sóng lặng gió yên, mây hòa trăng tạnh được vẽ ra:

Nàng từ lảnh gót vườn hoa

Dường gần rừng tia đường xa bụi hồng

Nhân duyên đâu lại còn mong

*Khởi điều then phần tử hồng thì thôi
Phật tiền thâm lớp sấu vùi
Ngày pho thủ tự đêm nổi tâm hương
Cho hay giọt nước cành dương
Lửa lòng tươi tắt mọi đường trần duyên*

Đến đây, chúng ta mới đặt vấn đề :

Nếu nàng Thúy-Kiều đành lòng ngồi yên, đành lòng tu niệm trong Quan-âm-các, một nửa cuộc đời yên hoa của nàng từ đây khép lại, "đã tu tu trót qua thì thì thôi", quên hết mọi đường trần duyên, và bao ngọn lửa lòng âm-i đành để cho giọt nước cành dương dần-dà tưới tắt, thì nàng cũng sống được một cuộc đời yên-ôn thanh nhàn, trong khung cảnh sáng-sủa thanh cao, hoa đằm được tuệ.

Nhưng nếu đã như thế thì Tố-như-tử đã chẳng còn chuyện đầu mà chép nữa, và thiên đoạn-trường tân-thanh chỉ mới xong được nửa khúc thương tâm. Mà đầu, tác giả có muốn để cho nàng Thúy-Kiều gột bụi phong trần, tu cho trọn kiếp người ở Các Quan-âm, cũng không làm sao cầm chun người kiều nữ đa-tình đó được. Chúng ta có nhớ chăng, Nàng Thúy-Kiều hãy còn trẻ lắm. Mới vừa trên tuổi hai mươi, nàng đã dễ đầu chịu để luống thì xuân. Chúng ta có nhớ chăng, người con gái đa tài, đa tình, đa cảm và đa lụy đó, ấp ủ trong lòng bao nhiêu mộng đẹp bươm hoa, vẽ vôi bao nhiêu phiêu lưu tình ái, thì có thể nào mà làm một ni-cô cho trọn kiếp tu hành.

2. Chuông khánh kêu thương

Nhưng mà Nguyễn-Du khôn khéo lắm. Nguyễn-Du tế nhị lắm. Nguyễn-Du không muốn hạ thấp phẩm-giá và tư-cách nhân-vật khả-ái của mình. Tác-giả Đoạn-trường tân-thanh đã đặt tâm hồn mình trong tâm hồn nhân-vật, Nguyễn-Du đã coi bản thân mình chính là nàng Thúy-Kiều, thì đầu có đành hạ bút tả một tâm-hồn tầm-thường như vậy.

Nếu mà diễn rõ ra như vậy sẽ làm cho câu chuyện mất thi-vị và Trạc-Tuyền cũng mất tốt đẹp đi hết mấy phần.

Vì đó mà tác-giả đã dựng nên sự kiện không đầu :

*Nghĩ đi nghĩ lại quanh co
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân*

Là sự kiện cái chuông và cái khánh. Muốn cho đẹp lời Nguyễn-Du

lại đem kim ngân dát vào cho thành chuông vàng khánh bạc. Thực sự thì chuông và khánh mà đúc bằng vàng bằng bạc thuần-túy thì gõ làm sao cho thành tiếng ngân nga. Ấu đó cũng là một điều trang sức sự-kiện, trang sức danh-từ để nói ra món vật trần ngoạn cho ngôi chùa của nhà phú quý.

Bởi vì là vàng là bạc cho nên dễ gọi lòng tham. Trong lúc bước ra, ni-cô Trạc-Tuyền lúng-túng thế nào, tâm-trạng khủng-hoảng thế nào mà cấp theo hai vật quý nọ của nhà họ Hoạn. Ấy đầu mỗi oan-gia là ở đó.

Chúng ta đã thấy chưa. Chuông và khánh này là sự-kiện gây lại nửa cuộc đời sống gió cho nàng Kiều. Chuông và khánh, ở nửa đời sau, cũng như sợi tơ ở nửa đời trước. Nửa đời trước, đã vì mối tơ mà gãy rối, gỡ sắp song, thì nửa đời sau lại vì chuông khánh mà cắt lên thành tiếng kêu thương của con tim rướm máu chưa lành.

Có một điều, chuyện thăng-bán-tơ thì ai cũng nhớ, mà chiếc chuông vàng và chiếc khánh bạc thì ai cũng bỏ qua, cho là một sự đương-nhiên. Chớ thật sự, khánh và chuông ở chốn thiên-môn gây nên cho nàng Kiều điều-đứng gian-truân, không kém gì mối tơ ở chốn nha-môn ngày trước.

Mà nào đâu có phải bởi ai đưa đến, bởi ai "xưng xuất" cho cảm.

Bên mình giắt đề hộ thân

Lần nghe canh đã một phần đêm ba.

thì chính đó là tự tay mình chuốc lấy cho mình.

Đến đây chúng ta lại đặt vấn-đề :

Nếu như nàng Kiều ở Quan-âm-các trốn ra mà không giắt theo hai món trân bảo vàng bạc nọ. Đến Chiêu-ân-am, gặp sư-bà Giác-Duyên lành lòng thương hại :

Gởi thân được chốn am mây

Mười đưa đáp đời tháng ngày thông-dong

Kệ kinh câu cũ thuộc lòng

Hương đèn việc cũ trai phòng quen tay

Sớm khuya lá bối phươn mây

Ngọn đèn kêu nguyệt, tiếng chày nện sương

Thấy nàng thông tuệ khác thường

Sư càng nề mặt, nàng càng vững chân

Nếu như không có sự kiện chuông khánh xảy ra, thì Nàng Kiều vững chân tu hành ở Chiêu-ân-am cho đến trọn đời cũng nên. Một lần nữa,

Chúng ta thấy, cậu chuyện bị đặt trong cảnh sơn cùng thủy tận.
 Như trên đã nhắc, nàng Kiều hãy còn trẻ lắm. Nàng chưa tu được.
 Nàng Kiều còn phải bước đi bước nữa để trả cho hết nợ phong trần.
 Mà lần này ở Chiêu-ân-am bước đi cũng như lần trước, ở vườn
 Lãm thúy bước đi, cũng gây ra bởi một sự-kiện tâm-thường, không phân-
 minh, đến vô-đoan phi-lý.

Chúng ta có nhớ chăng, câu chuyện đã xảy ra như thế nào :

*Cửa thiên vừa tiết cuối xuân
 Bóng hoa rợp đất về ngân ngang trời
 Gió quang mây tạnh thành thời
 Có người đàn việt lên chơi cửa già
 Dờ dờ chuông khánh xem qua
 Khen rằng khéo giống của nhà Hoạn nương.*

Thật là vô-đoan ! chỉ một tiếng khen vô tình của người đàn-việt mà
 rồi cả sự bà Giác-Duyên, cả ni cô Trạc-Tuyên đều hốt hoảng lên, đâm ra
 tính-quần. Thế rồi từ đó, Nàng Kiều lại trở vào cuộc đời như chớp cũ, lại
 dẫn thân vào chốn yêu hoa, chốn mình lại chốn bùn bụi vũng lầy. Nàng
 Kiều cho rằng đó là một cách thanh toán món nợ đoan trường, đã âm-
 ảnh nàng từ đêm nằm mộng Đạm-tiên. Sao mà dễ-dàng như thế được.
 Khánh bạc và chuông vàng ở đây là của oan gia, đã gieo rắc bao
 nhiêu oan nghiệt cho nửa đời người giai-nhân vốn sẵn đa truân, để cho
 nghìn sau còn khả tích khả liên.

Chuông khánh ở đây cũng chur mối tơ ở đó, là sự kiện phi-lý vô-
 đoan hay là sự kiện ân-vi kỳ-quặc, hay là một số phận bắt buộc, một định-
 mạng an bài ?

Duy có một điều biết được là cuộc đời nàng Thúy-Kiều quyết-định,
 sinh từ hai lần, đều bằng hai sự kiện không đầu, mà tác-giả *Đoạn-trường*
tân-thanh, lần nào hạ bút cũng như đúng-đỉnh lướt qua, như không cần
 xét đến nguyên-nhân đó, nó quan trọng thế nào :

Lần đầu vòn-vẹn có 8 tiếng :

Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ

Lần sau cũng vòn-vẹn có 8 tiếng :

Khen rằng khéo giống của nhà Hoạn nương

Thật là lạ lùng ! Cũng vì thế mà đề cho hôm nay chúng ta có hai
 điều nghĩ nọ.

Nhân nghĩ đến hai món kim ngân ở Quan-âm-các mà nghĩ đến Hoạn
 Thư, rồi nghĩ đến "Hai nhân-vật tri-ký trong truyện Kiều".

Trước, chúng ta thử nghĩ lướt qua nghĩa tri-ký trong tình thiên-
 hạ xưa nay.

3. Hai nhân-vật tri-ký.

Xã-hội Đông-phương xưa nay rất quý người tri-ký.

Nghĩ cho quí là phải, vì giữa cõi hỗn-độn trần ai, ngọc với đá xô.
 bờ, vàng với thau lẫn-lộn, mà có người lấy mắt xanh nhìn nhau, thì cái
 nhìn-thấy đó sao lại không đáng mua bằng giá nghìn vàng. Cho nên, có
 người đã nói một câu nói sung-sướng này : "*Đắc nhất tri-ký khả dĩ bất hận*"
 Nghĩa rằng : ở đời, có được một người tri-ký, thì không có điều ân-hận
 nữa.

Có những người biết nhau vì cảnh-ngộ, biết nhau vì tâm-sự, biết
 nhau vì tài, biết nhau vì tình mà thành tri-ký, kết làm một đôi bạn tương
 đắc, chung thân kính yên nhau, thương mến nhau, trân trọng nhau. Xưa
 nay, truyền những giai thoại về tri-ký, thì đều nói đến Quán-Trọng với
 Bảo-Thúc, Bá-Nha với Từ-kỳ, Phan Thanh-Giản với Lê Bích-Ngô, lấy đó
 làm tiêu-chuẩn, làm khuôn mẫu cho những hạng tri-ký đồng-thanh đồng-khí.

Hạng tri-ký đó, kể quí thì cũng đã là quí lắm, kể hiếm có, thì cũng
 đã là hiếm-có. Duy kể thú-vị thì quả chưa thật là thú-vị, và kể lạ kỳ thì
 cũng quả là chưa thật lạ kỳ.

Bởi vì, thương yêu nhau vì tài tình, kính trọng nhau vì đồng-điều
 mà thành tri-ký thì nghĩa cũng chánh mà lý cũng đáng, và nhất là rất thuận
 với lòng người. Đó là đáp ứng với định-luật tâm-lý thanh khí tương cầu.
 Đã như vậy thì trong khi xử sự với nhau, đòi đãi với nhau, cũng rất là
 dung dị. Như chuyện Trần-Phồn hạ tháp, như chuyện Bảo-Thúc chia vàng,
 như chuyện Bá-Nha đoan huyền, như chuyện Phan Thanh-Giản giữ gìn
 bài từ Dương-liễu, cũng đều là chuyện dễ làm và ai cũng làm được cả.

Trong đời còn có hạng người tri-ký, xử nhau trong nghịch cảnh.
 Đặt trong tình-thế phải ghét nhau, giận nhau, nếu cần đến phải giết
 nhau thì cũng giết chết được. Mà hai đảng cứ vẫn là tri-ký với nhau.
 Rất biết rõ tâm-sự nhau, rất thương-thức tài-nghệ nhau, rất thương-cảm
 cho cảnh-ngộ nhau, và chung cuộc biết tha thứ cho nhau, biết bao-dung

cho nhau. Điểm thú-vị là ở chỗ không thù-hằn nhau như những kẻ tầm thường thế thái.

Tiêu-biểu cho hạng người tri-ký đó, thời chiến-quốc có Liêm-Pha và Lạn-Tương-Như, thời Tam-Quốc có Gia-Cát Lượng và Châu Công-Cần, trong đó nên kể thêm Tư-Mã Ý. Nếu Nguyễn Huệ không có ác-tâm đặt Nguyễn-Hữu-Chính vào tử-địa, thì hai nhân-vật đó cũng kể được là tri-ký lắm.

Mở đầu dài-dòng đề đưa vào câu chuyện đôi người tri-ký trong truyện Kiều. Nhân-vật chánh trong truyện là nàng Vương Thúy-Kiều. Thúy-Kiều bình-sinh tri-ngộ có ba người. Một là chàng nho-nhã hào-hoa Kim Trọng, hai là anh công-tử bốc-rời Thúc Kỳ-Tâm, ba là anh hiệp-sĩ giang-hồ Từ-Hải.

Ba nhân-vật đó mà tương-đắc với nàng giai-nhân đa-tài, đa-tình, đa-cảm, lãng-mạn và thích phiêu-lưu như nàng Kiều là phải lắm. Độc-giả Truyện Kiều, kể cả tác-giả nữa, đều nhận ba nhân-vật đó, nhân-vật nào cũng đều lọt mắt xanh tình đời của Thúy-Kiều cả. Cứ đọc những đoạn văn họ đàm-đạo, họ tâm-sự, họ bày tỏ can-tràng, họ xướng-họa với nhau, họ ca tụng lẫn nhau mà thấy rõ.

Duy chúng ta nhận thấy, ba nhân-vật đó, kể tương-đắc thì có tương-đắc, nhưng mà đều chưa xứng-đáng là tri-ký của Thúy-Kiều.

Chúng ta phải nhớ đến một nhân-vật lạ-lùng trong tác-phẩm của Tiên-diễn là nàng Hoạn-Thư. Thật là một nhân-vật kỳ-tuyệt phi thường.

Nghĩ cho Nguyễn Du đã tạo nên nhân-vật Thúy-Kiều mà nếu không tạo nên được nhân-vật Hoạn-Thư thì tác-phẩm sẽ sứt đi hết nửa phần giá-trị, mà câu chuyện cũng sẽ nhạt tẻ biết bao nhiêu.

Chúng ta thử kiểm-điểm lại mà coi, có phải như vậy không. Những đoạn hấp-dẫn nhất trong truyện Kiều đều là những đoạn gặp-gỡ giữa hai con người tri-ký đó. Đọc đến, mà cứ mê say sững khoá, từng lời nói, từng thái-độ, từng cử-chỉ nhỏ-nhặt của hai đảng. Chúng ta thử dò ra từng hồi một:

Khi mới gặp Thúc-Sinh, buổi ban-đầu, nếu là một ả giang-hồ nông-nổi tầm-thường thì có lưu-ý làm gì đến chuyện gia-đình người tình-lang, vốn là con nhà thương-gia giàu có, mở ngôi hàng ở chợ Lâm-tri, đang vung tiền như đất dề mua một tiếng cười. Nàng Thúy-Kiều

khôn-ngoa của Nguyễn-Du đâu có tầm-thường như vậy. Nàng đã dò hỏi, nàng đã nghe ngóng mà biết. Và nàng đã biết được rõ-ràng. Chúng ta hãy nghe nàng rào đón:

*Và trong thêm quế cung trắng
Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong
Bấy lâu kháng-khít giải-đông
Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây
Về chi chút phận bèo mây
Làm cho bề ai khi dầy khi vơi
Trăm điều ngang ngửa vì tôi
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho*

Rào đón xong, nàng mới nói một lời tri-ký:

*Như chàng có vững tay co
Mười phần cũng đắp điểm cho một vài
Thế trong dù lớn hơn ngoài
Trước hàm sư-tử gọi người đảng la*

Nghĩa là nàng Kiều đã biết rõ-ràng tư-thế của Hoạn-Thư lắm. Nàng đã biết chắc cái "thế trong" đó đã to lớn đến độ nào rồi.

Mảng vui rượu sớm cờ trưa, trong lúc Thúc-Sinh bâng chần như vại, nhắm mắt đắm say, nàng Kiều một lần nữa nhắc lại. Cũng như lần trước, nàng rào đón:

*Trông hồ vắng vẻ đêm thanh
E tình nàng mới bày tình riêng chung
Phận bỏ từ vẹn chữ tông
Đồi thay nhạn yến đã hồng dầy niên
Tin nhà ngày một vắng tin
Mặn tình cát lầy lạt tình tao khang
Nghĩ ra thật cũng nên đường
Tâm hơi ai kẻ giữ giàng cho ta*

Rào đón xong, nàng lại nói ra một lời tri-ký:

*Trộm nghe kẻ lớn trong nhà
Ở vào khuôn phép nói ra mỗi giường
E thay những dạ phi thường*

Dễ dò rón bề không lường đáy sông
 Mà ta suốt một năm ròng
 Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào
 Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao
 Hoặc là trong có làm sao chẳng là
 Xin chàng liệu kịp lại nhà
 Trước người đẹp ý sau ta biết tình
 Đêm ngày giữ mực giấu quanh
 Rày lần mai lửa như hình chưa thông

Dầu chưa từng biết mặt, mà nàng Kiều đã biết được rõ-ràng "kẻ lớn trong nhà" khuôn phép như thế nào rồi. Và "dạ phi thường" kia, là rón bề đáy sông, hiềm sâu thăm thăm đến độ nào rồi.

Chưa hết. Đến khi tiễn đưa một chén quan hà. Nàng đã nhắc thêm một lời tri-kỷ thứ ba :

Nàng rằng non nước xa khơi
 Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm
 Dễ lùa yếm thăm trôn kim
 Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng
 Đói ta chút nghĩa đèo bông
 Đến nhà trước liệu nói sòng cho mình
 Dù khi sóng gió bất bình
 Lớn ra uy lớn tôi đành phận tôi
 Hơn điều giấu ngược giấu xuôi
 Lại mang những việc tây trời về sau

Có là tri-kỷ lắm, nàng Kiều mới biết chắc chắn là "lớn sẽ ra uy lớn" và không khéo giấu quanh, thì về sau sẽ xảy ra những việc tây trời.

Tưởng những tay tri-kỷ có tiếng xưa nay như Gia-cát Lượng, Châu Công-Cần, Tư-Mã Ý ở cách xa mà nói đúng tâm-lý địch-thủ của mình cũng tài đến như thế mà thôi.

Kề tới đây là những điểm mà nàng Thúy-Kiều tỏ ra rất tri-kỷ với Hoạn-Thư, khi chưa từng giáp mặt.

Chúng ta hãy tạm ngừng ở đây về nàng Kiều, mà xét về Hoạn-Thư. Nguyễn Du đã giới thiệu cho chúng ta :

Vốn dòng họ Hoạn danh-gia
 Con quan lại-bộ tên là Hoạn-Thư...
 Ở ăn thì nết cũng hay
 Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

"Nết thì hay mà tay thì già" lời giới thiệu thiệt là đúng quá và khéo quá.

Nghĩ như ở địa-vị, ở cảnh-ngộ của Thúy-Kiều; tự-nhiên phải tìm mà biết Hoạn-Thư. Đó là tình-thế bắt buộc của kẻ nhỏ đối với kẻ lớn, của kẻ yếu đối với kẻ mạnh, là hành động của người khôn ngoan biết tìm đường lối để mà tự-vệ.

Đến như Hoạn-Thư thì khác. Ở địa-vị, ở phương-diện Hoạn-Thư thì có cần chi mà phải tìm biết một à giang-hồ hoàn lương.

Chúng ta muốn đặt câu hỏi này :

Bọn ác-nhân Ưng Khuyển, khóc quí kinh thần của nhà họ Hoạn, âm-âm mọc ra, kéo đến phóng hoả nhà Thúy-Kiều, thay vì nhặt cái xác vò chủ bên sông đem bỏ vào đó, để đánh lộn sông, thì bọn chúng cứ bắt quách nàng Kiều ném phăng vào ngọn lửa, cho chết thiêu biệt tích đi, cũng đã có sợ gì ai mà không làm được. Chính bọn chúng cũng đã muốn tỏ ra cho bàng-cận tiếp-cận biết rằng nàng Kiều đã chết cháy trong cơn hoả hoạn đó, chớ chúng có ngại gì phạm pháp.

Đừng ! Đừng giết chết. Giết chết đi thì còn có thú-vị gì. Phải sinh-cầm cho được, sinh-cầm cho được "còn người hoa khôi" đã làm náo động đất Lâm-tri :

Lầu xanh mới rủ trướng đào
 Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người

Phải bắt sống cho được để nhìn cho tận mặt, để mục-kích cái "phẩm người" mà thiên hạ ca tụng đó, có đúng như lời đồn-đãi hay không.

"Từ nghe vườn mới thêm hoa, miệng người đã lắm". Trong đám "miệng người đã lắm" đó, làm gì lại không có những miệng người tà-về thêm-thất, từ nhan-sắc đến lai lịch, lẫn tài-nghệ của người tuyệt-kỳ Bắc-kinh.

"Hãy đem dây xích buộc chân nàng về". Câu truyện lịnh, đó, là câu khởi-diêm tri-kỷ trong con người Hoạn-Thư đối với Thúy-Kiều. Từ chỗ khởi diêm đó mà đi, chúng ta hãy theo dõi về sau.

Kỳ thủy, chúng ta lấy làm lạ thái độ của Hoạn-thư, lúc bắt được Thúy-Kiều. Truyền lệnh đi bắt thì truyền, mà lại không cho giáp mặt ngay lúc mới bắt về. Hăng cứ đề ở bên dinh bà mẹ. Mọi việc mắng chưởi hành-hạ, đánh-đập, đây là Hoa-nô đều để cho bà Thượng-Lại làm gì thì làm, nhất nhất Hoạn-Thư không dự đến. Tiều-thư cứ một mực đứng-đình như không. Đề cho những trận lôi-đình hung-ác tàn-nhẫn dụ xuống rồi, bấy giờ tiều-thư mới nhả nha xuất-hiện. Tiều-thư xuất-hiện với thái-độ với tư-cách một kẻ cả. Tiều-thư quyết giữ cung cách kiêu-kỳ, quyết giữ cho không sai đường lối đã vạch sẵn từ đầu :

*Có dong kẻ dưới mới là lượng trên
Đại chi chẳng giữ lấy nền
Hay gì mà rước tiếng ghen vào mình
Nghĩ rằng ngựa ghè hờn ghen
Xấu chàng mà có ai khen chi mình*

Đúng là cốt-cách phong-độ của con nhà đại-gia nền nếp. Ung dung thông thả đợi cho đến buổi ninh-gia :

*Phu-nhân mới gọi nàng ra dạy lời
Tiều-thư dưới trướng thiếu người
Cho về bên ấy theo đòi lâu trang*

Bấy giờ Hoạn-Thư mới chịu lãnh về phần mình trách-nhiệm. Bấy giờ đã qua giai-đoạn :

*Ra vào theo lũ thanh-y
Dãi dàu tóc rối da chù quần bao*

Là đã hết giai-đoạn nặng-nề mà chuyển sang giai-đoạn nhẹ-nhàng hơn :

*Sớm khuya khăn mặt lược đầu
Phận con hầu giữ con hầu dăm sai*

Đề có dịp thân-mật gần-gũi cho tiều-thư dò xét :

*Phải đem êm-ả chiều trời
Trúc tỉ hỏi đến nghề chơi mọi ngày*

Chúng ta đã thấy lạ lùng chưa ! Hỏi kẻ hầu-hạ khăn mặt lược đầu, mà đi hỏi làm chi những nghề chơi tỉ trúc. Đây mới là mục-tiêu của tiều-

thư đã đặt từ lâu. Tiều-thư quyết hỏi cho được, để xem thử con người Bắc-kinh nọ, tài nghệ đến bực nào mà đã khiến cho bao nhiêu vương-tôn quý-khách đua nhau, và nhất là đã đề cho chàng Thúc-Lang đến phải :

Trăm nghìn đồ một trận cười như không

Thì ra, quả có như lời thiên-hạ đồn-đài, không chút nào ngoa :

*Linh lời nàng mới lựa dây
Nị non thánh thốt dễ say lòng người
Tiều-thư xem cũng thương tài
Khuôn uy đường cũng bớt vài bốn phần*

Chúng ta lại thấy lạ lùng chưa. Chỉ nghe quả mấy tiếng trúc tỉ mà đã thương tài, rồi tức thì khuôn uy đã giảm. Thú vị thay con người tri-ký đó, mà cũng hiếm có thay con người tri-ký đó.

Chúng ta nên trí ý một điều này : là suốt thời kỳ Thúy-Kiều hầu hạ đài doanh, chúng ta chưa hề nghe Hoạn-Thư nặng lời mắng mỏ người tinh-địch lần nào :

*Bắt khoan bắt nhặt đến lời
Bắt quỳ tận mặt, bắt mời tận tay.*

Bắt khoan bắt nhặt thì có, mà giản vật nặng nhẹ thì không. Trước sau vẫn một mực ngọt ngào, êm ái, cười nói tinh say.

Vậy mà, cũng đã có một lần tiều-thư lớn tiếng :

*Tiều-thư vội thét con Hoa
Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn.*

Nếu chúng ta được chứng kiến bữa hầu rượu đó, nghe tiếng thét kia, mà nhìn lại thì chắc chắn được thấy dung nghi của Hoạn-Thư lúc đó vẫn-vui vẻ hiền-hòa, không lộ nét nhỏ nào giận dữ. Bởi vì thét là thét mà chơi cho vui trò đang diễn, thét để cho anh-chàng đang như đại như ngậy :

*Giọt dài giọt ngắn chén đầy chén vơi
Ngành đi chợt nói chợt cười
Cáo say chàng đã tỉnh bài làng ra*

chợt nghe tiếng thét bất-thần đó mà phải nạt ruột tan hồn :

Chén mời phải ngậm bỏ hồn ráo ngay

Chớ tuyệt-nhiên, tiều-thư có muốn thét mắng chi người hầu rượu :

Cứ nghe kỹ lại lần nữa câu mắng-mở:

Tiêu thư vội thét con Hoa

Khuyên chàng chẳng cần thì ta có đờn

Lời mắng chi mà mắng lạ mắng lùng như vậy. “Khuyên chàng chẳng cần”, đáng lẽ “thì người có đờn” mới phải. Đàng này Hoạn Thư lại nói chệch đi, bằng cách nói kênh-kiệu:

Khuyên chàng chẳng cần thì ta có đờn

làm cho câu mắng-mở trở thành câu âu yếm, mắng yêu. “Ta có đờn” lời kể cả bao dung mà khá áy biết bao nhiêu!

Chúng ta nhớ lại: Hoạn-Thư còn thét nàng Kiều một lần nữa. Nhưng mà tiếng thét này lại là tiếng reo thò mồm há-hề của người đắc thắng, được thấy địch quân thảm bại, bị đánh ngã gục ở chốn tình trường:

Tiêu thư lại thét lấy nàng

Cuộc vui gây khúc đoạn trường ấy chi

Sao chẳng biết ý tứ gì

Cho chàng buồn-bã tội thì tại người

Thì tiếng thét đó cũng lại là tiếng khen thưởng người đã có tài làm cho “chàng-ngồi-đó” buồn bã xót-xa, ruột héo gan xầu.

Chỗ đó là chỗ tri-kỳ giữa hai đàng. Khi nàng Kiều được lệnh ra trước bình the vận đàn, mặc dầu đã tán-hoán tề-mê, mà nàng Kiều cũng đã cố tâm làm cho người trên tiệc phải tan nát lòng. Chẳng những làm tan-nát lòng một người, mà làm tan-nát lòng cả hai người ngồi đó; chẳng những làm cho “người trong khố thâm” mà quyết tâm làm cho “người ngoài cười nụ”. Đem hầu đàn đó mà nàng Kiều không gây nên khúc nát ruột tan hồn, không làm cho giọt châu lã-chã, thì thân phận của nàng sẽ khê-khật bội phần. Thông-minh như nàng Kiều, làm gì mà không đoán được tâm-địa của người địch-thủ lợi hại đó, từ khi mới hỏi đến nghề chơi.

Nàng Kiều cũng đã thầy rồi tâm-lý Hoạn-Thư. Sau khi nghe thử mấy tiếng trúc ti, thì khuôn uy dường cũng đã vài bõn phần giảm bớt. Cho nên, nàng đã quyết-tâm có ngày sẽ lợi-dụng tấm lòng tri-kỳ liên-tài đó, mà tìm kế thoát ly. Chiến-thuật của nàng đã có kết quả:

Giọt rờn canh đã đầm ba

Tiêu-thư nhìn mặt dường đã cam tâm

Lòng riêng tập tềnh mừng thăm

Vui này đả b đầu ngăm xưa nay

Tiêu-thư có cam tâm, tiêu-thư có mừng thăm, tiêu-thư có cất được nỗi đau ngăm xưa nay, thì số phận nàng Kiều mới có hy-vọng nhẹ-nàng hơn, để chờ đợi dịp:

Sớm khuya hầu hạ đài doanh

Tiêu-thư chạm mặt đề tình hỏi tra

Lựa lời nàng mới thưa qua

Phải khi mình lại xót-xa nỗi mình

Nàng Kiều tạo ra dịp để cho tiêu-thư chạm mặt, nàng Kiều cũng tạo ra dịp để cho tiêu-thư đề tình hỏi tra. Có tra hỏi, mới có dịp dăng qua một tờ. Tờ thân-cung này nàng Kiều đã dự bị sẵn rồi, và nàng cũng đã chắc-chắn là văn-chương của nàng chinh-phục được con người trị-kỳ đó. Quả nhiên:

Cúi đầu qui trước sân hoa

Thân cung nàng mới dăng qua một tờ

Diện tiền trình với tiêu-thư

Thoát xem dường có ngăn ngại chút tình

Liền tay trao lại Thúc-sinh

Rằng tài nên trọng mà tình nên thương

Vì chẳng có số giàu sang

Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên

Bề trên chìm nổi thuyền-quyên

Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời

Đọc truyện Kiều đến đoạn này, chúng ta cứ đọc đi đọc lại từng chữ, từng câu mà ngẫm-nghi: Không biết Nguyễn-Du đã viết mấy câu trên này cho Hoạn-Thư hay cho chính tác-giả, mà không hà-tiện lời thương tiếc tán, thưởng nàng Thúy-Kiều đến như thế. Xưa nay đã có ai can-dảm thưởng-thức địch-thủ của mình, bằng những lời lẽ cời mờ, bằng những tình-y thâm-thiết, bằng những lòng dạ quảng-đại, bằng những thái-độ quân-tử, nhất là bằng những nhận-định tri-kỳ đến như vậy hay chưa.

Đọc xong đoạn này, không cần đọc đến đoạn sau, chúng ta cũng biết chắc-chắn là nàng Thúy-Kiều sẽ được hậu-đãi ở Quan-âm-các. Và chúng ta cũng sẽ không còn chút ngạc-nhiên nào, khi thấy nàng Kiều lúc ra đi, mang cả khánh bạc chuông vàng theo, mà Hoạn-Thư cứ bình-tĩnh, bằng lòng để cho đi, không giận hờn, không trách móc.

Ngoài việc Hoạn-Thư hậu đãi nàng Kiều ở Quan-âm-các, hãy còn một điểm từ-tâm lân tuất, đáng quý hơn, là Hoạn-Thư thực-ý muốn mở cho nàng Kiều một đường phương-tiện, ra tay tế-độ, vớt người trầm-luân, cho thoát khỏi oan-khiên nghiệt-chướng. Cứ nghĩ như, nếu nàng Kiều không vấp mình vào số kiếp đoạn-trường, do hồn ma Đạm-Tiên ám-ảnh, mà giữ yên tâm, tu cho trót ở Quan-âm-các, Hoạn-Thư cũng cru-mang nàng Kiều cho đến trọn đời, thì làm gì còn có những nổi lặn-dận, đắng cay, bao nhiêu nhục-nhã, ê-chế, từ sau khi rơi vào thanh lâu lần nữa.

Việc cho nàng Kiều qui-y ở Quan-âm-các, cũng là Hoạn-Thư chiều theo ý-nguyện của nàng Kiều đó, chớ có phải đâu là Hoạn-Thư ép buộc:

*Tiền-thư rằng ý trong tờ
Ráp đem mệnh bạc nương nhờ cửa không
Thôi thì thôi cũng chiều lòng
Đề cho khỏi lụy trong vòng bước ra*

Chúng ta đề ý câu nói: “đề cho khỏi lụy trong vòng bước ra” là Hoạn-Thư nghĩ rằng nếu mà nàng Kiều bước ra thì nàng sẽ chưa tránh được cho khỏi lụy thân Lời nói cảm-động thay. Nhưng mà Hoạn-Thư có dè-dãuàng Kiều hãy còn trẻ lắm, nàng Kiều chưa chịu ngồi yên, nàng Kiều chưa hết kiếp phiêu-lưu, cho nên cứ còn muốn bước ra bước nữa, đề trả cho hết nợ yên hoa.

Đến khi nàng Kiều bước ra, mà Hoạn-Thư cứ đề yên cho nàng bước ra, là một lần nữa, Hoạn-Thư cũng chiều theo ý muốn của nàng Kiều. Trong khoảng nửa giờ, tiền-thư đứng núp dưới lầu, rình nghe trộm câu chuyện than-vãn giữa hai đàn ông: Trạc-Tuyên và Thúc-lang kể-lẽ bao nhiêu đoạn khổ tình thương, mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường, tiền-thư đã thấy rõ ý muốn của nàng Kiều, đã van nài Thúc-Sinh:

*Liệu bài mở cửa cho ra
Ấy là tình nặng ấy là ân sâu*

Và nàng Kiều bằng lòng nghe theo lời Thúc-sinh xui giục:

*Liệu mà cao chạy xa bay
Ái-ân ta có ngần này mà thôi*

Chúng ta có thể quyết rằng: Hoạn-Thư phải đành đề cho nàng Kiều bước ra, là chiều ý nàng Kiều, chứ trước sau, tiền-thư vẫn thương tiếc, vẫn quyến-luyến con người tài-hoa đó lắm.



Thi-sĩ Đông Hồ diễn-thuyết về Đoạn Trường Tân Thanh

Đến đây chúng ta mới đặt thêm câu hỏi:

— Nếu, thực-sự, Hoạn-Thư có thương-tình và yêu tài Thúy-Kiều thì tiêu-thư cứ nạp thiệp cho Thúc-Sinh, có được hay không? Chính chỗ đó là chỗ làm cho Hoạn-Thư nhiều lúc phân-vân, và trong tâm-lý cũng đã có phen mâu-thuân.

Đã nhiều lần, qua lời nói, qua cử-chỉ, chúng ta thấy trong sơ tâm Hoạn-Thư muốn dung nạp nàng Kiều: Từ khi chưa gặp mặt, Hoạn-Thư lòng đã khởi sanh ý nghĩ:

Có dong kẻ dưới mới là lượng trên

Đến khi gặp mặt rồi, ý nghĩ đó lại thêm hai lần biểu lộ:

Một lần, sau khi xem xong tờ thân-cung:

Rằng tài nên trọng mà tình nên thương

Vì chẳng có số giàu sang

Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên

Và một lần nữa, sau khi xem xong bản chép kinh ở Quan-âm-các:

Khen rằng bút pháp đã tinh

So vào với thiệp Lan-đình nào thua

Tiệc thay lưu-lạc giang-hồ

Nghìn vàng thực cũng nên mua lấy tài

Hoạn-Thư thực-sự, trong thâm ý muốn đem nghìn vàng mà mua lấy tài kia lắm. Nếu không phải là con người thông-minh, có học-thức, có một tâm-hồn cao-cách, thì làm sao mà nói ra được những lời vừa thương-thức, vừa tiếc thương tri-kỷ đó.

Duy thương-thức thì thương-thức, tiếc thương thì tiếc thương, mà dung nạp thì không thể nào dung nạp được.

Chúng ta nên nhớ rằng: Đẳng-cấp của tiêu-thư, địa-vị của tiêu-thư, gia-phong của nhà họ Hoạn, thanh thế của vị thiên-quan chúng-tề, giữa chốn quan chiêm, và nhất là lối sống nền nếp, khuôn-phép, mối giương của tiêu-thư, không cho phép tiêu-thư chấp-nhận hạng gái giang-hồ ong bướm nọ.

Cho nên, muốn tu thì cho tu, muốn trốn thì cho trốn, tiếc thương thì vẫn một dạ tiếc thương, duy nhất định không cho Thúc-Sinh nạp thiệp.

Chính điểm này mới càng tỏ ra Hoạn-Thư là người tri-kỷ của

nàng Kiều. Không dung nạp nàng Kiều. Hoạn-Thư quyết giữ-gìn cho tròn tư-cách, cho đúng phong-độ kẻ-cả của mình, chớ không bao giờ để bị lung-lạc vì lòng yêu tài-hoa, yêu nghệ-thuật riêng tư.

Bằng có là đến hồi báo ân báo oán, giữa đám gươm lớn giáo dài, sống chết cách nhau sợi chỉ, đối-diện với người tình-địch uy quyền, dang dăng sát khí, đang sẵn-sàng đem hết bao nhiêu oán hờn thù hận, bao nhiêu uất ức phẫn nộ, đã chịu đựng trong mười mấy năm trường trút lên đầu một người, thế mà người đó, chánh danh thủ-phạm Hoạn-Thư, vẫn ung-dung đường hoàng tuyên-bổ:

*Nghĩ cho khi các chép kinh
Vội khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo
Lòng riêng riêng những kính yêu
Chờng chung chưa để ai chiều cho ai*

Hoạn-Thư dám nói ra lời tuyên bố ngang nhiên đó là Hoạn-Thư đã chắc được Thúy-Kiều sẽ có đủ can-dảm, có đủ độ lượng để nghe lời tri-ký.

Kết quả, Thúy-Kiều đã đáp lại đúng như ý không sai. Hoạn-Thư chẳng những không đợi nghe lời kết tội, mà còn được nghe lời thường-thức y như ngày trước, Hoạn-Thư đã không tiếc lời thường-thức nàng Kiều:

*Khen cho thật đã nên rằng
Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời
Thà ra thì cũng may đời
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen
Đã lòng tri quá thì nên
Truyền quân lệnh xuống trước tiên tha ngay*

Giữa lúc đó, Hoạn-Thư đối với nàng Kiều, đang ở địa-vị người thất thế mà nói rằng:

Lòng riêng riêng những kính yêu

thì nghe là lời cầu cứu để gỡ tội. Còn nàng Kiều, đối với Hoạn-Thư, đang ở địa-vị người phán quyết, mà cũng thẳng thắn tuyên bố:

Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời

thì thực là một lời tri-ký ít có trong những giai-thoại tri-ký xưa nay.

Bây giờ đã đến lúc, chúng ta phải chữa một chữ của Nguyễn Du mà ngâm lại câu thơ:

*Đã lòng tri-ký thì nên
Truyền quân lệnh xuống trước tiên tha ngay*

Đề cho tác-giả bài này khỏi làm lời kết luận, và đề cho ý vị tri-ký giữa hai nhân vật tri-ký của thi-sĩ Tố-Như nghìn sau còn dư vị thâm-trâm.

Đến đây tạm xong điều nghĩ thứ ba.

Trong khi nghĩ về tri-ký, đã nặng-nề vì phán đoán, nặng-nề vì lý luận. Vạy thì, điều nghĩ thứ tư, chúng ta hãy cởi mở ý nghĩ cho nhẹ-nhàng hơn. Chúng ta nghĩ vui vui về "Thệ ước trong truyện Kiều".

4. Thệ ước

Đọc truyện Kiều, chúng ta thấy việc thề bồi trong truyện cũng rất nên thơ mà cũng rất nên quan-trọng. Chúng ta muốn nghĩ rằng Nguyễn Du đã thi-vị-hóa, thệ-ước và quan-trọng-hóa việc thề-nguyên trong tác-phẩm của mình.

Khảo cứu mà thấy rằng việc thề thốt xưa nay, trong xã-hội cũng có một lịch-sử, một lịch-trình khá phiền-phức và có hàm chứa một tâm-lý, một triết-lý khá sâu xa.

Việc thề bồi cũng tùy hoàn-cảnh xã-hội, tùy sự-khiến sinh-hoạt mà biến đổi ý-nghĩa, biến đổi thể-thức; nhưng chung qui, chánh-cốt vẫn là gìn-giữ vẫn là bắt buộc đương-sự phải trung thành với lời hứa, trung thành với trách-nhiệm.

Chúng ta gác bỏ ra những thệ ước khác không liên hệ đến chuyện hôn nay, mà chỉ nghĩ về việc thệ-ước ái-ân trong tình đôi lứa.

Ở xã-hội nước Tàu và nước ta xưa, con trai và con gái yêu nhau muốn giữ cho tình yêu trọn vẹn, luôn luôn bắt buộc nhau thề-thốt.

Tiêu biểu cho những cuộc thề non hẹn biển này, phải kể việc Đường Minh-Hoàng thề với Dương qui-phi.

Đêm đó là đêm thất-tịch, trăng mờ mưa quạnh. Cảnh Trường-sanh-diện tự nhiên thấy lạnh-lẽo cô liêu. Ông quân-vương tuyệt-thế phong-lưu và nàng giai-nhân tuyệt-thế khuynh-quốc, đủ điều kiện ưu-dãi hơn hết trong thiên-hạ, mà tự-nhiên cũng thấy lo sợ cho mối tình của mình sẽ dở-dang như mối tình của Ngưu-lang và Chức-nữ. Bèn nghĩ đến việc thề-bồi. Họ thề rằng: "tại thiên nguyên tác từ đực điều; tại địa nguyên vì liên lý chi". Chuyện này về sau trở thành điển cố "như chim liền cánh,

như cây liền cành" phổ biến trong văn-chương, trong tình sử.

*Tranh ti dục nhìn ra chim nọ
Đồ liền chi lân dờ hoa kia
Chữ đồng lấy đó mà ghi
Mượn điều thất tịch mà thề bách niên*

Truyện Kiều cũng như mọi tác-phẩm văn-chương, mọi tình sử khác, cho nên cũng có việc thề bồi.

Đêm đó là một đêm gió mát trăng thanh ở Lâm-thúy-hiền, đêm hội-ngộ đầu tiên của đôi người giải-nhân tài-tử. Đối với tình yêu, hoàn cảnh luôn luôn có dự phần ảnh-hưởng và góp ý a-tòng. Đêm thất-tịch ở Trường-sanh-điện là một đêm mưa gió sục-sùi thì trái lại, đêm tình-tự ở Lâm-thúy-hiền là một đêm gió trăng êm-ái.

*Nhật thừa gương rọi đầu cành
Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh hắt hiu...
Gót sen sẽ động giấc hòe
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần...
Sinh rằng gió mát trăng trong
Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam*

Hoàn cảnh đó dễ xúc động cho chàng Kim lần-khân sàm-sỡ, thì lại càng dễ khiến cho nàng Kiều "đề cao cảnh giác" mà nghĩ đến chuyện thề-nguyên: "góp lời phong-nguyệt, nặng nguyên non sông."

*Nàng rằng khoảng vắng đêm trường
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa
Bây giờ tỏ mặt đôi ta
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao*

Vì Nàng Kiều lo sợ cho đêm gặp gỡ đó sẽ thành một đêm chiêm bao, mà mộng đẹp sẽ biến thành mộng ảo, cho nên nàng Kiều đã bắt buộc chàng Kim thề ước, bắt buộc chàng Kim trần thiết lễ thề nguyên:

Đài sen nổi sập lò đào thêm hương

Rồi thì:

*Tiền thệ cùng tháo một chương
Tóc mây một mái dao vàng chia đôi*

Họ bắt ông trăng làm chứng nhân cho họ:

*Vàng trắng vàng vặc giữa trời
Đình ninh hai mặt một lời song song
Tóc tơ căn dặn tắc lòng
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương*

Xong, họ uống chung với nhau một chén rượu. (Rượu uống mà thôi, không có thích huyết như lối thề phong kiến hay lối thề kết nghĩa của đám hảo-hồn lục-lâm)

Chén hà sánh giọng quỳnh-tương

Uống xong chén rượu đồng tâm thì họ lấy giải lụa đồng-tâm thắt mối, soi vào gương, nhìn đôi bóng say-sưa cuộn tỏa trong làn hương khói:

Giải là hương lộn, bình gương bóng lờng

Những vật kỷ-niệm lặt-vặt trong đêm đó đã được nàng Kiều gói gắm, trân-trọng giữ-gìn, và phong-cảnh êm-đẹp trong đêm đó đã được nàng Kiều khắc ghi vào tâm khảm cùng với lời trăm năm tạc một chữ đồng.

Món tóc thề, nàng cắt ở mái đầu, mảnh hương nguyên cháy dở, chén vàng uống chung, và bóng trăng đã chứng giám cho lời minh-thệ.

Hễ có dịp nào nhớ đến người xưa thì nàng không quên nhắc lại. Nàng đã nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu bận, suốt mười-lăm-năm lưu lạc đời nàng.

Chúng ta thử đếm:

1. Trăng thề còn đó tro tro
Đám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng
2. Đã nguyên hai chữ đồng tâm
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai
3. Thề hoa chưa ráo chén vàng
Lối thề thôi đã phụ-phàng với hoa
4. Biết bao duyên nợ thề bồi
Kiếp này thôi thề thì thôi còn gì
5. Tái sinh chưa dứt hương thề
Làm thân trâu ngựa đến nghè trúc mai

6. Chén vàng với bức tờ mây
Duyên này thì giữ vật này của chung
7. Mất người còn chút của tin
Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa
8. Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin xuân luống những rày mong mai chờ
9. Nhớ lời nguyện ước ba sinh
Xa xôi ai có biết tình chàng ai

Và đây là lần thứ mười:

10. Tóc thề đã chấm ngang vai
Nào lời non nước, nào lời sắt son

Trên đó đúng là mười lần, chính nàng Kiều nhắc lại lời thề xưa hẹn cũ, để làm tăng thêm tình sự nhớ-thương.

Bởi vì biết là nàng Kiều rất trọng lời hẹn thề như vậy, cho nên đến hồi tái-hợp, Thúy-Vân và chàng Kim-Trọng, sau khi ép uống nhiều lần, nàng không thuận, bèn đánh vào chỗ yếu của nàng mà nhắc lại lời thề.

Chúng ta lại đếm tiếp:

11. Còn duyên may lại còn người
Còn vành trăng cũ còn lời nguyện xưa
12. Chàng rằng nói cũng lạ đời
Dấu lòng kia vậy còn lời ấy sao
13. Một lời đã trót thâm giao
Dưới đây có đất trên cao có trời
14. Dấu rằng vật đổi sao dời
Từ sanh cũng giữ lấy lời từ sanh

Và còn đây, là lần thứ mười lăm:

15. Xót người lưu lạc bấy lâu
Trường thề thốt nặng cũng đau đớn nhiều

Trích lấy hết vừa đúng 15 câu, đủ với số 15 năm định-mạng của nàng Kiều, để chúng ta thấy rằng, việc thề ước, coi vậy, mà rất quan hệ đối với đời tình ái.

Bởi nàng Kiều thích nói chuyện thề bồi, thích giữ-gìn lời ước thề, tin cậy ở lời thề thốt, cho nên cũng dễ bị lật-lừa, dễ bị gạt-gẫm vì lời thề: Đối với bọn tán tận lương tâm, vô-sở-bất-chí như bọn Tú Bà Sở Khanh, Bạc Hạnh mà nàng cũng đòi thề thốt rồi mới tin lòng. Vì thế mà nàng đã phải hơn một lần thất vọng mà kêu than:

*Nàng rằng thề thốt nặng lời
Có đâu mà lại ra người hiểm sâu*

Vì quá tin-tưởng đến thất-vọng ê-chê, cho nên nàng Kiều cũng rất ghét giận những con người phản phúc và nàng quyết xử thẳng tay không chút xót thương những ai đã phản bội lời thề:

*Lệnh quân truyền xuống khai đao
Thề sao thì lại cứ sao gia hình*

Lời thề, coi vậy, xin ai đừng tưởng không can hệ đến đời người, trong khi xử thề tiếp vật.

Bây giờ, thế-hệ mới yêu nhau, trong những cuộc tình đầu duyên sớm, không biết có tỏ chức ra cuộc hẹn ngọc thề vàng đó nữa hay không. Nếu còn có, thì tất cũng phải tỏ-chức theo đời sống mới, theo lối hiện-sinh chứ có lẽ nào giữ mãi ước-lệ và thề thức trăm năm xưa được nữa. Không biết có hay không có. Mà một độ, đã lâu rồi, chúng ta nghe nhiều đến danh-từ "suối tóc thề".

Suối tóc thề, là một lối để tóc, không biết đúng nó như thế nào. Duy danh định nghĩa, căn cứ theo câu thơ Kiều

Tóc thề đã chấm ngang vai

Thì là lối cắt, để cho mái tóc mây óng mượt buông xoã xuống bờ vai. Chắc đó là một lối cắt tóc, chứ không phải vì thề bồi mà cắt. Cho nên, chúng ta lại còn nghe có danh-từ "diện tóc thề".

Dấu đứng dấu không, câu thơ Kiều đã cho chúng ta một hình ảnh dụ-dàng, một dáng áp mí-miêu, chúng ta mới thấy thơ truyện Kiều đã có ảnh-hưởng đến sinh-hoạt xã-hội, đến tâm-lý nhân-dân chúng ta sâu rộng đến thâm biết bao nhiêu.

5. Một cuộc gặp gỡ hòa hài

Thưa liệt-vị thánh-giả,

Thưa các bạn cùng thế-hệ và không cùng thế-hệ,

Nhân nhắc đến những lời thệ-ước, chúng ta cũng muốn có một lời thệ-ước đối với người xưa và người sau, coi như là điều nghĩ thứ năm, điều nghĩ sau chót, trong buổi thuyết trình.

Truyện có câu :

*Hoàn trong cựu-lai-ý
Liên cập nhân-tiền-nhân*

Cựu-lai-ý là thi-hào Tô-như-tử, mà nhân-tiền-nhân là chung cả thế-hệ chúng ta

*Hãy đem tình kiếp trước
Thương lấy kẻ về sau*

Tâm sự người kiếp trước đã gởi-gắm ở chúng ta, của tin còn một chút này, gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình. Truyện Kiều đối với chúng ta quả là một cuộc gặp gỡ hòa hài, là một nhân duyên tạo ngộ là một cuộc dân-tộc trùng-phùng.

Là một cung đàn đồng-điệu, một cuộc cốt nhục đoàn-viên, cũng là một suy tư thâm-trầm, một cảm-thông tha-thiết của giống nòi. Vậy thì, gìn giữ tâm-sự đó của tổ tiên mà chúng ta coi như một món hương-hỏa lưu-truyền cho con cháu, là bổn phận chung cho cả thế-hệ hôm nay. Có nghĩ đến điều đó, chúng ta mới thấy cảm động băng-khuâng, mới thấy khắc-khải bồi hồi.

Da thịt chúng ta bỗng nghe thấy xao-xuyến rạo rức bởi tình đồng bào máu mủ, tâm hồn chúng ta bỗng nghe thấy cảm nhiệm bản-khoản bởi hồn thiêng liêng của đất nước quê-hương.

Chúng ta đã gặp nhau chung ở một giao-điểm trong tác-phẩm *Đoạn trường tân Thanh*, đề ý thức rõ ràng hơn cảnh-ngộ và số phận của mình.

Có nghĩ đến điều đó, chúng ta mới thấy yêu thâm-thiết hơn và càng trân trọng hơn áng văn-chương trác-tuyệt, tâm-huyết của tiền-nhân gởi lại cho chúng ta.

Đề thay cho lời kết luận, đề thay cho lời thệ ước, có câu đối tạp cú mượn toàn lời thơ của chính tác-giả *Đoạn trường tân thanh* mà chúng ta muốn coi như là những lời di-chức, đề tưởng niệm thi-nhân, dâng lên anh-hồn người quốc-sĩ :

NHỮNG ĐĂNG TÀI HOA, GIÁ NGỌC CÀNG CAO TRONG BUỔI MỜI
MỘT THIÊN TUYỆT BÚT, CÀO THƠM LÀN DỜ NHỚ NGƯỜI XƯA



L.M. Thanh.Lãng diễn-thuyết về *Đoạn Trường Tân Thanh*

L.M. THANH LĂNG
Trưởng Ban Văn-chương Việt-Nam
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

**nguyên-du như là một huyền thoại
hay thơ văn chữ hán của nguyên-du như là chứng
nhân sự phản ánh cuộc đời hiện thực kỳ quái của ông
trong đoạn trường tân thanh ***

Nguyễn-Du sinh-năm 1765 và mất ngày 10 tháng 8 năm 1820, chỉ thọ có 55 tuổi.

Cái con người sinh cách đây 200 năm và chỉ sống vồn vẹn có 55 năm ấy, đã trở thành một huyền thoại, một-hiện-tượng-kỳ-quái-ở-giữa-đời.

Thực vậy buổi bình sinh, Nguyễn-Du đã phải lết ở giữa đời một hiện hữu quái gở, trong thái độ căm lạng. Nhưng trước khi chết, Nguyễn-Du đã rít lên một tiếng kêu đứt ruột và chiếu hắt lên không gian và thời gian một bóng người ghê sợ. Và từ cái ngày được chiếu hắt lên như vậy, cái bóng người ghê sợ với tiếng rên rì não nề ấy luôn luôn là lướt, chấp chòn, gây nên không biết bao nhiêu là nồn nao giữa lòng xã-hội.

Trong buổi nói chuyện này chúng tôi sẽ lần lượt dựa vào thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du để phanh phui cái hiện hữu quái gở của ông rồi lại đi tìm trong tác phẩm *Đoạn-trường tân-thanh* cái bóng người quái gở Nguyễn-Du đang chiếu hắt lên giữa đời kia đã gây nồn nao trong lòng xã-hội ra sao.

PHẦN THỨ I

Nguyễn-Du, một hiện-hữu quái-gở.

Trong khá lâu, để tìm hiểu CON NGƯỜI Nguyễn-Du, người ta hầu như đã chĩa vào "Khúc Tình ca đứt ruột"—vin vào câu 'Văn là người'—

* Bài thuyết-trình của L.M. Thanh-Lăng tại Nhà Văn-Hóa Sài-gòn ngày 10-10-1965, trong Tuần lễ Kỷ-niệm Nguyễn-Du, từ 3-10 đến 10-10-1965.

mà suy đoán ra CON NGƯỜI Nguyễn-Du, rồi lại đi từ " Con người được suy đoán ấy ", để mà "lại giải thích lại" khúc Tinh ca đứt ruột của ông.

Công việc làm từ trước tới nay, theo chiều hướng ấy, không phải là không có nền tảng, nhưng vẫn có nhiều tính cách mơ hồ. Thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du mới tổ cáo thực chất quái gở của cuộc đời Nguyễn-Du. Ông hầu như là người duy nhất không nói những cái người khác đã, hay sẽ nói và cũng không nói bằng ngôn ngữ giống người khác.

Con người thực chất của Nguyễn-Du là tất cả những cái quái gở bị đát, mâu thuẫn ày và có lẽ tâm sự của Nguyễn-Du phải suy đoán từ đây chứ không hẳn như người ta nghĩ từ xưa đến nay.

Từ xưa người ta cho rằng Nguyễn-Du u uất vì mang mối tình với nhà Lê mà miễn cưỡng phải sống cuộc đời hôn nhân giả tạo, ngoại tình với triều Nguyễn. Thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du là nhật-ký hàng ngày của đời Nguyễn-Du.

Trong suốt cả sự nghiệp thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du không có một nét nào cho ta thấy ông ghét Nguyễn và thương Lê. Ngay đến nhà Tây Sơn, Nguyễn-Du còn chẳng tỏ vẻ gì thù ghét, hướng hồ là triều Nguyễn. Chẳng những nói đến hàng thân nhà Tây-Sơn, Nguyễn-Du không dùng lời nặng nhẹ mà còn dùng lời lẽ rất thanh-bình, tôn-kính :

Tây-Sơn chừ thân mãn tóa tận khuyh đảo

mà Nguyễn-Du còn đi ăn yến dự tiệc với các quan Tây-Sơn như ông đã mô tả trong Long-thành cầm giả ca.

Hơn thế, khi Tây-sơn thất bại, Nguyễn-Du còn như cảm thấy đau đớn, tiếc thương : Ông không có vẻ gì muốn nhìn sự tiêu diệt nhà Tây-Sơn như là một thành công, một giải thoát.

Tây-Sơn cơ nghiệp tận tiêu vong

Ngược lại, khi nhìn thấy tất cả cái cơ nghiệp vĩ đại của nhà Tây-Sơn chỉ còn để lại có mỗi một ca sĩ già, Nguyễn-Du đau lòng nước mắt ướt cả áo :

*Thành quách suy đi nhân sự cải
Kỳ xứ tang diên biến thương hải
Tây-Sơn cơ-nghiệp tận tiêu-vong
Ca vũ không đi nhất nhân tại
Thuần trực bách niên năng kỳ thì
Thương tâm văn sự lệ triêm y*

(Long thành cầm giả ca)

Ấy đối với Tây-ôn đã từng giết hại cả thân thích của mình, Nguyễn-Du còn chẳng có vẻ gì ghen ghét mà hầu như còn có vẻ tiếc thương, hướng hồ đối với nhà Nguyễn. Thực ra, trước khi Nguyễn-Ánh diệt được Quang-Toàn, Nguyễn-Du đã chạy vào Nam như muốn hợp tác với chúa Nguyễn. Có lẽ chính vì thế mà năm 1796, Nguyễn-Du bị Quang Toàn bắt giam hơn ba tháng ở Nghệ-An.

Như vậy cái ức thuyết cho Nguyễn-Du hoài Lê hầu chắc là không có nền tảng. Là người đồng thời với Ngô Thời-Chí, tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí*, Phạm Đình-Hồ, tác giả *Vũ Trung tùy bút* và *Tang thương ngẫu lục* Nguyễn-Du không thể có tư tưởng hoài Lê phản động như vậy được.

Hai tác giả này, đều đã vẽ lại Triều đình vua Lê chúa Trịnh bằng những màu sắc đen tối, đầy giọng kết án.

Vậy thì những tiếng mà Nguyễn-Du dùng để mô tả tấm lòng ân hận chưa làm được công trạng gì để thờ phụng nhà vua, thì là vua nhà Nguyễn chứ không phải vua nhà Lê.

Trong bài Giang đầu tản bộ, ông phàn nàn rằng tuổi đã cao, con cái hàng đàn rời mà chưa trả được ơn vua thì sống có ích gì.

Quyên ai mặc báo sinh hà bđ

Trong bài này ông nói ông đã già, tóc bạc phơ phơ, con cái, trai gái hàng đàn, và có chết cũng đành.

Bạch phát tiêu tiêu cđ đạo bàng...

Nhi nữ thành quần từ bất phượng

(Giang đầu tản bộ II)

Vậy thì lúc làm bài thơ này, ông đã phải đang làm quan với Gia-Long rồi. Còn bài Nam quan đạo-trung là bài ông làm khi vượt biên giới đi sứ Trung-Hoa năm 1813.

Trong bài này, ông cũng có một câu tương tự như trên nghĩa là tự trách mình chưa đền đáp được ơn vua bao la như biển cả.

Quân ân tự hải hào vô báo

Như vậy thì cái tâm sự thâm kín, u uất, mà Nguyễn-Du như ám ức không biết nói với ai, hẳn không phải tấm lòng hoài Lê, mà phải là cái gì thâm thiết, gắn liền với thân phận ông hơn.

Một con người đa cảm như Nguyễn-Du mà lại sinh vào cái thời đa loạn, đàng-điểm như đời Trịnh-Sâm, Đàng-Thị-Huệ và lớn lên trong lòng cái xã hội đang tan rã đến chỗ thối tha, bần thiêu từ Cung vua, Phủ chúa

đến triều đình, quan chức, cho tới thành dân, chú lính, thì làm sao tránh được những sa đọa về sinh lý và tâm lý, ấy là chưa nói đến sa đọa về luân lý đạo đức. Những cảnh quan và lính triều đình đi cướp của dân gian giữa ban ngày, giết người hăm hiếp đàn bà con gái giữa đường phố buổi trưa, những việc quân lính gọi nhà Chúa ra mà mắng tát vào mặt, những cảnh Kiều Bình hòa nhau, đón đường quan đại thần Hoàng-Đình-Bảo, lấy câu liêm khoặc cổ kéo xuống đâm cho chết, những cảnh đói kém người chết đầy đường, đến nỗi người ta phải nấu cháo thịt người để bán cho khách hàng như Phạm-Đình-Hồ đã ghi nhận, tất cả ngần ấy thứ làm sao không đập mạnh vào tâm não người thanh niên đa cảm Nguyễn-Du, lúc ấy chưa đầy hai mươi tuổi.

Thêm vào đây tình-cảnh gia-đình lại thê-thảm : Nguyễn-Du mất mẹ năm 11 tuổi, mất cha năm 13 tuổi và phải ở với một mẹ kế khá cay nghiệt.

Nếu tập nhật-ký *Hận tình* mà Nguyễn-Đình-Ngân mới khám phá ra và quả quyết là của Nguyễn-Du có thật, thì Nguyễn-Du đã có mối tình giang hồ với một cô lái đò tên là Nhật. Hai bên đã thề bồi lấy nhau mà sau này Nguyễn-Du bị bà kế mẫu phá và bắt phải lấy người trong họ hàng của bà. Cô lái đò Nhật kia có phải là cô ca sĩ Cầm mà Nguyễn-Du đã gặp và say mê vào hồi vua Quang-Trung còn sống không?

Dấu sao ta cũng thấy giữa cô ca sĩ Cầm và Nguyễn-Du có những cảm thông thâm kín, sâu xa đã để lại trong đời Nguyễn-Du những yêu thương, si mê, và cả xót xa, tuyệt vọng. Và cuộc đời Nguyễn-Du cũng có cái gì mật thiết lắm đối với các cô gái làm nghề múa hát. Thơ văn chữ Hán của ông nói luôn đến bọn họ với tất cả sự trìu mến, xót xa, ngần ấy thứ cho ta thấy cuộc đời tình ái của Nguyễn-Du không có tính cách bình thường mà, trái lại, có nhiều sự kiện tố cáo những lệch-lạc, giang-giò, đổ vỡ, bi đát ở bên trong.

Thêm vào cái giang giò, tan nát của cuộc đời tâm tư ấy, cuộc đời vật chất của Nguyễn-Du lại càng có lắm cảnh éo le : Nghèo một thứ nghèo bi thảm, lo ngại, chứ không phải cái nghèo ngông đời như cái nghèo của Nguyễn-Công-Trứ, nghèo mà bệnh tật suốt tháng quanh năm, Nguyễn-Du, chưa đầy ba mươi tuổi, đầu đã bạc phơ.

Sống trong một xã-hội mà mọi trật tự xã-hội bị đảo-điên, thân phận con người bị chà đạp đến mức tàn-bạo, mà không một lực lượng nào muốn hay dám lên tiếng phản kháng, Nguyễn-Du càng mang nặng những quan-niệm thân bị của cái xã-hội cổ-truyền đặc-biệt Việt-Nam:

sự bần-khoăn, xao-xuyến về cái mịt mờ của ngày mai, nhất là về cái mịt-mờ, mầu-nhiệm của kiếp sau. Cái ông lo sợ nhất, lo đến chỗ hốt-hoảng là phải làm thân phận cô hồn.

Thực chất của con người Nguyễn-Du xuất phát từ những tâm thức quá gò ầy, chứ không phải tâm-thức hoài Lê như người ta tưởng.

Nguyễn-Du, công-tò-viện kết án xã-hội.

Qua hầu hết thơ văn chữ Hán của ông, khi thì đậm đà, khi thì phảng-phất, Nguyễn-Du hầu như luôn luôn có thái độ phê phán xã-hội cổ kim.

Ông thù ghét và kết-án bạo lực và xảo-quyệt. Dưới mắt Nguyễn-Du, số dĩ các triều đại lần lượt theo nhau suy sụp là bởi các vua chúa tàn bạo xảo-quyệt, muốn dùng chiến tranh để mà thanh-toán nhau cho nên họ đã bị chiến tranh thanh-toán họ :

Cờ-kim vị kiến thiên niên quốc

Hình thế không lưu bách chiến danh

(Vị hoàng danh)

Thiên-niên phú-quí cung tranh-đao

(Thăng-Long II)

sự tàn-bạo đưa đến chiến-tranh, và chiến-tranh đưa đến điêu-linh, tang-tóc :

Phồn-hoa nhân vật loạn lai phi

Huyền hạc qui lai kỳ cá tri

(Ngộ gia đệ cựu cơ)

Chính vì vậy mà khi phê-bình về những nhân-vật lịch-sử, Nguyễn-Du tỏ ra cay nghiệt, phũ-phàng với những gian-thần như Tần Cối hay Tô Tần.

Muốn trừng phạt Tần Cối người Trung-Hoa đã đáp tượng Tần Cối qui bên mồ Nhạc-Vương để những người đến viếng đến Nhạc Phi, ai cũng chửi mắng, tát đánh hai cái tượng vợ chồng Tần Cối.

Theo Nguyễn-Du, trừng phạt Tần Cối như vậy là làm cho Tần Cối được bất-tử như thánh-nhân cho nên cần phải trừng-phạt Tần-Cối bằng hình phạt khác, nghĩa là phải tiêu-diệt Tần-Cối khỏi trí nhớ mọi người.

Đã ghét Tần Cối thế nào, thì Nguyễn-Du cũng ghét Tô Tần hay Tào Tháo như vậy.

Những bọn người ông ghê tởm nhất là bọn giả-hình, gian-đối, mà bọn này xem ra lúc nhúc khắp nơi đây xóm. Ông gọi bọn họ là beo,

là sói, là lợn lòi, là quí-quác, là rồng, là rắn, họ xé thịt nhai xương đồng loại ngọt xót như đường.

Trong bài "Ngũ nguyệt quan cạnh độ" Nguyễn-Du đã cho ta biết cảm giác của ông lúc ông xem đua bơi: ông thương việc đời xưa, sợ việc đời nay. Theo ông người ta tò-chức chiêng trống đàn chay để chiêu-hồn người chết trở về cõi đời. Rất may là chiêu hồn mà hồn chẳng có về chứ như hồn mà về thì rất nguy-hiềm, vì biết nương tựa vào đâu để mà về và để làm gì ở cái cõi đời đầy rẫy rắn rồng, quí, quác này?

*Mãn giang tranh cạnh thái vô đoan
Yên ba điều điều không bi oán
La cở niên niên tự tiểu hoan
Hồn nhược qui lai dã vô thác
Long xà qui quốc biến nhân gian*

(Ngũ nguyệt quan cạnh độ)

Ý-trường đen tối của bài "Tháng Năm xem đua bơi" cũng là ý-trường của bài "Phân chiêu hồn". Trong lúc thiên hạ lập đàn chay chiêu hồn về, Nguyễn-Du cũng thấp hương khấn vái như bảo hồn đừng có dại mà quay trở về trần gian:

*Hồn hỡi hồn sao không về chớ
Khắp phương trời, không chỗ tựa nương.
Lên trời xuống đất hết đường
Mà thành Yên, Sinh chớ mừng về chôn.
Thành quách thế... nhân danh khác hẳn
Bụi bay trông như bản áo người
Vênh vang xe cộ lâu đài
Đứng ngồi bàn tán sánh vai Cao, Qui.
Họ ngoài mặt không thờ nanh vuốt
Cấu xé người nhai nuốt ngọt ngon
Hò Nam kia mấy trăm chòm
Gãy còm xơ xác không còn thịt da
Nếu hồn cứ thiết tha lối trước
Sau Tam-Hoàng không được hợp thời
Chi bằng sớm liệu châu trời
Chớ về đây nữa mà người quở quang.
Đời sau, họ Thượng quan hết thấy*

*Khắp nơi nơi dòng chảy Mịch la
Cá không rìa hàm chẳng tha
Hồn ơi, hồn hỡi biết là làm sao¹*

(Phân chiêu hồn)

Nhưng, dưới mắt Nguyễn-Du, sự tàn-bạo, tuy đáng ghét, nhưng có lẽ không ghê tởm cho bằng sự thờ-ơ, lãnh-đạm đối với đau khổ của đồng loại. Trong nền văn-học cổ-điển, Nguyễn-Du là nhà văn thứ nhất và độc nhất đặt ra vấn-đề xã-hội, tức sự chênh-lệch đáng nguyền rủa các tậ-đoan xã-hội.

Trong bài "Người hát rong ở châu Thái-bình", Nguyễn-Du đã vẽ cái cảnh tương-phản đáng nguyền rủa ấy: một bên là người lão già hát rong đến hầu tiệc cho bọn quyền quí, hát xúi bọt mép, đàn rã rời tay chân để mua vui cho thực khách mà chỉ được thù lao bằng năm sáu đồng tiền; một bên là bọn quyền quí ngấy ăn bên bàn tiệc ngập ngựa đồ cao-lương mĩ-vị, cơm thịt chất cao như núi, mà khách không thèm ăn phải đồ xuống sông xuống rãnh.

Trong bài "Sở kiến hành", Nguyễn-Du vẽ cảnh hai mẹ con thơ, đói khát, sắp bỏ xác ngoài vỉa đường cho heo sói xé thịt nhai xương đang khi trên bàn tiệc ở phủ đường linh-đình bữa bãi đủ thứ gân hươu, vây cá, thịt lợn, thịt dê đầy bàn, chẳng những các quan lớn không muốn ăn mà ngay cả bọn tùy-tùng cũng chẳng thèm chộp đĩa.

Nguyễn-Du đã kết bài ca của ông bằng bốn câu thơ đầy bi-thương gián-tiếp nói lên nỗi hận-thù của ông đối với xã-hội:

*Bát khí vô cố tích
Lân chu yếm cao lương
Bất tri quan đạo thượng
Hữu thử cùng nhi nương*

(Sở kiến hành)

Nguyễn-Du, thi-sĩ của những niềm tin dị-biệt.

Đọc văn thơ Việt-Nam về thời-đại cổ-điển (từ thế-kỷ XIII cho đến năm 1862), chúng ta thấy các văn thi-sĩ Việt-Nam đều sáng-tác dưới sự thúc-đẩy của một trong ba nguồn cảm hứng sau đây: Phật, Lão, Nho. Có những người lấy nguồn cảm hứng duy nhất ở Nho giáo như

¹ Bản dịch của Bùi-Kỷ, *Thơ chữ Hán Nguyễn-Du*, tr. 122.

Nguyễn-Trãi ở thế-kỷ XV, hay Nguyễn-Công-Trứ, Nguyễn-Đình-Chiều ở thế-kỷ XIX; có những người khơi nguồn thơ ở lý-thuyết Lão Trang như Nguyễn-Bình-Khiêm thế-kỷ XVI, hay tác-giả *Bích-Câu Kỳ-Nghệ* ở thế-kỷ XIX; có những người đi tìm chất thơ trong quan-niệm luân-hồi giải-thoát của Phật-giáo như Nguyễn-Gia-Thiều ở thế-kỷ XVIII hay tác-giả *Quan-Âm Thị-Kinh* ở thế-kỷ XIX.

Nhưng Nguyễn-Du là nhà thơ duy nhất đã tiếp thu, trong một sự điều-hòa kỳ-diệu, ngoài ba nguồn cảm-hứng cổ-điển Phật, Lão, Nho, cả những niềm tin dân-gian cổ-truyền đặc-biệt Việt-Nam.

Là một môn-đệ của Lão Trang, Nguyễn-Du đã đề lộ tinh-cách nghệ-sĩ, ra cuộc đời thần-tiên thoát-tục, qua rất nhiều bài thơ chữ Hán của ông. Những bài thơ biểu-lộ chí-hướng Lão Trang của Nguyễn-Du hơn cả có thể là những bài như *Ký-hữu*, *La-phù giang thủy các độc-toạ*, *Đại-tác cửu thú tư qui I*, *Mộ xuân mạn hứng*.

Thực vậy, trong bài gửi bạn (*Ký hữu*), Nguyễn-Du thò-lộ rằng: Bởi con người sinh ra chẳng phải để trời buộc vào nghiệp quan lại cho nên còn sống ngày nào ông còn hy-vọng có ngày được hưởng thú săn bắn, hay nằm khênh nơi cửa sổ, buông hồn theo giấc mơ không muốn phải bận tâm vì việc đời:

*Hữu sinh bất đãi công hầu cốt
Vô tử chung tâm thì lộc minh
Tiển sát bắc song cao ngoại giả
Bình cư vô sự đảo hư linh*

(*Ký hữu*)

Trong bài *La phù giang thủy các độc toạ*, Nguyễn-Du nhìn thấy cuộc đời chẳng qua chỉ là giấc chiêm bao và việc đời thăng trầm như sóng biển:

*Cần cần lãng hoa phù cổ cầm
Trần thế bách niên khai nhãn mộng*

(*La phù giang thủy các độc toạ*)

Trong bài *Đại tác cửu thú tư qui*, Nguyễn-Du có một quan-niệm rất đen tối về vinh hoa, danh lợi mà ông cho là áo gấm đi đêm, huyền ảo ở ngoài thân mình, là ánh mây buổi sáng mau tan, cho nên ông chỉ ao ước được làm thân lũ thú trên đường trường:

*Thiên lý ly gia lữ mộng tri
Dạ tú vinh hoa thân ngoại huyễn
Triều vân danh lợi nhữn tiên phi*

(*Đại tác cửu thú tư qui*)

Mà bởi đã nhìn đời bi quan như vậy cho nên ông mong mau mau được thoát ra ngoài vòng hữu hình để theo học đạo thần tiên:

*Trắc thân bất xuất hữu hình ngoại,
Thiên tuế trường ưu vị tử tiên.
Phù lợi vinh danh chung nhất tán
Hà như cập tảo học thần tiên*

(*Mộ xuân mạn hứng*)

Nếu môn đồ của Lão giáo gặp thấy ở Nguyễn-Du một người đồng-đạo sốt-sắng, thì người Phật-tử càng tìm thấy ở Nguyễn-Du một tín-đồ say-mê lý-thuyết của đức Thế-tôn: Kinh Kim-Cương, tức kinh Phật, chẳng những ông tụng niệm, chiêm ngưỡng một hai lần mà là có tới hơn ngàn vạn lần:

Ngã độc Kim-cương thiên biến linh

(*Lương Chiêu Minh Thái tử phân kinh thạch đài*)

Thực vậy lòng tôn sùng Phật và thái độ tôn-giáo của Nguyễn-Du đã được ông gửi gắm rõ ràng nhất ở hai bài ca: một là bài "*Đề động nhị Thanh ở Lạng-Sơn (Đề Nhị Thanh động)*" hai là bài "*Đài phân kinh của Thái tử Chiêu Minh triều Lương*" (*Lương Chiêu Minh Thái-tử phân kinh thạch đài*). Ở cả hai nơi, Nguyễn-Du đều bộc lộ cái thái-độ tôn-giáo hướng nội của ông, chống lại cái thứ tôn-giáo hình thức, bên ngoài. Trong bài "*đề động Nhị Thanh*" Nguyễn-Du ca ngợi đạo Phật bao la không bờ bến, cho nên không thể hạn định nó vào trong những vật hữu hình chật hẹp: con người Phật-tử chân chính là người có tấm lòng thường định:

*Mãn cảnh giai không, hà hữu tướng
Thử tâm thường định bất ly thiên
Đại sư vô ý diệc vô tận
Phủ thán thành trung đa biến thiên*

(*Đề Nhị Thanh động*)

Những tư-tưởng tôn-giáo hướng nội của Nguyễn-Du đã được ông cô đúc nó lại trong bài "*Đài Phân Kinh của Thái tử Chiêu Minh triều*

Lương". Ta có thể tóm lược đại ý bài ca này như sau :

"Tôi có đến thăm một đài cũ, đồ nát tương truyền là đài xưa kia thái-tử Chiêu Minh đời Lương đã phân kinh. Nghe thì biết vậy chứ chẳng thấy kinh kệ gì ở đài này. Tôi thì nghĩ rằng thái-tử Chiêu Minh, vì tính trẻ, ham văn chương, mới bày đặt ra truyện phân kinh nhà Phật, chứ đạo Phật đã là không thì cần gì có kinh mà phân với chia. Đối với hạng u-mê, vụ hình thức thì Phật chẳng thấy mà rồi chỉ thấy ma... Tôi nghe Đức Thế Tôn thuyết-pháp ở Linh-Sơn.

Nhưng Linh-Sơn, ta phải đi tìm nó ở đâu ?

Linh-Sơn thực chỉ ở tại lòng ta. Cây Bồ đề không phải là cây. Tôi đã tụng kinh Kim-Cương ngàn vạn lần mà ý-nghĩa thâm-trâm đâu có hiểu. Nay đứng dưới đài Phân kinh này tôi mới hiểu kinh "không chữ" mới thật là "Chân-kinh".

Mặc dầu mang chất Lão và Phật đến một mức độ sâu xa như vậy, Nguyễn-Du vẫn được dư luận từ xưa đến giờ coi như là nhà Nho chính thống, ấy là chưa nói đến môn đồ Nho-giáo đã có thể tưởng Nguyễn-Du là một người chỉ thuần túy theo đạo Nho. Thực ra, chẳng những chất Nho giáo được thể hiện trội hẳn ở truyện Kiều về sau này mà ngay ở thơ văn chữ Hán của ông ta cũng thấy ông là một tín đồ thâm-tín của Nho-giáo. Tán mát qua thơ văn chữ Hán của ông, lập trường Nho-giáo của Nguyễn-Du được trình-diễn khi thì đậm khi thì nhạt, nhưng rất minh bạch. Như mọi nho sĩ của thời đại, Nguyễn-Du cũng lấy Trung Hiếu làm đầu, nhưng khi có sự tranh chấp thì Trung phải thắng Hiếu, tổ-quốc phải trên gia-đình :

Thiên địa nhất thân trung dịch hiếu

Phong trần vạn lý quốc vong gia

(Đại tác cửu thứ tư qui)

Vì cho đạo trung là trọng và thiêng liêng, cho nên Nguyễn-Du lúc nào cũng canh cánh bên lòng tấm lòng ân hận chưa đến ơn vua, trả nợ nước.

Trong bài Giang đầu tản bộ, ông tự lấy làm xấu hổ không đáng sống vì chưa đền trả được mây may ơn vua chúa :

Quyên ai mặc báo sinh hà bở

(Giang đầu tản bộ II)

Trong bài Nam quan đạo Trung, ông phàn nàn rằng ơn vua chúa nhiều như biển cả mà chưa báo đáp được gì :

Quan ân tự hải hào vô báo

(Nam quan đạo Trung)

Đã có một quan niệm chân chính về Nho-giáo, chẳng những Nguyễn-Du sống đời sống hằng ngày của ông theo Nho-giáo mà còn dựa vào Nho-giáo để thẩm định các giá trị luân-lý, xã-hội trong xã-hội loài người.

Nếu ông đã nhân danh Nho-giáo kết án Tào Tháo (trong bài Đồng Tước đài) kết án Tô Tần (Tô Tần đình), kết án Tần Cối, thì cũng nhân danh Nho giáo ông đã hết lời ca ngợi những người đã sống theo Nho giáo mà nhất là những người đã chết nhân danh Nho giáo.

Nhân ngắm hòn đá Vọng-Phu, ông đã ngợi khen tấm lòng trinh tiết của người đàn bà :

Vạn kiếp liễu vô vân vũ mạng

Nhất trinh lưu đắc cồ kim thân

(Vọng phu thạch)

Nhân đi qua miếu thờ ba người đàn bà, người thì muốn giữ tiết, kẻ muốn giữ trinh cho nên đã liều thân dầm mình dưới nước, Nguyễn-Du đã tôn xưng họ lên hàng liệt thánh, ca ngợi họ đã giữ trọn đạo tam cương, ngũ thường :

Thiên thu bi kệ hiền tam liệt

Vạn cồ cương thường thuộc nhất môn

(Tam liệt miếu)

Đến như bọn tu mi mà đã đem thân hy-sinh cho đạo cả thì Nguyễn-Du không bao giờ tiếc lời tuyên dương họ.

Qua Trương Đàm, viếng Khuất Nguyên, Nguyễn-Du đã vừa khóc vừa suy tôn Khuất Nguyên : Ông khóc Khuất Nguyên vì cuộc đời Khuất Nguyên đã đau khổ, vì thân xác Khuất Nguyên đã bị rong cá ría ăn hết, nhưng danh thơm Khuất Nguyên còn lưu môn đời :

Tông quốc tam niên bi phóng trục

Sở từ thiên cồ thiện văn chương

Ngư long giang thượng vô tàn cốt

Đỗ nhưc châu biên hữu chúng phương

(Trương-Đàm điệu Tam Lư đại phu)

Viếng Văn-Thiên-Trường, Nguyễn-Du đã có những lời ca ngợi con người bất khuất để đến nỗi bị quân Nguyên giết chết :

*Ai trung xúc xúc mình kim-thạch
Oán huyết qui thời hóa đồ quyền*

(Độ hoài hữu cảm Văn thừa tướng)

Như ông ca ngợi cái chết hy-sinh và anh dũng của Ti-Can (*Ti Can* mệ) thì ông lại chê thái độ dễ dãi, mập mờ của Già Nghị, vì ông này khi bị vua mình ruồng bỏ đã muốn đi tìm vua khác để phụng sự :

*Giả sinh nhất phú đồ vi nhi
Liệt nữ tông lai bất nhị phu
Hà đắc thê thê tướng cứu châu*

(Biện giả)

Như thế, ta nhận thấy Nguyễn-Du đã thực hiện được ở nơi ông sự điều hòa đến chỗ tuyệt vời của ba dòng tư-tưởng Lão, Phật, Nho. Nếu các đạo sĩ nhìn thấy ở Nguyễn-Du một môn đồ nhiệt tín của Lão, thì người Phật-tử cũng thấy ở Nguyễn-Du một giáo hữu chân chính của Đức Phật và nhà Nho cũng hãnh diện có một Nguyễn-Du như là chiến sĩ của đạo Tam-cương ngũ thường.

Có một điều đáng ghi chú là ngoài ba tôn giáo trên, thuộc thành phần tri-thức nhiều hơn, còn một niềm tin hoàn toàn bình-dân, của quảng đại quần chúng, tức lòng tin vào thần thánh ma quỷ và lòng tin ở cuộc sống ở thế-giới bên kia. Như mọi người dân quê Việt-Nam, Nguyễn-Du cũng là một tin đồ của các niềm tin tưởng cổ-truyền dân gian hết sức màu nhiệm, phức tạp. Có lẽ chính những niềm tin bình dân này đã đẩy Nguyễn-Du đến chỗ mang những tâm tình lo sợ hốt-hoảng khi phải nghĩ đến kiếp sau.

Nguyễn-Du, thi-sĩ kiêu-hùng trong bi-đát.

Người ta hay nói đến một Nguyễn-Du, ít nói, như là nhút nhát, bạc nhược. Cái đó có lẽ không đúng. Nguyễn-Du là một giang-hồ kiêu-hùng. Điều này, tác-giả *Đại-Nam liệt-truyện* cũng đã ghi nhận khi ông bảo Nguyễn-Du là con người kiêu-ngạo. Có điều ở người khác sự kiêu-hùng là sự kiêu-hùng ngạo-nghe, còn sự kiêu-hùng của Nguyễn-Du là sự kiêu-hùng bị bẽ gãy, bị tàn-phá, chịu thua...

Hai lần, Nguyễn-Du nói đến tâm thần cao ngất ngưỡng của ông, cao sáu thước, nhưng khốn nỗi cao mà không có đất đứng cho nên bị chìm ngimm giữa vòng trời đất bao la :

Lục xích phù sinh thiên địa trung

(Mạn hứng 11)

Thần cao mà không có chỗ nương tựa, phải đứng cô đơn giữa trời đã là đau thương, đàng này lắm khi cái thần cao ngất ngưỡng ấy lại bị câu thúc, nô lệ, tưởng như bị dè dít xuống, gãy vụn nát

Lục xích cầu mi trường dịch dịch

(Ngẫu hứng 11)

Nói về mình Nguyễn-Du toàn dùng những hình ảnh kiêu-hùng nhưng bi-đát thảm-bại. Trong bài Tống Nguyễn-Sĩ hữu nam qui, Nguyễn-Du đã mượn hình ảnh chim phượng-hoàng gãy cánh bị nhốt trong chiếc lồng mục nát để nói lên cái chí hướng rã rời của ông :

Bình sinh văn thái tàn lung phượng

(Tống Nguyễn-Sĩ hữu nam qui)

Trong bài Tập ngâm I ông đã mượn hình ảnh cây cỏ tùng cao trăm thước ngất ngưỡng một cách cô đơn trước giếng bão phủ-phàng :

Đình thực cô tùng cao bách xích

Bất tri thanh đế nại nhân hà.

Chẳng những Chúa xuân, trời đất phải khó chịu về sự kiêu hùng của ông mà chính ông lắm khi cũng lấy làm cực vì nó, nhưng rồi ông cũng thấy kệ nó, coi đầy như là số mạng bi-đát. Như thân hạc, đã trót sinh ra có đôi cánh cao ngất ngều không ai có thể cắt bớt đi được, Nguyễn-Du cũng phải cay đắng mà chấp nhận sự kiêu hùng phủ-phàng trời đã phú cho ông :

Tinh thành hạc hình hà dung đoan

Mệnh đẳng hồng mao bất tự tri.

Như vậy, ta thấy Nguyễn-Du lúc nào cũng như bất rất vì cái chỗ đứng không phải chỗ của ông : người ông to mà chỗ đứng hẹp, thân ông cao mà phải giam hãm trong chiếc lồng thấp : Nguyễn-Du sinh lạc thế-kỷ, lưu vong giữa những xa lạ của người và vật.

Nói cách khác, Nguyễn-Du khi nhìn vào mình, tự nhận thấy mình là đang bị trời buộc, bị tàn phá, chịu thua.

Cái bi-đát nhất ở nơi Nguyễn-Du là ông kiêu hùng bằng một kiêu hùng cảm điếc. Gia-đình Nguyễn-Du, đã hầu hết chết vì Tây-Son, và

chính thân ông đã từng tham gia chống Tây-Sơn và có lúc ngồi tù hàng tháng. Giá như người ta, thì Nguyễn-Du đã kể lẽ công-trạng để bắt Gia-Long chia cho ông thành công của cách mạng. Đàng này không, Nguyễn-Du cảm điếc. Càng gặp người trên, càng khi người trên ấy là vua chúa, Nguyễn-Du càng cảm điếc. Cái kiêu hùng cảm điếc ấy mới thật là cái kiêu hùng của con người hùng, một sự kiêu hùng bi-đát, thê-thảm.

Nguyễn-Du, thi-sĩ của tiếng đàn tuyệt vời.

Nguyễn-Du là một nghệ-sĩ có một tâm hồn tế-nhị, mỏng-manh như một đường-tơ căng thẳng, một hơi thở nhẹ của thiên nhiên vạn vật cũng khiến cho đường-tơ ấy rung lên rộn-ràng, xốn xang tận đáy lòng và bật lên thành tiếng, tiếng ấy có khi là lời thơ, có khi là tiếng đàn, cung địch.

Nhiều bài thơ chữ Hán cho ta thấy ông là một nhạc-gia đã từng thổi sáo, chơi đàn và cất tiếng hát véo-von, nhất là trong buổi thiếu thời:

Chính trong cái cảnh nên thơ của La-Phù, Nguyễn-Du đã xúc-động nước mắt lã-chã tuôn rơi trên cỏ bông khi mà gió thu lạnh-lẽo như từ dòng nước sông khơi lên và hai đàng mây vàng, nước trắng soi lẫn nhau; tiếng sáo và tiếng đàn của Nguyễn-Du đã rung lên não ruột.

*Nhất lệ thiên nhai sái đoạn hồng
La phù giang thượng khởi thu phong
Hoàng vân bạch thủy lưỡng tương chiếu
Cấp quả bi ti vạn bất đồng*

(Ngẫu hứng II)

Thực vậy, ở buổi thiếu thời Nguyễn-Du đã hát nhiều:

*Hà đắc cường ca tự thiếu niên
(Dạ tỳ)*

Chẳng những Nguyễn-Du tự đàn sáo giỏi mà còn say mê thưởng thức ca nhạc: ông yêu thích cả tiếng hát bình dân nơi thôn xóm:

*Thôn ca sơ học tang ma ngữ
(Thanh minh ngẫu hứng)*

Chẳng những Nguyễn-Du cảm tiếng nhạc của loài người, mà còn say sưa cả tiếng rên rỉ của loài vật:

*Phạ hữu thanh thanh trường đoạn viên
(Minh giang chu)*

Tiếng ngân của hơi văn chương yếu đuối như sợi tơ:

*Văn chương tàn tức nhược như ti
(Chu-hành tức sự)*

Nhưng ngòi bút của Nguyễn-Du đã trở nên vô cùng kỳ diệu ở hai bài Thái-bình mại ca giả và Long-thành cảm giả ca. Ở cả hai bài, ngoài việc mô tả sự bi-đát của tiếng đàn, Nguyễn-Du còn mô tả cái thân phận tàn tạ, bi-đát của các ca sĩ.

Người ca-sĩ già ở châu Thái-bình là một người mù lòa, hát rong để xin ăn; ông vừa múa vừa hát, giọng du-duương êm tai, khiến cho ai nấy như bị thôi miên, điếng chết:

*Mại ca khát tiền cung thân xuy
Lân chu thời hữu hiêu âm giả
Khiên thư thượng dẫn thuyền song hạ
Thử thời thuyền trung ám vô đăng
Khí phạn bát thủy thù lang tạ
Mô sách dẫn thân hương toạ tháp
Tái tam cử thủ xưng đa tạ
Thử văn huyền sách khâu tác thanh
Thả vũ thả ca vô tạm đình
Thanh âm thù dị bất đắc biện*

*Chu từ tả tự vị dư đạo:
Thủ khúc Thê-dã chỉ Kiến thành
Quan giả thập số tịnh vô ngữ.
Dân kiến giang phong tiêu tiêu giang nguyệt minh
(Thái bình mại ca giả)*

Nghệ thuật đàn của Nguyễn-Du đến Long thành Cảm giả ca đã đến mức tuyệt diệu: đó là tiếng hát của cô gái trẻ, có vẻ đẹp say sưa, có bộ điệu thơ thần, duyên-dáng, dễ yêu. Tiếng nàng lúc chậm như gió lướt nhẹ qua đám rừng thông, lúc trong như giọng đôi chim hạc kêu giữa đêm trường, có lúc mạnh như tiếng sét đánh vỡ bia Tiến Phúc, có lúc ai oán như giọng Trang Tích rên rỉ trong lúc đau ốm:

*Hoãn như sơ phong độ tùng lâm
Thanh như song hạc minh tại âm*

*Liệt như Tiên phúc bi đầu toái tích lịch
Ai như Trang Tích bệnh trung vi Việt ngâm*

(Long thành cầm giả ca)

Ranh giới ở giữa người hát rong già, ở châu Thái Bình và người ca-sĩ ở Long thành với Nguyễn-Du quả thực không biết đâu xác định: trong người hát rong già và người nữ ca sĩ trẻ có bao nhiêu Nguyễn-Du hay trong Nguyễn-Du có bao nhiêu là người hát rong già và bao nhiêu là người nữ ca sĩ trẻ, ta thực khó mà ước-định. Ranh giới hầu như đã bị xoá hẳn: họ là Nguyễn-Du — hay Nguyễn-Du là họ, thiết tưởng cũng không sai lắm.

Nguyễn-Du, thi-sĩ của tình yêu tuyệt-vọng.

Trong *Nghiên-cứu Văn học*, số 6, năm 1960, Nguyễn Đình-Ngân có nói là đã khám phá ra tại Thư-viện Huế một di cảo của Nguyễn-Du nhan đề là *Tình Hận*. Theo Nguyễn-Đình-Ngân, thì tập di-cảo *Tình Hận* là tập hồi ký trong đó Nguyễn-Du đã ghi lại mối tình đầu của ông. Theo đó, thì Nguyễn-Du đã vương mối tình đầu với một cô lái đò giỏi hát và hai bên đã đính ước thề bồi sẽ lấy nhau. Nhưng sau này, Nguyễn-Du đã bị mẹ kế ép lấy vợ khác. Mối tình đầu tan vỡ này đã để lại nhiều thiều não trong đời Nguyễn-Du.

Ta chưa có tài liệu nào để kiểm chứng điều trích dẫn của Nguyễn Đình-Ngân. Nhưng thơ văn chữ Hán của ông cũng tỏ cáo một phần nào cái đời tâm tư giang-giò, bi ai của ông. Thực vậy, thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du đưa ta đến mấy nhận định sau đây:

- Nguyễn-Du toàn tỏ cảm tình, và yêu đương đối với các ca nữ.
 - Cái mối tình của ông hình như chỉ có một lần ở một lúc nào đó rồi tan vỡ khiến ông không được gặp lại lần hai.
 - Hình như có lắm sự dang dở, đứt đoạn bi đát trong đường tình ái của Nguyễn-Du: những người con gái xinh đẹp, duyên-dáng, Nguyễn-Du đã chỉ gặp họ có một lần, bởi vì lần thứ hai gặp lại họ đã già, tóc đã bạc, tay đã bằng con ằm cháu. (Thăng-Long I và Thăng-Long II)
- Chẳng hiểu người hầu cũ của em ông đã đi vào đời Nguyễn-Du thế nào, mà ta cũng thấy ông xót xa khi gặp lại nàng, lúc nàng cũng đã già, có ba con, và áo rách rưới:

*Hồng tỵ tàng văn ca uyển chuyển
Bạch đầu tương kiến khóc lưu ly
Phúc bồn dĩ hi nan thu thủy
Đoạn ngẫu thương tại vị tuyết ti
Kiến thuyết gi nhân dĩ tam tứ
Khả liên do trước khứ thời y.*

(Ngộ gia đệ cựu cơ)

Những người con gái được Nguyễn-Du dành cho nhiều cảm-tình nhất có lẽ là người ca-sĩ mà ông gọi là cô Cầm, trong Long-Thành Cầm giả ca. Cô Cầm đã đến một lần trong đời Nguyễn-Du, trong hình dáng say mê:

*Giám hồ hồ biên dạ khai yến
Kỳ thời tam thất chính phương niên
Hồng trang yếm ái đào hoa diện
Đã nhan hêm thái tối nghi nhân.*

(Long thành Cầm giả ca)

Người con gái có sắc đẹp say mê ấy, còn có tiếng hát và tiếng đàn tuyệt vời: chậm như gió lướt rừng thông, trong như đôi chim hạc bay trong đêm khuya, mạnh như tiếng sét làm vỡ tấm bia Tiên Phúc, buồn như giọng Trang Tích ngâm tiếng Việt trong lúc ốm đau:

*Hoàn như sơ phong độ tòng lâm
Thanh như song hạc minh tại âm
Liệt như Tiên Phúc bi đầu toái tích lịch
Ai như Trang-Tích bệnh trung vi Việt ngâm*

(Long thành Cầm giả ca)

Nhưng người con gái kỳ lạ ấy đã đến với Nguyễn-Du có một lần trong sắc đẹp ấy. Bởi vì lần thứ hai, khi nàng tái ngộ Nguyễn-Du, thì nàng đã già, thân sắc nàng đã suy nhược:

*Tuyên phủ sử quân vị dư trung mĩ tiểu
Tịch trung ca-sĩ giai niên thiếu
Tịch mặt nhất nhân phát bán hoa
Nhan sắc thần khô hình lỵc tiều
Lang tạ tàn mĩ bất sức trang*

(Long thành Cầm giả ca)

Nhìn nàng trong sự suy tàn ấy, Nguyễn-Du đã nức nở khóc :

*Ca-vũ không di nhất nhân tại
Thuần tức bách niên năng kỷ thì
Thương tâm vãng sự lệ triêm y*

(Long thành Cầm giả ca)

Phải chăng cô Cầm trong Long thành Cầm giả ca này chính là cô lái đò trong bài Tình Hận mà Nguyễn-Đình-Ngân bảo là mới khám phá ra và bảo là của Nguyễn-Du. Có nhiều điểm cho ta thấy đôi bên, có nhiều điểm gặp gỡ. Dầu sao, thì ta cũng thấy Nguyễn-Du hầu như chỉ dành cảm tình cho những mối tình đứt đoạn, giang giở, cho những người chỉ gặp một lần và lần thứ hai có gặp lại thì cũng chỉ là để lệ thấm áo mà thương cảm cho sự tan nát, rã rời. Cuộc đời tình ái của Nguyễn-Du, như vậy, là một cuộc đời giang giở, tuyệt vọng.

Nguyễn-Du, thi-sĩ của nghèo khổ túng đói.

Hình ảnh sự túng quẫn, chết đói luôn luôn ám ảnh Nguyễn-Du, khiến tâm thức ông lúc nào cũng băn khoăn, xao xuyến. Nguyễn-Du đã chẳng nhìn và cảm cái nghèo có tính cách tài tử, nghệ sĩ như Nguyễn-Công-Trứ về sau này. Ông cảm một cách thâm thía sự tàn phá của nghèo khổ, túng đói chẳng những đang hành hạ chính bản thân ông mà còn đang làm tan rã, hủy diệt bao nhiêu là cuộc sống bên cạnh ông.

Nghèo đói đã dim Nguyễn-Du vào cô-đơn, và bắt ông nức lên thành tiếng rên xiết bi thương :

*Sài phi dạ tỉnh khốn thân ngâm
Thập niên túc tật vô nhân vấn*

(Ngọa bệnh II)

Bởi nghèo, nhà cửa ông lúc nào cũng vắng lạnh, cửa đóng im ỉm, trong khi mọi nhà khác như mở toang cửa ra để ngắm cảnh thiên thai :

Thiên thai sơn tiền độc bế môn

(Ký huyền hư tử)

Chưa ai rét, Nguyễn-Du đã rét vì thiếu áo quần.

Tảo hàn dĩ giác vô y khổ

(Thu dạ II)

Đối với người ta, ngày xuân là đề hường thụ, còn đối với Nguyễn-Du ngày xuân là một tai họa : lắm khi suốt ba tháng xuân ông đói đến mang bệnh, mà thuốc thang không có, phải nằm co ro, lắm khi tưởng trọng ma quỷ đến bắt hồn phách mình mang đi.

*Tam xuân tích bệnh bản vô dược
Trấp tải phù sinh hoạn hữu thân*

(Mạn hứng I)

Nghèo và đói làm tiêu tan cả khí phách Nguyễn-Du, khiến cho Nguyễn-Du, khi nhìn vào thân phận mình tưởng như ma dại :

Bạch phát tiêu ma bản si khi

(Tặng thực đình)

Quả thực, nghèo, đói, chết, ba ma lực ấy cấu kết lại để tấn công Nguyễn-Du, dim ông vào tuyệt vọng, làm cho ông cảm thấy thân xác mình đang tan rữa, tinh thần của mình bị hủy diệt và đồng loại ở chung quanh cũng như đang khắc khoải quằn quại triền miên trong cơn hấp hối. Nhưng không ở đâu nghèo và đói mang màu tang tóc, và chết chóc như ta thấy trong hai bài "Người hát rong ở châu Thái-Bình" (Thái-Bình mại giả ca) và bài "Sở kiến hành".

Cái tài và đầy cũng chính là cái làm nên sự nảo nuột bi thương trong nét vẽ của Nguyễn-Du ở hai bài ca ở trên là sự mâu thuẫn, tương-phản : bao giờ sự chết trần trường quân-quai cũng được đặt ngay bên cạnh cái cảnh sống giàu sang, thừa thãi. ngập ngựa những thức ăn.

Trong bài Thái-Bình mại giả ca, Nguyễn-Du đã vẽ ra hai cảnh : một bên là bàn tiệc của bọn quan lại quyền quý mà cơm canh, thịt thả đầy hàng thuyền, không ai thèm ăn phải đem đồ mứa xuống sông, một bên là ông lão hát rong ngồi hát hầu tiệc cho bọn quan quyền, hát đến sùi bọt mép, đàn đến rã rời tay chân mà chỉ được thù lao bằng vải ba đồng tiền :

*Khâu phú bạch mặt, thủ toan súc
Khước toạ, liêm huyền, cáo chung khúc
Đàn tận tâm lực cơ nhất canh
Sở đắc đồng tiền cận ngũ lục...
Quân bất kiến sử thuyền triệu lai cung đồn lệ
Nhất thuyền, nhất thuyền doanh nhục mễ*

Hành nhân báo thực tiện khi dư
Tàn hào lãnh phạm trâm giang đê

(Thái-bình mọi già ca)

Nhưng không ở đâu, ngòi bút của Nguyễn-Du có vẻ bị thương, tàn nhẫn như ở bài Sở kiến hành.

Nguyễn-Du như đứt ruột nhìn hai mẹ con người ăn mày lang thang lê lết trên đường trường mà chẳng được ai cho một miếng cơm ngụm nước: ông như nhìn thấy trước cái cảnh hai mẹ con chết đói, bỏ xác ở vĩa đường. Và dưới sức ám thị mãnh liệt của tâm thức hốt-hoảng, Nguyễn-Du nhìn thấy trước mẹ con người ăn mày đang bị heo sói cắn xé xương thịt:

Duyên nhai nhật khất thực
Thù kể yên khả trường
Nhữn hạ úy câu hác
Huyết nhục tự sài lang
Mẫu tử bất túc tuất
Phủ nhi tăng đoạn trường

(Sở kiến hành)

Nhưng sự phũ phàng của ngòi bút Nguyễn-Du là chỗ ông không để mẹ con người ăn mày chết trên đường vắng mà chết ngay dưới chân bàn tiệc ngáp-ngựa những đồ cao lương mỹ vị, nào là gân hươu, nào là vây cá, nào thịt lợn, thịt dê, mà ai chẳng thêm nhúng dũa, ngay đến cả bọ tỳ tùng, bọ bẹp:

Tạc tiêu Tây hà địch
Cung cụ hà trương hoàng
Lộc cân tạp ngự xi
Mãn trác trần trư dương
Trường quan bất hạ trợ
Tiêu môn chỉ lược thường
Bát khí vô cố tích

(Sở kiến thành)

Tại sao ba hình ảnh nghèo, đói, chết ám ảnh đến mức độ làm cho Nguyễn-Du hốt hoảng như vậy? Chính Nguyễn-Du đã phải kinh-nghiệm có lẽ ở ngay nơi bản thân của ông những cảnh chết đói xảy ra liên miên vào thời Lê-mạt. Thật vậy, trong khoảng mấy chục năm cuối thế-kỷ XVIII

nạn chết hầu ngự trị liên miên trên đất nước đàng ngoài, nhất là từ Nghệ Tĩnh là nơi quê hương của Nguyễn-Du. Tác-giả Khâm định Việt-sử thông giám cương mục có kể đến ba nạn đói ở Nghệ-Tĩnh, các miền phụ cận, hay ở các tỉnh đàng ngoài, Năm Mậu-Tí, Cảnh Hưng thứ 29, tức năm 1768, lúc Nguyễn-Du mới ba bốn tuổi, Khâm định Việt-sử viết: Nghệ-An và các trấn Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam giá gạo cao vọt, nhân dân đói khổ một trăm đồng tiền không đủ một bữa no. (Khâm định Việt-sử) tập XIX, tr. 15).

Năm Nguyễn-Du 10 tuổi, tức năm Giáp-ngọ, Cảnh Hưng thứ 35 (1774), Khâm định Việt-sử lại nói ở Nghệ-An có nạn đói làm chết nhiều người: "Dân Nghệ-An nhiều người chết đói. Triều-đình hạ lệnh cho các quan giữ chính quyền bàn định thi hành việc phát chẩn, việc cứu giúp... Nhưng những việc ấy cũng chỉ là giấy má hão mà thôi" (Khâm định Việt-sử, tr. 36). Đến nạn đói năm Mậu-Tuất (1778), Cảnh Hưng thứ 39, hồi Nguyễn-Du mười ba mười bốn tuổi mới khiếp sợ. Khâm định Việt-sử viết: "Từ lúc dùng quân đánh dẹp trở đi, triều đình mua vét thóc gạo ở tứ trấn và Thanh-Nghệ, vận-tải vào đồn Đông-Hải. Thóc gạo khô ướt không đều thành ra mục nát không ăn được, vứt bỏ đi quá nửa. Những thứ tích trữ ở dân gian hầu như nhân nhụi. Thêm vào đấy mấy năm hạn hán mất mùa, giá gạo cao vọt, một chén gạo nhỏ trị giá một tiền, đầy đường những thấy người chết đói" (Khâm định Việt-sử, tr. 60).

Nhưng nạn đói năm Canh-Thân Tân-Dậu (1800-1801) mới thật khủng khiếp hãi hùng. Phạm-Đình-Hồ qua truyện Võ-Thái-Phi trong Vũ Trung tùy bút đã tả cảnh chết đói năm Canh-Thân, Tân-Dậu thế này: "Hồi loạn năm Canh-Thân, Tân-Dậu, tỉnh Hải-Dương ta chịu hại về việc binh-đạo đến mười tam năm, ruộng đất đã hầu thành ra rừng rậm, những giống gấu chó, lợn lòi sinh tụ đầy cả ngoài đồng. Những người dân sống sót còn lại phải đi bóc vỏ cây, bắt chuột đồng mà ăn. Một mẫu ruộng chỉ bán được một cái bánh nướng... Tông Minh Luân ta có một bà cụ goá mà giàu, người làng mới bầu cụ làm hậu thần. Vì tiền của bà cụ chứa như núi nên tục lại gọi là "bà hậu núi". Gặp năm mất mùa nhà bà hết cả thóc ăn, bà mang năm bao bạc đi đổi thóc không được, phải chết đói ở bên xóm chùa Bình Đê. . .

Các cụ nhà nho làng ta ngày xưa như ông nho sinh Phạm Diên Bá thường nói chuyện với ta rằng: đương lúc loạn lạc, ông đi đường về tỉnh Đông, có vào nghỉ nhà hàng cơm bên đường, thấy mùi thịt rất tanh, trên

mặt nước bát canh thịt sao nổi lên như hình bán nguyệt. Hỏi người hàng cơm thì họ nói rằng đó là thịt lợn lòi. Khi ăn đến nửa chừng thì thấy có con rắn chết ở trên mặt bát, mới biết là thịt người, vội vàng chạy ra móc cõ thỏ ra" (Phạm-Đình-Hồ, *Vũ-Trung tùy bút*, tr. 120).

Trong vòng có mấy năm trời mà Nguyễn-Du đã từng phải chứng kiến ít ra ngàn ấy nạn chết đói ngập đường ngập chợ như vậy, gì mà ông chẳng đâm ra hốt hoảng, bi quan yếm thế. Sống trong lòng một cái xã-hội túng đói, quần bách như vậy, thì cái thằng bé con không cha không mẹ như Nguyễn-Du hay chàng thanh niên thất-nghiệp như Tiên-Điền làm sao tránh khỏi được những cảnh đau đớn ê chề. Quả thật thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du đã vẽ lại y nguyên cái thân phận nghèo khổ, túng quẫn của ông suốt mấy chục năm trường.

Nguyễn-Du, thi-sĩ của bệnh hoạn.

Mấy trăm bài thơ chữ Hán của Nguyễn-Du mà chúng tôi được đọc hầu như chẳng có mấy bài mà ông không nói đến bệnh hoạn. Như người ta thì già cả mà mang bệnh hoạn đã đành, đang này Nguyễn-Du bệnh hoạn liên miên ngay lúc tráng niên.

Nguyễn-Du hình như lúc nào cũng liên miên bị ám ảnh bởi ý nghĩ xác thịt ông đang bị tan rữa dưới sức tàn phá của bệnh hoạn: có lúc Nguyễn-Du thấy mình chỉ còn là một bộ xương ghê tởm:

*Xử sĩ môn tiên thanh giả san
Châm bọn thúc thư phù bệnh cốt*
(Tập ngâm II)

Bệnh hoạn thân tàn ma dại như vậy mà thuốc thang lại không có. Chẳng nói gì đến những ngày năm cùng tháng hết, ngay những tháng xuân Nguyễn-Du mang bệnh mê man mà không có thuốc thang gì hết:

*Tam xuân tích bệnh bản vô dược
Tráp tải phù sinh hoạn hữu thân*
(Mạn hứng I)

Bệnh hoạn mà lại nghèo túng nữa cho nên tình cảnh càng thêm bi đát: bạn bè, thân thích chẳng có ai thăm nom, săn sóc, một thân một mình nằm co ro rên rỉ trên một chiếc chõng tre:

*Minh kính hiều hàn khai lão sấu
Sãi phi dạ tĩnh khốn thân ngấm
Thập niên túc tạt vô nhân vấn*

(Ngoạ bệnh II)

Đã yếu bóng vía mà lại bệnh hoạn lắm khi thập tử nhất sinh, Nguyễn-Du đâm ra sáng sốt, lúc nào cũng cảm thấy như ma quỷ đang xông vào cướp hồn phách mình mang đi. Chính vì vậy mà Nguyễn-Du sống triền miên trong trạng thái hốt hoảng bệnh hoạn:

*Đa bệnh đa sầu khi bất thư
Thập tuần khốn ngoại Quế giang cư
Lệ thần nhập thất thốn nhân phách*

(Ngoạ bệnh I)

Như vậy, ta thấy bệnh hoạn đối với Nguyễn-Du không phải là một xúc cảm thơ mà là một mối đe dọa làm cho ông sợ hãi, ngay từ những buổi trai trẻ:

*Sinh vị thành danh thân dĩ suy...
Thiên địa dữ nhân truân cốt tướng*
(Tự thân)

*Phong trần đội lý lưu bì cốt
Khách chầm tiêu tiêu tướng mẫn bông*
(Trệ khách)

*Trường đồ nhật mộ tân du thiêu
Nhất thất xuân hàn cựu bệnh đa*
(U cư)

Nguyễn-Du, thi-sĩ dưới sức ám-thị của già, tóc bạc.

Bệnh hoạn dẫn đến suy-nhược và từ suy-nhược đến già sự cách biệt không có là bao nhiêu. Thực vậy, bệnh hoạn và tóc bạc, hai hình-ảnh với một sức ám thị mãnh liệt luôn đứng sò ra đây chứng kiến và nói to lên rằng Nguyễn-Du già.

Suốt mấy trăm bài thơ chữ Hán của Nguyễn-Du, là suốt mấy trăm lần ông bộc lộ sự xao xuyến thê-thảm trước hình-ảnh già và tóc bạc. Tóc

bạc tố-cáo sự già cả, suy-nhược, hay đúng hơn sự tàn phá phũ-phàng mà hóa-công đang giáng xuống trên con người Nguyễn-Du. Già và tóc bạc trùm một màu tang bi-thương lên cả cuộc đời Nguyễn-Du khiến cho mỗi khi nhìn vào thân phận mình ông thấy như đang tan rữa ra để rơi từng giọt vào hủy-diệt.

Năm tháng hầu như lúc nào cũng rình-rập cướp mất tuổi trẻ của ông :

Hạ thử đông hàn dọa thiếu niên

(Tập thi)

Bệnh và già hầu như đã lẫn lộn trong cuộc đời bi-thương khiến cho Nguyễn-Du không biết được già và bệnh khác nhau thế nào, bởi cả hai đã gắn liền với đời ông ngay từ buổi trai trẻ :

Giam mặc tàng sinh lão bệnh dư

(Tập thi II)

Nhìn thấy xác-thịt mình như đang bị rã rời, tan rữa dưới sức tàn phá của già, tóc bạc, Nguyễn-Du đã có lúc như muốn thụ hưởng cho thật vội vã cũng không kịp :

Mộ niên hành lạc tích tu du

(Mạn hững)

Không phải là Nguyễn-Du không làm đủ cách để đánh lừa mình mà giữ lại tuổi trẻ, ông cũng đi dưỡng bệnh, cũng chăm lo tuổi xuân, nhưng rồi lấy gương soi, mỗi tuyệt-vọng lại thâm-thâm hơn, vì mỗi lần soi gương là mỗi lần thấy già hơn, suy-nhược hơn :

*Xuân hàn hạ thử cổ tương xâm,
Nhất ngọa hồng sơn tuế nguyệt thâm
Minh kính hiều hàn khai lão sấu
Sài phí dạ tình khốn thân ngấm*

(Ngọa bệnh II)

*Nhất thiên hàn sắc táo phù vân
Lão lai bạch phát khả liên nhữ
Trú cửu thanh sơn vị yếm nhân
Tối thị thiên nhai quyện du khách*

(Thu dạ)

Nguyễn-Du không phải là không muốn giàu giếm cái già của mình đối với chúng bạn, nhất khi chúng bạn ấy thuộc phái đẹp. Ông đau đớn phải chứng bày cái thân phận suy tàn của mình ra trước mặt mọi người :

Lão nạp an miên Hồng linh vân...

Bạch đầu vô lại chuyết tàng thân

(Dạ hành)

Vạn lý tây phong lai bạch phát

(Tập ngâm I)

Đãng tiền đầu từu khởi suy nhan

(Tập ngâm II)

Nhiều lần, Nguyễn-Du muốn vươn mình lên, tỏ ra mình có khí phách nhưng màu tóc bạc rồi cũng làm tiêu nĩa tất cả :

Bạch phát tiêu ma bản sĩ khi

(Tập thực định)

Thối thường các nhà thơ cổ điển ta xưa ưa nói đến thiên nhiên vũ trụ, đến tha nhân mà ít khi nói về mình. Nguyễn-Du ngược lại lúc nào cũng như quay nhìn vào nội giới. Mà cái nội giới được Nguyễn-Du chú mục vào để suy tư, chiêm ngưỡng là cái thân phận đang già, nghĩa là đang bị thời gian tàn phá hủy diệt.

Sự hủy diệt ấy được nói lên bằng mái tóc bạc phơ lòng thông trên vai áo :

Bạch phát sở hành thủy ngã khâm

(Lạ phù giang thủy các độc tạ)

bằng mái tóc bạc phơ trên tấm thân già đối khát.

Bạch đầu sơ kế duy y thực

(Dạ tọa)

bằng mái tóc bạc chông phát những năm tháng và bệnh tật :

Tiêu tiêu bạch phát mộ phong suy...

Thiên địa dĩ nhân truân cốt tướng

Xuân thu hoàn như lão tu mi

(Tự thân I)

Xuân thu đại tự bạch đầu tân

(Tự thân II)

*Thanh thảo thôn tiền ngọc lão ông...
Lão khứ vị tri sinh kế chuyết*

(Thôn đệ)

*Đông hoàng sinh ý lậu hàn mai
Lân ông bốn tâu thôn tiền miếu*

(Xuân nhật ngẫu hứng)

Niên quang âm trực bạch đầu lai

(Đôi từ)

Sự hủy diệt ấy còn được nói lên, hay đúng hơn là được rên lên như những tiếng náo nùng trong cô đơn, giữa hoang vắng, quán quít bằng sương thu gió lạnh.

*Bạch phát tiêu tiêu cò đạo bàng...
Nhi nữ thành quần tử bất phương*

(Giang đầu tân bộ 11)

Thiên nhai không đái lão tùy thân

(Giản công bộ Trần thiêm sự)

Nhất lộ giai lai duy bạch phát

(Nam quan đạo trung)

Bạch phát thu phong không tự ta

(Vinh châu hiệu tử hậu cổ trạch)

Bạch đầu thiên lý tâu thu phong

(Nhiếp khâu đạo trung)

Tiêu tiêu bông mấn lão phong trần

(Xuân tiêu lữ thứ)

Ảnh lý tu mi khan lão hỹ

(Lạng sơn đạo trung)

Màu trắng tang tóc chẳng những phủ lên toàn nội tâm thao thức của Nguyễn-Du, mà còn được ông quăng lên bum kín cả ngoại cảnh ở chung quanh ông, khiến cho cái gì dưới mắt Nguyễn-Du cũng đang già, bạc phơ, tan rã, hủy diệt :

Màu già, màu tang tóc như vậy đã như bôi lên nhoe nhoét cả cảnh Thăng-Long. Thực vậy, còn gì bi thương bằng nhìn cảnh những lâu đài nguy-nga nay biến thành đường cái quan, mà nhất là cảnh những cô gái trẻ, xinh đẹp của ngày nào mà ngày nay đã biến thành các bà già bề con âm cháu, cảnh những chàng trai ngô nghếch thừa xưa nay thành những cụ già bệ vệ :

*Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long
Thiên niên cự thất thành quan đạo
Nhất phiến tân thành một cổ cung
Trương thức mi nhân khan bảo tử
Đông du hiệp thiếu tạn thành ông*

(Thăng-Long 1)

Nguyễn-Du than thở đau đớn khi gặp lại nàng hầu trẻ măng của em ông mà phút chốc đã thành bà mẹ ba con :

*Bạch đầu tương kiến khốc lưu ly...
Kiến thuyết giá nhân dĩ tam tử*

(Ngộ gia đệ cụ cơ)

Nhưng có cái cảnh già nào làm náo lòng Nguyễn-Du bằng cái cảnh của cô Cầm trong Long thành Cầm giả ca. Cô Cầm mà Nguyễn-Du gặp ở hồ Giám thời Tây-Sơn còn trẻ vì là một cô Cầm trẻ, mặt tươi như hoa đào, ngây thơ và say sưa khiến cho đến triều đình nhà Tây-Sơn còn say mê nghiêng ngả, cái cô Cầm ấy ngày nay được gặp lại giữa một đám ca-si trẻ măng, nhưng tóc cô nay đã bạc, mặt cô vô vàng, nhan sắc khô héo :

*Dư ức thiếu thời tăng nhất kiến
Giám hồ hồ biên dạ khai yên...
Hồng trang yếm ái đào hoa diện
Đà nhan hãm thái tối nghi nhân...
Tịch trung ca sĩ giai nhân thiếu
Tịch mặt nhất nhân phát bán hoa
Nhan sáu thần khô hình lược thiều...*

(Long thành cầm giả ca)

Hình ảnh cô Cầm tóc bạc là một hình ảnh tang-tóc tuyệt-vọng, dim sâu Nguyễn-Du vào một vũng cô liêu bao la mà ông không làm sao thoát ra ngoài được.

Nguyễn-Du, thi-sĩ của mô-mả, tha-ma, nghĩa-địa.

Ở Việt-Nam, có lẽ Nguyễn-Du là người thứ nhất và cũng là người độc nhất đã tạo cho mình một nền văn-chương mô-mả, tha-ma nghĩa-địa. Nền văn-chương mô-mả, tha-ma nghĩa-địa này rất thịnh-hành ở các xứ sương mù miền Bắc Âu-Châu như Irlande, Ecosse, Islande vào các thế-kỷ XVI và XVII, rồi ảnh-hưởng vào văn-học Pháp từ cuối-thế-kỷ XVIII sang đầu thế kỷ XIX. Như vậy nền văn chương mô-mả, tha-ma, nghĩa-địa ở Việt-Nam cũng như ở Pháp đều phối thai vào cuối thế kỷ XVIII sang đầu thế kỷ XIX. Nguyễn-Du là ông tổ của nền văn-chương đen-tối, âm-ướt, bi-đát này. Hình như nhìn đầu, Nguyễn-Du cũng nhìn thấy mô-mả, nghĩa-địa. Phải chăng những năm đói kém, người chết ngập đờng, không đủ đất và đủ phương-tiện chôn mà chôn cất vào những tha-ma nghĩa-địa hân hoi, đành phải chôn vùi qua loa bậy bạ gặp đâu hay đấy. Mô-mả có lẽ vì vậy mà nguồn ngang mọi nơi mọi xóm như sau này Nguyễn-Du từng ghi nhận trong Kiều:

Ngồn ngang gò đồng kéo lên

(Kiều)

Làn khí nóng-nặc, bi-thương của tha-ma, nghĩa-địa như một tấm khăn liệm lớn lao buồng rú lưng-thùng bao bọc lấy cả vũ-trụ Nguyễn-Du. Thực vậy, đầu có mô-mả, nhất là mô-mả của các bậc đế-vương, các công-hầu khanh tướng, nhất là những mô-mả của gái đẹp, những ca-sĩ dọc đường đứt gánh, là Nguyễn-Du tìm đến, đắm mình vào những làn khí có lạnh, chết chóc để rồi hầu như chết lịm đi trong đó.

Ông viếng mô ca-nữ đất La thành (Điếu La thành ca già), ông viếng mô Cù Thúc Trĩ (Quế Lâm Cù các bộ), viếng mô Tam-lư đại phu (Tương đàm diều Tam-lư đại phu), ông viếng mô Văn thừa-tướng (Độ hoài hữu cảm Văn thừa-tướng), ông viếng mô Đỗ Thiếu-Lãng (Lỗi dương Đỗ Thiếu-Lãng mộ), ông viếng mô Âu Dương Tu (Âu dương văn trung công mộ), ông viếng mô Bùi Tấn-Công (Bùi Tấn Công mộ), ông viếng mô Nhạc Vũ-Mục (Nhạc Vũ-Mục huýnh), ông viếng mô Tàn-Cối (Tàn-Cối tượng), ông viếng mô Chu-Lang (Chu-Lang mộ), ông viếng mô Ti-Can (Ti-Can mộ), ông viếng miếu ba liệt nữ (Tam liệt miếu), ông viếng mộ Á-Phủ (Á-Phủ mộ), ông viếng đình Tô-Tần (Tô-Tần đình), ông viếng đài Đông-trước của hai nàng Kiều (Đông-trước đài).

Thật là cả hàng mấy chục bài thơ, bài ca dành hẳn cho mô-mả,

tha-ma, nghĩa-địa. Hình như đi đến đâu, Nguyễn-Du cũng tìm đến viếng tha-ma nghĩa-địa, đắm mình trong sự thâm u giá lạnh của tang-tóc và chết chóc, nhất là để nghe rên rĩ trong gió thoảng sự bi-thương của thân phận làm người, cho dù cái thân phận ấy có là của các bậc đế-vương, công-hầu khanh tướng. Những vua chúa quan quyền, xưa kia rất mực danh-giá sấn sau cửa trước rộn rịp những tiếng ca ngợi chúc-tụng, những gái đẹp những ca-sĩ với tiếng hát mê-ly đã từng làm say sưa nghiêng-ngả hàng ngàn vạn con người, tất cả ngần ấy thứ này ngày nay còn gì ở bên cái nấm mồ? Làm bạn với mô-mả ngày nay chỉ có sương giá, tuyết lạnh mưa nguồn, gió hắt hiu. Sự chết như tóa ra màu *âm-đạm thắm ướt cả vũ trụ và làm ngất lịm khách du-hành Nguyễn-Du.

Nguyễn-Du, thi-sĩ của tan rửa, điều tàn hủy-diệt.

Có lẽ không có gì ám ảnh Nguyễn-Du cho bằng hình ảnh sự tan rửa, điều tàn hủy diệt. Thực vậy, sự tan rửa, điều tàn hủy diệt như sương giá thấm ướt cả người, vật, cỏ cây trong thế giới Nguyễn-Du. Hầu như chẳng có bài thơ chữ Hán nào của Nguyễn-Du mà chẳng lãng lướt sự tan rửa, điều tàn, hủy diệt.

Dưới mắt bi quan của Nguyễn-Du, chẳng có gì là kiên cố bền vững, bao nhiêu là triều vua đã qua đi, có khác nhau chỉ là dài ngắn mà thôi: những triều đại đứng vững được ngàn năm đâu có trong lịch sử loài người:

Cờ kim vị kiến thiên nhiên quốc

(Vị Hoàng doanh)

Không có gì đang đứng yên trong thế giới Nguyễn-Du, ngược lại tất đều đang xô dịch mà xô dịch để điều tàn, tan rửa rơi là lướt vào trong hồ hủy diệt.

Thực vậy thiên nhiên cho đến cả sự vật trong thế giới Nguyễn-Du, đều đang héo hắt, hao mòn, rã rời, hủy diệt.

Hoa lá nhuộm đầy về thu, nghĩa là vàng úa, tả tơi:

Nhất song thu sắc tại hoàng hoa

(Tập ngâm 1)

Thực chẳng có gì của ngày hôm qua còn sót lại đến ngày hôm nay, hôm qua và hôm nay, như trời với đất:

Đồng niên đối diện cách thiên nưỡng

Vãng sự hồi đầu thành cổ cầm

(Tặng thực đình)

Vinh hoa phú quý có nghĩa lý gì thực chỉ là áng mây buổi sớm,
trong nháy mắt có thể tan biến hết cả :

*Thiên lý ly gia lữ mộng tri
Dạ tú vinh hoa thân ngoại huyễn
Triều vân danh lợi nhân tiền phi
Lãng thiên tuế tuế qua diền thực...*

(Đại tác cừu thứ tư qui)

Còn gì vững bằng những thành quách cung điện của các triều vua
chúa, vậy mà tất cả những thứ ấy đều tan biến. Trong bài Thăng Long I,
Nguyễn-Du đã vẽ hai cảnh Thăng Long, một Thăng Long lúc ông còn
trẻ và một Thăng-Long lúc ông tóc bạc, nghĩa là chỉ cách nhau trên dưới
mười' mười lăm năm. Vậy mà những ngôi nhà lâu đài xưa nay đã thành
đường cái :

*Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long
Thiên niên cư thất thành quan đạo
Nhất phiến tân thành một cổ cung*

(Thăng Long I)

*Cỏ thời mình nguyệt chiếu tân thành
Do thị Thăng Long cựu đế kinh
Cù hạng tứ khai mê cựu tích
Quản huyện nhất biển tạp tân thanh*

(Thăng Long II)

Trong bài Triệu Vũ-Đế cố cảnh, Nguyễn-Du còn nói lại cái ý
tưởng ông đã diễn giải ở hai bài Thăng Long, nghĩa là cũng khóc thương
ngây đại vì nỗi cảnh đời biến dịch rã rời : bao nhiêu lâu đài nguy nga
trăm thước nay đã nghiêng đổ, cả đến nắm mồ cỏ nghìn thu nay cũng mất
hết dấu tích :

*Bách xích cao đài khuyhnh lĩnh biều
Thiên niên cỏ mộ một Phiền ngu
Khả liên thể đại tương canh diệt*

(Triệu Vũ đế cố cảnh)

Cả đến những sự nghiệp vĩ đại của Tôn Quyền, của Lưu Bị nay
cũng tan nát, tiêu vong chẳng còn để lại dấu vết hình tích gì, có chăng chỉ
còn rừng cây bao la bát ngát :

*Địa lưu khuyết hãm hạn tam Ngộ
Thu phong lạc nhật giai hương vọng
Lưu thủy phi vân thất bá đồ
Tôn sách, Lưu phân hà xứ tại ?
Thương nhiên nhất vọng tận bình vu*

(Sở vọng)

Đến khi qua sông Hoài, cảm nhớ Hoài-âm hầu, Nguyễn-Du cũng
vẫn khóc thương những sự rạn rữa, rã rời đến chẳng còn để lại dấu vết
gì cho hậu thế :

*Lưỡng Hán sơn hà biển cỏ cầm
Trừ trướng giang đầu tư vắng sự
Đoạn văn suy thảo cách Hoài âm*

(Độ hoài hữu cảm Hoài-âm hầu)

Tới thăm cảnh Hán Dương, Nguyễn-Du đã để nước mắt là chã
khóc thương cái cảnh huy hoàng đồ sộ của thời xưa nay chỉ còn là một
ký niệm đau buồn : những cung điện xưa réo tiếng đàn sáo ngày nay chỉ
còn là bãi hoang đầy những rau tần :

*Bá Vương trần tích thuộc du du
Hán thủy thao thao trú dạ lưu
Qui hạc lưỡng sơn tương đối ngạn
Thần tiên nhất khứ chi không lâu*

*Tương tượng đương niên xuy dịch dạ
Bạch tân hồng liễu mãn đình châu.*

(Hán dương văn diếu)

Nhưng có lẽ không ở đâu Nguyễn-Du cảm thấy thấm thía sự suy
tàn, rã rời của sự nghiệp người đời cho bằng lúc ông đứng ngắm đài Đồng
tước : Tào Tháo đã sử dụng bao nhiêu là công phu và châu báu để xây
cất những cung điện nguy nga, rực rỡ, nhất là kiên-cố với ý định như để
chống lại sức cướp phá của vũ-trụ, vậy mà ngày nay, khách du hành
bước tới nơi đây thì thấy lâu đài, cung điện thì còn nhưng tất cả đều đã
nghiêng đổ, hai lầu Ngọc-Long và Kim Phượng đã mất cả dấu tích, chỉ
còn lại có gió lạnh, cỏ lau, cảnh thu. Nguyễn-Du buồn mê man :

Bất kiến Nghiệp Trung Ngụy vũ đế
Đãn kiến giang biên Đông tước đài
Đài cơ tuy tại, di khuynh dĩ
Âm phong nộ hào thu thảo mị
Ngọc Long, Kim Phượng tận mang mang

Ngã tư cớ nhân thương ngã tình
Bồi hồi phủ ngưỡng bi phủ sinh
Như thử anh hùng thã như thử
Hưởng hồ thôn công dữ bạc danh
Nhân gian huân nghiệp nhược trường tại
Thử địa cao đài vng vị khuynh

(Đồng tước đài)

Ngắm thiên nhiên vũ trụ, Nguyễn-Du còn cảm kích bi thương trước những cảnh biến di, rã rời hướng hồ là nhìn vào thân phận con người đang bị sức tàn phá phũ phàng của thời gian thì biết Nguyễn Du còn tuyệt vọng, hốt hoảng biết bao nhiêu.

Bởi bệnh hoạn liên miên, Nguyễn-Du đắm ra hốt hoảng trước cuộc đời, sống vội vã, lo sợ, bởi vì trước mắt ông cuộc đời biến đổi như mặt biển đầy sóng gió :

Du du vân ảnh biến thân tịch
Cồn cồn lãng hoa phù cớ cảm
Trần thế bách niên khai nhân mộng

(La phù giang thủy các độc tọa)

Đặc biệt là đối với thân phận con người, Nguyễn-Du mỗi khi nhìn vào nó đều nhìn nó ở cái lúc thứ hai, tức cái lúc tàn tạ của nó, sau khi khi đã ôn lại cái lúc thứ nhất là cái lúc xuân trẻ qua đi như bóng buổi sớm để chìm vào hoàng hôn hay đêm tối triền-miên.

Cái vẻ đẹp của các cô gái trẻ chỉ thoáng qua mắt ông, cái sức lực của tuổi thanh niên cũng chỉ là một kỷ niệm, hiện giờ trong cái nhìn ở đợt hai, ông chỉ thấy có điều tàn : các cô gái xinh trẻ này đã thành các bà mẹ ẵm con, bế cháu, các thanh niên đã thành các ông già râu bạc phơ.

Tương thức mĩ nhân khan bảo tử
Đồng du hiệp thiếu tận thành ông

(Thăng Long)

Chẳng những ông nhìn thấy sự điều tàn mà còn nhìn thấy cả sự hủy-diệt, tiêu vong nữa : thực vậy bao nhiêu bạn bè thuở trẻ chơi nghịch với ông nay đã thành người thiên cổ cả hay cũng lưu lạc vô tăm hơi để lại ông một mình với làn tóc bạc :

Tảo tuế thân bằng bán tử sinh
Thế sự phù trầm hữu thân tức
Tư gia đầu bạch diệp tinh tinh

(Thăng Long II)

Nào nhan sắc lộng lẫy như người ca nữ đất La thành mà ông gọi là cảnh hoa diễm lệ tự cõi tiên sa xuống, sắc đẹp làm rung động, xốn xao khắc sáu cõi, ngày nay còn gì đâu :

Nhất chi nùng diễm hạ bông doanh
Xuân sắc yên nhiên động lục thành

(Điếu La Thành ca già)

Chẳng những người mà chính thân mình, Nguyễn-Du cũng thấy nó đang tan rữa, rơi chày vào hủy diệt :

Phong trần đội lý lưu bì cốt
Khách chằm tiêu tiêu lưỡng mấn bông

(Trệ khách)

Sự tan rữa, hủy diệt chẳng phải chỉ đến với bọn thường nhân mà càng đến phũ-phàng với bọn tài ba, thế giá của xã-hội.

Viếng Tam-Lư đại phu, tức Khuất Nguyên, Nguyễn-Du đã nước nỏ khóc thương sự hủy-diệt không còn để lại một dấu vết nhỏ của bạc vi nhân : xương thịt Khuất-Nguyên, rồng cá nuốt tía hết, chẳng để lại dấu vết gì hết :

Ngư long giang thượng vô tàn cốt
Đổ nhược châu biên hữu chủng phương
Cực mục thương tâm hà xứ thị
Thu phong lạc điệp quá Ngaoan Tương

(Tương Đàm điệu Tam Lư đại phu)

Danh-giá lầy lừng như Tôn-quyền, Lưu-Bị, mà dưới mắt Nguyễn-Du, ngày nay cũng chỉ còn là một kỷ-niệm chua chát dụi dập dưới bóng cây, rừng thẳm đã xâm chiếm cung điện nguy-nga thời xưa :

*Lưu thủy phù vân thất bá đồ
Tôn sách, Lưu phân hà xứ tại ?
Thương nhiên nhất vọng tận bình vu*
(Sơ Vọng)

Sắc, tài và quyền thế thì trên đời này ai bằng Dương Qui-Phi, khiến cho cả triều-đình chẳng ai dám lên tiếng vậy mà ngày nay tiêu tan hết sạch cả ngay đến nắm mồ cũng bị san bằng, chỉ còn có gió hiu hắt, ngậm ngùi mà thôi :

*Sơn, vẫn trước lược, ngạn hoa minh
Kiến thuyết Dương Phi thử địa sinh
Tự thị cử triều không lập tượng
Uông giao thiên cò tội khuyh thành
Thê thê nam nội bồng cao biển
Mịch mịch tây giao khấu lũng bình
Lang tạ tàn hồng vô mịch xứ
Đông phong thành hạ bất thăng tình*
(Dương phi cổ lý)

Chẳng phải chỉ những người tàn ác mới bị trời đất tiêu diệt mà ngay những người văn nhân đạo-đức có thừa như Âu Dương-Tu cũng bị Nguyễn-Du nhìn bằng đôi mắt bi thảm. Thực vậy, nơi nghỉ của một trong tám nhà văn thời danh nhất Trung-Quốc, dưới con mắt Nguyễn-Du chỉ là một hố chứa đầy chuột bọ, chẳng một ai hương khói; những người bạn duy nhất của Âu-Dương-Tu là những tiều phu hay mục-tử :

*Thu thảo nhất khâu tàng thử lạc
Danh gia bát đại thiện văn chương
Trường tàng chi thảo sinh hà sử ?
Tiều mục ca ngâm quá tịch dương*
(Âu dương văn trung công mộ)

Lần khác đến viếng mộ Bùi Tấn Công là một bậc văn võ toàn tài, huân nghiệp rực rỡ, Nguyễn-Du đã chỉ nhìn thấy nắm xương trắng vùi dưới hàng cây buồn rầu vang lên tiếng quốc kêu quàn quại :

*Bạch cốt thiên niên cách tử sinh
Thương tâm cận nhật chiêu lăng thụ
Nhất đại để quyền triệt Vị thành*
(Bùi Tấn Công mộ)

Viếng mộ Nhạc Vũ Mục, một bầy tôi trung-liệt của đời Tống, Nguyễn-Du ngậm-ngùi đứng nhìn sự điêu tàn của tất cả, của người anh hùng Triều Tống cũng như của chính nhà Tống :

*Quân môn do tích thập niên công
Giang hồ xứ xứ không nam quốc
Tùng bách tranh tranh ngạo bả phong
Trướng vọng Lâm-an cựu lăng miếu
Thê hà sơn tại mộ yên trung*
(Nhạc vũ mục huỳnh)

Sau khi viếng mộ Nhạc-Phi người đã bị tên gian thần là Tần-Cối sát hại, Nguyễn-Du lại đứng ngắm tượng vợ chồng Tần-Cối bị dân chúng đê quì ở trước mộ Nhạc-Phi. Thật là chẳng có cảnh nào phũ-phàng cho bằng cái cảnh này vậy. Nhạc-Phi tiêu ma đã đành, đến như Tần-Cối đã từng giết Nhạc-Phi để như giết kiến đê cuối cùng cả chồng lẫn vợ Tần-Cối phải quì lạy mộ Nhạc-Phi :

*Điện cối hà niên chủy tác tân
Khước lai y bạng Nhạc Vương phần
Thị phi tận thuộc thiên niên sự
Đã mạ hà thương nhất giả nhân*
(Tần Cối ti.ong)

Tô-Tân đã từng lập sự nghiệp lớn trả thù được vợ và gia đình uy hiếp bao nhiêu là nước láng giềng, nhưng cuối cùng Tô-Tân cũng tan tác. Thực vậy, ấn tượng sáu nước tặng cho Tô-Tân rồi cũng tiêu-tan hết, chỉ còn lại có tro một ngôi-đình cây cỏ buồn rầu, héo hắt :

*Lục quốc ấn tiêu sa mạc mạc
Nhất đình thu mộ thảo thê thê
Nhân sinh quyền lợi thành vô vị
Kim cở thùy năng phá thử mê*
(Tô-Tân đình).

Đứng bên mộ Chu-Lang, người hùng đã diệt trăm vạn quân Tào-Tháo, Nguyễn-Du đã chỉ nhìn thấy có một đống gạch gạch ngôi đồ nát một ngôi mộ cỏ đầy gai chông, có vẻ hoang vắng, thê thảm.

*Ngõa lịch Ngô cung hoang để nghiệp
Kính trần cỏ mộ thượng hùng danh*
(Chu Lang mộ)

Và đứng bên mồ Á-phủ, tức Phạm-Tăng mưu sĩ của Hạng-Vũ, Nguyễn-Du cười chê mai-mĩa sự đổ vỡ tan-nát của cơ-nghiệp của Á-Phủ muốn xây-dựng: thật vậy, sự nghiệp của Á-Phủ chỉ còn lại ngôi mồ cỏ hươu-quạnh dưới trời thu âm-đạm:

*Bá đồ dạn diệt thiên niên hậu
Cỏ mộ hoang lương tam tích thu*

(Á-Phủ mộ)

Nhưng không ở đâu giọng thơ của Nguyễn-Du có vẻ bi thương bằng ở hai bài Đông-tước đài và Long thành Cầm giã ca.

Đứng trước đài Đông-tước tiêu-diêu, Nguyễn-Du đã thồn thức tưởng nhớ người anh hùng chọc trời khuấy nước. Tào-Tháo đã từng quyết tâm làm cho mình bất diệt bằng việc xây đài Đông-tước. Trước sự suy-tàn, đổ-vỡ, rã-rời của tất cả, Nguyễn-Du đã rên rỉ: "Ôi người anh hùng thuở xưa, bây giờ còn ai thấy! Sự nghiệp lớn lao của họ Tào chỉ còn để lại một ngôi lầu vắng, ai nát thôi ư! Hai lầu Ngọc-Long và Kim-phượng dành cho hai kiều đã đổ nát chẳng để lại vết tích gì thì còn nói gì đến những nàng vũ-nữ ca-nhi ở trong lầu." Thương người rồi thương mình, Nguyễn-Du như hốt-hoảng trước sự tàn phá ghê sợ của thời gian. Sự nghiệp lớn lao ví như sự-nghiệp của dòng họ Tào mà ngày nay cũng tiêu-tan hết hưởng hồ những người danh-nghiệp ít như Nguyễn-Du thì còn tiêu ma đến mức độ nào, bi thảm đến bao nhiêu:

*Nhất thế chi hùng an tại tai?
Cỏ nhân khừ hề, kim nhân lai
Bất kiến nghiệp Trung Ngụy vũ dĩ
Đãn kiến giang biên Đông tước đài
Đài cơ tuy tại, dĩ khuynh dĩ
Âm phong nộ hào thu thảo mị
Ngọc Long Kim Phượng tận mang mang
Hà hưởng đài trung ca vũ kỹ*

*Ngã tư cớ nhân thương ngã tình
Bồi hồi phủ ngưỡng bi phù sinh
Như thử anh hùng thử như thử
Hưởng hồ thốn công dĩ bạc danh
Nhân gian huân nghiệp nhược trường tại
Thử địa cao đài ưng vị khuynh*

(Đông tước đài)

Qua ngần ấy bài thơ trích trên đây, Nguyễn-Du đã cho chúng ta nhìn và cảm thấy sự điều tàn hủy diệt của thiên nhiên cỏ cây hay của các người xưa. Đến như ở bài Long thành cầm giã ca, thì Nguyễn-Du ném ra ngay dưới mắt ta sự tan rữa bi thảm của thân phận chính người yêu của ông, một sự tan rữa bi thảm ông đã cố tình ngăn giữ lại mà không làm gì nổi. Nó tan rữa ngay trên bàn tay nâng niu, che chở của Nguyễn-Du. Thực vậy, Nguyễn-Du mới ngày nào quen thân cô Cầm, lúc ấy mới hai mươi một tuổi, cô trẻ, cô đẹp, mặt tươi như hoa đào, điệu bộ say sưa, ngây thơ, quyến rũ từng làm cho cả triều đình Tây Sơn mê man nghiêng ngã. Thế mà chỉ trong chốc lát, cô Cầm đã tóc bạc, nét mặt tiêu tụy, thân sắc khô héo, thân hình gầy yếu, cái con người đẹp nhất Hà Thành ấy, ngày nay chỉ còn là một thân tàn ma dại:

*Dư ức thiếu thời tàng nhất kiến
Giang hồ hồ biên dạ khai yên
Kỳ thời tam thất chính phương niên
Hồng trang yếm đi đào hoa diện
Đà nhan hám thái tối nghi nhân*

*Tịch trung ca kỹ giai niên thiếu
Tịch mặt nhất nhân phát bán hoa
Nhan sáu thân khô hình lược tiêu
Lang tạ tàn mi bất sức trang*

(Long thành Cầm giã ca)

Nói tóm lại, người, cỏ cây, và cả sự vật, tất cả dưới mắt Nguyễn-Du đều tàn tạ, rã-rời, đi vào hủy diệt. Ông có con mắt kỳ quái: ông không nhìn sự vật như người ta thường nhìn mà nhìn cái gì cũng như đang tóe máu:

Ốn huyết qui thời hóa đồ quyền

Ông không nhìn sự vật như nằm ý ra đấy, bất động mà đang biến rời để tan rữa, rơi vào hủy diệt. Cuộc đời trăm năm đi nữa có là mấy chốc:

Bách tuế vi nhân bi thuận tức

(Mạn hứng 1)

Chính thân xác ông cũng thấy nó đang tan rữa, ông muốn gào lên, gieo tay muốn tìm một chỗ niu để khỏi rơi vào hư vô: kết quả, thấy mình

cô đơn rơi vào hủy diệt, hư vô.

Nguyễn-Du, thi-sĩ của hốt hoảng, xao xuyến, băn khoăn, tuyệt vọng.

Mấy trăm bài thơ chữ Hán của Nguyễn-Du là mấy trăm lần Nguyễn-Du té xỉu, ngã lăn ra đất như một con bệnh thần kinh, luôn luôn hốt-hoảng, xao-xuyến, băn-khoăn, tuyệt-vọng...

Tâm hồn Nguyễn-Du mỏng và căng như một sợi tơ, cho nên dễ bị rung lên mỗi khi có một hơi thở nhẹ lướt qua, mà rung lên thành tiếng rên-rỉ, não-nùng vô cùng. Thực vậy, không có gì không làm cho Nguyễn-Du hốt-hoảng, xao-xuyến và hát lên kinh hoàng. Như ta đã thấy ở trên, Nguyễn-Du hốt-hoảng, xao-xuyến trước những đe dọa của nghèo khổ, túng đói, nhất là trước sự phá hoại đến hủy-diệt, tan rã của già, tóc bạc, bệnh hoạn. Một màu đen lạnh lẽo, ghê rợn phủ trùm lên cuộc đời Nguyễn-Du khiến ông nhìn đâu cũng thấy chết chóc với những mô mả, tha ma, nghĩa-địa.

Ngoài ra Nguyễn-Du còn hốt hoảng là bởi ông buồn bã bi-quan, mang một tâm sự uất ức, bị thảm, kéo lê một kiếp sống lê loi cô độc và băn khoăn xao xuyến trước những đe dọa của một kiếp sống màu nhiệm, bi hiem.

Nguyễn-Du buồn-bã, bi-quan cho nên ông nhìn gì ông cũng thấy nó đang già, đang điêu tàn, đang tan rã, hủy-diệt: sự buồn của ông đã chảy tràn lan lên cảnh vật khiến cho vũ trụ vì vậy mà bị mưa ướt nhầy nhụa dề ròi sự giá lạnh bi thảm của vũ-trụ lại thảm ướt trở lại cuộc đời ông khiến cho nó bị tê buốt, chết cứng. Thực vậy nhìn đâu, Nguyễn-Du cũng buồn, và thơ ông lúc nào cũng toát ra ướt át khí buồn lạnh. Ngắm cảnh trăng non Nguyễn-Du không thấy lòng ấm áp mà chỉ thấy sương móc lạnh đầy sân, khiến ông như ngắt lịm đi:

Nhất đỉnh sương lộ cộng sầu miên

Bồi hồi chính ức Hồng sơn dạ

(Sơ nguyệt)

Tâm tình đã dễ xúc động như vậy mà Nguyễn-Du lại cứ thích một mình ngồi đêm ngoài trời cho thân ướt sương và cho hồn thảm buồn lênh láng:

Vi phong bất động sương thùi địa

Tà nguyệt vô quang tinh mãn thiên

Kim cò nhân sầu lai túy hậu

(Dạ 19a)

Có khi ông còn thơ thần thả hồn theo cánh chim nhận không phương hướng:

Nhất phiến hương tâm thềm ảnh hạ

Kinh niên biệt lệ nhận thanh sơ

(Sơ cư mạn hứng)

Có khi ông hùng hồn trời dạt trên dòng sông bao la dề rồi như bị đắm chìm, chết đuối dưới lòng sông:

Đồng lung giang thủy khứ du du

Kim cò nhân sầu bất trú lưu

(Đồng lung giang)

Có lúc nằm nơi quán khách, nghĩ đến nạn chinh chiến, ông trầm mình vào trống cõi buồn vô hạn:

Dã khốc thời văn chiến phạt thanh

Khách xá hàm sầu dĩ vô hạn

Mạc giao mao thảo câu giai sinh

(Thanh minh ngẫu hứng)

Có lúc, chờ cho chiều xuống, lê bước trong núi nghe tiếng vọng kêu não nề đứt ruột:

Nhật tà mạc hướng Hoa-sơn quá

Phạ hữu thanh thanh trường đoan viên

(Minh giang chu)

Nỗi buồn thấm xuống làm tan rã, tê cứng mọi chí hướng anh hùng khiến người trai khoẻ mạnh trở nên yếu đuối, khóc ướt ướt như đàn bà con gái:

Anh hùng tâm sự hoang tri sinh

Danh lợi doanh trường lũy tiêu tẩn

Nhân tự tiêu điều xuân tự hảo

Đoàn thành thành hạ nhất triêm cân

(Xuân tiêu lữ thứ)

Nỗi buồn của Nguyễn-Du càng lai láng, mênh mông trong những ngày lưu lạc xa quê hương trong hồi đi sứ. Nỗi buồn cảm lạnh như rít lên thành tiếng ve kêu, khiến tình thương lai láng không dần nổi:

*Thập phân thu ý đảo thiên thanh
Thương tâm thiên lý nhất hồi thú
Mãn mục Sở sơn vô hạn tình*
(Vũ thảng quan)

Sở dĩ Nguyễn-Du buồn thảm, bi thương vì lúc nào ông như đang thu mình lại, nhìn vào nội tâm, trong một sự chiêm ngưỡng triền miên thân phận lẻ loi, cô đơn, khách lạ của mình.

Chẳng mấy bài thơ chữ Hán của ông mà ông không bộc lộ nỗi bi thương vì cô-đơn, lẻ loi : trong bài Thu dạ, Nguyễn-Du đã mô tả cảnh cô đơn lẻ loi với một ngọn đèn khêu lên khêu xuống trong một đêm dài vô hạn âm uớt những sương lạnh :

*Bạch lộ vi sương thu khí thâm
Giang thành thảo mộc cộng tiêu sâm
Tiễn đăng độc chiếu sơ trường dạ*
(Thu dạ II)

Vì nghèo, và túng đói, nhà cửa ông lúc nào cũng đóng im im trong khi thiên hạ mở rộng cửa đón gió núi :

Thiên thai sơn tiền độc bế môn
(Ký huyền hư tử)

Cô đơn trong lều tranh đóng kín, Nguyễn-Du còn kéo lê thể cái cô đơn lẻ loi ấy trên đường trường, trong đêm tối mịt mù :

*Cô mạch hàn phong cộng nhất nhân
Hắc dạ hà kỳ mê thất hiền*
(Dạ hành)

Làm bạn với mình, có chăng chỉ có bóng mình hiện lên một cách ghê rợn, đầu tóc xơ xợi :

*Bồi hồi đối ảnh độc vô ngữ
Bạch phát sở hành thủy ngã khâm*
(La phủ giang thủy các độc tọa)

Trong cảnh cô đơn bao la ấy, lắm khi Nguyễn-Du tưởng được gặp ở bóng trắng người bạn tri âm, nhưng đó là người bạn Nguyễn-Du có thể nhìn thấy mà không thể nói năng gì với nhau vì sự xa cách :

*Cùng đồ liên nhữ giao tương kiến
Hải giác thiên nhai tam thập niên*
(Quyển Hải nguyên tiêu)

Thành ra người bạn duy nhất của Nguyễn-Du là mái tóc, bạc, một người bạn luôn luôn nhắc cho Nguyễn-Du thân phận bi đát đang đi vào tan rữa hủy diệt của ông :

*Vạn lý đơn xa độ Hán quan
Nhất lộ giai lai duy bạch phát*
(Nam quan đạo trung)

Nhưng không ở đâu Nguyễn-Du đã để lại sự ray rứt bi thảm của cô đơn cho bằng ở bài Hoàng hạc lâu. Thật là một bài cô đơn vô biên bao vây Nguyễn-Du, khiến cho Nguyễn-Du lắm khi muốn thét lên, để it ra được nghe đáp lại bằng một tiếng vọng mà, bi-thảm thay ! vẫn yên lặng, yên lặng của dĩ vãng điêu tàn, yên lặng của hiện tại đen tối, yên lặng của tương lai mịt mờ, yên lặng và vắng vẻ của chim muông, của lâu rỗng, yên lặng của mây man mác, yên lặng của trăng, của gió, một thứ yên lặng thờ ơ :

*Hà xứ thần tiên kính kỉ thi
Do lưu tiên tích thử giang mi
Kim lai cổ vãng Lư-sinh mộng
Hạc khứ lâu không Thôi hiệu thi
Hạ ngoại yên ba chung diệu diệu
Nhơn trung thảo thụ thượng y y
Trung tâm vô hạn bằng thùy tử
Minh nguyệt thanh phong dã bất tri*
(Hoàng hạc lâu)

Như vậy ta thấy Nguyễn-Du như liên miên bị trôi nổi bình bồng trên biển cô đơn bao la, mịt mờ ; ta thấy ông càng nỗ-lực nhoi lên, kêu cứu thì ông càng bị cuốn đi, chìm chìm trong cái sâu thẳm vô biên của cô tịch, lẻ loi.

Bởi bị chìm đắm, bạo bạo trong cõi cô liêu vô biên như vậy, cho nên Nguyễn-Du phải triền miên mang tâm thức hốt hoảng lo sợ. Tiếng nói của ông đã từng rít lên, nhưng rít lên trong sa mạc cô liêu bao la như vậy có thâu được tới đâu, thành ra tâm sự Nguyễn-Du là một tâm sự bị dồn ép : ông muốn nói mà không có ai để nói với, ông muốn bộc lộ, mà chẳng có ai để tiếp nhận ; ông muốn san sẻ sự ứ đầy của tâm-tư, mà tất cả mọi cánh cửa đều đóng kín : ông phải dồn lại, đẩy vào sống trong một tâm-tư uất ức, không lối thoát.

Trong bài Mĩ trung mạn hứng, ông nói ông mang một tâm tư cảm

lặng chẳng biết nói cùng ai, có chẳng chỉ có Quế Giang ở chân núi Hồng Lĩnh là hiểu biết :

*Ngã hữu thôn tâm vô dữ ngữ
Hồng sơn, sơn hạ Quế Giang thâm*

(Mi Trung mạn hứng)

Trong bài Phúc Thực đình, ông cũng nhắc đến cái tâm-sự u-uất chưa giải tỏ được :

Lý phát đương tri vị bạch tâm

(Phúc Thực đình)

Trong bài Trệ khách, ông nói đến cái thân phận là khách lạ, luôn lưu-lạc trên đường; chẳng có ai hiểu được tiếng lòng bi thảm của mình :

*Trệ khách yêm lưu nam hải trung
Tịch liêu lương dạ dữ thùi đồng*

(Trệ khách)

Trong bài Giản công bộ Trần Thiêm Sự, ông cũng nhắc lại cái tâm sự u-ất của con người cô-đơn giữa bãi cát lạnh bao la :

*Nhất đại hàn sa thảo thụ phân
Y biến lan can vô dữ ngữ*

(Giản công bộ Trần Thiêm Sự)

Cuối cùng trong bài Hoàng-hạc-lâu, ông muốn hét lên để phá tan cái yên lặng bao la của trời đất đang đè ứ tâm tình bao la vô hạn của ông:

*Hạm ngoại yên ba chung diểu diểu
Nhôn trung thảo thụ thượng y y
Trung tình vô hạn bằng thùi tở
Minh nguyệt thanh phong dã bất tri*

(Hoàng hạc lâu)

Sự cô-đơn bao la ấy ông cảm thấy nó đang phũ-phàng làm cho ông giá lạnh, tê điếng trong lúc này và làm cho ông cảm thấy sự cô-liêu triền-miên trong kiếp sau, ông sợ sẽ chẳng có ai nhớ đến ông, đem nước mắt nhỏ xuống trên nắm mồ cô lạnh của ông bị vắt giữa bãi hoang vắng. Ông nghĩ đến ba trăm năm sau này không còn ai nhớ đến ông, cho nên ông tự khóc thân thể mình :

*Cờ kim hận sự, thiên nan vấn
Phong vận kỳ oan, ngã tự cư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*

(Độc Tiêu Thanh Ký)

Thực vậy, Nguyễn-Du luôn luôn quay vào nội tâm của ông trong một sự chiêm ngưỡng siêu hình về thân phận làm người của ông. Rồi từ đáy muôn ngàn câu hỏi bí hiểm, mầu nhiệm, ám ảnh tâm trí ông. Tất cả dưới mắt Nguyễn-Du đều mịt-mờ, không phương hướng : cuộc sống của ông, cũng như chính tâm tình ông, ông cũng chịu chẳng hiểu nó vì nó đều mang nhiên mịt mù :

*Tráng si bạch đầu bi hướng thiên
Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên*

(Tập thi I)

Tương lai thật là vô định, chẳng hiểu gió sẽ thổi ông bay về đâu trong cái bao la của vực thăm vũ-trụ này :

*Đoạn đồng nhất phiến tẩy phong cấp
Tất cánh phiêu linh hà xứ qui*

(Tập thân I)

Vì thấy đời sống đen tối, bí hiểm như vậy, cho nên Nguyễn-Du luôn luôn hốt hoảng, xao xuyến : ông đã từng trần trọc không ngủ bao đêm trường khi nhìn thấy đời đang tan rã, hủy diệt, khi ngắm những bạn gái xinh đẹp của ngày nào mà ngày nay đã có con bóng, cháu bé, nhìn những bạn trai ngộ nghịch của hôm xưa nay đã thành các cụ đầu râu tóc bạc :

*Tương thức mi nhân khan bão từ
Đồng ẩu hiệp thiếu tạn thành ông
Quan tâm nhất dạ khổ vô thụ*

(Thăng Long)

Nghĩ đến chiếc thân luân quần mãi trong vòng hữu hình, Nguyễn-Du xao xuyến đêm ngày :

*Trắc thân bất xuất hữu hình ngoại
Thiên tuế trường ưu vị từ tiền*

(Mộ Xuân mạn hứng)

Hình ảnh sự chết như láng vàng, chấp chờn bao vây quanh Nguyễn Du, lúc nào ông cũng mừng rỡ như ma quỷ, rờn rợn nó đang xông vào cướp hồn phách ông mang đi:

*Đa bệnh đa sầu khi bất thư
Thập tuần khốn ngoại Quế Giang cư
Lệ thần nhập thất thôn nhân phách*

(Ngọa bệnh 1)

Rời từ chỗ sợ chết, Nguyễn-Du hốt hoảng, hoang mang, xao xuyến về thân phận mình sau khi nó bị hung thần vào nhà cướp nó mang đi. Thực vậy, Nguyễn-Du luôn lo lắng cho số kiếp sống ở bên kia. Cái mà Nguyễn-Du lo sợ nhất là bị trở thành thân phận cô hồn phải nay đây mai đó, lưu lạc vạ kiếp trên cõi đời, nơi tha ma nghĩa địa, kéo dài cái kiếp đói khát. Ông nghĩ đến ngày kia bỏ xác nơi bãi cỏ phía tây chẳng hiểu có ai thương tình rưới cho được vài giọt rượu trong tiết trùng dương hay không?

*Ninh tri dị nhật Tây lăng hạ
Năng âm trùng dương nhất trích vô ?*

(Mạn hứng)

Cùng ý tưởng ấy, Nguyễn-Du còn nhắc lại trong bài Đối tửu:

*Sinh tiền bất tận tôn trung tửu
Tử hậu thùy kiều mộ thượng bôi ?*

(Đối tửu)

Nguyễn-Du băn khoăn xao-xuyến trước mẫu nhiệm của cuộc đời, nhất là cuộc đời ở thế giới bên kia. Có lúc ông mơ tưởng đến một cái số kiếp ma đói lang thang, có lúc ông rùng mình nghĩ đến cái thân phận mình, thân phận con người bị ma quỷ, rờn rợn, beo sói cắn xé, nhai nuốt.

Trong bài Ngũ nguyệt quan cạnh độ, ông đã cảm thương lo lắng cho những hồn đang được người ta cầu siêu, gọi về trần thế. Nguyễn-Du lo hộ cho các hồn ấy nếu có hiện về cõi đời thì biết nương tựa vào đâu, trọng khi vũ-trụ này đầy rờn rợn quỷ quái chỉ chờ đợi nhai xé các cô hồn:

*La cổ niên niên tự tiểu hoan
Hồn nhược qui lai dã vô thác
Long xà qui quốc biến nhân gian*

(Ngũ nguyệt quan cạnh độ)

Cùng một ý nghĩ ấy đã được Nguyễn-Du quảng diễn cận kề ở bài Phàn chiêu hồn. Nơi đây, sau khi cảm thương các hồn phải xơ xác, gầy nhom, ông lên tiếng khuyên các cô hồn đừng ham hương thơm, thịt béo mà quay về nơi đàn chay vì khắp nơi trên thế giới đều là sông Mịch La đầy rầy rờn rắn, beo sói sẽ cắn xé hồn:

*Chỉ hữu sầu tích vô sung phi
Hồn hề hồn hề xuất thủ đạo*

*Tảo liễm tinh thân phàn thái cực
Thận vật tái phàn linh nhân xi
Hậu thế nhân nhân giai Thượng quan
Đại địa xứ xứ giai Mịch-La
Ngư long bất thực, sài hồ thực
Hồn hề hồn hề nại hồn hà*

(Phàn chiêu hồn)

Cái ý tưởng nhìn đời như là hang beo sói, rờn rợn, hồ cạp, còn được diễn giải ở bài Sở kiến hành, khi ông bảo mẹ con người ăn mày sẽ bị beo sói ăn thịt:

*Nhơn hạ uy cầu hác
Huyết nhục tự sài lang*

(Sở kiến hành)

Hết lo số kiếp mình bị sài lang cắn xé, nhai nuốt, Nguyễn-Du lại hốt hoảng phải làm cái thân cô hồn, ma đói, sau này chẳng có ai thương, chẳng có ai tưởng nhớ đến, tưới rượu cho hay tưới nước mắt trên nấm mồ hoang vắng, đìu-hiu: ông đã hét lên khi nghĩ đến ba trăm năm nữa chẳng còn ai khóc ông:

*Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*

(Độc Tiêu thanh ký)

Sau những trang phân-tích sau đây, dựa vào văn thơ chữ Hán của Nguyễn-Du, ta thấy ông được dựng nên bằng sự nhào nặn thuần nhất bởi những chất liệu dị thường: già, tóc bạc, bệnh hoạn, điêu tàn, giang gờ, hốt-hoảng, xao xuyến, băn khoăn. Qua những mảnh vỡ ấy chất chứa trong thơ-văn chữ Hán của ông, ta xây dựng lại được một Nguyễn-Du, mang một hình-tượng kỳ quái, một hiện-hữu gờ lạ,

một quái thai ghê sợ : nghĩa là nhìn vào Nguyễn-Du ta thấy đó là một cái gì giang gờ, chưa xong, hay đúng hơn một cái gì chịu thua, bị tàn phá, bị tan rữa, rã rời, hủy-diệt đi đã quá nửa. Cái ta nhìn thấy, chỉ là một phân nửa Nguyễn-Du : tất cả sự quái-gờ, ghê-sợ, rùng mình trong thân phận Nguyễn-Du là cái tình-trạng quái thai, chưa xong, thiếu tháng ấy.

PHẦN THỨ HAI

Đoạn-Trường Tân-Thanh

Hay là cuộc đời kỳ-quái của Nguyễn-Du
như được chiếu hắt lên trong tác-phẩm của ông.

Chúng ta thử lấy truyện sau mà suy ra truyện trước. Mười một năm, sau khi viết *Tố-Tâm* (1922), Hoàng Ngọc Phách, năm 1943, đã trả lời Lê Thanh đến phỏng vấn ông về truyện viết *Tố-Tâm* :

“Hồi ấy, tài liệu, chúng tôi sẵn cả : những bức thư cần cho tiểu thuyết, chúng tôi có sẵn ; chuyện cũng có sẵn, chỉ việc dàn xếp, thêm bớt đi ít nhiều là tiểu-thuyết của tôi đã xong rồi” (Cuộc phỏng vấn các nhà văn, tr. 104).

Một câu trả lời như vậy của Song-An cho chúng ta thấy ở trong *Tố-Tâm* có tất cả con người Song-An, truyện *Tố-Tâm* là truyện Song-An, các bức thư trong *Tố-Tâm* là bức thư của Song-An, Song-An chỉ phải sửa chữa, dàn xếp, thêm hay bớt ít nhiều là thành truyện *Tố-Tâm*.

Tiếc rằng các bạn của Nguyễn-Du đã chẳng phỏng vấn ông, chứ nếu có ai phỏng vấn Nguyễn-Du, thì, theo ý chúng tôi, có lẽ Nguyễn-Du sẽ trả lời rằng : “Tất cả tôi đã có sẵn ; tôi chỉ việc đem xếp các bài thơ chữ Hán của tôi lại, thay đổi ít nhiều, là thành ra truyện *Kiều*.”

Thực vậy, nhờ vào thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du, ta thấy cuộc đời vấy đầy máu của ông đã chiếu hắt lên tác phẩm *Đoạn-Trường Tân-Thanh* một “bóng người quái gờ” cũng vấy đầy máu.

Đem so sánh hai đàng, một bên là con người thực của Nguyễn-Du, như là một-hiện-hữu-ở-giữa-đời, được phanh phui, lột trần ra ở thơ văn chữ Hán, một bên là bóng người Nguyễn-Du, chiếu hắt lên tác phẩm

Đoạn-Trường Tân-Thanh và cũng được phanh phui lột trần ra ở đây, ta thấy đôi bên có nhiều chỗ giống nhau như hệt.

Thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du quả là những dòng nhật-ký ông đã ghi lại tất cả những gì xảy ra cho “hiện-hữu-ở-giữa-đời” của ông, hay tất cả những gì xảy ra trong tâm thức ông và ở chung quanh ông, trong mấy chục năm. Hầu hết các bài thơ ấy, ta đều có thể chỉ định phỏng chừng được thời điểm của chúng, cho nên chúng ta thấy nó tố cáo, đến chỗ lộ liễu, tất cả cuộc đời hiện thực kỳ quái, gờ lạ... của Nguyễn-Du.

Đọc thơ chữ Hán của Nguyễn-Du, ta không thấy có dấu vết gì tỏ ra Nguyễn-Du là dư đảng hoài Lê cả mà chỉ thấy nơi ông một con người quái gờ, một công-tổ-viên kết án xã-hội, một thi-sĩ của những niềm tin rất dị biệt, một tay kiêu hùng bị bẻ gãy bi-đát, một nghệ-sĩ si mê tiếng đàn tuyệt vời, một thi-sĩ mang mối tình tuyệt vọng, một kẻ sĩ nghèo khổ túng đói, một thanh niên bệnh hoạn, một thi-sĩ bị sức ám thị của già và tóc bạc, một thi sĩ của mồ mả, tha ma, nghĩa địa, một triết-gia chiêm-ngưỡng sự tan rữa điều tàn, hủy diệt của bản thân mình, một con bệnh hốt-hoảng, xao xuyến, bấn-khoăn, tuyệt vọng.

Kiều là gì nếu không phải là tất cả ngán ầy thứ chất liệu trên đây của Nguyễn-Du đúc kết lại, dàn xếp ra, thêm bớt vào hay trá hình đi.

Nói cách khác, trọn truyện *Kiều* là cuộc đời hiện thực của Nguyễn Du, như là một hiện-hữu-ở-giữa-đời, một-hiện-hữu-gắn-liền-với-đời, đã được Nguyễn-Du dùng nghệ-thuật mà sửa chữa, trá hình, thêm bớt dàn xếp để rồi đem đặt nó vào trong tác phẩm. Vậy cuộc đời hiện thực của một con người không bao giờ được nhìn như là một vật trừu tượng, tách ra khỏi khung cảnh xã-hội và thời đại. Cuộc đời hiện thực là một hiện hữu sinh hoạt ở một nơi và một lúc nào đấy. Thế thì truyện *Kiều* là cuộc đời Nguyễn-Du từ ngày ông biết nhìn đời, tức là từ khoảng 1780 trở đi.

Vậy từ 1780 trở đi Nguyễn-Du phải lết cuộc đời trong bị thăm : cha mẹ, anh em, thân-thích của ông đều theo nhau mà chết hay bị giết ở khoảng thời-gian ông đang lớn lên, nghĩa là vào giữa lúc người thanh niên Nguyễn Du cảm xúc mãnh liệt. Nguyễn-Du phải chứng kiến, lắm khi còn kinh nghiệm một cách bị thăm ngay trong bản thân, tất cả những biến cố thể thăm mà Ngô Thời Chí đã kể lại rất tỉ mỉ trong *Hoàng-Lê nhất thống chí* hay Phạm Đình Hồ đã kể trong *Vũ Trung Tỳ bút* hay trong *Tang Thương*

ngẫu lục.

Những năm cuối cùng của đời Lê thật là ghê tởm: vua đảng điếm, chúa đảng điếm, vợ chúa (Đặng Thị Huệ), em vợ chúa (Đặng Mậu Lân) đảng điếm, tất cả triều đình nhà vua và nhà chúa đảng điếm, lừa lọc. Sự đảng điếm, lừa lọc lan cho tới thăng linh (loạn Kiều binh). Những cảnh người chết đói nằm ngập đường khiến nhà hàng phải nấu cháo thịt người để bán; những cảnh cướp giết hiếp dâm tàn sát dân lành giữa thành phố; những cảnh vua Lê âm mưu hại nhà Chúa rồi nhà Chúa lại hại nhà Lê, những cảnh bọn đình thần nhà vua và nhà chúa thanh toán nhau để rồi tất cả đều bị Tây Sơn tiêu diệt và cuối cùng Tây Sơn cũng bị Nguyễn-Ánh quét sạch... Nguyễn-Du đã nhìn và cảm tất cả!

Vậy cuộc đời hiện thực của Nguyễn-Du là cuộc-đời-ở-với-tất-cả-các-thứ-đó, là cuộc-đời-gắn-liền-với-tất-cả-các-thứ-đó, là cuộc-đời-bị-lệ-thuộc và đối-phó-với-tất-cả-ngăn-áy-thứ.

Các biến cố xảy ra mau quá, dồn dập quá, phủ phàng quá, khiến cho lắm khi Nguyễn Du chưa kịp lựa chọn để đứng về bên này hơn hay bên kia hơn. Sự dửng dưng, do dự, có vẻ như cũng liêu nhảm mắt đưa chân của Kiều là để nói lên tâm thức không đủ chuẩn bị của Nguyễn-Du để tiếp nhận một cách có lập trường tất cả các biến chính dồn dập của hai chục năm cuối thế kỷ XVIII.

Ngoài cái hiện hữu gắn liền với đời ấy, cuộc đời Nguyễn-Du, nếu nhìn dưới lăng giác thăm kín riêng tư, thì chúng ta có thể ghi nhận những điếm sau đây: mồ côi mẹ lúc mười một tuổi, mồ côi cha lúc mười ba tuổi, mỗi tình đầu bị tan vỡ và phải ép buộc cưỡng hôn vào hồi trên dưới hai mươi tuổi. Năm 30 tuổi, dưới đời Quang Toán, Nguyễn-Du bị bắt và bị giam mười tuần tức một trăm ngày. Năm 37 tuổi ra làm quan với Gia Long, và năm 48 tuổi đi sứ Trung Hoa.... Đi sứ Trung Hoa về năm 49 tuổi. Như vậy Nguyễn-Du viết Kiều vào khoảng vài ba năm trước khi chết, tức vào hồi 49 đến 53 tuổi, nghĩa là khi ông đã nhìn và cảm tất cả. Có người cho rằng Kiều viết ra lúc Gia Long chưa lên ngôi. Thơ chữ Hán của Nguyễn-Du, nhất là những thơ ông làm lúc đi sứ Trung Hoa thấy hầu như được dịch ra quốc âm để đem vào trong Kiều.

Tất cả chiều ngang, chiều dọc và chiều sâu của Kiều là chiều ngang, chiều dọc và chiều sâu của cuộc đời Nguyễn-Du. Thực vậy, cuộc đời của Nguyễn-Du như được giắt ra, căng lên làm bức phong vĩ đại cho sẵn khẩu truyện Kiều. Khi bức màn vừa được cuốn lên, người ta đã thoáng thấy một luồng sáng yếu đuối lướt qua, luống sáng êm đềm

của buổi tàn xuân, rung rinh nào cỏ non, nào hoa sớm, nào bước đi của trai gái chen chúc trong tiếng cười...

Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa...

Gần xa nô nức yến oanh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Dập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nen

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Buổi bình minh ấy, chỉ lóe ra trong giấy lát, rồi phụt tắt để rơi vào một buổi chiều triền miên. Kiều cũng hết còn là cô bé Kiều từ đây: nàng đã bước vào đời trong một buổi chiều và đời nàng từ đây đắm mình trong ánh sáng ủa vàng, nhạt nhạt của chiều:

Tà tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Từ đây, thế giới Kiều là thế giới về chiều, thế giới ban đêm, thế giới điêu tàn, tan rữa, hủy diệt, âm u.

Không còn bao giờ gặp lại cảnh "Cỏ non xanh rợn chân trời" nữa mà toàn là những cảnh vàng ủa, rã rời: từ đây từ ngữ trong thế giới Kiều là những từ ngữ nặng trĩu màu tang tóc: dòng nước thì "nao nao"; nằm đất thì "sè sè"; hương khói thì "vẳng tanh"; đời người thì "trâm gãy bình rơi"; bóng the thì "lặng ngắt như tờ"; mồ mã thì "vô chủ ai mà viếng thăm".

Cuộc đời Kiều từ đây không còn bao giờ thấy vui, cười mà chỉ còn thấy triền miên đăm chiêu "đăm đăm châu sa", tâm thức lúc nào cũng hốt hoảng:

Lại càng mê mẩn tâm thần
Lại càng đứng lặng tàn ngần chẳng ra
Lại càng ủ dột nét hoa
Sầu tuôn đứt nối châu sa vẫn dài.

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Kiều không còn sống trong thế giới người sống mà sống triền miên hầu như đắm mình trong thế giới người chết. Nhìn ra cỏ cây đầu đầu cũng như có bóng dáng chấp-chờn của người chết, đầu đầu cũng thấy vết chân của ma quái :

Áo ào đờ lợc rung cây
 Ở trong đường có hương bay ít nhiều
 Đè chừng ngọn gió lần theo
 Dấu gầy từng bước in rêu rành rành.

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Hình ảnh gò đống ngồn ngang lúc nào cũng bao vây lấy Kiều. Đăm chục câu thơ ở phần đầu truyện Kiều, kể từ gặp gỡ Đạm-Tiên cho đến lúc gặp Kim-Trọng, quả thực toát lực tất cả truyện Kiều. Tất cả truyện Kiều đều đã rút ngắn lại ở đây và sau đây chỉ là kéo dài, tô đậm các màu đen và tím như được căng lên.

Kiều gặp Kim-Trọng ở giữa cái cảnh tàn tạ này :

Bóng tà như dục cơn buồn
 Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Từ sau buổi gặp ấy, đời Kiều chỉ còn có chiều và đêm : Hình ma quái Đạm-Tiên tìm đèn với nàng lúc "Chênh chênh bóng nguyệt xế màn".

Và chính trong lúc "Gió chiều như gọi cơn sầu", Kiều đi theo tiếng gọi của trái tim. Sau khi Kim Kiều gặp nhau, họ từ biệt nhau trong cái khung cảnh rã rời "lá rụng hoa rơi".

Kiều trở lại nhà người yêu trong bóng đêm "Xăm xăm trong lối vườn khuya một mình".

Được mỗi một lần nàng được nhìn thấy một buổi bình minh, nhưng lại là một bình minh đưa nàng vào lầu xanh, cho nên ánh buổi sáng lại hóa ra buổi chiều :

Trời hôm, mây kéo tối rằm
 Rầu rầu ngọn cỏ, đăm đăm cành sương

Từ đây, đời nàng là một đêm khuya vô tận.

Đêm thu một khắc một chày
 Bâng khuâng như tỉnh như say một mình

Dậm khuya, ngắt tạnh, mù khơi

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Đêm và chiều chen nhau trong thế giới Kiều, làm mưa mù và sương xuống người vật : bốn cảnh buồn trong buổi hoàng hôn đã xâm nhập Kiều làm cho nàng bị tê liệt :

Buồn trông cửa bể gần hôm...
 Buồn trông ngọn nước mới sa...
 Buồn trông ngọn cỏ đầu đầu...
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh...

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Thật là đêm và chiều, bóng tối và ánh tà, ngàn ấy thứ như nhầy nhụa, thấm nhoe nhoét vào nhau. Vừa qua một "Đêm thu một khắc một chày", lại tiếp ngay đến một "Đêm thu khắc lậu canh tàn".

Sau này Thúc-Sinh đến với Kiều cũng đến "Khi gió gác khi trăng sân", nghĩa đèn trong đêm khuya, và mỗi tình mới chớm nở của Thúc và Kiều cũng đã tan rã với cảnh trăng vỡ làm đôi :

Người vẽ chiếc bóng năm canh
 Kẻ đi muôn dặm người về xa xôi
 Vầng trăng ai xẻ làm đôi
 Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Kiều chỉ gặp lại chàng Thúc lúc "Giọt rờn canh đã diêm ba" tức là lúc giữa đêm trường trong thân phận hoa nô qui dâng rượu cho vợ chồng Thúc và Hoạn-Thư. Mấy tuần sau, Kiều lại ra đi lúc nửa đêm, trốn bỏ nhà họ Thúc Hoạn-Thư :

Lần nghe canh đã một phần diêm ba

Kiều đi theo bóng trăng tà :

Cất mình qua ngọn tường hoa
 Lăn đường theo bóng trăng tà về tây

Ồ ! Sự tan rã hủy diệt đã hiện lên rõ mồn một trong thế giới Kiều : sương, tà, đêm trăng, gió, lạnh... xoắn xuýt, quện lấy nhau trong thế giới Kiều :

Mặt mù dậm cát, đôi cây
Tiếng gà diêm nguyệt đầu giầy cầu sương
Cánh khuya, thân gái, dậm trường

(Kiều, Lê Văn Høe)

Ba cặp chữ 'đêm khuya', 'thân gái, dậm trường', là ba hình ảnh, ba quang đứ, ba hiện thân của điều tàn, của tan rữa, của hủy diệt... chiếu hắt lên tấm phòng của sân khấu truyện Kiều.

Từ *đêm khuya dậm trường, thân gái, cô đơn, yếu đuối*, nâng bắt thân một lần may mắn gặp người hùng tri-kỳ, nhưng cũng gặp ở ban đêm

Lầu thu gió mát trăng thanh.

Bóng đêm ày cứ lảng vảng, chấp chờn trên sân khấu Kiều cho nên chẳng mấy chốc nữa mà ta sẽ thấy người tri kỳ Từ Hải của Kiều chết chưa được chôn mà Kiều đã phải quì dưới chân bàn trong một dạ tiệc để hầu rượu cho kẻ đã giết chồng, dạ tiệc ấy kéo dài suốt đêm cho tới sáng :

Hồ Công đến lúc rạng ngày nhớ ra

Sau đấy Kiều gieo mình xuống sông Tiền Đường rồi được vớt lên trong một buổi chiều :

*Một nhà chung chạ sớm trưa
Gió trăng mát mặt muối dưa chay lòng.*

Đền như Kim-Trọng từ Liễu Dương trở lại tìm Kiều cũng là trở lại trong một buổi chiều tối để nhìn, trong một thái độ chiêm ngưỡng bi đát, sự tan rữa, hủy diệt hoàn toàn của người và vật :

*Vội sang vườn Thúy dò la
Nhìn xem phong cảnh này đã khác xưa
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa
Song trăng quạnh quẽ vách mưa rã rời
Trước sau nào thấy bóng người*

(Kiều, Lê Văn Høe)

Như vậy, nhìn lên sân khấu truyện Kiều, ta thấy chỉ có mỗi một tấm phòng với một màu sắc, một ánh sáng: tấm phòng màu sắc nhợt nhạt, ánh sáng chấp chờn, bi thảm của đêm trường hay chiều tà. Tất cả ở đấy như đang tan rã, điều tàn, hủy diệt.

Khung cảnh truyện Kiều, bởi vậy, là chiều sâu, chiều ngang và chiều dọc của cuộc đời Nguyễn Du. Chính cái kiêu hùng bị bẻ gãy bị đất, cái chất nghệ sĩ si mê tiếng đàn tuyệt vời, cái mối tình cuồng loạn nhưng tuyệt vọng, cái nghèo khổ túng đói, cái bệnh hoạn hao mòn, cái mối sợ già và tóc bạc, sức ám ảnh của tha ma, nghĩa địa, thái độ chiêm ngưỡng sự tan rữa, điều tàn, hủy diệt, nỗi lòng hốt hoảng, xao-xuyến, băn-khoăn... ngần ấy thứ của thân phận Nguyễn Du đã đúc kết lại, dàn xếp ta, thêm bớt, biến hóa, trá hình... để pha thành một màu sắc âm đạm, tồ lên tấm phòng truyện Kiều những đường nét rã rời, chấp chờn.

Nói cách khác, Nguyễn-Du đã di cư cuộc đời hiện thực, một cuộc đời kỳ quái, vào trong tác phẩm. Có điều ông không di cư nó nguyên vẹn mà thường khi ông cho nó di cư sau khi đã chế biến nó, mặc áo cho nó, che đậy cho nó, trá hình cho nó, thay tên đổi họ cho nó, làm cho nó đang là người thành ra vật, khiến nó đang là một tâm tình hóa ra một hình ma, đang là một lo sợ hóa ra một ác mộng, đang là một-nỗi-lòng hóa ra một màu sắc đen tối nào nề.

Chính bởi có sự can thiệp của Nguyễn-Du để nghiên nát cuộc đời ông rồi đem cuộc đời nghiên nát ấy mà giát lên bức phòng truyện Kiều cho nên nhìn vào bức phòng truyện Kiều người ta có cảm giác ghê sợ rợn người vì máu, thịt xương của Nguyễn-Du còn dang dính bề bết ở đấy.

Nhưng muốn đi tìm Nguyễn-Du như là một bóng người còn đang chiếu hắt lên tác phẩm của ông, ta cần dừng lại ở các vai truyện mà Nguyễn-Du đã làm ra.

Từ xưa đến nay, người ta hay chọn một hai vai truyện trong Kiều rồi bảo đấy là Nguyễn-Du đang khi cho rằng tất cả các vai truyện khác là kẻ thù của Nguyễn-Du.

Riêng chúng tôi không tin hẳn như vậy. Theo thiên ý, tất cả các vai truyện trong Kiều chẳng qua chỉ là thái độ, là tâm thức, là ước vọng, là phản kháng của Nguyễn-Du dự phóng ra ngoài. Trong đời sống xã-hội, Nguyễn-Du cô đơn, cảm lạnh, thì, trong sinh hoạt tâm thức, ông gào lên tiếng kêu đứ ruột của ông. Như vậy, tất cả các vai truyện đều là tiếng nói của Nguyễn-Du: ông mượn vai truyện để lời độc thoại của ông thành ra có đối thoại. Hiểu như vậy, ta thấy chẳng có vai truyện nào là tất cả Nguyễn-Du và cũng chẳng có vai truyện nào không phải là ông.

1. Những Tú Bà, Mã Giám-Sinh, Bạc-Hạnh, Bạc-Bà, Sở Khanh, Ung, Khuyển v.v...

Nguyễn-Du đã sống ở một xã-hội vào giai-đoạn sa-đọa, bần-thiêu, thối-tha không còn có giới-hạn nữa. Thân phận con người trong cái xã-hội vào khoảng từ 1770 đến 1800 thật không bằng thân con vật. Không còn một hạng người nào trong xã-hội còn có lương tâm, biết nghĩ đến trách nhiệm, đến liêm-xi : kẻ mạnh, kẻ gian ác, làm càn... chỉ mình họ là sống còn bao nhiêu người khác đều bị hà-hiếp, đánh chết.

Nguyễn-Du đã phan-phui sự phẫn-úat của ông đối với tất cả những xấu-xa, bần-thiêu của xã-hội mà chính ông đã từng phải giao-thiệp, phải đối phó. Nguyễn-Du đã dự phóng những phản kháng quyết-liệt của ông vào trong các nhân-vật như Tú Bà, Mã-Giám-Sinh, Bạc-Hạnh, Bạc-Hà, Sờ Khanh Ung, Khuyển, sai nha...

Bọn họ là hiện thân của những lo sợ, xao-xuyến, bối-rối của Nguyễn-Du trước cuộc đời.

Thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du luôn luôn mô tả xã-hội thời đại ông dưới hình ảnh hùm, beo, chó sói, rồng rắn, quỷ quái, ma quái, hung thần... chẳng những người sống phải sợ mà, theo Nguyễn-Du, cả đến người chết cũng phải sợ. Chính vì vậy mà, trong bài "Tháng Năm xem đua bơi", trong khi người ta cầu đảo chiêu hồn về cõi đời để hưởng cơm canh thì Nguyễn-Du đã lo sợ thay cho các hồn ấy và nhân nhủ họ đừng có dại gì mà dẫn giắt nhau về vì cõi đời này đầy dẫy rồng rắn, quỷ quái. Cái bi đát nhất là họ làm ra mặt từ bi như ông Cao, ông Qui mà thực ra họ nhai thịt, nuốt xương người ngọt như đường.

Tú Bà, Mã-Giám-Sinh, Sờ Khanh, Bạc-Bà, Bạc-Hạnh, v.v... là Nguyễn-Du trong thái độ sợ sệt, lo âu, phản kháng tuyệt vọng cái xã-hội tàn bạo, xấu-xa mà Nguyễn-Du phải đối phó hằng ngày.

Thái-độ và hành-động ngang ngược, tàn nhẫn, phũ phàng, tội lỗi... của bọn họ là dự phóng sự căm thù của Nguyễn-Du, hay đúng hơn, sự đầu hàng, chịu thua của lẽ phải, của luân-thường đạo-lý, tức của chính Nguyễn-Du, trước thực-tế cuộc đời bế tắc. Bọn họ đứng ra để tiếng nói căm lạng của Nguyễn-Du trong cuộc đời, hay nói cách khác, để Nguyễn-Du của-lẽ-phải có cơ-hội đối thoại với Nguyễn-Du-phản-kháng-tội-ác.

2. Những quan nha trong Kiều.

Vào hàng quan nha trong Kiều, ngoài bọn hàng thân lơ lác như Từ-Hải mô tả, thì có vài ba nhân-vật được nhắc đến đích danh : một lại già họ Chung, một vị quan Phủ, và Tổng-Độc Hồ tôn-Hiến ...

Ba nhân-vật này đều chỉ là ba thái-độ của Nguyễn-Du trước những bế tắc, mâu-thuân của cuộc đời mà thường khi chính Nguyễn-Du không làm sao vượt lên trên được. Lại già họ Chung không phải là không có bụng tốt. Vậy mà đã thương Kiều và muốn cứu Kiều bằng hành-động xấu xa : xui nàng hối lộ. Cuộc đời hiện thực của Nguyễn-Du phũ phàng là thế. Làm sao sống ở đất Bắc, Nguyễn-Du lại đã chẳng nghe tận tai, thấy tận mắt mấy việc mà Ngô Thời-Chí kể lại trong *Hoàng-Lê Nhất-thống-chí*.

Đây ta nghe Ngô Thời-Chí nói về hành-động ngang ngược của em Đặng Thị-Huệ, vợ Trịnh-Sâm, trước sự nhắm mắt bưng tai của cả triều vua phủ chúa :

"Vi Lân vốn là kẻ hung bạo có tiếng, từ khi Thị-Huệ được Sâm yêu chiều, Lân càng cậy thế làm càn. Nội những xe kiệu, quần áo của y, hết thầy giống như của các vua chúa. Thường thường Lân vẫn đem vài chục thú hạ cầm gươm vác súng nghênh ngang đi khắp Kinh-đô. Hễ gặp có đám xe võng, bất kỳ là của quan quân nào, Lân đều khà khịa gây sự đánh nhau, dễ làm nhục chời. Được thế, Lân lấy làm sướng. Đàn bà con gái qua đường người nào Lân thấy vừa mắt, tức thì sai quân bắt vào. Ai không chịu, Lân cắt hai đầu vú. Cha hoặc chồng những kẻ vô phúc gặp hung thần đó, nếu có kêu ca nửa câu Lân liền lấy kim vụn rặng, có người bị đánh đến chết" (*Hoàng Lê Nhất-thống-chí*, cơ sở xuất-bản Tự-do tr. 11-12).

Ngô Thời-Chí ghi rằng Lân chẳng nề nang một thứ quan quân nào. Vậy mà chẳng ai dám hoành hành ra tay hay nói lên một lời kết án.

Đền như bọn lính Kiêu binh còn tệ hại hơn nữa. Ngô Thời-Chí chép : "Lúc ấy ở ngoài Kinh kỳ bọn lính Tam phủ lại càng hoành hành hơn trước. Hàng ngày họ họp nhau lại một chỗ để cùng làm việc triều đình. Rồi họ viết giấy đệ vào trong triều nói thẳng việc này nên đề, việc kia nên đổi. Nhiều khi những việc vô lý, họ cũng bắt buộc triều đình phải làm. Những người thế, họ còn xin những ơn này, ơn khác không biết thế nào là đủ. Trong triều có ai bàn chuyện phải chăng, thì họ dọa sẽ phá nhà, đánh chết. Những lúc xử kiện, có khi họ nhận bên nguyên là người họ, có khi họ nhận bên bị là người quen rồi ép các người đương sự thay den đổi trắng !... Các quan đều phải nhin hơi nuốt tiếng, không dám đứng chạm đến họ" (*Hoàng-Lê Nhất-thống-chí id. tr. 34*).

Ấy đối với mấy tên lính quyền mà người ta còn sợ sệt như vậy,

huống hồ đối với tên gian hùng như Nguyễn-Hữu-Chính, thì ai còn dám nói gì. Ngô Thời-Chí đã ghi điều ấy: "Sau khi giết được quận Thạc, Chính tự nắm hết quyền hành trong nước, hết thấy công việc đều ở mình ra, sự "rõng rở" mỗi ngày một tẻ. Từ đó lòng dân lia bỏ, quan Văn, quan Võ ai cũng chán nản.

Người nào theo lẽ công, giữ phép nước, đều bị tướng sĩ của quân Vũ-Thành quấy nhiễu. Người nào hăng hái dám nói thì bị Chính ngầm ngầm làm hại, tai vạ không biết bao nhiêu mà nườm. Bởi thế các quan ai cũng kiêng nói. Có người đã phải cáo bệnh, trả ấn mà đi. Rồi thì cường hào ở các làng xóm chỗ nào đoàn kết chỗ ấy, cướp bóc lẫn nhau. (Hoàng-Lê Nhất-thông-chí ib. tr. 153).

Sống trong một xã-hội đang-điểm, vũ phu, vô luân như Ngô Thời-Chí đã tả thì lại-già họ Chung muốn cứu Kiều bằng con đường xúi nàng chạy tiền dứt lốt, hối lộ cho quan, thiết tưởng chỉ là một thái-độ, một hành-động thực tiễn để đi tìm thành-công khi mà mọi biện-pháp dựa vào pháp-luật chẳng những chẳng đưa đến cái gì hay mà thường chỉ là chất đầy thêm tai họa. Nguyễn-Du hẳn cũng đã từng phải cảm rằng, mím môi câm lặng trước những việc làm lộng hành như của Đặng Mậu-Lân, của lính Tam phủ của tay chân Nguyễn Hữu-Chính.

Đến như vị phủ đường ngôi xứ Kiều theo đơn khởi tố của Thúc Ông, không phải ông ta không có bụng tốt... Sau này, ta thấy chính ông đứng ra xe dây cho Kiều cưới Thúc Sinh. Cái ông quan ấy đã xử Kiều và chỉ cho Kiều có hai lối thoát duy nhất, mà cả hai đều bị thảm, tuyệt vọng: một là chịu đòn tan nát, hai là trở lại kiếp lâu xanh.

Tới Tổng-Đốc Hồ Tôn-Hiến, không phải là vị quan không nghĩ đến trách-nhiệm và thể diện quốc-gia, vậy mà cũng đã tự cho phép mình làm những việc để hèn như đánh lừa Kiều và vô cùng phũ phàng với nàng trong bước đường cùng. Hồ Tôn-Hiến gồm cả hai con người Đặng Mậu-Lân và Nguyễn Hữu-Chính.

Hành động tội lỗi, tàn bạo, đầy mâu thuẫn, nhưng làm khi lại tỏ ra có từ tâm của hàng quan nha trong Kiều chỉ là để Nguyễn-Du dự phóng sự phản kháng của ông đối với thực-tế cuộc đời: dự phóng phản kháng đó nhân hóa tâm thức *chịu thua, đầu hàng, đồng lõa* của Nguyễn-Du trước mâu thuẫn bế tắc của thực-tế cuộc đời phũ phàng mà Nguyễn-Du phải đối phó hàng ngày. Cái vòng luân-quần ấy đã từng ám ảnh, giày vò chính Nguyễn-Du, và, trong cuộc sống, có lẽ chính Nguyễn-Du không nghĩ

như vậy, không ưng như vậy mà đã phải bó buộc làm như vậy. Hình ảnh bọn quan nha tố cáo Nho-giáo đang gặp vận đen, đang suy đốn, sa-đọa trong giới trí-thức, ở nơi giai cấp lãnh đạo: luân lý và đạo-đức Nho-giáo chỉ còn là một tiếng lương tâm nghẹn ngào, nước nờ một mình Nguyễn-Du rên rỉ và một mình Nguyễn-Du hiểu. Tiếng Nho-giáo là tiếng bị chèn ép, đầu hàng, chịu thua.

3. Những Người Tôn-giáo trong Kiều.

Kiều không phải là một câu chuyện thường mà Kiều là một sự suy tư, một sự chiêm-ngưỡng siêu hình về thân phận con người, và thân phận làm người của Nguyễn-Du.

Phần lớn thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du đều là đề nói lên nỗi băn khoăn, sợ hãi trước cái mặt mờ đáng đe dọa của thân phận con người trong tương lai.

Trong lúc viết truyện Kiều, Nguyễn-Du đã không đứng ở ngôi thứ nhất mà giả vờ đứng ở ngôi thứ ba, cho nên bao nhiêu điều ông đã nghĩ, đã băn khoăn, đã lo sợ, ông đã chuyển di nó sang ngôi thứ ba. Các người tôn-giáo, hay đúng hơn các tiếng nói tôn-giáo trong Kiều vừa là dự phóng những lo lắng sợ hãi của Nguyễn-Du, vừa là dự phóng những mong mỏi, ước nguyện của Nguyễn-Du muốn cắt nghĩa những mâu thuẫn cuộc đời.

Bốn nhân vật được Nguyễn-Du luôn luôn lôi ra để can thiệp và cắt nghĩa mọi mâu-nhiệm cuộc đời. Tiếng nói của họ là tiếng nói của Nguyễn-Du đã rên rỉ trong suốt mấy trăm bài thơ chữ Hán của ông.

Mụ Quản-gia.

Trong thư tu hành tại gia, đã động lòng *hiếu sinh* mà "đem lời phượng tiện" nhủ bảo Kiều:

May, rùi đã đành
Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay
Cũng là oan nghiệp chi đây
Sa cơ mới đến thế này không dựng
Ở đây tai vách mạch rừng
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi
Kẻo khi sấm sét bất kỳ
Con ông cái kiến kêu gì được oan.

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Tiếng nói của quản-gia thật đã biểu hiện đúng tâm thức đa nghi, lo lắng, sợ hãi, cô đơn... của Nguyễn-Du : lời mụ tở cáo sự mất an ninh của xã-hội trong đó con người triển miên sống trong đe dọa không một lực lượng nào bảo đảm được sự an toàn : những chữ " *tai vách mạch rừng*", " *kéo khi sấm sét bất kỳ*", thân phận con người ví như con ong cái kiến, có oan đi nữa biết kêu với ai, Nguyễn-Du, qua lời quản-gia, chỉ mới đặt ra một vấn đề, một dấu hỏi mà chưa có trả lời : câu " *cũng là oan nghiệp chi đây* " là một câu nghi vấn đầy băn khoăn, bao trùm trong vòng bí mật.

Sư-trưởng Giác-Duyên.

Sau khi trốn khỏi nhà Hoạn-Thư, Kiều tìm đến nương náu tại "Chiêu-ân-am" một ngôi chùa nhỏ mà vị sư trưởng là Bà Giác-Duyên. Trong những ngày ở "Chiêu-ân-am", tình nghĩa giữa Kiều và vị sư nữ, tuy chẳng phải là lạnh nhạt, nhưng cũng chẳng lấy gì làm thắm thiết lắm, vậy mà từ đây cuộc đời hai người như là gắn bó với nhau, gặp nhau đi gặp nhau lại. Ta thử duyệt lại đây điệu bộ và ngôn-ngữ của sư bà Giác-Duyên.

Nghe Kiều nói nàng là môn đệ của vị sư chủ trì chùa Bắc-Kinh, là chỗ hậu tình với mình, Sư bà Giác-Duyên ân cần tiếp đón Kiều. Nhưng khi nghe nàng đã đánh cắp đồ vật của nhà Hoạn-Thư, thì Giác-Duyên lo sợ không dám chứa nàng nữa :

"Ở đây cửa Phật là không hẹp gì
E chẳng những sự bất kỳ
Đề nàng cho đến thế thì cũng thương
Lánh xa trước liệu tìm đường
Ngồi chờ nước đến nên đường còn què
Có nhà họ Bạc bên kia
Am mây quen lối đi về dấu hương"

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Sau này, khi trở nên bậc mệnh-phụ ngồi xét xử, trả ân, trả oán. Kiều lại gặp lại Giác-Duyên. Trong khi nhận quà do tay Kiều trao tặng, Giác-Duyên đã kể hết sự tình cho Kiều nghe, nhất là thuật cho Kiều nghe về lời tiên tri của Đạo cô Tam-Hợp vốn là bậc tiên tri. Giác-Duyên nói :

"Cũng chẳng mấy lâu
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà
Nhớ ngày hành cước phương xa

Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri
Bảo cho hội họp chi kỳ
Năm nay là một, nửa thì năm năm
Mới hay tiên định chẳng lầm
Đã tin điều trước ắt nhảm việc sau
Còn nhiều ân ái với nhau
Cơ duyên nào đã hết đâu ? Vội gì ?"

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Từ già Kiều rời, Giác-Duyên lại tìm gặp lại Bà Tam-Hợp đạo cô đề hỏi Bà về những điều màu nhiệm đang bao vây cuộc sống mà Giác-Duyên không hiểu. Giác-Duyên hỏi Tam-Hợp đạo cô :

"Người sao hiểu nghĩa đấng đường."
Kiếp sao chịu những đoạn trường thế thời

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Sau khi nghe Tam-Hợp Đạo cô giải-thích, sư bà Giác-Duyên yên trí, bỏ chùa đi thuê thuyền chèo đón để cứu Kiều rời ra sẽ lâm nạn sau này. Khi cứu được Kiều Nguyễn-Du không đề cho Giác-Duyên nói năng gì thêm cho mãi đến khi Kiều gặp lại gia-đình, lúc ấy Giác-Duyên mới lại lên tiếng lần cuối cùng vừa đề mừng vừa đề già từ nàng :

"Nhân quả với nàng
Lâm-Truy buổi trước, Tiên Đường buổi sau
Khi nàng gieo ngọc trầm châu
Đón nhau tôi đã gặp nhau rước về
Cùng nhau nương cửa bồ đề
Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa
Phật tiền ngày bạc lần la
Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuấy"

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Nguyễn-Du gọi Giác-Duyên là sư trưởng, chủ trì một ngôi chùa, nhưng Nguyễn-Du đã vẽ cho ta thấy một nhà tu hành không có vẻ gì là thông hiểu Phật pháp cho lắm.

Gặp người bèn đạo gian-chuân như Kiều, nhất là đang cần được những lời chỉ-giáo theo đúng giáo-lý nhà Phật. Vậy mà Nguyễn-Du đã không đề cho sư Bà Giác-Duyên làm công việc ấy. Giác-Duyên xem ra

cũng bản khoán, xao-xuyến, lo sợ trước những mâu nhiệm tàn nhẫn của cuộc đời. Chính Bà đã khờ sớ đặt câu hỏi đầy bí hiểm với đạo cô Tam-Hợp:

"Người sao hiểu nghĩa đũ đường
Kiếp sao chịu những đoạn trường thế thối?"
(Kiều, Lê Văn Høe)

Giác-Duyên quả thực đã nhập thế Nguyễn-Du để nói lên tiếng nói hồ nghi, tiếng nói lo sợ của Nguyễn-Du.

Tam-Hợp Đạo cô.

Chính Kiều không lần nào được trực-tiếp gặp đạo cô Tam-Hợp, mặc dầu đạo cô hai lần như được xuất-hiện trong Kiều.

Cứ như lời Sư Bà Giác-Duyên, thì đạo cô Tam-Hợp đã can-thiệp vào đời Kiều lần thứ nhất trong khi Sư Bà Giác-Duyên hành cước phương xa, tức là trước khi Kiều lấy Từ-Hải. Theo Giác-Duyên sư trưởng, thì đạo cô Tam-Hợp báo trước Bà Giác-Duyên sẽ còn gặp Kiều hai lần nữa mà lần một gặp Kiều trong lúc nàng báo ân báo oán và lần sau thì chưa biết.

Từ giả Kiều đi, Sư Bà Giác-Duyên lại tái gặp đạo cô Tam-Hợp lần hai. Lần này thì đạo cô Tam-Hợp nói rõ về trường-hợp mà Giác-Duyên sẽ gặp Kiều, gặp ở dòng nước Tiền Đường. Đạo cô Tam-Hợp nói lên những điều suy tư to tát, hệ trọng, về thân phận của Kiều, về thân phận làm người...

Đề trả lời câu hỏi của Sư Bà Giác-Duyên :

"Người sao hiểu nghĩa đũ đường
Kiếp sao chịu những đoạn trường thế thối?"

Đạo cô Tam-Hợp trả lời

"Phúc họa đạo trời
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra
Có trời mà cũng tại ta
Tu là cốt phúc, tình là dây oan
Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành
Lại mang lấy một chữ tình
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong
Vậy nên những chốn thong dong

Ở không yên ổn, ngôi không vững vàng
Ma đưa lối, quỷ đưa đường
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi
Hết nạn nọ, đến nạn kia
Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần
Trong vòng giáo dục gươm trần
Kẻ lưng hùm sói, gửi thân tôi đòi
Giữa dòng nước chảy sóng gồi
Trước hàm rồng cá gieo mồi thủy tinh
Oan kia theo mãi với hình
Một mình, mình biết, một mình, mình hay
Làm cho sống đọa thác đầy
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thối"

-- (Kiều, Lê Văn Høe)

Nói một thôi một hồi như vậy, đạo cô Tam Hợp đã khiến cho sư Giác-Duyên rụng rời vì thương Kiều. Đề trấn an Giác-Duyên đạo cô lại tiếp :

"Song chẳng hề chi,
Nghiệp duyên cần lại nhắc đi còn nhiều
Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều
Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm
Lấy tình thâm trả nghĩa thâm
Bán mình đã động hiểu tâm đến trời
Hại một người cứu muôn người
Biết điều khinh trọng biết lời phải chẳng
Thừa công đức ấy ai bằng?
Túc khiến đã rửa láng láng sạch rồi
Khi nên trời cũng chiều người
Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau
Giác Duyên đầu nhớ nghĩa nhau
Tiền đường thả một bè lau rước người
Trước sau cho vẹn một lời
Duyên ta mà cũng phúc trời chi không?"

(Kiều, Lê Văn Høe)

Ít khi Nguyễn-Du đề ai nói dài, nói lâu như ông đã đề cho đạo cô

Tam-hợp nói. Về nhân vật Tam-Hợp, có lúc Nguyễn-Du gọi là sư, có lúc ông gọi là đạo cô. Sư dĩ nhiên chỉ nhà tu hành môn đệ của Phật; còn đạo cô là bậc môn đệ chuyên lý số theo đạo Lão. Nhưng quan sát kỹ lưỡng nhân vật Tam-Hợp, ta thấy nàng không phải chỉ là môn đệ của Phật, hay chỉ là môn đệ của Lão mà thực ra nàng là môn đệ thuần khiết của cả Phật, Lão và Nho. Phải chăng vì vậy mà Nguyễn-Du gọi nàng là Tam Hợp, tức như Tam giáo đồng nguyên.

Có lẽ hơn tất cả mọi vai truyện, vai Tam-Hợp đã là Nguyễn-Du đích thực hơn cả. Tiếng nói của đạo cô Tam-Hợp là Nguyễn-Du, suy tư, chiêm-ngưỡng về thân phận con người và thân phận làm người. Trong Tam-Hợp — tức trong Nguyễn-Du — người ta gặp lại tất cả mọi niềm tin dị biệt đúc kết lại.. nào là niềm tin Phật, tin Lão, tin Khổng, nào là niềm tin dân gian cổ truyền. Phản ánh niềm tin Phật, đạo cô Tam Hợp nói đến “*duyên nghiệp*” đến “*túc khiên*”, đến “*nợ trước*” đến “*duyên sau*”, “*kiếp sau*”. Phát ngôn viên của Nho giáo, đạo cô Tam-Hợp nói đến “*đạo trời*”, đến “*hiếu tâm*”, đến “*hại một người, cứu muôn người*”, đến điều “*khinh trọng*”....

Nhưng có lẽ niềm tin của Lão giáo mới thực là niềm tin sâu xa của đạo cô. Đạo cô luôn luôn được xuất-hiện trước tiên như một nhà lý số một nhà tiên tri, tin vào bói toán, đoán biết vận người. Chính vì vậy mà đạo cô cho là biết trước mọi việc xảy đến cho Kiều và giải-thích òn thòá được mọi bế tắc đang dần vật thê xác và tâm thức Kiều.

Ngoài ra, đạo cô Tam-Hợp còn nói tiếng nói của dân gian, còn mang những niềm tin của dân quê, theo đó thân phận con người chẳng những ở kiếp sau mà ở cả kiếp này đều bấp bênh, vô định. Chính vì vậy mà đạo cô nói đến thái độ hốt hoảng “*ở không yên ổn, ngồi không vững vàng*”, nói đến “*ma đưa lối quỷ đưa đường*”, nói đến “*kẻ lưng hùm sói*”, nói đến “*trước hàm rồng cá, gieo mối thủy tinh*.”

Tất cả những từ ngữ bí hiểm, tất cả những xao-xuyến, hốt hoảng mà Nguyễn-Du đã để lộ ra ở thơ chữ Hán của ông thì nay ông đem để nó vào thái độ hay vào cửa miệng đạo cô Tam-Hợp. Thế cho nên đạo cô Tam-Hợp là tiếng suy nghiệm, chiêm ngưỡng về thân phận làm người của Nguyễn-Du.

Đạm-Tiên

Thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du luôn luôn nói đến mồ mã, tha ma

nghĩa địa, thì trong Kiều, hình ảnh mồ mã, tha ma, nghĩa địa đã được đặt ngay lên đầu câu truyện khiến cho từ đấy khởi đầu tất cả câu truyện :

Thanh minh trong tiết tháng ba

Lễ là tảo mộ, hội là Đạp-thanh

Cần xa nô nức yến oanh

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân

Đạp diu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước áo quần như nen

Ngõn ngang gò đồng kéo lên

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Ta nên chú trọng đến câu thơ cuối cùng “*Ngõn ngang gò đồng kéo lên*” Phải chăng gặp thời ly-loạn, đói khát, dân chết ngập đường, người ta bạ đầu chôn đáy như Ngô Thời-Chí hay Phạm Đình-Hồ đã từng ghi nhận, cho nên mới có cái *Cảnh mồ mã ngõn ngang*, nằm la liệt ngay bên vệ đường.

Nhưng trong đám mồ mã ngõn ngang ấy, Nguyễn-Du đã chú-ý đến một ngôi mộ, ngôi mộ không có hương khói, mà té ra lại phải ngay ngôi mộ của một ca-sĩ, tức ngôi mộ của một người có tài nghệ. Người con gái này bị thân chết đến cướp sự sống vào giữa lúc tuổi xuân. Đạm-Tiên biểu thị [của mồ mã, của tha ma, nghĩa địa, của sự chết, nhất là của niềm xao-xuyến, băn khoăn về cái mịt mờ của kiếp sau. Thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du luôn luôn được ông nói đến nỗi lo âu, sợ hãi rồi mai ngày khi nằm xuống dưới nấm mồ vui nông kia, có ai tưới cho ly rượu hay chén nước lá không, hay rồi thân mình thành ra cô hồn ma đói, hồn khát, đi lang thang, thất thểu...

Đạm-Tiên đã nhập thể mọi dự phóng siêu hình của Nguyễn-Du về thân phận con người của ông và của cả đồng loại ở kiếp sau.

Đạm-Tiên đã xuất-hiện bốn lần trong đời Kiều:

Lần đầu tiên, trong lúc Kiều đang lâm râm khấn vái bên nấm mồ lạnh hương khói của nàng:

Áo ào đồ lộc rung cây

Ở trong đường có hương bay ít nhiều

Đề chùng ngọn gió lờn theo

Đấu giầy từng bước in rêu rành rành.

Lần đầu này, Đạm-Tiên hiện ra mà không nói năng gì cả. Nhưng từ ngày ấy hình ảnh Đạm-Tiên chập chờn, lảng vảng, như tỏa ra, như

thấm vào, như bao trùm vũ trụ Kiều.

Lần hai, sau bữa gặp nhau ở dọc đường, Kiều gặp lại Đạm-Tiên trong giấc chiêm bao. Không phải chỉ là chiêm bao hư-huyền mà là một cuộc gặp gỡ thực sự; Kiều nhớ hình dáng của nàng; nhớ điều nàng nói với Đạm-Tiên; nhớ lời Đạm-Tiên trả lời mình:

*Thoát đầu thấy một tiêu Kiều
Có chiều thanh vận, có chiều thanh tân
Swong in mặt, tuyết pha thân
Sen vàng lững thững như gần như xa*

Sau khi tả Đạm-Tiên như vậy, Kiều thuật lại lời Đạm-Tiên:

*Thưa rằng: Thanh khí xưa nay
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên
Hàn gia ở mái tây thiên
Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu
Mấy lòng hạ cổ đến nhau
Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng
Vắng trình hội chủ xem tường
Mà xem trong số đoạn trường có tên
Âu đành quả kiếp nhân duyên
Cùng người một hội một thuyền đầu xa
Này mười bài mới, mới ra
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ*

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Lần ba, Đạm-Tiên lại xuất hiện vừa sau khi Kiều đắm mình tự tử khi bị Tú Bà hành hạ, nàng ri vào tai Kiều:

*“ Nhân quả dở dang
Đã toan trốn nợ đoạn tràng được sao?
Số còn nặng nghiệp má đào
Người đâu muốn quyết trời nào đã cho
Hãy xin hết kiếp liễu bờ
Sông Tiên Đường sẽ hẹn hò về sau”*

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Và khi bị gả ép cho một thổ quan, đang chờ mình đi trên thuyền ở mặt nước Tiên Đường, Kiều nhớ đến lời Đạm-Tiên dặn khi trước cho nên nàng gọi Đạm-Tiên:

*Đạm-Tiên nàng nhẽ có hay
Hẹn ta thì hẹn dưới này rước ta
(Kiều, Lê Văn Hoè)*

Sau đây, Kiều gieo mình xuống sông Tiên Đường. May mà đã có sẵn lưới của bà Giác-Duyên hứng chờ nàng cho nên trong lúc nàng vừa được cứu thoát thì Đạm-Tiên lại hiện đến:

*“ Rằng tôi đã có lòng chờ
Mất công mười mấy năm thừa ở đây
Chị sao phận mỏng đức dày
Kiếp xưa đã vậy lòng này để gì
Tâm thành đã thấu đến trời
Bán mình là hiếu cứu người là nhân
Một niềm vì nước, vì dân
Âm công cất một đồng cân cũng già
Đoạn trường số rút tên ra
Đoạn trường thơ phải đón mà trả nhau
Còn nhiều hường thụ về sau
Duyên xưa tròn trận, phúc sau đôi dào
(Kiều, Lê Văn Hoè)*

Đạm-Tiên là hiện thân của những dự phóng của Nguyễn-Du về các niềm tin-tưởng Lão-giáo: Nguyễn-Du luôn mơ về một cõi tiên:

*Trắc thân bất xuất hữu hình ngoại
Thiên tuế trường ưu vị tử tiên
Phù lợi vinh danh chung nhất tán
Hà như cập đạo học thần tiên*

Đạm-Tiên là một hình ảnh rùng rợn nhưng không kém vẻ say sưa quyến rũ: rùng rợn vì đầu sao thân phận Đạm-Tiên phủ đầy màu-nhiêm, say sưa quyến rũ vì Đạm-Tiên đã thoát ra được bên ngoài thế giới hữu hình để chơi vui trong thế giới thần tiên. Đạm-Tiên là một sức hiên-ngưỡng siêu hình có nhiều tính cách nghệ-sĩ, là mục tiêu mơ về của Nguyễn-Du giữa một thế giới điên đảo, bội bạc, tàn nhẫn, hung ác.

Nhưng Đạm-Tiên chẳng phải chỉ là một thánh nhân của đạo Lão mà nàng là thánh nhân kết tinh của tất cả mọi niềm tin khác. Nàng là hiền thánh của đạo Nho, phán xét và ghi công cho những giáo dân đã có tâm thành biết vì hiếu mà bán mình, vì nhân mà cứu người, biết trung quân, ái quốc:

*Bán mình là hiếu, cứu người là nhân
Một niềm vì nước vì dân*

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Ngoài ra, Đạm-Tiên còn là một bồ tát đã rửa sạch nợ, đã thấu hiểu lẽ luân hồi, đã giải hết nghiệp báo và chỉ đường cho chúng sinh Kiều đi vào con đường giải thoát

*Ấu đành quả kiếp nhân duyên...
Nhân quả dở dang...
Số còn nặng nghiệp má đào...
Hãy xin hết kiếp liễu bờ...
Kiếp xưa đã vậy lòng này để ai...*

Nhưng tất cả các thứ Nho, Phật, Lão ấy, Nguyễn-Du đem pha trộn nó vào với các niềm tin sẵn có của dân gian, như lòng tin vào trời đất, vào kiếp sống bên kia mà không hẳn là Niết-bàn, không hẳn là cõi tiên mà một nơi nào đó người chết còn phải sống nhờ và vào người sống từ chén nước, ly rượu, đến làn hương khói. Đạm-Tiên là một Nguyễn-Du chống hình thức, chống nghi lễ, chống giáo điều. Được vớt lên ở sông Tiên Đường mà Kiều được Đạm-Tiên tuyên bố là đã tu thành đạo hết nghiệp, hết nhân duyên.

Chẳng những Đạm-Tiên mà tất cả các con người tôn-giáo trong Kiều, từ hành-vi, cho đến ngôn-ngữ giảng giải giáo-lý... đều tỏ ra là những người muốn hiểu và sống đạo một cách rất linh-động, rất thoáng. Các thứ giáo điều gò bó, khô khan chẳng kỳ là của Nho, Lão, Phật đều bị Nguyễn-Du âm thầm bài trừ. Kiều đáng lẽ phải được Nguyễn-Du nhân danh giáo-lý Nho để mà quở trách. Đằng này không. Ông quan niệm giáo-lý Nho linh-động bằng cách cho Kiều được nhiều hành-vi tự-do mà người nho chính thống cho rằng chà đạp lên đạo-lý.

Theo Nguyễn-Du, Chân Kinh của nhà Phật phải là Kinh Phật không chữ mà tất cả mọi thứ Chân Kinh đều phải là thứ Kinh Không Chữ.

Như vậy các người tôn-giáo như Quán-gia, như sư Giác-Duyên, như đạo cô Tam-Hợp, như Đạm-Tiên, với tiếng nói tôn-giáo của họ, là

dự phóng con người siêu hình của Nguyễn-Du như là được mô tả trong thơ chữ Hán của ông. Họ đã đóng vai đúng con người tôn-giáo linh-động, dễ dãi không chấp nê, không câu nệ, không hình thức, không giáo điều của Nguyễn-Du vậy. Họ và giáo-lý của họ chưa thỏa-mãn ai hoàn-toàn mà như chỉ mới gợi lên đây một sự suy nghĩ, một sự đi tìm còn vắn vít nhiều bí mật màu nhiệm cho nên hình ảnh họ, nhất là hình ảnh Đạm-Tiên chẳng hạn, là hình ảnh khơi động sự sợ hãi, sự đe dọa, sự bấp bênh.

Thúy-Vân và Vương-Quan.

Xã-hội Kiều là một xã-hội đồng đảo, gồm đủ mọi giai tầng xã-hội mà người nào xem ra cũng đều là những tâm hồn hăng say, có lập trường, không mấy khi muốn nhìn việc đời một cách vô tâm.

Nhưng ta lại thấy có hai người hầu như lại là kết tinh, là hiện thân của sự vô tâm, của sự nhùng nhùng, của sự không can thiệp, của sự làm sao cũng được, của sự an nhàn, của sự đứng ở ngoài... Hai người đó Thúy-Vân và Vương-Quan.

Thực vậy, cuộc đời của hai nhân vật Thúy-Vân và Vương-Quan quả là ung dung, thanh bình.

Nàng Vân, khi nghe chị kể lẽ thân phận nàng Đạm-Tiên rồi lại thấy chị sụt sùi khóc, nàng có thái độ như phì cười bảo chị:

...Chị cũng nức cười

Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Đến khi nhà gặp tai biến, Kiều xoay xở bán mình chuộc cha, mà Vân xem ra vô can, mãi cho đến đêm khuya mới nghe Kiều khóc rưng rức, Vân đang ngủ ngon lành bỗng giật mình hỏi chị một câu thọc mạch nhưng hơi ngờ ngẩn:

Cơ trời dẫu bề đa đoan

Một nhà để chị riêng oan một mình

Cớ chi ngồi nhàn tàn canh

Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Kiều như diên khùng bộc lộ hết tâm can với em và còn táo bạo, tro trên gán duyên chị cho duyên em. Vậy mà Vân chẳng có phản ứng

còn xem chừng bằng lòng giúp chị, nhận tất cả di vật nơi tay Kiều. Mãi đến khi Kiều ngắt xiu, Vân mới rí tai và đưa trình cha mẹ các tang vật:

"Chiếc vành này với tờ bời ở đây"

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Thế rồi biệt tăm đi bao nhiêu lâu. Kim Trọng trở lại thăm Kiều và khi nghe cha nàng kể lẽ sự tình, nào việc Kiều bán mình, nào việc Kiều lổi nàng Vân cho chàng, Kim Trọng chẳng để ý gì đến Vân mà chỉ khóc lán khóc lóc, khóc đến té xiu. Thái độ ấy phải làm cho Vân hiểu Kim Trọng đã gửi cả tình cho Kiều và chẳng dành gì cho nàng, vậy mà Vân vẫn điềm tỉnh vâng lời chị, nghe lời cha gá duyên hờ cốt giúp đỡ cho chị. Thật là một cuộc đời thanh bình, vô can, chẳng cần cái gì, kể cả tình yêu.

Tệ hơn nữa là ngay khi đã cưới Vân rồi mà Kim-Trọng vẫn

"Tuần châu đời trọn, vô tư trăm vòng"

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Kỳ hơn nữa, là khi Kim-Trọng đã khuấy khuấy vì tưởng Kiều đã chết, thì Vân lại mơ Kiều còn sống và nàng lại sốt sắng báo *"tin mừng"* ấy cho Kim-Trọng. Thật là ngộ nghĩnh!

Càng ngộ nghĩnh hơn nữa việc nàng Vân sột sắng đi tìm chị với Kim-Trọng và khi Kiều đã theo về nhà rồi nàng Vân không hề ghen tuông mà còn rất vô tâm, rất không cần, thưa với chị trước mặt cả nhà:

"Trong tác hợp cơ trời"

Hai bên gặp gỡ, một lời kết giao.

Gặp cơn bình địa ba đào

Vậy đem duyên chi buộc vào cho em

Cũng là phận cải duyên kim

Cũng là máu chảy ruột mềm chó sao

Những là rày ước mai ao

Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình?

Bấy giờ gương vỡ lại lành

Khuôn thiêng lừa lọc đã dành có nơi

Còn duyên, may lại còn người

Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyên xưa

Quả mai ba bảy đương vừa

Đào non, sớm liễu, xe tơ kịp thì"

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Làm vợ Kim-Trọng mà Thúy-Vân vẫn *"những là rày ước mai ao"*, cho Kiều trở về thì quả thật nàng là một *"típ"* *"người làm sao cũng được"*, vô can, bình thân, đến độ ngó ngàng.

Đến Vương-Quan cũng thế. Lúc theo hai chị đi lễ thanh minh, Vương-Quan cũng phải đã lớn lắm rồi chứ đâu có bé, bởi vì Kim-Trọng *"Vời Vương-Quan trước vẫn là đồng thân"* kia mà. Thấy chị thồn thứt khóc lóc thương cảm Đạm-Tiên, Vương-Quan trách móc Kiều, điều ấy chẳng có gì là trái ngược, là lạ đời. Chứ đến vụ gia biến mà thân trai của Vương-Quan không làm được gì, hoặc để cứu cha, hoặc để giúp chị thì thật là ngộ nghĩnh, và khi chị đem thân bán cho người rồi, thì Vương-Quan bình thân đi làm nghề viết mướn để kiếm ăn. Thật là giản dị và thanh bình biết bao! Sau gặp khoa thi thì đi thi; đi thi đỗ rồi làm quan, đóng ở Phú-Dương.

Hai chị em Vân và Vương là hai kiểu người sống theo lý trí, theo lẽ nghi, đạo đức. Hai nhân vật này có phần kháng, mâu thuẫn Nguyễn-Du hay không? Quả thực không! Họ là phần hữu thức của cuộc đời Nguyễn Du, là tiếng nói lý trí, tiếng nói đạo đức của Nguyễn-Du, là chất nho phong trong huyết quản Nguyễn-Du.

Nguyễn-Du là hai con người: một con người khởi loạn, dẫu kín, rạo rục, một con người đoan trang xuất hiện ra ngoài. Nguyễn-Du đã lấy hai vai truyện Vân và Vương để gửi gắm vào đấy thái độ thờ ơ, lãnh đạm nhạt là cảm lạnh, không can thiệp, đứng ở ngoài của ông trước cuộc đời xã-hội động dạt mà ông thường phải đối phó.

Họ, bởi vậy, là *"con người công"* của Nguyễn Du, là con người bày hàng của Nguyễn-Du, là con người Nguyễn-Du như lúc phải xuất hiện trước xã-hội. Mặc dầu mang một cuộc sống động dạt, trong thực tế xấu xa của xã-hội đương thời, Nguyễn-Du đã hành động giống như nàng Vân hay chàng Vương, nghĩa là với thái độ lơ láo, coi như là vô tâm nhưng đứng ở ngoài, không can thiệp, làm sao cũng được. Hai người họ là dự phóng hữu thức giả dối của một Nguyễn-Du mang một tiềm thức say sưa rạo rục.

Nhưng ba nhân vật thường được người ta cho rằng gần Nguyễn-Du hơn cả là Kim-Trọng Từ-Hải và Thúy-Kiều.

Kim-Trọng

Muốn nhìn thấy Nguyễn-Du trong Kim-Trọng, phải nhìn Kim-Trọng

ở hai dự phóng Nguyễn-Du, một dự phóng của Nguyễn-Du tiềm thức, một dự phóng của Nguyễn-Du hữu thức.

Kim-Trọng được xuất hiện như hai con người xung đột nhau, mâu thuẫn nhau. Buổi đầu ta thấy một Kim-Trọng si mê, lãng mạn, sống bằng đam mê nhiều hơn bằng lý trí. Lần đầu tiên Kim Kiêu gặp nhau, lời chưa trao gửi mà đôi bên hầu như "tình trong như đã, mặt ngoài còn e", khiến cho đôi bên hầu như "chập chờn cơn tình cơn mê". Rồi khi về đến thư phòng Kim-Trọng đã hầu như mang bệnh tương tư rồi, cho đến đôi "nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuấy" và từ đấy đâm ra sầu thảm "sầu đông càng lác càng dày". Nỗi nhớ khiến chàng không ngồi yên được cho nên chàng bị lôi ra đường rẽ lối đi tìm Kiêu và trong lúc đôi bên đối diện, tương đàm, thì Kim-Trọng đã nhiều lần như là

Khi tựa gối khi cúi đầu

Khi vờ chín khúc, khi chau đôi mày

(Kiêu, Lê Văn Hoè)

có lần chàng như chẳng còn làm chủ được mình nữa :

Đầu mày cuối mắt càng nồng tằm yêu

Sóng tình dờng đã xiêu xiêu

Xem trong âu yếm có chiều là lời

(Kiêu, Lê Văn Hoè)

Chàng si tình ấy khi nghe người yêu bị nạn, đã bán mình, gửi thân cho kẻ khác, đã

Thoát nghe, chàng đã rụng rời xiết bao...

Chàng càng nghe nói càng rầu như đũa

Vật mình vẩy gió tuôn mưa,

Dầm dề giọt lệ, thần thờ hồn mai

Đau đời đoạn, ngắt đời hồi

Tình ra lại khóc, khóc rồi lại mê.

(Kiêu, Lê Văn Hoè)

Mấy lời thơ trích trên đây cho ta thấy Kim-Trọng rất đàn bà. Chẳng thể mà chàng vật vã, khóc lóc khóc lóc, khóc đến ngắt đi, ngắt lại, khóc đến lịm đi, để tình lại, lại khóc. Và mỗi khi tình lại chàng lại làm ra bộ quyết liệt với những lời thề thốt to tát :

Bao nhiêu của, mấy ngày đàng

Còn tôi, tôi gặp mặt nàng mới thôi !

Những lời quyết liệt đã đưa đến cái gì ? Chẳng qua đưa đến việc Kim-Trọng đi lấy Thúy Vân và xem ra cũng là vui duyên mới với nàng Vân lắm chớ chẳng phải chơi :

Người yêu diệu kẻ văn chương

Trai tài gái sắc xuân đương vira thì

Tuy rằng vui chữ vu qui

Vui này để cất sầu kia được nào

(Kiêu, Lê Văn Hoè)

Vân biết "cái vui này" chưa dễ gì cất ngay được cái sầu kia, nhưng đầu sao nó cũng là "cái vui" của Kim-Trọng rồi. Mà thực là duyên mới với nàng Vân hầu như đã lấp hay ít ra cũng choán ngang mối tình xưa :

Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa

(Kiêu, Lê Văn Hoè)

Lấy Vân rồi chàng lo đi học, rồi đi thi, đi thi rồi đi làm quan. Việc chàng bảo "bao nhiêu của, mấy ngày đàng", chàng cũng cứ làm cho đến khi tìm ra được Kiêu mới thôi, cái việc ấy, tuy chưa bỏ dứt, nhưng từ đây cũng bị gạt xuống hàng thứ hai.

Cái Kim-Trọng rất đàn bà, si mê, liễu lĩnh, đó là dự phóng của một Nguyễn-Du tiềm thức, một Nguyễn-Du ở bề sâu, một Nguyễn-Du dấu kín, cái Nguyễn-Du đã từng si mê cô lái đò Nhật mà sau này trong thơ chữ Hán có lẽ Nguyễn-Du gọi là cô Cẩm, người mà Nguyễn-Du đã dành cho một chỗ hầu như cao nhất trong đời tình cảm của ông.

Còn cái anh chàng Kim có vẻ như lơ láo, quên mất lời thề, vui duyên bên một Thúy-Vân ngày thơ, vô tâm gần như ngờ ngẩn, cái anh chàng Kim bình tĩnh đi học, dọn thi, thi đỗ, đi nhậm chức quan, phải chăng đây là hiện thân của một Nguyễn-Du hữu thức, cái Nguyễn-Du đã từng phải nghe theo lời mẹ kế, bỏ cô lái đò, để cưới một người vợ không quen biết, không yêu đương do bà mẹ kế ép buộc ?

Cái Nguyễn-Du lơ láo bề ngoài để giữ thể diện gia đình mà trong lòng vẫn áp ủ mối tình bị dồn ép phải chẳng đã được thực hiện qua dự phóng một Kim Trọng lơ láo vui duyên bên nàng Vân.

Nguyễn-Du đã tỏ cáo, trong cuộc sống, những giây phút ông được xuất hiện như một Kim-Trọng si mê, yêu lẫn yêu lóc, rất là ít, còn hầu như cuộc đời ông phải là cuộc đời cảm lạnh để phơi ra trong mười lăm năm

một chàng Kim hậu như lơ lảo, vô tình, thất ước, quên đi vãng... Tất cả cái bi đát, thể thảm trong cuộc đời là ở chỗ này, và tất cả cái đứt ruột của truyện Kiều cũng là ở chỗ ấy.

Từ-Hải.

Tại sao tất cả cuộc đời của Nguyễn-Du, qua thơ văn chữ Hán, đều xuất hiện như là đang tan rữa, điều tàn, hủy diệt, lại có thể có một dự phóng kiêu hùng trong con người Từ-Hải?

Thực ra, Từ-Hải chỉ là điều mơ ước bị giấu kín, bị dồn ép mãi tận đáy tâm thức Nguyễn-Du, chứ cái Nguyễn-Du hữu thức là một Nguyễn-Du vô vi, ít nói, hầu như câm lạng, chẳng muốn can thiệp, đứng ở ngoài... Từ-Hải là một dự phóng vọt ra dưới sức dồn ép quá độ.

Từ-Hải quả đã dự phóng giấc mơ kiêu hùng của Nguyễn-Du. Thực vậy, thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du đã chẳng biểu lộ Nguyễn-Du như Chim Phượng Hoàng, như Chim Hạc cao ngất ngưỡng, như tâm thân cao Sáu Thước, như Cây Tùng Cao Trăm Thước đương đầu với sương gió, bão táp đầy ư?

Sự chiêm ngưỡng thân thể mình như Chim Hạc, như Phượng Hoàng như Cây Tùng Trăm Thước đã kết tinh thành một dự phóng Từ-Hải với phong thái giống chim Hạc, giống Phượng hoàng, giống cây tùng trăm thước vậy:

*Bông đầu có khách biên đình sang chơi
Râu hùm, hàm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao
Đường đường một đấng anh hào
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài
Đội trời đạp đất ở đời*

*Giang hồ quen thói vẫy vùng
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo*

*Triều đình riêng một góc trời
Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà
Đời con gió quét mưa sa
Huyền thành đạp đổ năm tòa cõi nam.*

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Mấy vần thơ trích trên đây cho ta thấy rõ giấc mơ yêu dấu của Nguyễn-Du.

Nhưng giấc mơ yêu dấu ấy, chung cuộc, chỉ là một cơn ác mộng. Nguyễn-Du để cho ta thấy, qua thơ văn chữ Hán của ông, thân hạc của ông người ta muốn cắt ngắn cẳng nó đi, thân phượng hoàng của ông bị nhốt trong lồng, thân cây tùng của ông bị lẻ loi cô độc, và tấm thân sáu thước của ông đang bị già và bệnh hoạn làm tiêu diệt, tan rữa : tâm thức bi thương, tuyệt vọng ấy đã là dự phóng của một Từ-Hải, mặc dầu đã có lúc "đội trời đạp đất" "triều đình riêng một cõi trời", cuối cùng phải chết đứng giữa trời. Cái oai linh ấy cho Từ-Hải sau khi chết còn giữ được chút ít kiêu hùng, cho nên ta thấy Nguyễn-Du tả Từ-Hải :

*Khi thiêng khi đa về thân
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng
Trơ như đá vững như đồng
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời*

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Nhưng đứng là đứng vậy, chứ rồi khi "nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra". Hình ảnh Từ-Hải chịu thua, ngã ra, quỵ xuống là hình ảnh Nguyễn-Du chịu thua, ngã ra, quỵ xuống trước thực tế cuộc đời bế tắc, bi đát.

Dự phóng Từ-Hải, như vậy, đã biểu thị đúng tâm thức Nguyễn-Du : những hình ảnh chim phượng hoàng gãy cánh nhốt trong chiếc lồng ải nát, hình ảnh chim hạc chân dài quá không cắt đi được, hay hình ảnh cây cô tùng cao trăm thước ngêu nghện trước sân đình.. dưới mưa sa, gió táp.. đều đúc kết lại trong một Từ-Hải chết bi đát trong thái độ kiêu hùng.

Dự phóng một Từ-Hải kiêu hùng chịu thua, bị bẻ gãy là bóng dáng kiêu hùng, nhưng thua trận, ngã lòng của Nguyễn-Du, như là đang chiếu hắt lên trong tác phẩm *Đoạn-Trường Tân-Thanh*.

Vương Thúy-Kiều.

Trong tất cả mọi dự phóng, dự phóng Kiều mới thật là tất cả Nguyễn-Du, ở trong mọi cảnh thế và trường hợp. Kiều dự phóng tất cả Nguyễn, nhưng không dự phóng "toàn vẹn, y nguyên như vậy" mà là dự phóng với nhiều sửa chữa, trá hình..

Có một điều có thể làm ta bỡ ngỡ tại sao Nguyễn-Du, qua thơ văn chữ Hán của ông, được xuất hiện như là một thể xác bệnh hoạn, già, tóc bạc, tan rữa, rã rời, chết mà lại có một dự phóng Kiều luôn luôn đẹp, luôn luôn trẻ, luôn luôn khoẻ mạnh mặc dầu bị triền miên đau khổ trong tâm hồn, bị đánh đập, tàn sát đến thịt rơi, máu chảy trong thể xác ?

Một Kiều trẻ, đẹp, không bao giờ đau, không bao giờ suy giảm tài, sắc, và hầu bất tử sau bao nhiêu lần tự tử là dự phóng một Nguyễn-Du phản kháng, tự tiếm thức, đối với mọi lo sợ già, lo sợ tóc bạc, lo sợ bệnh hoạn, lo sợ chết...

Kiều là giấc mơ yêu dấu, nhưng bị đất, tuyệt vọng của Nguyễn-Du.

Ngoài dự phóng trá hình dưới phản thể ấy, Vương Thuý-Kiều, ở những dự phóng khác, đã biểu thị hầu toàn vẹn, y nguyên Nguyễn-Du.

Kiều yêu si mê, yêu vượt cả mọi vòng lễ giáo, yêu đi trước cả con trai, mạnh hơn cả Kim-Trọng :

Hai câu :

*Tình trong như đã mặt ngoài còn e
Chập chờn cơn tình cơn mê*

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Có thể hiểu về Kim-Trọng được, nhưng trước tiên chỉ về Kiều đã. Phải là một tiếng sét, chứ làm sao một người con gái lạ trên đường đi mà "tình trong như đã" rồi đến nỗi "chập chờn cơn tình cơn mê" chẳng phải chỉ là một xúc động bên đường mà rồi về đến nhà Kiều còn "ngồn ngang trăm mối bên lòng" đến nỗi "nghĩ đời con lại sự đời con".

Không phải Kim-Trọng tìm đến với Thuý-Kiều mà chính nàng táo tợn xông xáo đi tìm chàng, chính nàng "xắn tay mở khoá động đào". Thực vậy, Thuý-Kiều đã vượt tường chui rào sang tự tình với Kim-Trọng, chẳng phải một lần mà nhiều lần ngay trong một buổi chiều đã về đêm.

Cái người con gái yêu lẫn yêu lóc, yêu đến bỏ cả lễ giáo, đời cả cha mẹ, thăm vụng đàn diu với trai suốt một đêm trường ở nhà trai, nay chính người con gái ấy lại đủ sáng suốt, đủ nghị lực can-đảm, vâng theo lý trí, bỏ hẳn tình cảm để dứt với người yêu để bước ra đi, theo tiếng của nghĩa vụ, không tất nhiên đòi buộc nàng (vì thân nàng chỉ là con gái). Mà ràng đi để trao thân cho kẻ vũ phu. Nàng thù Mã Giám-Sinh hay Sở

Khanh, chỉ vì mấy anh chàng này lừa đảo nàng, chứ nếu họ thành thực với nàng thì đâu nàng có khinh thường mối tình của bọn họ. Chẳng thế mà khi Thúc-Sinh tỏ ra âu yếm nàng, thì nàng đã chẳng hầu như quên Kim-Trọng để vui duyên mới đấy ư ? Mà vui ngay những ngày đầu :

*Một nhà xum họp trúc mai
Càng sâu nghĩa bề càng dài tình sông
Hương càng đượm lửa càng nồng
Càng sôi vẻ ngọc, càng lồng màu sen*

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Đến khi Thúc-Sinh về thăm vợ cả, Thuý-Kiều đã chẳng buồn tẻ tái, đến ngăn ngại vì thương nhớ Thúc-Sinh đây ư ?

*Cầm tay dài thờ, ngắn than
Chia phôi ngưng chén, hợp tan nghẹn lời...*

*Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan san
Dặm hồng, bụi cuốn chinh an
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh
Người về chiếc bóng năm canh
Kẻ đi muôn dặm, một mình xa xôi
Vầng trăng ai sẽ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường"*

(Kiều, Lê Văn Hòe)

Trên đây là những dòng thơ hay nhất trong những dòng thơ hay nhất của Kiều, nói lên nỗi lòng đau đớn bị thương, mến nhớ, hầu như "tương tư" đối với Thúc-Sinh.

Nói tóm lại, nghĩa là Kiều hầu như quên mối tình đầu để đem cả tình yêu cho chàng Thúc.

Hết yêu Thúc Sinh, nàng lại đi yêu mê man chàng Từ-Hải, cho nên trong lúc.

"Nửa năm hương lửa đương nồng"

"Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương"

mà

thì Kiều lại buồn tẻ tái :

Nàng thì chiếc bóng song mai

Đêm thâu đặng đặng, nhật cài then mây

(Kiều, Lê Văn Hoà)

Đền khi Từ-Hải bị lừa thác oan thì nàng đã đau đớn muốn tự tử chết theo chàng :

Dòng thu như giọt cơn sầu

Đứt lời nàng cũng gieo đầu một bên

(Kiều, Lê Văn Hoà)

Tại sao Nguyễn-Du không xây dựng một nàng Kiều chung thủy, hoặc chỉ chung thủy với Kim-Trọng ? Hoặc chỉ chung thủy với Mã Giám Sinh mặc dầu chàng lừa lọc ? Hoặc chỉ chung thủy với Thúc Sinh ? Hoặc chỉ chung thủy với Từ-Hải ? Tại sao Nguyễn-Du lại xây dựng một Kiều, ngoài việc làm vợ khấp người ta ở lâu xanh không nói làm gì, lại có thể hết làm vợ của Kim-Trọng, rồi Mã Giám Sinh, rồi Thúc-Sinh, tới Từ-Hải, rồi lại trở về Kim-Trọng ? Đạo đức Nho giáo đâu có cho người đàn bà "di cư" tình yêu dễ dãi như vậy, thay đổi chồng mau chóng được như vậy, tái giá một cách bình thản như vậy. Bởi vì, dầu sao, theo nghi thức, nàng đã đính hôn, tức thành vợ chồng với Kim-Trọng. Rồi lại có cheo cưới chính thức với Mã Giám Sinh do cha mẹ làm chứng. Vậy mà sau này lại có cheo cưới đàng hoàng với Thúc-Sinh do đường quan và Thúc ông chủ động, rồi lại cheo cưới chính thức nữa với Từ-Hải. Và cuối cùng lại cheo cưới chính thức lại với Kim Trọng sau mười lăm năm lưu lạc.

Tôi nghĩ tất cả những phiêu lưu tình cảm của Kiều trong mười lăm năm trường, khi thực, khi giả, khi nhạt, khi nồng, khi dài, khi ngắn đều là diễn lại đầy đủ những phiêu lưu tình cảm trong cuộc đời Nguyễn-Du. Hình như, từ cái ngày mới tình đầu của Nguyễn-Du với cô Nhật hay cô Cầm chi đó bị tan vỡ, thì, cuộc đời tình ái của Nguyễn-Du, kể như không còn nghĩa lý gì nữa. Từ đấy, Nguyễn-Du hình như chỉ đi tìm an ủi ở những mối tình bên đường, nơi các ca sĩ gặp chỉ một lần không quá hai. Dự phóng một Thúy-Kiều xốc nổi, di cư ái tình một cách quá ư dễ dãi ấy là biểu hiện một Nguyễn-Du đang triển miên trong thái độ chiêm ngưỡng siêu hình về sự biến dịch của mọi sự, sự điếu tàn, rã rời, hủy diệt của thân phận con người, hướng hỏ là tình yêu chỉ là một sinh hoạt nhỏ bé của con người.

Đằng khác ta nhận thấy những phiêu lưu tình cảm của Thúy-Kiều cũng như mọi phiêu lưu tình cảm của Nguyễn-Du đều luôn luôn dạt đến một bại trận thê thảm, một chịu thua bi đát, một tuyệt vọng khốn khổ : sự gặp gỡ Kim-Trọng dẫn Kiều đến những cơn ác mộng hãi hùng ; sự gửi thân cho Mã Giám Sinh đã đưa nàng đến tan xương, nát thịt dưới ngọn roi của Tú Bà ; sự chạy theo Sở Khanh, Ưng hay Khuyển cũng thịt rơi máu chảy ; mối tình với Thúc đã đem lại cho nàng bao tủi, bao nước mắt và máu chảy, đến tình yêu với Từ-Hải đã dẫn đến cái chết cho chàng ở trận tiền và cho nàng ở sông Tiền Đường.

Tất cả mọi biến cố xảy đến cho Thúy-Kiều đều luôn luôn cho nàng nhận thấy thân phận nàng bi đát, bế tắc, lâm vào vòng luẩn quẩn không lối thoát. Tất cả ngàn ấy thứ đều dẫn Kiều đến một nhận định rằng : thân phận con người như là một mẩu nhiệm, như là đang quay cuồng, nghiền nát trong vòng bánh xe vô hình.

Kiều xuất hiện dưới mắt ta trong một thái độ chiêm ngưỡng siêu hình, suy tư về những câu hỏi mầu nhiệm đang vấn vương tâm thức hốt hoảng của nàng.

Kiều đắm mình trong thế giới siêu hình là Nguyễn-Du sa lầy trong sự chiêm ngưỡng siêu hình : thực vậy, tất cả thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du, đều là đắm vớt bằng những lý thuyết siêu hình. Nguyễn-Du luôn luôn băn khoăn, xao xuyến, sợ hãi cho tương lai, nhất là cái tương lai cho thân phận con người sau khi chết.

Là Nguyễn-Du, Thúy-Kiều cũng xuất hiện trong những lúc chiều xuống, tà dương, gió lạnh, đêm trường, chập chờn hồn ma. Vai Kiều đã dự phóng toàn vẹn, đôi khi có sự sửa chữa, trá hình, thân phận con người Nguyễn-Du như đang hốt hoảng, đang xao xuyến, đang run rẩy, đang điếu tàn, đang tan rữa, đang hủy diệt.

PHẦN THỨ BA

Đoạn-Trường Tân-Thanh như là một-hiện-hữu-ở-giữa-đời Hay Đoạn-Trường Tân-Thanh, như một bóng người vầy đầy máu, đứng-sừng-sững-ở-giữa-đời và gây nồn nao cho đời trong suốt 150 năm.

Cái Nguyễn-Du, già, tóc bạc, bệnh hoạn, hốt hoảng, xao xuyến, sợ chết... cái Nguyễn-Du ấy đã chết để đầu thai lại liền sau đó vào *Đoạn-Trường Tân-Thanh*, hay đúng hơn, vào trong Kiều. Bởi vậy, từ ngữ "Kiều", từ đây, có một ý nghĩa bao la, hầu như siêu hình. Kiều chẳng phải chỉ là một nhân vật trong truyện, mà "Kiều" đồng nghĩa với *Đoạn-Trường Tân-Thanh*, nghĩa là "Kiều", Một tiếng, Một âm thanh cô liêu đã thay thế cho cái tên dài lê thê những bốn chữ *Đoạn trường tân thanh* mà cũng nói lên, hay đúng ra, nói nhiều hơn cái tên dài kia, tất cả ý nghĩa của sự bi đát về thân phận con người và thân phận làm người. Kiều, tác phẩm, như là một chữ, một âm cô liêu như cuộc đời Nguyễn-Du đã cô liêu. Nói cách khác Kiều đã đồng nghĩa với Nguyễn-Du, thay thế cho Nguyễn-Du. Kiều là một thái-độ, một sự chiêm ngưỡng siêu hình về kiếp người trong tương quan với vũ trụ, với quỉ thần mà nhất là với người khác. Từ lúc đầu thai lại trong tác phẩm *Đoạn-Trường Tân-Thanh*, "*Nguyễn-Du tác-phẩm*" đã mang một hiện hữu, riêng biệt, độc lập, tách rời khỏi Nguyễn-Du — lịch-sử, Nguyễn-Du thực-bằng-xương và bằng-thịt, đến nỗi ông Nguyễn-Du lịch sử và thực này muốn giết chết đi cũng không được nữa.

Cái "*Hiện-Hữu-Kiều*" ấy, hay cái "*Nguyễn-Du-tác-phẩm*" ấy như một bóng người ghé sợ, rùng rợn đang chiếu hắt lên phòng không gian và thời gian, đứng sừng sững, xuất hiện lơ lửng, gây "nồn nao" xúc động, sống gió suốt từ cái ngày nó chào trong "tiếng khóc đứt ruột" của nó cho tới chính lúc mà quí vị đang nghe tôi nói đây là đúng 9 giờ 57 phút sáng mùng 10 tháng 10 năm 1965 này. Kiều hay Nguyễn-Du tác-phẩm đã mang một cuộc sống riêng biệt, cá thể, nhưng cuộc sống riêng biệt cá thể ấy phải sống với, giao thiệp với, ti lại với, đụng chạm với, nghĩa là Kiều hay Nguyễn-Du-tác-phẩm đã gia nhập vào một xã-hội, sống giữa xã-hội và mang thân phận như một người, một cá nhân của đoàn thể xã hội.

Như thân phận một con người hiện thực, Kiều-tác-phẩm cũng đã sinh ra là một hài nhi, lớn lên như một con bé nghịch ngợm, trở thành một thiếu nữ duyên-dáng, bước sang đời một vị trưởng thành đứng đắn, rồi đi vào kiếp già mua tuối tác, chết. Nhưng có khác người thường là Kiều, chết rồi lại đầu thai.

1 Thê-hệ 1788-1820

Thê-hệ những nhà văn đồng thời với Nguyễn-Du.

KIỀU HÀI NHI

Như mọi thân phận làm người, Kiều cũng đã là một bào thai và sinh ra làm một hài nhi bé bỏng, trong sự tối tăm, trước sự thờ ơ và không biết gì của đại xã-hội. Lúc này, Kiều có được biết chăng là được biết do vài ba người thân thuộc, hay do mấy "ông đỡ", "bà đỡ" của Kiều mà thôi.

Kiều lúc này còn bé bỏng quá cho nên bạn bè, thân thuộc có thăm nom chú ý là chăm nom chú ý đến cha hay mẹ Kiều. Thực vậy, ở thê hệ này, người ta đã thăm nom người sinh ra Kiều hơn là chính Kiều. Với thân phận bé bỏng, chưa có phản ứng, cho nên "hài nhi Kiều" như chưa có xuất hiện mà, trái lại, như còn dính liền, đồng nhất với người sinh ra Kiều. Người đến thăm nom Kiều không quan sát Kiều, không nói năng về Kiều, không thương cảm Kiều, mà thăm nom người sinh ra Kiều, nói năng thương cảm người đã mang nặng đẻ đau Kiều.

Thực vậy, mấy người thân thuộc hay đúng hơn, mấy người đã đỡ Kiều lúc Kiều vừa lọt lòng mẹ trong tiếng khóc đứt ruột vừa của nàng vừa nhất là của mẹ nàng, là ai nếu không phải là Phạm-Quý-Thích, là Mộng-Liên-Đường, là Phong-Tuyết chủ nhân.

Cả ba người đều là bạn thân của Nguyễn-Du, cho nên khi Kiều ra đời, thì cả ba ông chỉ nhìn vào thân phận làm mẹ mang nặng đẻ đau của Nguyễn-Du. Cả ba ông đều đã chỉ nói đến những nỗi bi thương của "người-mẹ-Nguyễn-Du" và hầu như lơ là với hài-nhi-Kiều.

— Phạm-Quý-Thích, tuy có nói đến Kiều, nhưng nêu ra trường hợp nàng Kiều để gọi tình thương cảm Nguyễn-Du, tức là Phạm-Quý-Thích muốn nhìn Nguyễn-Du qua Kiều, cho nên, tựu trung, Kiều chỉ là một cái cớ, một con đường đi tới: cái đi tới ấy là tâm sự Nguyễn-Du, là thân phận bi thương, buồn thảm của Nguyễn-Du :

*Nhất phiến tài tình thiên cõ lụy
Tân thanh đảo đê vị thày thương?*

Thế mới hay: một mảnh tài tình là cái lụy chung muôn đời. Vậy thì quyền Tân-Thanh này cốt để thương xót ai?!

1 Trích theo *Truyện Thúy-Kiều* của Bùi-Kỳ. Trần Trọng-Kim, tr. 4111.

—Phong Tuyết chủ nhân, trong bài tựa của ông cũng đã ghi nhận sự liên hệ, đan đũa giữa cuộc đời Kiều với cuộc đời Nguyễn-Du và đề lời thương cảm người bạn xấu số của ông. Thân phận của Nguyễn-Du đã được Phong Tuyết chủ nhân mô tả với những nét hết sức buồn thương.

Qua bài khóc Nguyễn-Du trên đây của Phong Tuyết chủ nhân ta cần ghi chú nhất mấy câu như : "... ai gặp phải thời ấy, bước vào cái cảnh ấy, ngón ngang những biển cỏ trước mắt, chông chát những khối lối ở trong lòng, mới phải mượn bút mực để chép ra, như truyện anh hùng, truyện đạo sĩ, ni cô, chẳng qua là mượn ngòi bút, tờ giấy để chép những cảnh ngộ lịch duyệt của bản thân mà thôi. Truyện Thúy-Kiều có lẽ cũng là một thứ sách như thế cả." ²

Đến như Mộng Liên Đường chủ nhân thì lời lẽ khóc bạn của ông càng lâm ly thống thiết :

" Xem chỗ giác mộng đoạn trường tình dậy mà căn duyên vẫn gỡ chưa rời; khúc đàn bạc mệnh gãy xong, mà oán giận vẫn còn chưa hả, thì dẫu đời xa người khuất, không được mực kích tận nơi, nhưng lời văn tả ra như hình máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn như đứt ruột. Thế gọi tên là Đoạn-Trường Tân-Thanh cũng phải. Ta lúc nhàn đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng : Tổ Như tử dụng tâm đã khô, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấy cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy. Bèn vui mà viết bài tựa này." ³

Qua một vài tài liệu tiêu biểu trên đây, ta thấy, ở thế hệ 1788-1820, tức thế hệ những người đồng thời với Nguyễn-Du, các nhà phê bình Kiều dưới lăng giác thân phận con người Nguyễn-Du, và, cũng ngay từ buổi đầu này, cái hiện hữu quái gỡ của Nguyễn-Du như là đang chiếu hắt lên tác phẩm, đã gây náo nao cho xã-hội, cái xã-hội của những người bạn của Nguyễn-Du, họ khóc Nguyễn-Du bởi nhìn thấy Nguyễn-Du trong Kiều hay nhìn thấy Kiều trong Nguyễn-Du.

1 Truyện Thúy-Kiều của Bùi-Kỷ, Trần Trọng Kim, tr. LI.

3 Truyện Thúy-Kiều, Bùi-Kỷ Trần Trọng-Kim tr. XLVIII.

2. Thế-hệ 1820-1862.

Thế-hệ Nguyễn Công Trứ

KIỀU-CON-BÉ-RANH-MÃNH-HỒN-XUỚC-ĐÁNG-GHÉT

Thế là *Hài-nhi-Kiều-bé-bồng*, được những ông đồ, bà đồ tận tâm săn sóc như Phạm Quý Thích, Phong Tuyết chủ nhân, nhất là Mộng Liên Đường, đã lớn lên, thành một Con-bé-ranh-mãnh, Hồn-xuốc, Lều-láo, Nghịch-ngợm... trước con mắt của "những-người-lớn" của thế-hệ Nguyễn Công Trứ. Thật vậy, "những người lớn" của thế hệ này (1820-1862) xem ra chẳng cảm tình gì, thương xót gì đối với "trẻ-con-Kiều", hay đúng hơn với *con-bé-con-Kiều*. Kiều là đứa trẻ con nghịch ngợm, phá phách cho nên "*họn-người-lớn*" ghét bỏ, đánh đập, không muốn chơi với.

Hai câu ca dao mà quý vị thường nghe :

Đàn ông chó kè Phan Trần

Đàn bà chó kè Thúy-Vân Thúy-Kiều

có lẽ đã ra đời trong khoảng thời gian này. Nó đã nói lên sự ác cảm, ghét bỏ của dư luận "*người lớn*" đối với "*trẻ nít Kiều*".

Đến như tác giả *Đại Nam liệt truyện*, ta thấy ông cũng chẳng có gì gọi là nể nang ra chuộng cái *tiền-thân* của Kiều là Nguyễn-Du. Trương Đăng Quế đã nói đại khái về Nguyễn-Du như sau :

"Nguyễn-Du là người ngạo nghễ tự phụ, song bề ngoài tỏ vẻ giữ gìn cung kính, mỗi lần vào chầu vua, thì ra dáng sợ sệt như không biết nói năng gì hết. Đến khi ốm nặng, ông không chịu uống thuốc, bảo người nhà sờ tay chân. Họ thưa đã lạnh cả rồi, ông nói : "Được, được." rồi mắt không hề trối lại một điều gì."

Khác với Trương Đăng Quế, tác giả nói trên, Nguyễn Công Trứ, nhà văn lãnh đạo thế hệ văn học nằm giữa thế kỷ XIX (1820-1862) có vẻ đánh mắng *trẻ-con-Kiều*.

Thực vậy, ở thế hệ này, người ta ghét Kiều như là *tác phẩm* và chẳng yêu gì Nguyễn-Du như là người đã khai sinh ra một Thúy-Kiều chà đạp lên luân lý đạo đức. Nói cách khác, nhà phê bình thế hệ Nguyễn Công Trứ (1820-1862) đã chỉ đứng trên quan điểm luân lý đề mà nhận xét và đánh giá Kiều. Chính bởi thấy họ đã nhìn thấy một Thúy-Kiều ngỗ nghịch, phá phách, đáng ghét, không muốn chơi với. Nguyễn Công Trứ đã từng viết về Kiều :

Từ Mã Giám-Sinh cho đến chàng Từ-Hải
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu
Bây giờ Kiều còn hiểu vào đâu
Mà bướm chán ong chường cho đến thế
Bạc mệnh chẳng nhằm người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm

(Kiều, Lê Văn Hoè)

Quả thực, các nhà phê bình vào loại như Nguyễn Công Trứ đã chỉ nhìn Kiều ở thái độ kẻ lớn, phải đàng hoàng, phải lễ phép, phải đạo đức cho nên người ta đã ghét bỏ, xua đuổi Kiều...

3. Thế-hệ 1862-1913.

Thế-hệ Chu Mạnh Trinh

KIỀU-CÔ-BÉ-TỘI-NGHIỆP-ĐÁNG-THƯƠNG

Nếu ở thế-hệ trước, thế-hệ bọn người-lớn Nguyễn Công Trứ (1862), Kiều là con bé ranh mãnh, lếu láo, hỗn xược, nghịch ngợm, phá phách, bị bọn người lớn đánh đấm xua đuổi, thì sang đến thế hệ Chu Mạnh Trinh (1862-1913), Kiều đã lớn lên, không còn là con bé Kiều, trẻ nít Kiều mà đã thành một cô-bé-Kiều-tội-nghiệp-đáng-thương, nhất là có duyên. Cái cô bé Kiều ở tuổi dậy thì, đã biết e thẹn này, dần dần chiếm được cảm tình, nhất là lòng thương của nhiều người.

Những Trương Vĩnh Ký, những Đào Nguyên Phổ, Nguyễn Văn Thắng, những Chu Mạnh Trinh... đều thương hại cô-bé-Kiều, một cô bé duyên dáng dễ thương, nhất là tội nghiệp. Thực vậy, dưới con mắt các nhà phê bình Kiều thuộc thế hệ 1862-1913, cô bé Kiều xuất hiện như một thân phận bé bỏng, tội nghiệp, đáng thương. Chính vì vậy mà người ta đưa nhau thì ân cho Kiều, nâng đỡ Kiều: Trương Vĩnh Ký phiên âm, chú giải, phê bình Kiều, còn Nguyễn Văn Thắng, Đào Nguyên Phổ và Chu Mạnh Trinh thì nhau khóc Kiều.

Nói đến khúc tình ca đứt ruột của Tiên-Điền, Đào Nguyên Phổ, qua ngòi bút dịch của Nguyễn Văn Tố, đã có những dòng thể thâm sau đây:
"Mực muốn mứa mà bút muốn bay, văn muốn kêu mà chữ muốn nói. Khiến người cười, khiến người khóc, khiến người buồn, khiến người đọc đi đọc lại nghìn lần, càng đọc thuộc lòng mà càng không thấy chán: thật là một thiên tuyệt xướng của nam âm". (Bản dịch của Nguyễn Văn Tố, *Tri Tân*, số 70).

Nhưng Chu Mạnh-Trinh mới thực là người đã khóc thương Kiều và muốn hòa mình vào thân phận xao xuyên, tan rữa của Kiều. Đề giới thiệu hai mươi bài khóc Kiều của ông, Chu Mạnh-Trinh đã đọc cả tâm tư của ông trong mấy lời tựa có vẻ đẫm cả máu và nước mắt: "Ai đừ nước mắt, khóc người đời xưa. Thế mà giống đa tình lưỡng những sầu chung, giọt lệ Tầm dương chan chứa, lòng cảm cụ ai xui thương mướn, nghe câu Ngọc-thụ nảo nùng. Cho hay danh sĩ giai nhân, cùng một kiếp hoa nghiêm nặng nợ; ngán nổi non xanh đất đỏ, để riêng ai lưu lạc đau lòng. Ta cũng nỗi tình, thương người đồng điệu. Cái kiếp không hoa làm cầm, con hồn xuân mộng bằng khuâng. Đã toan đúc nhà vàng, chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chùm phượng thảo, hú vía thuyền quỳnh" (Trúc-Khê, *Chu Mạnh-Trinh*, tr. 8).

Qua mấy dòng tiêu biểu trên đây, ta thấy các nhà phê bình Kiều, ở thế hệ này, không thăm định giá trị Kiều, như là đã thực hiện được những kỹ thuật văn chương tuyệt vời, cũng không phải vì Kiều đã phản ánh Nguyễn-Du, mà tất cả cũng như mỗi người đều nhìn thấy có một chút ít, hay rất nhiều, thân phận bi đát, tội nghiệp, đáng thương, xót xa của mình trong cái đứt ruột, chịu thua, rã rời của thân phận Kiều hay chính thân phận Nguyễn-Du. Người ta đã đồng nhất mình với Kiều hay Nguyễn-Du, cho nên, kết cục, chẳng hiểu thiên hạ khóc Kiều, khóc Nguyễn-Du hay khóc chính thân thể mình, thương chính cái đáng thương của thân phận mình, xót xa chính cái bé bỏng, tội nghiệp của chính mình: nói tóm lại, người ta đã nhìn Kiều với thái độ nghệ sĩ, tài tử thuần túy và phê bình Kiều theo dòng cảm xúc mãnh liệt chan chứa ở trong cõi lòng.

4. Thế-hệ 1913-1932.

Thế-hệ Nguyễn Văn Vĩnh—Phạm Quỳnh

KIỀU-THẦN-TƯỢNG-KIỀU-MINH-TINH

Như vậy ta thấy, đối với Kiều trong một thế kỷ qua, người ta mới chỉ có những ác cảm hay thương xót mơ hồ. Nhưng từ *Đông-Dương tạp-chí*, và đặc-biệt từ *Nam-Phong tạp-chí* tức từ năm 1913 đến năm 1932, Kiều không phải chỉ là một cô bé nhí nhảnh, có duyên, đáng-thương, mà từ đây, Kiều trở thành minh tinh, là hoa hậu, hấp dẫn, quyến rũ, Hầu như có cả

một tôn giáo Kiêu được thành lập từ năm 1913. Tôn giáo Kiêu đã vươn tới diềm cực thịnh vào những năm 1918-1925.

Trên *Đông-Dương tạp-chí*, chẳng những Nguyễn Văn Vinh chú thích Kiêu, giới thiệu Kiêu với người đồng hương của ông mà còn dịch nó ra Pháp văn để giới thiệu tiếng kêu đứt ruột này với thế-giới Tây phương.

Phan Kế Bình phân tích Kiêu và hạ những lời phê bình đầy thiện cảm với Kiêu: "*Nhờ chỗ tả cảnh, tả tình, tình cảnh nào, như vẽ ra tình cảnh ấy*".

Nhưng vị tông đồ truyền bá tôn giáo Kiêu mạnh nhất là Phạm Quỳnh.

Trên *Nam-Phong* số 30, tháng 12 năm 1919, tr. 480, Phạm Quỳnh đã dành hàng mấy chục trang liền để khảo cứu về Kiêu. Trong bài nghiên cứu này, Phạm-Quỳnh đã có sáu nhận định về Kiêu:

- Kiêu là cuốn sách được tôn sùng hơn hết.
 - Kiêu là cuốn sách cao thượng hơn hết: "Không đâu có cuốn sách nào vừa cao thượng đủ cảm được người học thức, vừa giản dị đủ cảm kẻ bình thường, như truyện Kiêu."
 - Tác giả Kiêu đáng được toàn quốc tôn thờ: "Một người đã có công với quốc-văn như cụ thật đáng lưu danh thiên cổ, và đáng cho quốc-dân sùng phụng muốn đời như một ông thánh trong nước vậy."
 - Truyện Kiêu và tác giả truyện Kiêu sẽ bất diệt.
 - Văn chương Kiêu, tài tình, kiệt tác vào bậc nhất thế giới, có lẽ cả Pháp lẫn Tàu cũng khó có tác phẩm nào địch nổi Kiêu.
 - Nhân vật trong thế giới Kiêu sinh động như thực.
- Từ ngày Phạm Quỳnh đặt Kiêu lên bàn thờ, liên miên trong mười năm trời, thiện nam tín nữ luôn luôn tụng niệm dâng hương lên Kiêu. Ở đây chúng tôi chỉ nêu lên một vài nhân vật có tên tuổi.

Riêng Vũ Đình Long, năm 1923, trong suốt ba số *Nam-Phong* 68, 69, 70, đã viết ba bài tràng giang đại hải, nào là bàn về nhân vật truyện Kiêu được sáng tạo để "sinh hoạt hết như thực, ngôn ngữ cứ chỉ của người nào trong truyện Kiêu cũng hợp với cái tâm lý của người ấy, Nguyễn-Du tiên-sinh là một nhà am hiểu nhân tình thế thái, trông suốt gan ruột người đời một cách sâu xa mật thiết." Nào ca ngợi triết lý và luân lý Kiêu: "Cái triết lý truyện Kiêu cao bao nhiêu thì luân lý truyện Kiêu càng bày nhiều.. Cái luân lý cao quý vô cùng ấy, thực là lời châu ngọc hàng

gám thù, ta nên thấp hương cảm tạ cụ mà kính linh đem ra thực hành."

Sau Vũ Đình Long đến Nguyễn Trường Tam, năm 1924, *Nam-Phong* số 79, đã hô hào lấy Kiêu làm sách giáo khoa: "Cái làn sóng thơ Kiêu hình như lai láng khắp cõi Nam... Nói đến cái hay của Kiêu thì chưa biết thế nào mà kể được. Ta chỉ nên nhận rằng văn chương Kiêu có thể làm cái mẫu rất tốt cho văn-chương quốc-ngữ, và người nào làm văn cũng nên theo cách làm văn trong truyện Kiêu, vì những câu thơ trong truyện đó đã tới cực diềm."

Rồi cũng bắt chước Vũ Đình Long, Nguyễn Trường Tam lại cũng ca ngợi luân lý Kiêu: "Kiêu thực là một tấm gương luân lý thiên cổ."

Đó chỉ mới là những ý kiến cá nhân, cứ đến tháng 8 năm 1924, Kiêu mới xuất hiện như là thần tượng trên khắp nước: toàn quốc tổ chức rất linh đình lễ kỷ niệm Tiên Điền Nguyễn-Du. Buổi lễ long trọng nhất được tổ chức tại Hà-Nội: gồm có việc các đào các kép kể truyện Kiêu, ngâm Kiêu, nhưng đáng chú ý là có ba nhà văn tên tuổi đã dâng đàn khóc Kiêu hay đúng hơn là tôn xưng Kiêu là nữ thánh, đó là ông Nguyễn Đôn Phục, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh.

Khác hẳn mọi người, Phạm Quỳnh không thương khóc Kiêu mà suy tôn, xưng tụng nàng như thần thiêng, thánh sống.

Trong bài diễn văn này lửa, có thể coi như một hỏa tiễn đã bắn Kiêu lên tới Ngọc Hoàng thượng đế.

Thứ nhất Phạm Quỳnh coi Nguyễn-Du là người đã tác thành ra tiếng nước nhà: "Hiện nay suốt trong quốc dân ta, trên từ thượng lưu học thức, dưới đến kẻ lam lũ làm ăn, bất cứ già trẻ bé lớn, đàn ông đàn bà, ai ai cũng biết truyện Kiêu, ai ai cũng kể truyện Kiêu, ai ai cũng ngâm truyện Kiêu. Như vậy thời ai ai cũng phải nhớ ngày giỗ cụ và nghĩ đến cái ơn của cụ tác thành cho tiếng nước nhà."

Theo Phạm Quỳnh, nếu không có Kiêu, văn học Việt-Nam trông rỗng: "Muốn biết cái ơn ấy cho đích đáng hãy thử giả thiết cụ Tiên Điền không xuất thế, cụ Tiên-Điền có xuất thế mà quyền truyện Kiêu không xuất thế, quyền truyện Kiêu có xuất thế mà vì có giỗ không lưu truyền thời tình cảnh tiếng An-nam đến thế nào, tình cảnh dân tộc ta đến thế nào."

Đối với Phạm Quỳnh chẳng những Kiêu gắn liền với tiếng nước nhà mà còn gắn liền với vận mệnh quốc gia dân tộc mình nữa:

"Một nước không thể không có quốc hoa, truyện Kiêu là quốc hoa của

ta, một nước không thể không có quốc tủy, truyện Kiều là quốc tủy của ta, một nước không thể không có quốc hồn, truyện Kiều là quốc hồn của ta”.

Hơn thế nữa, Phạm Quỳnh còn cho rằng ta chỉ thực là người Việt Nam, từ ngày ta có Kiều, chứ bấy lâu trước kia, đối với đất nước này ta mới chỉ là dân ngụ cư. Chính Kiều làm cho chúng ta là chủ nhân hợp pháp đất nước này: “Truyện Kiều là cái văn của tự của giống nòi Việt Nam ta đã trước bạ với non sông đất nước này. Trong mấy nghìn năm ta chôn rau cắt rốn, gửi thịt gửi xương ở cõi đất này, mà ta vẫn hình như một giống ăn trọ ở nhờ, đối với đất nước non sông vẫn chưa từng có một cái văn tự văn khế phân minh chứng nhận cho ta cái quyền sở hữu chính đáng. Mãi đến thế kỷ mới rồi mới có một đảng quốc sĩ, vì giống nòi, vì đồng bào, vì tổ tiên, vì hậu thế, rõ máu làm mực tá tã một thiên văn khế tuyệt bút khiến cho giống An-nam được công nhận, nghiêm nhiên, rõ ràng, đích đáng làm chủ nhân ông một cõi sơn hà gấm vóc”.

Vì tin rằng Kiều là văn tự, văn khế cho nên mỗi khi tưởng rằng cái văn tự ấy có thể bị mất trộm đi thì Phạm Quỳnh “không khỏi rùng mình chột dạ, sững sốt, rụng rời”.

Tuyên bố từng ấy thứ đã là táo bạo rồi, đằng này Phạm Quỳnh còn mạnh bạo hơn mà gọi là kinh là kệ nữa: “Văn chương người ta thiên kinh vạn quyền, đâu có thiếu một quyền cũng chẳng hại gì. Văn chương mình có độc một quyền, vừa là kinh, vừa là truyện, vừa là Thánh thư, Phúc âm của cả một dân tộc.”

Quả thực như lời Ngô Đức Kế nhận xét, tôn giáo Kiều lan tràn như vũ bão. Ngô Đức Kế đã ghi nhận điều đó trong mấy chữ rất mỉa mai nhưng cũng rất thực sau đây: “Trong nước ngày nay, nào là bình phẩm văn chương Kiều, nào là phê bình Kiều, nào là chú thích Kiều, nào là thơ vịnh Kiều, cho đến hát tuồng Kiều, diễn kịch Kiều, chớp ảnh Kiều, trong nhà ngoài đường, trên trời dưới đất, đâu đâu cũng Kiều. Cứ xem trong hiện trạng ấy, thì nước Việt-Nam ngày nay gọi là Kim Văn Kiều quốc, nòi giống Việt-Nam mà gọi là Đại Kim Văn Kiều tộc cũng là đúng lắm chứ không sai.”

Chính vì nhận thấy Kiều được tôn xưng lên làm quốc giáo như vậy cho nên Ngô Đức Kế, trong bài “Chánh học cùng tà thuyết” đã huýt còi la ó, đòi tống Kiều ra khỏi Núi cực thánh mà Phạm Quỳnh, Nguyễn

Tường Tam, Vũ Đình Long đã cùng dân chúng rước nàng vào ngự trị.

Nếu phe Phạm Quỳnh bần Kiều lên đến cung trăng, thì Ngô Đức Kế đã chìm Kiều xuống tận sinh lý. Dưới con mắt Ngô Đức Kế, Kiều chỉ là một dâm thư, cho nên tuyên truyền, cổ động Kiều là tuyên truyền cổ động điều tà dâm. Ngô Đức Kế đã đập thẳng vào đầu mình mà nàng đang ngự. Ông đập tan nát cả bọn theo tôn giáo Kiều mà ông kết án vào tội giả dối, bịp bợm.

Tiếng hô đã đảo Kiều của Ngô Đức Kế năm 1924, mãi đến năm 1930 mới có thêm một người họa theo. Người đó là Huỳnh Thúc Kháng. Nhà ái quốc họ Huỳnh còn kết án Kiều nặng hơn Ngô Đức Kế. Theo ông, Kiều chỉ là một con đi đang làm cho dân tộc này điêu đứng và tiêu diệt! “Nói cho đúng ra truyện Kiều là một thứ dâm thơ, rõ không ích gì mà có hại. Ở xã hội ta từ có kẻ tán dương truyện Kiều truyền bá học Kiều đến nay, đã biết bao lớp thanh niên say mê sống sắc, chìm nổi biển tình, đứt cả nền nếp gia đình, trật tự xã hội mà theo mối ham mê của mình. Hiện xã hội ngày nay mà diễn ra những tuồng thương phong bại tục kia, cái giống độc con đi Kiều, gieo vào trong cõi tư tưởng không phải là ít”

Thật không ở đâu, bằng ở đây, qua những nhận xét mâu thuẫn, trái ngược nhau của những bậc tài mắt trong xã hội, ta thấy cái Huỳnh Thoaí Nguyễn Du được xuất hiện như một Hiện hữu kỳ quái mâu nhiệm

Hai thái độ cực đoan về Kiều đã xảy ra vào cuối thế hệ 1913-1932: say mê và tôn sùng Kiều đến cực độ và mạ lị chửi bới Kiều cũng hết điều.

Thực là cái hiện hữu kỳ quái Nguyễn-Du như chiếu hát lên trong Kiều quả đã gây náo nao trong lòng người của cả thế hệ này.

5. Thê-hệ 1932-1945.

Thê hệ Tự lực văn đoàn

KIỀU-BA-GIÀ-HẾT-DUYÊN

Ở thế hệ trước (1913-1932), thê hệ mà người ta, theo như lời Phạm Quỳnh từng ghi nhận, chưa hy vọng có thể làm công việc sáng tạo được. Người ta chỉ mới dám nghĩ đến làm công việc nghị luận

biên khảo. Dư luận cho rằng nền văn học cò điển, tuy lỗi thời, nhưng cũng sản xuất được những áng văn trác tuyệt mà đời sau không thể nào vượt hơn được. Nền văn học mới, thì còn mới quá, chưa đủ điều kiện để sáng tác được những công trình có bản sắc, vĩ đại. Nhưng đầu sao, tương lai cũng có rất nhiều hứa hẹn.

Truyện Kiều được người ta suy tôn tốt bậc, lắm khi quá đáng là đề nhân nhũ, gởi gắm rằng ngôn ngữ Việt-Nam, nếu trong dĩ vãng đã có những tác phẩm như Kiều, thì, trong tương lai, sẽ cũng phải có những công trình lớn lao. Trước sự vắng vẻ của sinh hoạt văn học, trước sự thiếu thốn của những công trình sáng tác có giá trị, tác phẩm Kiều dĩ nhiên là nổi bật lên, và phải được xuất hiện như là một niềm tin, một lời hứa, một cam đoan, một hãnh diện.

Nhưng từ năm 1932 trở đi những công trình sáng tác văn nghệ có bản sắc và mạnh mẽ ồ ạt ra đời, ứng đáp và trả lời đúng những mong đợi thầm kín của các tâm hồn, cả trẻ lẫn già. Truyện Kiều dù có đẹp đến đâu, hay đến mấy cũng là đồ đã quá quen thuộc, đã quá cũ và có tính cách xa hẳn những trường hợp mà con người đang cần đổi phỏ.

Chính vì vậy mà làn sóng Kiều trước đây đã dâng lên cao bao nhiêu, thì nay đây, ở thế hệ 1932-1945, đồ xuống thấp bấy nhiêu.

Những thái độ cũng như những nhận định rất là trái ngược mâu thuẫn nhau về truyện Kiều, khởi đầu từ Mộng Liên Đường, qua Nguyễn Công Trứ, đến Chu Mạnh Trinh, tới Phạm Quỳnh, Ngô Đức Kế vẫn còn tiếp diễn suốt mười ba năm văn học thế hệ 1932-1945.

Hoàng Ngọc Phách, Dương Quảng Hàm, Nguyễn Khắc Hiếu, Đào Duy Anh... và nhiều người khác... còn khen Kiều, nhưng không sốt sắng cho lắm như thời Phạm Quỳnh nữa. Đến những Sáng Đình, Huỳnh Thúc Kháng và bao nhiêu cây bút khác vẫn còn tiếp tục công kích Kiều nhưng chẳng hăng say lắm.

Đứng trước những cô Loan, cô Mai, cô Lan, cô Nhung...trẻ, tân học, mới, tự do, Kiều, dù có bạo dạn có duyên dáng mấy cũng thành ra một bà già rồi. Nói cách khác, Kiều đang phải chiến đấu với những thần tượng khác mới hơn muốn nhẩy lên chiếm chỗ Kiều trên bàn thờ tôn nghiêm mà các tín đồ của thế hệ trước đã rước nàng vào. Tôn giáo Kiều từ đây, tuy ít bị đàn áp, bách hại, nhưng số tín đồ sùng bái không còn đông đảo sốt sắng như thời trước.

6. Thế-hệ 1945-1954.

Thế-hệ ảnh hưởng chủ nghĩa Xã-hội.

KIỀU-BỊ-ĐẦU-TỔ-BỊ-HÒA-TÁNG

Năm 1945, một biến cố chính trị quan trọng xảy ra: việc Pháp đầu hàng, nhất là việc mặt trận Việt-Minh cướp chính quyền, chẳng những đã làm đảo lộn cục diện chính trị mà còn xáo trộn cả quan điểm xã hội. Lý thuyết xã hội khuynh tả, rồi dần dần ngã theo Cộng sản duy vật, đã ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt văn nghệ.

Sau mười ba năm (1932-1945), có vẻ sống ra rìa xã hội, thương chẳng thương nhiều, ghét chẳng ghét lắm, đột nhiên, từ năm 1944, Kiều đã bị các nhà văn khuynh tả, dựa theo lý thuyết mác-xít đã lôi Kiều ra đấu tố. Người đầu tiên lôi Kiều ra đấu tố là Nguyễn Bách Khoa trong *Văn chương truyện Kiều* (1945). Đặc biệt là từ cuối năm 1946 sang năm 1947, cả một phong trào bài trừ văn nô dịch được phát động. Các áng văn cò điển như Chinh-Phụ, Phan-Trần, Hoa-Tiên, Cung-Oán, Kiều và các thơ văn mới của Lưu Trọng-Lư, của Thế Lữ, của Xuân Diệu... bị liệt vào loại văn tình cảm, lãng mạn, nô dịch, phản động, cùng với rất đông những người đồng hội đồng thuyền với nàng, Kiều bị các cán bộ văn nghệ đem ra tố khổ trước tòa án nhân dân. Người ta đòi thủ tiêu, hòa táng Kiều, đứng sỏ một trong số các văn nô dịch, phản động. Đề phát động phong trào thi đua tiêu diệt văn nô dịch, người ta đã sốt sắng đi cướp sách vở ở các thư viện công và tư, nhất là các loại sách như Kiều hay Cung Oán, chất thành đống cao như núi tại nhiều địa điểm rồi châm lửa đốt. Chính chúng tôi đã được chứng kiến vào khoảng năm 1948 một cuộc hỏa thiêu sách vở mệnh danh là "văn nô dịch" ở ngay tại vườn hoa thị xã Thanh-Hóa. Kiều bị kết án là văn chương ủy mị, văn chương lãng mạn, văn chương tư sản, văn chương phong kiến, văn chương phản cách mạng. Chính chúng tôi cũng chịu ảnh hưởng một phần nào cái phong trào ấy cho nên khi soạn thảo cuốn *Văn Chương Chữ Nôm* năm 1946 chúng tôi cũng đã có thái độ khá nghiệt ngã đối với luân lý truyện Kiều, nhưng không phải tất cả mọi người đều cho Kiều là văn chương phản động. Tại vùng quốc gia, người ta vẫn tiếp tục nghiên cứu Kiều thậm chí có người còn lấy Kiều làm đề tài luận án thi văn bằng Tiến sĩ như trường hợp ông Trần Cửu Chấn.

7. Thế hệ 1954-1965

Thế hệ Nam Bắc phân chia

KIỀU-ĐÀU-THAI

Bị hòa sáng và nằm chết có gần mười năm, từ 1945 đến 1954, Kiều đã lại đầu thai lại vào khoảng từ sau năm 1954 ở cả hai miền Nam và Bắc tức ở cả hai miền Quốc-gia và Cộng-Sản.

Thực vậy, sau những đam mê chính trị nhất thời qua đi, lòng người lắng xuống, những giá trị vĩnh cửu được khám phá và phục hồi. Anh em Văn-nghệ miền Bắc đã thay đổi thái độ đối với Kiều. Người ta không coi Kiều là văn nô dịch, là văn phong kiến, là văn phản động nữa. Ngược lại, người ta ca ngợi Nguyễn-Du, Người ta ca ngợi Kiều, coi Kiều như là một tiểu thư phong kiến đã bị vô sản hóa, và, nhờ đấy, đã giác ngộ đê, cuối cùng, phản phong kiến, phản đế quốc. Theo các nhà phê bình mác-xít, thì tất cả bọn quan lại, tất cả bọn chủ lầu xanh, tất cả những Mã Giám Sinh, những Thúc Sinh, những Hồ Tôn Hiến... đều là thành phần phong kiến, là những người bóc lột người. Kiều từ ngày bỏ gia đình, cha mẹ, là một thân phận vô sản bị mọi giai cấp có tiền, có quyền, bóc lột, chà đạp để hưởng thụ. Kiều, dọc qua cả cuộc đời của nàng, là một sự phản kháng, tố cáo những bất công, những tội ác của xã hội thối tha đương thời. Hiểu như vậy, Kiều đã được xuất hiện như là một tay tiên cách mạng vô sản. Và văn chương Kiều là văn chương phản phong bài đế. Chính vì vậy mà Kiều lại được đề cao.

Còn ở trong Nam sau khi người ta đã chán chê phân tích đề khen chê một cách lâm nhâm từ cách đặt câu, chọn tiếng, một lớp nhà phê bình trẻ, chịu ảnh hưởng của học thuyết hiện sinh đã đem ra một lối nhìn mới về Kiều. Theo họ, Kiều là một trường hợp, là một thân phận làm người phải dẫn thân vào một cuộc đời. Trong cuộc dẫn thân ấy, Kiều đã phải đặt ở giữa những lựa chọn bi đát, đã phải đối phó với những cảnh đời bế tắc, bi thảm. Kiều chẳng qua là một sự suy tư về cuộc đời, một sự chiêm ngưỡng bi đát về thân phận làm người của con người. Được đặt vào một vị trí, một trường hợp cụ thể, và được nhìn trong bối cảnh bế tắc ấy, Kiều đã được ghi nhận như là một lối hành động đi tìm, trong mù sương, ý nghĩa sống, và qua mọi trở ngại, bế tắc, một lựa chọn bi thiết. Nói cách khác, truyện Kiều đã cung cấp cho nhà phê bình hiện sinh nhiều đề tài cụ thể, sống động để suy tư

và biện minh cho lối nhìn cuộc đời dưới những khía cạnh rất mực là bi đát.

Nói tóm lại, Kiều và qua đấy, Nguyễn-Du đã đầu thai lại và đang được xuất hiện như là con người của thời đại, là hình ảnh quyền rũ, lối cuốn. Nhưng rồi, tới những thế hệ đang đến, Kiều sẽ đi về đâu, Kiều có trẻ mãi, hay lại già đi và lại chết. Một chấm hỏi lớn mà chúng ta ngồi đây ít ai trả lời được.

Chỉ biết rằng cuộc đời của Nguyễn-Du là một hiện hữu kỳ quái, gờ lạ. Hiện hữu quái gờ ấy, với tiếng kêu não nề, đứt ruột, đang chiếu hắt lên tấm phông cuộc đời và ngân vang tiếng rên la rên rĩ khắp sân khấu xã hội khiến cho mọi người phải cảm thấy nôn nao, quay cuồng. Tất cả ngăn ấy thứ chứng tỏ rằng Nguyễn-Du là một thiên tài, đã muốn bắt chước Tạo Hóa mà cũng tạo dựng nên một đứa con tinh thần của mình. Vậy như con người là hình ảnh của Thượng Đế thế nào thì, dưới mọi chiều phía, Kiều cũng là hình ảnh của Nguyễn-Du như vậy.

THẺ-LỆ MUA VĂN-HOÁ NGUYỄN-SAN

Mỗi số (Tu-nhan) :	12\$	1 năm (12 số) :	120\$
		nửa năm (6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm (12 số) :	240\$
		nửa năm (6 số) :	120\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 8\$

- Các cơ-quan hoặc tư-nhan tại ngoại-quốc mua dài hạn trả 8 Mỹ-kim một năm (12 số), kể cả cước-phi gửi bằng đường thủy.
- Độc-giả mua dài hạn xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa (89, Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

**NHỮNG SÁCH BÁO DO HỘI NGHIÊN-CỨU
HÀNH-CHÁNH XUẤT-BẢN**

Hội Nghiên-Cứu Hành-Chánh với sự cộng-tác của Học-Viện
Quốc-Gia Hành-Chánh và các Giáo-sư tại Học-Viện
đã xuất-bản các sách sau đây :

1. <i>Tổ-chức Hành-Chánh V.N.</i>	Giáo-sư Lê-Văn-An	150\$
2. <i>Niên-Giám Hành-Chánh 1963</i> (cập-nhật-hóa đến 22-11-63)		65\$
3. <i>Nghiên-cứu về Hành-Chánh Công</i>	Dwight Waldo	40\$
4. <i>Rút kinh-nghiệm của các nước tiên-tiến</i>	Giáo-sư Nghiên-Đặng	20\$
Ngoài ra Hội vẫn tiếp-tục bán các sách sau :		
5. <i>Tài-Chánh-Học Đại-Cương</i>	Giáo-sư Nghiên-Đặng	150\$
Quyển I. Ngân sách		150\$
II. Công phí		150\$
III. Tài-nguyên Quốc-gia		100\$
6. <i>Hiển-Pháp Lược-Khảo</i>	Giáo-sư Ng-Quang-Quỳnh	60\$
7. <i>Hành-Chánh Nhập-Môn</i>	Giáo-sư Trương-Ngọc-Giàu	150\$
8. <i>Phương-Pháp Thống-Kê</i> (Anh Việt đối-chiếu)	Snyder	50\$
9. <i>Nghệ-Thuật Quản-Đốc</i> (Anh Việt đối-chiếu)	J.D. Millett	80\$
10. <i>Nghiên-cứu một Cộng-đồng Thôn-xã Việt-Nam</i>		80\$
Phân Hành-Chánh	LLoyd W. Woodruff	80\$
Phân Kinh-Tế	J. B. Hendry	50\$
Xã-Hội-Học	G. C. Hickey	
11. <i>Nguyệt-San Nghiên-Cứu Hành-Chánh</i>		55\$
Công-sở : I cuốn		660\$
I năm		40\$
Tư-nhân : I cuốn		540\$
I năm (cả cước-phí bảo-đảm)		

Hội Nghiên-Cứu Hành-Chánh 10, Trần-Quốc-Toán, Sài-gòn.

D.T. 23119

THÍCH THIÊN-ÂN

Khoa-trưởng Đại-học Văn-khoa Vạn-Hạnh

Trưởng-ban Sư-học Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

**giá-trị triết-học tôn-giáo trong
truyện kiều***

Nếu "thơ là người" thì qua cuốn *Truyện Kiều* chúng ta có thể thấy được một Nguyễn-Du đầy kinh-nghiệm lịch-lãm trên đường đời, một Nguyễn-Du dòi-dào tinh-thương và ý-chí, dù gặp phải bao nhiêu trở ngại gian truân.

Cái hay cái đẹp của *Truyện Kiều* không những ở chỗ ngôn-từ hoa-lệ, văn-chương thâm mỹ, ý-tứ thâm-trầm phong-phú, mà còn ở chỗ tác-giả đã mượn cốt người trong truyện để miêu-tả một cách khéo-léo tài tình những thăng trầm vinh nhục của cuộc đời, những vui buồn thương ghét của con người và những tan hợp bèo mây của thực-trạng xã-hội. Cao xa hơn nữa, Nguyễn-Du đã dùng *Truyện Kiều* để diễn đạt một quan-niệm triết lý nhân-sinh, một giá-trị triết-học tôn-giáo. Theo ý chúng tôi, điểm đặc sắc của *Truyện Kiều* là ở đó, và có lẽ vì thế nên quần-chúng Việt-Nam, nhất là các giới bình-dân đã đón nhận *Truyện Kiều* như một vật thần yêu, nếu không phải là chính của lòng mình, đời mình.

Cồ-nhan đã nói : "Di văn tải đạo" (Lấy văn-chương mà chở đạo-lý). Câu nói ấy rất thích hợp cho *Truyện Kiều*. Vì thế chúng tôi không đồng-ý với quan-niệm khe-khắt của một số người đã phê-bình : *Truyện Kiều* là một tác-phẩm kêu gọi lòng tà-dâm dục-vọng, là vi-phạm đến luân-lý đạo đức. Trái lại, đọc *Truyện Kiều* chúng ta thấy : bàng-bạc trong văn trong lời những đức tính hy-sinh vô-cùng, những kham-nhẫn tột-độ của kiếp nhân-sinh thống khổ.

Khi đọc *Truyện Kiều*, dù tâm-hồn có sắt-đá bao nhiêu ta cũng không thể dằn lòng mà không rung-cảm, thương cho nàng Kiều vì số

* Nguyễn-văn bài diễn-thuyết tại Thỉnh-đường Trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ, ngày Chủ-nhật 21-11-1965 do Hội Việt-Nam Nghiên-cứu Liên-lạc Văn-hóa Á-châu và Phân khoa Văn-học Khoa-học Nhân-văn thuộc Viện Đại-học Vạn-Hạnh tổ chức vào dịp "Kỷ niệm 200 năm thi-hào Nguyễn-Du".

"tài-ba bạc-mệnh" thương cho Nguyễn-Du "sinh bắt phùng thời", thương cho ta, thương cho những người đã sinh ra trong cuộc thế phù-du ảo-mộng.. Lòng thương ấy là gì, nếu không phải là chữ "Nhân" của Khổng-Tử, chữ "Kiêm-ái" của Mặc-Tử, chữ "Bác-ái" của Jésus Christ và chữ "Từ-bi" của đức Phật?

Tuy nhiên, ở đây chúng tôi không có ý đề-cao giá-trị văn-chương nghệ-thuật của truyện Kiều, cũng không có ý muốn so sánh Nguyễn-Du với các nhà đại-văn-hào của nhân-loại. Thiết nghĩ việc ấy coi như thừa vì chính tác-phẩm và tác-giả đã tự chứng minh cho giá-trị của mình trong quá-trình văn-học-sử Việt-Nam và Thế-giới. Vì vậy, ở đây chúng tôi chỉ có ý muốn khai-thác một khía cạnh — khía cạnh triết-học tôn-giáo của truyện Kiều — hầu góp một vài nhận xét về truyện Kiều trong văn-đàn Việt-Nam, đồng thời cũng đề gọi là món quà văn-ngệ trong dịp Kỷ-niệm đệ-nhị - bách chu-niên của một nhà văn tiên-bối, Cụ Tiên-Điền Nguyễn-Du mà thôi.

Thưa quý vị,

Đứng về khía cạnh triết-học tôn-giáo, chúng ta thấy tư-tưởng triết-học nổi bật nhất trong truyện Kiều là tư-tưởng triết-học Phật-giáo. Điều này cũng không lấy gì làm lạ, vì như chúng ta đã biết: Nguyễn-Du là một nhà Nho-học uyên-thâm, và ở nước ta thời ấy từ Nho-học bước qua Phật-học rất gần, bởi lẽ hầu hết kinh-diễn của Phật-giáo đều viết bằng chữ Hán. Và lại, sống trong một mảnh đất "đất lành chim đậu" với truyền-thống "Tam-giáo đồng-quy" này thì không những một mình Nguyễn-Du mà đến cả các nhà văn-hóa đương thời hầu hết đều ảnh-hưởng bởi tinh-thần này. Một hệ-thống triết-học xuất-thể của Phật-học, một kỹ-cương luân-lý lễ-nghĩa của Nho-học và một khuynh-hướng vô-vi phóng-khoáng của Lão-Trang đã hòa-hợp với nhau như nước với sữa, bổ-túc cho nhau như các bộ-phận trong con người để tổng-hợp hòa-đồng thành một nền văn-hóa Việt-Nam có mấy nghìn năm lịch-sử.

Do đó, truyện Kiều với cụ Nguyễn-Du nói riêng, các tác-phẩm với những nhà văn tiên-bối nói chung, là xây-dựng cơ-sở trên nền tảng "Tam-giáo" ấy. Riêng về Truyện Kiều thì dù có nhiều đoạn đề-cập đến những đạo nghĩa /luân thường của Nho-học và những ước-vọng tiêu-dao phóng-khoáng của Lão-Trang, nhưng kỳ thật ảnh hưởng của tư-tưởng triết-học Phật-giáo bao giờ cũng sâu đậm hơn.

Thật vậy, điềm độc đáo của triết-học Phật-giáo là thuyết-minh sự vô-thường hữu-hạn của vũ-trụ nhân-sinh. Đứng về vũ-trụ nhân-sinh, Phật-giáo chủ-trương rằng: Vạn-vật giữa đời này là nhân-duyên hòa-hợp với nhau mà sanh, nên không có một vật nào là thật-có, tất cả đều như-huyễn. Vì thế nhân sinh, và vũ trụ là vô thường, giả-huyễn, hữu-hạn và đau khổ. Dựa vào quan điềm này của đạo Phật, Cụ Nguyễn-Du trong Truyện Kiều đã mở đầu cho cuốn truyện của mình bằng những câu thơ sau đây:

Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Trải qua một cuộc bể dâu,

Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng!

Trong 4 câu thơ mở đầu này chúng ta thấy: Tác-giả đã phác-họa ra trước mắt ta một cảnh đời đau thương áo-não của những vô-thường biến-đổi, những thăng trầm vinh nhục, những bãi biển nương dâu của cuộc đời. Vì thế đã sinh ra kiếp người, không ai tránh khỏi cảnh vô thường, đau khổ và chết chóc. Chết trẻ, chết già, chết bệnh, chết hoạn, chết vì bao nhiêu thử-thách gian-truân của cuộc đời, ít người sống vượt khỏi giới hạn roo năm. Đối với kiếp người tuy 3 vạn 6 ngàn ngày là dài, nhưng đối với thời gian vô tận thì nó ngắn-ngủi làm sao!

Đề điễn tả rõ ràng về ý-kiến của mình đối với kiếp người vô-thường biến-đổi, Cụ Nguyễn-Du trong Truyện Kiều đã viết như sau:

Đạm-Tiên nàng ấy xưa là ca-nhi.

Nỗi danh tài-sắc một thì,

Xôn-xao ngoài cửa thiếu gì yên-anh.

Phận hồng-nhan có mộng-manh,

Nửa chừng xuân thoát gậy cành thiên-hương.

Một người con gái đã mang nặng số-kiếp "đào-hoa bạc-mệnh", đã chịu chung số-phận "trăm gậy bình rơi" ở nửa chừng xuân thì làm gì có chồng con gia-đình, lấy ai mà săn-sóc hương-khói, sớm viếng tối thăm? Đứng trước cảnh-tượng vắng-về quạnh-hiu của một nấm mồ chôn người con gái bạc-mệnh ấy, tác-giả viết:

Sè sè nấm đất bên đường,

Dầu dầu ngon cỏ nửa vàng nửa xanh.

Rồi thì:

Trái bao thờ lặn ác tà,

Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm!

Thật là thể-lương áo-nào, thật là buồn-thảm đau-thương cho một kiếp người! Suy người rồi ngẫm đến ta, ai mà không chạnh lòng nghĩ đến số-phận mình trong giờ phút từ-biệt ấy?

Nhưng định-lý vô-thường của cuộc đời không những chỉ diễn-hiện trong lúc từ-biệt mà thôi, nó còn đến với ta trong từng giờ từng phút, trong những cảnh sinh-ly nữa! Trong Truyện Kiều, Cụ Nguyễn-Du đã lấy Thúy-Kiều và Kim-Trọng làm điển-hình để diễn-tả cảnh sinh-ly ấy qua 2 câu thơ sau:

*Ông Tơ gàn quải chi nhau,
Chưa vui sum-hợp đã sầu chia phôi!*

Rồi đứng trước cảnh tai-trời vạ-gió, oan-ức phân-ly của gia-đình, em gái Kiều là nàng Thúy-Vân đã than-thở:

*Cơ trời dẫu bề đa-đoan,
Một nhà dề chệ riêng oan một mình!*

Cuối cùng, cái gì sẽ đến đã đến và Cụ Nguyễn-Du đã dặt vào trong cảnh sinh-ly ấy giữa nàng Kiều với những người thân-thích trong gia đình như sau:

*Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.
Trời hôm mây kéo tối rằm,
Rầu rầu ngọn cỏ, đăm đăm cành sương.*

Và sau đó, khi những người thân-thích trong gia-đình "sau cơn bĩ cực đến thời thái lai", các tai-biến hoạn-nạn đều tiêu-tan, mọi người gia-quyền được đoàn-tụ vui-vầy trong vinh-hiền thì riêng chỉ một nàng Kiều còn lặn-đạn lao-lung, chìm nổi phiêu-bạc trong bề-khò mệnh-mông không bờ-bến.

*Thương ôi không hợp mà tan,
Một nhà vinh-hiền riêng oan một nàng!*

Nhưng vì sao nàng Kiều phải đau-khò như thế? Trước hết, trên nguyên-tắc chung của kiếp người chúng ta thấy: Số dĩ nàng Kiều phải đau-khò là vì nàng đã sanh ra trong cuộc đời này, nghĩa là đã mang lấy một xác thân con người. Đức Khổng-Tử đã nói:

*"Ngô hữu đại hoạn vị ngô hữu thân,
Ngô nhược vô thân hà hoạn chi hữu"?*

Nghĩa là:

*"Ta có đại-hoạn vì ta có thân,
Ta nếu không thân làm gì có hoạn"?*

Cũng đồng một quan-niệm như thế, Cụ Nguyễn-Du đã viết:

*Ngẫm hay muôn sự tại Trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.*

Hai đoạn văn trên là gián-tiếp giải-thích định-lý: Đời là bề-khò của đạo Phật. Trong Phật-giáo Đức Phật đã dùng thuyết "Tứ-đế" để diễn-tả định-luật này. Số dĩ có đau-khò (Khô-đế) là vì có gây ra nguyên-nhân của khổ (Tập-đế). Ngược lại cũng thế. Số dĩ có quả-vị Niết-bàn an-vui (Diệt-đế) là vì đã thực-hành theo các phương-pháp chân-chánh (Đạo-đế). Cho nên chúng ta thấy rằng: vì có gây ra nguyên-nhân đau-khò nên phải chịu kết-quả khổ, và khổ là một định-luật không thay đổi của cuộc đời. Nhưng đó là định-lý chung của mọi người. Riêng đối với nàng Kiều thì ngoài định-lý chung trên, còn có những nguyên-nhân khác nữa.

Trước hết, vì nàng Kiều là người đã làm theo bổn-phận người con, biết hy-sinh mình để cứu con tai-biến của gia-đình cha mẹ. Nàng đã:

*Sao cho cốt-nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến từng quyền biết sao.
Duyên hội-ngộ đức cù-lao,
Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn?
Đề lời thệ-ước mình sơn,
Làm con trước phải đền ơn sinh-thành.*

Nàng Kiều đã vì phụ-thân, vì gia-biến, vì những người thân-thích trong gia-đình, nên đã hy-sinh tình yêu, hy-sinh hạnh-phúc cá-nhân, ra đi với nghĩa-vụ của người con hiếu-thảo. Và cũng từ đó, nàng bắt đầu gánh chịu bao điều oan-trái đáng cay, bao cảnh đọa-đày lao-khò của kiếp phong-trần!

Nào là:

*Từ đây góc bệ chân trời,
Nắng mưa thui-thối, quê người một thân!*

Nào là :

*Hóa nhi thật có nỡ lòng,
Làm chi dày tía vò hông lấm nao !*

Nào là

*Giọt riêng tâm-tả tuôn mưa,
Phần cảm nỗi khách, phần nhớ nỗi mình !*

Nào là :

*Khi tình rượu lúc tàn canh,
Giật mình mình lại thương mình xót xa.
Khi sao phong-gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.*

Nào là :

*Trúc còn ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh.
Xót thay đào lý một cành,
Một phen mưa gió tan tành một phen !*

Nào là :

*Lâm-chuy chút nghĩa đèo bồng,
Nước non đẽ chữ tương phùng kiếp sau
Bốn phương mây trắng một màu,
Trông vởi cổ quốc biết đâu là nhà ?*

Nếu đức Phật đã dạy: “Đời là một bể khổ mênh-mông không bờ bến”, và “Nước mắt của chúng sanh tràn đầy bốn bể đại-dương” thì những gian khổ oan-khiến, những nhớ nhung thương tiếc những thử thách gian-truân của nàng Kiều trong kiếp sống đọa đầy sương gió lại càng khổ đau nhiều hơn nữa. Nhìn cuộc đời của nàng Kiều ai mà không xót xa thương hại ? Chính vì cảm thông với niềm trắc-ân của chúng ta nên cụ Nguyễn-Du trong Truyện Kiều đã thay ta than một lời than bất tuyệt như sau :

*Thương thay cũng một thân người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi !
Những là oan-khổ lưu-ly,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân ?*

Đến đây, chúng ta cần đặt lại câu hỏi: Vì sao cũng đồng một thân người mà nàng Kiều lại bị đọa đầy lao-khổ đến thế ? Ngoài lý-do vì đã mang lấy thân người, vì phụ thân, gia-biến, vì mọi người trong gia-đình, còn có lý-do nào khác nữa chăng ?

Trước khi trả lời câu hỏi này, chúng ta cần tìm hiểu nguyên-nhân đau-khổ theo quan-niệm của Phật-giáo. Đức Phật dạy: “Khổ có 8 thứ là sanh-khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, cầu không được là khổ, xa-lìa người thân là khổ, gặp-gỡ kẻ oán-thù là khổ, thân-tâm không điều-hòa là khổ”. Nguyên-nhân của các nỗi khổ ấy là tham, sân, si, là mê-mờ dục-vọng, nói vắn-tắt là vì cái tâm tham-dục chấp-trước của con người. Vậy thì muốn hết khổ ta cần phải tu-luyện và phải chấm-dứt cái tâm tham-dục chấp-trước ấy đi.

Cái tâm tham-dục chấp-trước ấy hiểu một cách phổ-thông tức là tình dục của con người. Dựa vào thuyết-lý này, Cụ Nguyễn-Du đã miêu-tả nguyên-nhân khổ-đau của nàng Kiều như sau :

*Thúy-Kiều sắc-sảo khôn-ngoan,
Vô-duyên là phận hồng-nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ “tình”,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong !*

Thật đúng như thế. Nếu nàng Kiều cũng như ai, trong khi “chấp kinh tòng quyền” nàng cắt đứt tình yêu-thương đối với Kim-Trọng, bớt những lo âu thương-nhớ đối với những người thân-thích trong gia-đình thì có lẽ những nỗi khổ-đau của nàng cũng được nhẹ bớt một phần nào chăng ? đây thì không. Trong những bước đường lao-đao lận-đạn, chịu nhiều đọa-đày gian-khổ của thể-xác và tinh-thần, bao giờ nàng cũng hồi-tưởng đến những người thân ở quê hương xứ-sở, nhớ đến những lời thề trăng hẹn nước, tiếc rẻ những kỷ-niệm êm-đẹp của thời xưa. Những nỗi-niềm thương-nhớ ấy đã được diễn-tả trong lời tự-than của nàng Kiều sau đây :

*Biết thân đến bước lạc-loài,
Nhi-đào thà bẽ cho người tình-chung.
Vị ai ngăn đón gió Đông,
Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi !*

Hay là :

Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng.
 Dầu lạ ngộ ý còn vương tơ lòng.
 Duyên em dầu nổi chỉ hồng,
 May ra khi đã tay bông tay mang.
 Tắc lòng cố-quốc tha-hương,
 Đường kia nổi nợ, ngồn-ngang bời-bời !

Ở một chỗ khác trong Truyện Kiều, Cụ Nguyễn-Du lại vẽ ra một nàng Kiều đa-tình đa-cảm trong số phận hẩm-hiu của một người con gái xa tình-quân-bằng những câu thơ như :

Người vẽ chiếc bóng năm canh,
 Kẻ đi muôn dặm, một mình xa-xôi.
 Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
 Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Thật đúng là chữ "Tình" đã trói buộc nàng Kiều trong vòng lao-lý, cô-đơn, nhớ thương và đau khổ. Điều này đã được xác-nhận trong giáo-lý của đạo Phật bằng một câu sau đây : "Nước bao giờ cũng chảy xuống; tham-muốn và tình-dục sẽ đưa con người vào đau khổ". Vâng chính lòng tham muốn và tình-dục đẩy con người vào trong vòng trần-luân đau-khổ, hay nói theo danh-từ của Phật-giáo là nghiệp-báo luân-hồi.

Là một nhà nho-học thâm-sâu, thông-hiểu Phật-lý, Cụ Nguyễn-Du đã cảm-nhận một cách sâu-sắc thuyết nghiệp-báo luân-hồi này. Cho nên chúng ta thường thấy bàng-bạc tẩn-mác trong Truyện Kiều những câu thơ như sau :

Kiếp xưa đã vụng đường tu,
 Kiếp này chẳng kéo đến-bù mới xuôi.
 Dầu sao bình đã vỡ rồi,
 Lấy thân mà trả nợ đời cho xong !

Hay câu :

Người này nặng kiếp oan-gia,
 Còn nhiều nợ lắm sao đà thác oan !

Hay câu :

Làm cho sống đọa thác dày,
 Đoạn-trường cho hết kiếp này mới thôi.

Hay câu :

Kiếp này duyên đã phụ duyên,
 Dạ-dài còn biết sẽ đến lai sanh.

Hay câu :

Phận sao bạc chẳng vừa thôi,
 Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng-nhan,
 Đã đành túc-trái tiền-oan,
 Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi.

Dựa vào thuyết-nghiệp báo luân hồi của đạo Phật, chúng ta thấy rằng : Chết không phải là hết. Chết chỉ là một sự thoát-xác, đổi từ trạng-thái sinh hoạt này qua trạng thái sinh hoạt khác, đau khổ hoặc sung-sướng hơn kiếp này, tùy theo nghiệp nhân mình đã gây tạo ra ở kiếp trước mà thôi.

Người Việt-Nam chúng ta nói riêng, các dân tộc Á-Đông nói chung phần nhiều đều hấp-thụ theo tư-tưởng nghiệp-báo luân-hồi này, nên không bao giờ chúng ta tin : Chết là mất hẳn. Thật thế, một tiếng trống còn gây được vang âm trong những buổi chiều thăm thẳm ở những núi đồi thung lũng; một viên đá rơi vào mặt nước còn khuấy động lên được những làn sóng lăn-tăn lan dần đến nơi vô tận, huống nữa là một kiếp người, kết-tính của nhiều động-tác gây nên bởi hai phần vật-thể và tinh-thần ?

Có lẽ cũng vì lẽ ấy nên người Việt-Nam chúng ta thường có thói quen tin rằng : sau khi chết, vật-chất tan-rã, nhưng linh hồn vẫn còn tồn tại, nhất là những người thác-oan, chưa trả hết nợ trần duyên trong cuộc thế. Linh-hồn ấy thường ở trong chốn u-linh, phảng-phất trong hương khói, và thường hay trở về trần-thế để viếng thăm những nơi có nhiều liên-hệ với mình trong khi còn sống, nhất là những ngày húy kỵ, chạp-giỗ v.v... Cũng vì thế nên các gia-đình ở Việt-Nam và các nước Á-Đông thường có tục-lệ tổ-chức những đình-dám linh-đình trong những ngày kỵ-giỗ.

Cụ Nguyễn-Du đã diễn-tả tập-quán và lòng tin ấy của giới bình-dân Việt-Nam qua lời căn-dặn của nàng Kiều đối với em gái là nàng Thúy-Vân như sau :

Mai sau đâu có bao giờ,
Đốt lò hương ấy, so tờ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió là hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc-mai.
Dạ-dài vắng mặt khuất lời,
Rày xin chén nước cho người thác oan.

Nhưng có một điều chúng ta cần nhắc lại ở đây rằng: Theo đạo Phật thì ở giữa đời này không có một cái gì tự-nhiên mà có, ngẫu-nhiên mà sanh. Nàng Kiều sở dĩ mang lấy nghiệp-báo "sống-dọa thác-đầy" như thế cũng không phải ngẫu-nhiên mà có, tự-nhiên mà sanh. Chính là do túc duyên tiền-định, hay nói đúng theo danh-từ đạo Phật là theo luật nhân-quả, tức là gây nhân gì thì phải chịu quả ấy. Gây nhân ác thì chịu đau khổ, gây nhân lành thì được hưởng kết quả sung-sướng hạnh-phúc.

Luật nhân-quả này đã được Cụ Nguyễn-Du diễn-tả một cách phổ-thông qua lời báo-mộng cho nàng Kiều của Đạm-Tiên như sau:

Rì rằng: nhân-quả dờ-dàng,
Đã toan trốn nợ đoạn-trường được sao?
Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dù muốn quyết, Trời nào đã cho?

Ở một đoạn khác Cụ Nguyễn-Du lại tiếp:

Vả trong thân mộng mấy lời,
Túc-nhân âu cũng có Trời ở trong.
Kiếp này trả nợ chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chông kiếp sau?

Hay là:

Cho hay muôn sự tại Trời,
Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta.
Mấy người bạc-ác tình-ma,
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương?

Nhưng trong Truyện Kiều những câu thơ diễn-tả về đạo-lý nhân-quả của đạo Phật rõ-ràng và phổ-thông hơn cả có lẽ là hai câu sau đây:

Nàng rằng: Lông-lọng trời cao,
Hại nhân nhân hại sự nào tại ta?

Đấy là gì nếu không phải là trình bày một cách khác đi vấn-đề "Thiên-nhân thiện báo, ác-nhân ác báo" (Làm lành thì quả-báo tốt, làm ác thì quả-báo xấu) của Nho-học?

Xét sâu vào vấn-đề, chúng ta thấy rằng: những câu thơ trên ngoài ảnh-hưởng với thuyết nhân-quả của Phật-giáo, Cụ Nguyễn-Du đã đưa ra một vấn-đề rất gần với thuyết "Thiên-mệnh" của Nho-giáo. Và theo Cụ Nguyễn-Du trong Truyện Kiều thì thuyết "Thiên-mệnh" này cũng chính là định lý nhân-quả của đạo Phật. Bởi lẽ đó, có nhiều người trong giới bình-dân Việt-Nam, kể cả nàng Kiều, đều tin một cách chắc-chắn rằng: Họa phúc, may hay rủi, vui hay buồn, tất cả đều do tiền-định, do Thiên mệnh. Nàng đã tự bào-chữa cho cái tính đa-sầu đa-cảm của mình bằng hai câu thơ sau đây:

Rằng: quen mắt nết đi rồi,
Tê vui thôi cũng tính Trời biết sao?

Đối với giới bình-dân Việt-Nam, không những tính-tình là do "Thiên-mệnh", mà người ta còn tin rằng: mọi thăng trầm vinh-nhục của kiếp người mọi thay đổi biến thiên của trời đất muôn vật, tất cả đều do Thiên-định. Có lẽ cũng vì thế nên mỗi khi có tai nạn bất ngờ xảy đến như thiên-tai, thủy-nạn, hỏa-hoạn, bệnh tật, mất mùa v.v... họ thường tổ-chức những cuộc sám-tạ tế-lễ, hay ăn chay năm dất dề cầu trời khấn Phật.

Có một điều lạ ở đây là: Dù Nguyễn-Du là một nhà Nho-học uyên-thâm, nhưng ông không chịu dừng lại ở thuyết "Thiên-mệnh", hoàn toàn phó-mặc số-pi-ận kiếp người cho tha-lực như quan-niệm của Nho-giáo, trái lại ông còn tiến xa hơn đề đi gần đến định-lý "Nhân-quả", hướng mạnh đến tiêu-chuẩn tự-lực tự-cường theo quan-niệm của Phật-giáo. Theo Cụ Nguyễn-Du thì dù có thiên-mệnh tiền-định đi nữa, nhưng cũng có nhiều lúc do hành-vi, ngôn-ngữ và ý-nghĩ của con người trong hiện-kiếp mà thay đổi. Tiên-sinh đã diễn-tả quan-niệm của mình về vấn-đề này qua những câu thơ sau:

Sinh rằng: giải cấu là duyên,
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.

Hãy câu :

*Khi nên Trời cũng chiều người,
Nhẹ-nhàng nợ trước, dền-bồi duyên sau.*

Rồi đến đoạn khác, Cụ Nguyễn-Du lại diễn-tả ý-tưởng của mình qua lời của Đạm-Tiên trong khi tái ngộ với nàng Kiều ở sông Tiên-Đường như sau :

*Chị sao phận mỏng đức dày,
Kiếp xưa đã vậy lòng này dễ ai.
Tâm thành đã thấu đến trời,
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
Một niềm vì nước vì dân,
Âm-công cất một đống cần đã già,
Đoạn-trường sỏ rút tên ra,
Đoạn-trường thơ phải đưa mà trả nhau.
Còn nhiều hưởng-thọ về lâu,
Duyên xưa đầy-đặn, phúc sau dồi-dào.*

Thật ra, nàng Kiều với "oan-nợ tức-khiên" do tiên-dịnh, và với những đoạ-đày lao-khổ trong bước đường lưu-lạc cô-đơn chúng ta rất có thể đã chờ-đợi cái kết-quả của phút hẹn-hò trong lần báo-mộng trước của Đạm-Tiên đối với nàng Kiều, ấy là :

*Hãy xin hết kiếp liễu-bồ,
Sông Tiên-Đường hãy hẹn-hò về sau.*

Nhưng không, Thúy Kiều là một người con gái hiếu-nghĩa vô-song, tác-giả không muốn chấm dứt cuộc đời của nàng trong một kết-luận đau thương, áo-não về bất công đến thế. Ông đã muốn thể-hiện đạo-lý "thiện-nhân thiện báo, ác-nhân ác báo" của Nho-giáo và Phật-giáo qua cuộc đời của nàng Kiều. Mọi người, kể cả nàng Kiều phải được đáp-ứng tương-xứng với những hành-vi, ngôn-ngữ và ý-nghĩa của mình đã tạo ra. Bởi thế tác-giả đã làm cho nàng Kiều sống lại, thoát-ly mọi oan-khiên tiên-dịnh ở sông Tiên-Đường.

Dựa vào sự-kiện này ta có thể quan-niệm rằng : Đối với nàng Kiều, sông Tiên-Đường là một kết-chung của cuộc đời hồng-nhan bạc-phận, cuộc đời phó-mặc cho tiên-dịnh rủi-may, bất-lực trước mọi hoàn-

cảnh éo-le thử-thách; nhưng đồng thời sông Tiên-Đường đối với nàng Kiều cũng là một khởi-điểm cho cuộc đời mới, cuộc đời hướng đến tự-lực và nội-tâm, rưới tắt trần-duyên, trau-dồi đức-hạnh giải-thoát. Cuộc đời ấy theo Cụ Nguyễn-Du là :

*Phật-tiên thâm lấp sâu vùi,
Ngày pho thử-tự, đêm nhồi tâm-hương,
Cho hay giọt nước cành dương,
Lừa lòng tưới tắt mọi đường trần-duyên.*

Điểm đặc-biệt của đạo Phật là ở chỗ : đại-phàm con người dù tội-lỗi bao nhiêu, nhẹ-nhớp đến bậc nào, nhưng nếu biết thành-tâm sám-hối thì cũng có thể trở thành người hiền-lương trong sạch được. Bởi vì theo Phật-giáo thì cái tội-lỗi nhẹ-nhớp của con người không phải hoàn-toàn do ở ngoại-diện, mà lại căn-cứ vào những ý-niệm tiềm-tàng trong tâm thức của người ấy.

Có người dù có một bề ngoài hiền-lành sang-trọng, nhưng nếu trong lòng chất-chứa những bất-lương gian-ác thì đó là người tội-ác xa-xa, và trái lại, dù có một bề ngoài thấp-kém thô-bạo, nhưng nếu trong lòng ẩn-chứa những đức-tánh hiền lương thiện-mỹ thì đó là người trong-sạch cao-quý. Đức Phật ngày xưa đã từng độ cho một người chuyên làm nghề gánh phân, ở giai cấp hạ-tiện bần-cùng nhất của xã-hội Ấn-Độ; trong lịch sử Phật-giáo Trung-Hoa cũng thường kể lại câu chuyện : có một người suốt đời làm nghề đồ-tễ, chuyên bán thịt heo, nhưng khi sắp lâm-chung biết hồi-tâm hướng thiện, nên cuối cùng cũng được giải-thoát. Câu "Nhất cú Di-Đà vô biệt niệ, bất lao đôn chỉ đảo Tây-phương" hay câu "Hồi đầu thị nạn" của Tịnh-Độ-tôn trong Phật-giáo là chứng minh cho điển-tích này.

Ở đây nàng Kiều cũng thế, dù trong bước đường "sống gió ba đào", nàng đã bao lần thăng trầm vinh-phục, mấy phen lâu xanh gác tía, nhưng đó chỉ là số -phận của người "bán mình chuộc cha", chứ thâm-tâm thì không muốn như thế. Nàng đã nhiều lần chận ngăn số kiếp long-đông, ê-chề với cảnh lâu xanh gác-tía và đã tự than thở :

*Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi !*

Căn cứ vào ý-nghĩa "chấp-kinh tùng quyền", căn cứ vào tâm-niệm "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn", căn cứ vào tấm lòng hiếu-nghĩa

đối với cha mẹ gia-đình nhất là căn-cứ vào niềm chung-thù đối với tinh-quân trong câu thơ :

*Tái sinh chưa dứt hương-thê,
Làm thân trâu ngựa đến nghì trúc-mai.
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khỏi tình mang xuống tuyền-đài chưa tan!*

thì chúng ta có thể hiểu được cảnh ngộ và tâm-tình của nàng Kiều rồi. Không những đối với Kim-Trọng, chàng trai đã chiếm trọn tình yêu của nàng, đến như đối với Từ-Hải, người gả nghĩa trong bước đường luân-lạc, nàng cũng có một niềm chung-thù như thế. Có người cho rằng : nàng Kiều là người "một dạ hai lòng", mưu mô phản trắc, vì đã đưa Từ-Hải đến cảnh sa-cơ thất-mạng, nhưng chúng ta hãy căn-cứ vào tấm lòng của nàng trong bài thơ sau đây rồi sẽ phê-phán. Thơ rằng :

*Khóc rằng : tri dũng có thừa,
Bôi nghe lời thiếp đến cơ-hội này.
Mặt nào trông thấy nhau đây,
Thà liêu sống chết một ngày có nhau.*

Và "tấm lòng" ấy đã trở thành sự thật. Nàng Kiều đã nhảy xuống Tiễn-Đường để tự-vẫn.

Căn-cứ vào niềm chung-thù của nàng Kiều đối với tinh-quân qua hai bài thơ trên, dù có khe-khắt đến đâu ta cũng phải tán-đồng quan-điểm của Tam-Hợp Đạo.cô trong đoạn thơ sau đây :

*Xét trong tội-nghiệp Thủy-Kiều,
Mắc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm.
Lấy tình thâm trả tình thâm,
Bán mình đã động hiếu tâm đến Trời.
Hại một người, cứu trăm người,
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng.
Thừa công-đức ấy ai bằng,
Túc-khiên đã rửa láng láng sạch rồi.*

Vâng, nhờ công-đức hy-sinh cho cha mẹ gia-đình, nhờ tấm lòng trung chánh đối với người tinh-quân, nhờ nước sông Tiễn-Đường rửa sạch bụi-trần to-duyên, nhất là nhờ ý-chí sám-hối, cắt đứt duyên-nợ ba-sinh, nên từ đó nàng đã trở thành một người trong sạch từ thân đến tâm, từ

trong ra ngoài. Vì thế ta cũng không ngạc-nhiên đến lòng từ-bi quảng-đại của đạo Phật qua hành-vi cứu-rỗi của Ni-Sư Giác-Duyên qua lời tường-thuyết sau đây :

*Khi nàng gieo ngọc trầm châu,
Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.
Cùng nhau nương cửa Bồ-Đề,
Thảo-am đó cũng gần kề chẳng xa.*

Thật là một nghĩa-cử cao đẹp ! Cửa Bồ-Đề thật là quảng-đại vô-biên ! Nếu Cụ Nguyễn-Du cũng cố chấp vào những giáo-điều khô cứng, câu nệ bảo-thủ theo những lễ-lối thông thường như những người khác, không chịu linh-động khai-thông ra thì rất khó mà có một kết-luận từ-bi nhân-đức như thế. Tuy-nhiên, đôi khi cũng vì kết-luận này nên đã có những người vịn và đổ mĩa-mại xuyên-tạc Phật-giáo !

Ở đây chúng tôi không có ý-muốn thanh-minh hay bênh-vực cho Phật-giáo, vì việc ấy thiết-nghĩ như thừa. Chúng tôi chỉ muốn nhân sự-kiện này đề-đề-cập đến một vấn-đề khác, vấn-đề chú-trọng đến phân tâm-thức của Phật-giáo mà thôi. Trong kinh-luận của Phật-giáo thường chép : "Tam-giới duy-tâm, vạn-pháp duy-thức". Vì thế theo đạo Phật thì tâm là chủ-tể của muôn vật. Tâm là động-cơ chính thúc đẩy ta đi đến hành-động, và hành-động đó thiện hay ác, tốt hay xấu, một phần lớn là phải căn-cứ vào tâm.

Tâm thiện thì dù bề ngoài có vẻ độc-ác thô-động, như trường-hợp cha mẹ đánh-đập đứ con hư, thầy giáo trừng-phạt cậu học trò lười-nhác v.v... đều thuộc về thiện. Trái lại, nếu tâm ác dù bề ngoài có vẻ êm-địu ngọt-ngào, như trường-hợp người "thợ săn rình-mò" để sập bẫy con vật, kẻ nịnh thân dùng những lời ngon-ngọt để lung-lạc tâm vua v.v... cũng đều thuộc về ác. Do đó muốn phê-phán một việc làm thiện hay ác, tốt hay xấu, chúng ta cần phải căn-cứ vào tâm-niệm và kết-quả của việc làm ấy, chứ không thể hoàn-toàn dựa vào những động-tác bên ngoài được.

Ở đây, nàng Kiều cũng thế. Muốn xét giá-trị của nàng Kiều, nhất là phê-phán việc làm của nàng, chúng ta cần phải dựa vào tâm-niệm và kết quả của việc làm ấy, mới khỏi thiên-lệch, cố-chấp và bất công. Số-phận của nàng Kiều, cũng như việc làm của nàng, Cụ Nguyễn-Du qua lời an-ủi và giải-thích của Kim-Trọng đã trình-bày như sau :

Xưa nay trong đạo đàn bà,
 Chữ "trinh" kia cũng có ba bảy đường.
 Có khi biến có khi thường,
 Có quyền, nào phải một đường chấp kinh.
 Như nàng lấy "hiếu" làm trinh,
 Bụi nào cho đục được mình ấy vay?

Người nội cuộc như Kim-Trọng mà còn có thái-độ và nhận-xét ấy đối với nàng Kiều, thì những người như chúng ta trong khi phê-phán nàng Kiều, truyện Kiều, cũng như tác-giả của nó, có nên có một thái-độ quá khe-khắt gò-bó chăng? Câu trả lời này chúng tôi xin nhường lại cho quý vị hiện-diện ở đây và quý vị học-giả cao-minh khác.

Như trên chúng ta đã thấy: tâm có một cương-vị đặc-biệt trong việc quyết-định giá-trị những hành-vi thiện-ác, tốt xấu của kiếp người, thì dĩ-nhiên ngoài cương-vị ấy, tâm còn có những sức mạnh khác nữa. Sức mạnh chúng tôi muốn đề-cập ở đây là sức mạnh chế-tác của tâm. Chế-tác bằng tư-tưởng, bằng tâm-tĩnh và bằng khái-niệm.

Sức mạnh của tư-tưởng là sức mạnh đã làm cho con người khác-biệt với các loài động-vật thực-vật khác qua lời nói của một triết-gia Âu-Tây sau đây:

"Con người là một cây sậy có tư-tưởng."

Sức mạnh của tâm-tĩnh là thể-hiện trong câu:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
 Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?

Và sức mạnh của khái-niệm là:

"Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại".

Hoặc:

"Nhất nhật bất kiến như tam thu hề".

Khái-niệm về không-gian và thời-gian này đã được diễn-dạt trong Truyện Kiều bằng 2 câu thơ sau:

Sầu đông càng khắc càng dầy,
 Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!

Đó là gì nếu không phải là triết-lý duy-tâm duy-thức của Phật-giáo. Ngoài những khía-cạnh tư-tưởng, tâm-tĩnh và khái-niệm trên, trong

Truyện Kiều, Cụ Nguyễn-Du còn diễn-tả sức mạnh của tâm, tức là triết-lý duy-tâm duy-thức của Phật-giáo qua hai câu thơ tuyệt-tác sau đây nữa. Đó là:

Linh lời, nàng mới theo sang,
 Biết đâu địa-ngục, thiên-đàng là đâu?

Vâng, đúng như thế. Thiên-đàng và địa-ngục không khỏi ở đâu xa lạ, mà chính ngay ở trước mắt ta, bên cạnh ta bàng-bạc khắp cả cõi đời này, không biết đâu mà phân biệt được. Hạnh-phúc và đau khổ cũng thế. Đức Phật đã dạy:

Tri túc chi nhân, tuy nghèo địa-thượng, nhi vi an lạc.
 Bất tri túc giả, tuy xử thiên-đường, nhi bất xứng ý.

(Người biết đủ thì dù nằm trên đất cũng được an-lạc. Người không biết đủ thì dù ở trên thiên-đường cũng không vừa ý).

Căn-cứ vào thuyết lý này chúng ta thấy: Hạnh-phúc hay đau-khổ, đây-đó hay thiếu-thốn, tất cả đều do lòng mình. Thiên-đường hay địa-ngục không có phương-hướng và ranh-giới nhất-định, ở đâu cũng có cả. Ngay trong kiếp sống của con người và trong thế-giới nhân-gian này cũng có. Cụ Nguyễn-Du đã diễn-dạt tư-tưởng của mình qua hai câu thơ sau:

Nước trôi hoa rụng đã yên,
 Hay đâu địa-ngục ở miền nhân-gian?

Nếu đem các câu thơ trên của Nguyễn-Du so-sánh với hai câu sau đây của Trung-Hoa:

"Ngưu ẩm thủy thành nhũ,
 Xà ẩm thủy thành độc"
 (Trâu uống nước thành sữa,
 Rắn uống nước thành độc)

Rồi đem so-sánh với mấy câu thơ sau đây của thi-sĩ Milton:

"The mind is its own place and in itself,
 Can make a heaven of hell,
 A hell of heaven".

(Bản-chất của tâm là có thể,
 Tạo cảnh thiên-đường trong địa-ngục,
 Tạo cảnh địa-ngục trong thiên-đường).

thì chúng ta sẽ thấy điếm không "hẹn mà gặp" giữa muôn cảm-hứng của các thi-nhân Đông và Tây trong những cố-gắng diễn-đạt triết-học duy-tâm duy-thức của Phật-giáo.

Vì chủ-trương "Tam giới duy-tâm, vạn-pháp duy-thức", nên Phật-giáo phủ-nhận mọi sức mạnh siêu-nhiên và tự-nhiên ở bên ngoài. Phật-giáo quy-định mọi giá-trị, mọi khía-cạnh của cuộc đời về cho sức mạnh của tự-tâm. Tâm tạo thiên-đường địa-ngục, tâm tạo niết-bàn sanh-tử, tâm tạo Phật chúng-sanh, tâm tạo hạnh-phúc đau-khổ v.v... Nói một cách khác, tâm (hoặc là nghiệp-lực) tạo ra tất cả và tâm là chủ-động-lực của đời mình.

Tổng-hợp cả 2 quan-niệm của Phật-giáo và Nho-giáo về sức mạnh của tự-tâm, Cụ Nguyễn-Du trong truyện Kiều đã diễn-đạt ý-trưởng của mình qua lời của Ni-cô Tam-Hợp như sau :

*Sư rằng: Phúc họa tại Trời,
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có Trời mà cũng tại ta,
Tu là cội phúc, tình là dây oan.*

Và sau khi phác-họa đầy đủ mọi khía-cạnh của cuộc đời, mọi thay đổi biến-thiên của nhân-sinh vũ-trụ và mọi thăng-trầm vinh-nhục của nàng Kiều, ở đoạn-kết của cuốn Truyện, Cụ Nguyễn-Du đã viết :

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện-căn ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.*

Thưa quý vị,

Từ trên đến đây chúng tôi đã cùng với quý-vị xét qua một vài khía-cạnh triết-học tôn-giáo trong Truyện Kiều. Chúng tôi nói một vài khía-cạnh, vì trong Truyện Kiều ẩn chứa nhiều quan-niệm nhân-sinh, triết-học tôn-giáo, thực-trạng xã-hội và khía-cạnh tâm-lý của con người đầy đủ cả các phương-diện tốt xấu, khen chê, vinh nhục, thịnh suy, thiện ác v.v... muôn màu muôn sắc, không làm sao diễn tả hết trong thời-gian và phạm-vi của một bài thuyết-trình được.

Tuy nhiên, có lẽ quý vị cũng đồng ý với chúng tôi rằng : khi đọc Truyện Kiều chúng ta không thể nào không thốt thức cho số-kiếp đọa đầy lao

khô của nàng Kiều. Chính tâm-trạng này đưa đến cho chúng ta một liên tưởng "suy người rồi nghĩ đến ta", và từ đó tự nhiên trào dậy trong lòng một tình thương man-mác. Thương cho số-phận đào hoa bạc-phận của nàng Kiều chăng ? Thương cho Nguyễn-Du lận-đận trên đường công danh sự-nghiệp của thời Lê-mạt Nguyễn-sơ chăng ? Hay thương cho ta, cho mọi người đang sống trong cảnh bèo mây mộng-ảo ở chốn trăm-luân khổ-hải này chăng ? Không, tình thương ấy không có thời-gian và định-hướng. Ta thương cho tất cả. Đấy là gì nếu không phải là lòng từ-bi của đạo Phật ?

Và như thế ta đã đáp lại nỗi lòng băn-khoăn thao-thức của Cụ Nguyễn-Du trong hai câu thơ :

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như ?
(Không biết rồi đây ba trăm năm sau,
Trong thiên-hạ ai người khóc Tố-như ?)*

Một nhà văn đã dịch 2 câu thơ ấy ra Anh-văn như sau :

*Three hundred years after I die,
Who will remember and weep over Tố-Như ?*

Song song với ý-niệm và tình thương ấy, khi đọc truyện Kiều, chúng ta cảm thấy : Con người trước hết là một vật yếu hèn bất lực, nhưng nhờ ý-chí phấn-đấu liên-tục nên cuối cùng con người sẽ thắng được định-mệnh, vượt khỏi mọi bất công thù thách dễ xây-dựng cho tương-lai của mình. Câu châm-ngôn của Tây-phương "Thất-bại là mẹ đẻ của thành-công", và câu phương-ngôn của Đông-phương "Nanatsu taori, yatsu okiru" (Nhật-Bản), (Ngã xuống bảy lần, lần thứ tám đứng dậy) đã được thể-hiện hoàn-toàn trong nhân-vật chính của truyện Kiều, đó là nàng Kiều. Đấy là gì nếu không phải là triết-lý nhân-bản, truyền-thống của các dân-tộc Á-Đông ?

Thêm một điều nữa, đọc Truyện Kiều chúng ta thấy : Tác-phẩm này là thể-hiện của một tinh-thần tổng-hợp đẹp đẽ của các nền tư-tưởng Đông phương là Phật-giáo, Nho-giáo và Lão-giáo. Ba nền triết-học này đã dung-hòa linh-động trong công-cuộc đúc-kết thành sắc-thái đặc-biệt và phong-phú của nền văn-hóa Việt-Nam. Chính sắc-thái này đã tạo ra truyền-thống dung-hợp nhưng không nô-lệ, hiền-hòa nhưng bất-khuất của

dân-tộc: ta trải qua bao cuộc chống xâm-lãng, giành độc-lập của ông cha chúng ta từ xưa, và ngay cả thế-hệ của chúng ta bây giờ nữa.

Có lẽ vì lý-do trên, nên đại đa-số quần-chúng Việt-Nam từ bình-dân cho đến giới trí-thức đều ham-thích đọc Truyện Kiều, công-nhận giá-trị của Truyện Kiều, nhất là giá-trị đóng-góp của nó trong các lãnh-vực văn-học, triết-học, tôn-giáo, xã-hội và tư-tưởng của Việt-Nam. Và có lẽ cũng vì thế nên người Việt-Nam chúng ta đón nhận tác-phẩm Truyện Kiều như một vật thân-yêu phân-chiếu từ đời mình, lòng mình vậy.

Đề kết-luận bài thuyết-trình hôm nay, thiết-nghĩ không gì hơn là mượn lời của ông Tổng-Ủy-Viên Văn-Hóa Xã-Hội, kiêm Ủy-Viên Giáo-Dục trong bài dễn-văn đọc tại Nhà Văn-Hóa ngày mùng 3-10-65 nhân dịp khai-mạc lễ kỷ-niệm 200 năm của Thi-hào Nguyễn-Du. Trong bài diển-văn ấy có một đoạn như sau:

“Trong nền văn-chương thế-giới, *Truyện Kiều* cũng như bản trường-ca *Rubaiyat* của Omar Khayyam xứ Ba-Tur, *Bhavagad Gita* của Ấn Độ, đã tự-nhiên thành một áng văn-chương tiêu-biểu cho cả một dân-tộc. Không có một tác-phẩm văn-chương nào đã được phổ-biến một cách sâu rộng như thế trong dân gian, từ những người thượng-lưu trí-thức cho đến người nông dân hay lao-động cần-cù không biết đọc biết viết và chưa bao giờ ra khỏi lũy tre xanh. Không có một công-trình sáng-tạo nào đã qua sự phê-phán của thời-gian, qua những lúc hiểu lầm, qua sự nổi chìm của lịch-sử, mà càng ngày lại càng trong-sáng hơn như *Truyện Kiều*.

“Văn chương *Truyện Kiều* có những câu mà thi-tử phải hiểu qua tinh hoa của thơ Lý-Đỗ; và có những hình-ảnh, những rung-cảm, những âm-điệu mà thơ tượng-trung hay siêu-thực của Tây-phương cận-đại mới khám-phá ra. Nhưng đồng thời cũng vẫn là văn kể chuyện, giản-dị, bình-dân, và nhẹ-nhàng, dễ người ta có thể, dưới ánh đèn dầu của một căn nhà tranh vách đất, đọc cho nhau nghe trong những buổi tối gia-đình hầu an-ủi nghỉ ngơi sau một ngày mệt-nhọc.

“*Truyện Kiều* cũng đã vượt lên trên cái quan-niệm chật hẹp của những nhà Nho-cổ, cái quan-niệm “Văn-chương luân-lý” “Văn-chương giáo điều”, cái quan-niệm đã làm cho các Cụ ta cấm đàn bà con gái đọc Kiều và đã gây ra một cuộc tranh luận mà dư-âm, từ đầu thế-kỷ tới bây giờ vẫn còn vang trong sách giáo-khoa. *Truyện Kiều* trong văn-chương Việt-Nam là cuốn tiểu thuyết tâm-lý đầu tiên, và đồng thời—một điều chưa từng thấy trong văn-chương thế-giới — cũng là một bức bích-họa xã-hội vô

cùng chân thật và rộng lớn”.

Theo chúng tôi giá-trị văn-chương, nghệ-thuật, thẩm-mỹ của *Truyện Kiều* là ở đó, và giá-trị triết-học tôn-giáo trong tinh-thần tổng-hợp lĩnh-động của “Tam-giáo đồng-quy” cũng thể-hiện trong *Truyện Kiều* ở đó. Vì thế gạt ra ngoài những ý-kiến dị-đồng, những lời khen chê phê-phán qua dòng thời-gian và lịch-sử, chúng tôi muốn xác-định nơi đây sự đóng-góp của *Truyện Kiều* trong nền văn-hóa của dân-tộc và nhân-loại.

**NHỮNG TÁC-PHẦM DO SỞ HỌC-LIỆU
XUẤT-BẢN**

Cây cỏ miền Nam Việt-Nam. G.S. Phạm-Hoàng-Hộ	150\$
Lịch-sử Triết-học Đông-phương, Tập IV. G.S. Nguyễn-Đảng-Thục	120\$
Lão-tử Đạo-đức-kinh. G.S. Nghiêm-Toản phiên-giải	70\$
Lê-Triều Lịch-khoa Tiến-sĩ đề danh bí ký. Võ-Oanh	
Quyển I	85\$
Quyển II	75\$
Quyển III	70\$
Công-du Tiếp-ký. Nguyễn-Đình-Diệm	
Quyển I	50\$
Quyển II	40\$
Quyển III	50\$
Quốc-triều đăng-khoa lục. Lê-Mạnh-Liêu	80\$
Tang-thương ngẫu lục. Đạm-Nguyên	75\$
Tiếng cười (Le rire của Bergson). Phạm-Xuân-Độ	32\$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomade của Aristote). Đức-Hình.	75\$
Xã-Ước (Du Contrat social của J.J. Rousseau). Nguyễn-Hữu-Kha	32\$
Vạn pháp tinh lý (L'Esprit des lois của Montesquieu).	
Trịnh-Xuân-Ngạn	30\$
Khảo về linh-hồn theo thể luân-lý (Phédon ou de l'Ame : genre moral của Platon). Trịnh-Xuân-Ngạn	60\$
Kháng-biện-luận về tu-tù-pháp (Gorgias của Platon).	
Trịnh-Xuân-Ngạn	48\$
Cung-oán ngâm-khúc (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	28\$
Chính-phụ-ngâm (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	40\$
Thượng-chí Văn-tập (toàn bộ 5 quyển của Phạm-Quỳnh)	
Từ quyển I đến quyển IV mỗi quyển giá	35\$
quyển V giá	25\$
Anh-Ngữ Đệ-Thất (High School English Series, Book One)	
G.S. Nguyễn-Đình-Hòa	40\$
Speak Vietnamese, Book One (Revised Edition, 1963).	
G.S. Nguyễn-Đình-Hòa	100\$
Anh-Ngữ Đệ-Lục (High School English Series Book Two)	
G.S. Nguyễn-Đình-Hòa	50\$

Những sách này có bán tại tất cả các hiệu sách ở Thủ-đô, các Tỉnh và tại Sở Học-Liệu số 240, đường Trần-Bình-Trọng, Sài-gòn

BỮU CÀM
và
TẠ QUANG-PHÁT

**vũ-trình đã phê bình
'đoạn trường tân thanh' của
nguyễn-du như thế nào ?**

Viện Khảo-cổ có nhận được một bản Kiều chữ nôm chép tay do cụ Ưng-Gia tặng (số thư mục VNT 4) trong đó có lời mặc bình (lời phê-bình bằng mực đen) của cụ Vũ Trình và lời chu bình (lời phê bình bằng son đỏ) của cụ Nguyễn Lượng. Chúng tôi nhận thấy lời mặc bình nhiều và hay hơn lời chu bình, và nếu chúng tôi không lầm thì chưa từng được dịch ra Việt-ngữ, cho nên xin trích dịch những lời ấy ra giới-thiệu cùng quý độc-giả nhân dịp lễ kỷ-niệm 200 năm Nguyễn Du.

Cụ Vũ Trình tự Nguyễn-hạnh, biệt hiệu Lan-tri ngư-giã, vốn là một cựu thần nhà Lê, bất đắc dĩ phải ra làm tôi nhà Nguyễn. Thế là tâm sự và cảnh ngộ của cụ cũng giống như của cụ Nguyễn Du, nhưng cụ Tiên diễm đã được Nguyễn triều trọng dụng, còn cụ Vũ thì bị cách chức và bị đưa đi an trí ở một tỉnh xa quê nhà, đến lúc gần mất mới được trở về cố lý*. Vì thế văn chương của cụ đượm mùi cảm khái bi hoài. Cụ có soạn những tác-phẩm: *Sử Yên thi tập*, *Cung oán thi tập*, *Kiến văn lục***, *Đại Nam kỳ nhân liệt truyện* và bài *Lê triều hoàng giáp Định-nhạc-hầu bí ký*.

Ngoài ra cụ đã phê bình *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du từng câu từng đoạn như sau :

" Trăm năm trong cõi người ta,
" Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
" Trãi qua một cuộc bề dâu,

* Độc-giả muốn biết rõ tiểu-sử của Cụ Vũ Trình, xin xem : BỮU CÀM, sách *Kiến văn lục của Vũ Nguyễn-hạnh*, trong Văn-hóa nguyệt-san số 82, tháng 6 năm 1963, trang 827-830.

** Xin đừng lầm với *Kiến văn tiêu lục* của Lê Quý-Đôn.

"Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
 "Lạ gì bi sắc tư phong,
 "Trời xanh quen với má hồng đánh ghen".

Ở đoạn mở đầu này cụ Vũ Trinh phê: "Mạo đầu sỗ ngữ cảm khái hệ chi... Khai quyền sớ cú tận chi¹ = Ở mấy lời phủ đầu quyền truyện, niềm cảm-khái đã vương theo... Mấy câu mở đầu đã nổi trọn cốt truyện."

"Cung thương lâu bức ngũ âm,
 "Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương."

Cụ Vũ Trinh phê mấy câu này tả tài nghệ của Thúy-Kiều: "Hồ cầm thị Thúy-Kiều.² = Đàn hồ cầm chính là bản thân của, Thúy-Kiều."

"Kiếp hồng nhan khéo mong manh,
 "Nửa chừng xuân thoát gẩy cành thiên hương."

Đoạn kể Đạm-Tiên này được cụ Vũ Trinh phê: "Tự sự xử hoàn đãi bi thân, cánh giác hữu tình trí.³ = Ở chỗ kể chuyện lại vương theo lời than thở bi ứ, khiến càng có tình ý thú vị."

"Rằng hồng nhan tự nghìn xưa,
 "Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.
 "Nỗi niềm tương đến mà đau."

Cụ Vũ Trinh phê những lời cảm-xúc này của Thúy-Kiều: "Thúy-Kiều nhất ngôn dẫn xuất, đa tình giả bất năng tự nhi khô mộc.⁴ = Một lời của Thúy-Kiều nói ra, gợi cho thấy người đa tình không thể như cây khô vậy."

"Kiều rằng: Những đấng tài hoa,
 "Thác là thể phách, còn là tình anh."

Cụ Vũ Trinh phê lời nói này của Thúy-Kiều: "Nhi nữ hà tri nãi tiết tạo vật chi bí.⁵ = Con gái biết gì mà tiết lậu việc bí mật của Tạo hóa."

"Thoắt đầu thấy một tiêu kiều,
 "Có chiều phong vận có chiều thanh tân."

Cuộc gặp gỡ giữa Thúy-Kiều và Đạm-Tiên trong chiêm bao được cụ Vũ Trinh phê: "Hữu thử nghiệt căn, hữu thử ảo mộng, phi thị Đạm-Tiên lai tâm Thúy-Kiều tự Thúy-Kiều, tâm thượng vô nhất khắc bất hữu Đạm-Tiên tại⁶ = Có nghiệt căn ấy thì có giấc mộng ảo ấy. Chẳng phải Đạm-Tiên đến tìm Thúy-Kiều, mà chính tự trong lòng Thúy-Kiều không có khắc giây nào là không có Đạm-Tiên."

"Trong như tiếng hạc bay qua,
 "Đục như tiếng suối mới sa nửa vời."

Mấy câu tả tiếng đàn của Thúy-Kiều bên Kim Trọng được cụ Vũ Trinh phê: "Bất vị hậu lai cánh hữu sớ chương thỉnh cảm chi kỳ văn, chấp thị kinh tài tuyệt kỹ⁷ = Chẳng nói là về sau còn có lối văn kỳ diệu của mấy chương nghe đàn này, thật là cái tài đáng kinh, cái khéo thật tuyệt."

"Duyên hội ngộ, đức cù lao,
 "Chữ tình chữ hiếu bên nào nặng hơn?"

Những lời cân nhắc của Thúy-Kiều trước cảnh cha bị tra tấn được cụ Vũ Trinh phê: "Hữu thử nhất đoạn tư lương phương kiến Thúy-Kiều xả thân bất dị⁸ = Có một đoạn kể những suy tính liệu lượng này mới thấy Thúy-Kiều bỏ mình chuộc cha không phải dễ dàng. [Nàng đã suy tính đắn đo kỹ lưỡng rồi mới quyết-định thi hành]."

"Hồi tên, rằng Mã Giám-Sinh,
 "Hồi quê, rằng huyện Lâm-thanh cũng gần."

Đoạn kể chuyện của Mã Giám Sinh được cụ Vũ Trinh phê bình và nhấn mạnh: "Gã ư diệu hữu phục tuyến, nhi kim nhân chi lược lược độc quá, mai một tác giả vô ạn khổ tâm.⁹ = Chữ găn lại kỳ diệu có một, lối ngầm mà người bây giờ chỉ đọc qua sơ lược, khiến cái khổ tâm vô hạn của tác giả phải vùi mất."

"Đã rằng liêu một thân con,
 "Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.
 "Phận dành dành vậy cũng vậy,
 "Cầm như chẳng đổ những ngày còn xanh."

Cụ Vũ Trinh phê những lời lẽ của Thúy-Kiều phân trần với cha khi bán mình: "Tình chí, bút chí, bất tri tác giả hạ bút thời chỉ thử diệp phế thư nhất động phủ?"¹⁰ = Tình ý rất ráo, bút pháp rất ráo, không biết tác giả lúc hạ bút viết đến đây có bỏ sách mà gào khóc lên một tiếng chẳng?"

"Một mình nàng ngọn đèn khuya,
"Áo đầm giọt tủi, tóc se mỗi sầu."
"Thê hoa chưa ráo chén vàng,
"Lỗi thê thôi đã phụ phường với hoa."

Những tâm tình của Thúy-Kiều tưởng nhớ Kim Trọng được cụ Vũ Trinh phê: "Đại hiếu dĩ hoàn, chí thử phương niệm cập tình, tác giả miêu tả liệt nữ chí thậm hữu đầu tự. Nhược luận văn tự, sở ngữ giai xích lệ sái thành, thanh lệ câu xuất"¹¹ = Việc đại hiếu đã xong, đến đây mới nhớ đến tình, tác giả miêu tả tâm chí của liệt nữ rất có đầu mối. Nếu luận về văn tự, mấy lời ấy đều là lệ máu rưới thành, tiếng khóc và nước mắt cùng ra một lượt."

"Mắt người còn chút của tin,
"Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.
"Mai sau dù có bao giờ,
"Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.
"Trông ra ngọn cỏ lá cây,
"Thấy hiu hiu gió thì hay chị về."

Cụ Vũ Trinh phê những lời của Thúy-Kiều dặn dò Thúy-Vân: "Giả nhất ban quang cảnh ngộ bất tri Thúy-Kiều như hà thuyết đặc xuất, hựu bất tri tác giả như hà tả đặc xuất, tứ cú tác nhất khí tục"¹² = Quang cảnh này tôi không biết Thúy-Kiều làm sao nói ra được, lại không biết tác-giả làm sao tả ra được, bốn câu thành một hơi liên tục."

"Ôi Kim lang, hỡi Kim lang!
"Thôi thôi thiệp đã phụ chàng từ đây."

Mấy lời thống-thiết này của Thúy-Kiều đã được cụ Vũ Trinh phê: "Thử thanh lệ câu tận thời ngữ dã"¹³ = Đây là lời nói sau khi tiếng khóc và nước mắt đã dứt cạn rồi."

"Nghập ngừng thẹn lục e hồng,
"Nghĩ lòng lại xót xa lòng đôi phen.
"Phàm tiên rơi đến tay hèn,
"Hoài công nâng giữ mưa gin với ai.
"Biết thân đến bước lạc loài,
"Nhụy đào thà bẻ cho người tình chung."

Ở những lời than tiếc này của Thúy-Kiều khi bị Mã Giám-Sinh rước về, cụ Vũ Trinh phê: "Thử tả Thúy-Kiều tình chí xử áo nào ngữ dã, một nại hà ngữ dã. Nhược sử Kim Trọng dĩ thử thời chí, Thúy-Kiều tích thất thân hồ? — Viết phủ."¹⁴ = Đây là lời áo-nào của Thúy-Kiều lúc tình ý đã rớt-ráo vậy, lời nói lúc chẳng làm sao được vậy. Giả sử Kim Trọng đến vào lúc ấy, Thúy-Kiều có tiếc việc thất thân với chàng không? — Rằng không."

"Trùng phường dù họa có khi,
"Thân này thôi có ra gì mà mong."

Cụ Vũ Trinh phê câu than-thở đó của Thúy-Kiều: "Nhất thất cước thành thiên cở hận, Tái hồi đầu thị bách niên nhân, linh nhân thông tuyệt."¹⁵ = Một sày chân thành hờn vạ cở, Ngoảnh đầu thì đã kẻ trăm năm. khiến người đau đớn vô cùng."

"Hờn duyên tử phận bời bời,
"Cầm dao nàng đã toan bài quyền sinh."

Cuộc toan quyền sinh này của Thúy-Kiều đã được Cụ Vũ Trinh phê: "Thúy-Kiều tuy thân dĩ thất, nhi nhất diêm trình tâm vị thường hoặc thất, đương ư thử đẳng xử kiến chi."¹⁶ = Thúy-Kiều tuy thân đã thất, nhưng một tấm lòng trinh ngộ rằng chưa từng mất, có thể thấy như thế ở những đoạn này."

"Nào hay chưa hết trần duyên,
"Trong mê trông thấy Đạm-Tiên rõ ràng."

Việc hiện hiện của Đạm-Tiên trong giấc mơ của Thúy-Kiều được cụ Vũ Trinh phê: "Xử xử Đạm-Tiên, xử xử oan-nghiệt"¹⁷ = Chỗ nào có Đạm-Tiên là chỗ có oan-nghiệt."

"Trước lầu ngưng bích khóa xuân,
"Về non xa tâm trăng gần ở chung.
"Bồn bẻ bát ngát xa trông,
"Cát vàng còn nợ, bụi hồng dặm kia."

Cụ Vũ Trinh phê đoạn tả cảnh áo nã này: "Thử đoạn độc chi thậm giác lý sâu vạn học, hận tự thiên đoan, khả đề Đường thi thập dư thử"¹⁸
 Đoạn này đọc lên thì cảm thấy nổi sầu biệt ly dâng lên vạn học, lòng oán hận kết thành ngàn mối, có thể sánh với hơn mười bài thơ Đường."

"Tuồng người dướn nguyệt chén đồng,

"Tin sương lưỡng những rày trông mai chờ"

Lòng tuồng nhớ đến bạn chung tình của Thúy-Kiều được cụ Vũ Trinh phê: "Thử đoạn sơ nhập thanh lâu tình đầu thậm thiết, cố nhất khởi niệm tức ư chung tình thượng dã khàn, nhi hậu cập tha niệm. Thử nhân tình lý thể chi tự nhiên xứ, nhi diệc tác giả chi đề ngang xứ. Khàn tha thử hậu sở tự tất tiên hiểu trung nhi hậu cập tình tứ khả kiến. Dĩ hậu Thúy-Kiều khởi niệm giai tiên hiểu hậu tình, duy thử xứ thử cập minh ước, thị tác giả chi tế tâm xứ"¹⁹ = Đây đoạn lúc mới vào thanh lâu, mối tình đầu rất tha thiết, cho nên khi nhớ tuồng, Thúy-Kiều liền khàn thiết nghĩ đến người chung tình, rồi sau mới nghĩ đến việc khác. Đây là lẽ tự-nhiên của tình ý con người và cũng là chỗ bất định của tác giả. Hãy xem từ đây về sau những điều nàng kể thì ắt thấy hiểu trung trước rồi tình tứ sau. Về sau những nơi tuồng của Thúy-Kiều đều hiểu trước tình sau, chỉ có chỗ này việc thể ước được nhớ tuồng trước là nổi suy nghĩ kỹ càng của tác giả.

"Những nghe nói đã thẹn thùng,

"Nước đời lấm nổi lạ lòng khát khe."

Cảnh Thúy-Kiều phải cúi đầu học tập nghề ăn chơi được cụ Vũ Trinh phê: "Giai nhân đọa lạc, phủ thủ tự sâu, thiên cổ hạ như Thúy-Kiều mang hữu ký nhân?"²⁰ = Giai nhân trụy lạc, cúi đầu mà buồn khổ lấy mình, thì từ ngàn xưa về sau được như Thúy-Kiều đã có mấy ai?"

"Mặc ai mưa Sở mấy Tần,

"Nhưng mình nào có biết xuân là gì."

Nổi ê-chề mà Thúy-Kiều chịu đựng được cụ Vũ Trinh phê: "Nhất trình tự như"²¹ = Một lòng trình tự-nhiên [tuy thất thân nhưng lòng Thúy-Kiều vẫn trình bạch tự-nhiên]."

"Nhớ ơn chín chữ cao sâu,

"Một ngày một ngả bóng dàu tà."

Cụ Vũ Trinh phê mấy lời nhớ thương cha mẹ lúc Thúy-Kiều đang trụy lạc trong cảnh phong trần: "Thúy-Kiều nhất phiến hiếu nghĩa niệm đầu xứ xứ bất trí, chân thị khả liên khả kính"²² = Một niềm hiếu nghĩa của Thúy-Kiều nhớ cha mẹ ở mọi nơi đều không quên bỏ, thật là đáng thương đáng kính."

"Trộm nghe kẻ cả trong nhà

"Vào trong khuôn phép, nói ra môi giếng."

Ở lời nói của Thúy-Kiều về Hoạn Thư, cụ Vũ Trinh phê: "Thúy-Kiều thụy giác"²³ = Thúy-Kiều tỉnh giấc không còn hôn mê nữa."²⁴

"Thương nhau xin nhớ lời nhau,

"Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.

"Chén đưa nhớ bữa hôm nay,

"Chén mừng xin đợi bữa này năm sau."

Mấy lời lâm biệt của Thúy-Kiều khi đưa tiễn Thúc-sinh được cụ Vũ Trinh phê: "Sở bôi biệt tửu, sở cú biệt tình, tông thị biệt lệ nhiễm thành, biệt trường tả xuất, nhất thiên biệt phú, nhất bức biệt đồ, bất khả phân biện"²⁴ = Mấy chén rượu biệt ly, mấy câu tình biệt-ly, đều là những giọt lệ biệt ly nhuộm thành, những khúc ruột biệt ly tả nên; một thiên phú biệt-ly, một bức họa biệt ly, không thể nào chia ra mà xét được."

"Vàng trăng ai xẻ làm đôi,

"Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường."

Hai câu tuyệt-cú này được cụ Vũ Trinh phê: "Khả đề nhất thiên biệt phú"²⁵ = Ngang giá với một thiên phú biệt ly."

"Lừa tâm càng dập càng nồng,

"Trạc người đen bạc đem lòng trắng hoa.

"Vi bằng thú thiệt cùng ta,

"Càng dung kẻ dướn mới là bạc trên."

Cụ Vũ Trinh phê mấy lời này của Hoạn-thư: "Thị Thúy-Kiều chỉ sở minh cáo, dữ Hoạn-thư chỉ sở thiết tượng, chân thị sở kiến lược đồng. Sử Thúc-sinh thiện tự phân hoạch điều đình, tác nhị giả tất vi khuê trung trí ký. Tích hồ kỳ bất nhiên dã!"²⁶ = So sánh lời phân tỏ rõ ràng của Thúy-Kiều với

²² Thụy giác trong văn bạch-thoại nghĩa là ngủ, nhưng ở đây phải dịch là tỉnh giấc mới có nghĩa.

điều thiết tưởng của Hoạn-thư thì thấy số kiến của hai người đồng nhau. Giả sử Thúc-sinh khéo phân xử điều đình thì Thúy-Kiều và Hoạn-thư hai người ấy sẽ là đôi tri kỷ trong khuê phòng. Tiếc thay lại không được như thế !”

“Dọn thuyền lựa mặt gia nhân,
“Hãy đem dây xích buộc chân nàng về.
“Làm cho : cho đại cho mẽ,
“Làm cho đau đớn è chề cho coi.”

Lòng kín đáo nham hiểm của Hoạn-thư trong đoạn này được cụ Vũ Trinh phê: “Thử thị anh hùng tế tâm đại phủ khả úy diệc khả ái. Sử vi Hồ tống-đốc tất vô thuyết hàng yếm tập quý đạo, vi Từ Minh-sơn tất vô khinh tin sơ phòng thất toán, đồng thời nhị đại phu an tất bất vi Hoạn thị sở tiến”²⁷: = Đây là lòng nghĩ ngợi kỹ càng và lớn gan của bực anh hùng đáng sợ và cũng đáng yêu. Giả sử Hoạn-thư làm Hồ tống-đốc thì ắt không có lối suy quyết giả dụ hàng rồi đánh úp; giả sử Hoạn-thư làm Từ Minh-sơn (Từ Hải) thì ắt không có việc tin dễ dàng, dễ phòng sơ hở và tính toán sai lầm; đồng thời hai bực ấy làm sao khỏi bị Hoạn-thư chèn cười.”

“Tìm đâu cho thấy cổ nhân,
“Lấy câu vận mệnh khuấy dân nhớ thương.”

Lối người khuấy này của Thúc-sinh bị cụ Vũ Trinh phê: “Kiến Thúc-sinh chung tình bất như Kim Trọng chi hậu”²⁸ = Thấy rõ lòng chung tình của Thúc-sinh không bằng lòng chung hậu của Kim-Trọng.”

“Liệu mà cao chạy xa bay,
“Ái ân ta có ngần này mà thôi.”

Cụ Vũ Trinh phê lời nhân nhủ này của Thúc-sinh với ni cô Trạc-tuyên (Thúy-Kiều): “Tối diệu thị tư Thúc-sinh tổ tình xử toàn vô nhất điểm trượng phu ngôn ngữ”²⁹ = Rất hay là chỗ kẻ Thúc-sinh tỏ tình với ni cô Trạc-tuyên hoàn toàn không có một điểm gì là ngôn ngữ của bực trượng phu.”

“Một cung gió thổi mưa sâu,
“Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay.”

Đoạn tả tiếng đàn hận tử này của Thúy-Kiều được cụ Vũ Trinh phê: “Chỉ thị nhất cú linh nhân vô cùng tưởng tượng, vô cùng thương cảm. Tác-gia chân thị Thúy-Kiều tri âm. Hựu viết: thâm vũ thê phong, bí ty bí

hương, tưởng đương nhật Thúy-Kiều ngũ chi thượng huyết thanh do tòng tác giả nhất kỹ bút đầu tâm huyết trung tả xuất”³⁰ = Chỉ một câu này khiến người ta vô cùng tưởng tượng, vô cùng thương cảm. Tác giả thật là người tri âm của Thúy-Kiều. Lại nói: gió thổi mưa sâu, tơ buồn tiếng náo, thì tưởng rằng đương lúc ấy máu và tiếng đàn ở năm đầu ngón tay của Thúy-Kiều đều do ngòi bút tuyệt khéo của tác-gia từ trong tâm huyết tả ra.”

“Rộng thương còn mảnh hồng quần,
“Hơi tàn được thấy gốc phần là may.”

Lời nói an phận này của Thúy-Kiều được cụ Vũ Trinh phê: “Thử Thúy-Kiều sở dĩ bất từ Từ Hải giả dã”³¹ = Đây là lý do Thúy-Kiều không chết theo Từ Hải.” (Thúy-Kiều lúc nào cũng nhớ cha mẹ chốn cố hương, cho nên nàng không chết theo Từ Hải.)

“Xưa nay trong đạo đàn bà,
“Chỉ trịnh kia cũng có ba bảy đường.
“Có khi biển, có khi thường,
“Có quyền, nào phải một đường chấp kính.”

Cụ Vũ Trinh phê lời giải bày chữ trịnh của Kim Trọng: “Kim Trọng giải xuất trịnh tự chân thị Thúy-Kiều tri kỷ. Phù tâm tích song trịnh giả thượng hi. Thế hữu tâm trịnh nhi tích bất trịnh, diệc hữu tích trịnh nhi tâm bất trịnh, đặc nhân nhân nhi tri chi hồ?”³² = Kim Trọng giải rõ chữ trịnh ra, chàng thật bạn tri kỷ của Thúy-Kiều. Nay, song trịnh cả tâm và thế mới đáng quý chuộng vậy. Đời có kẻ tâm trịnh mà thế không trịnh, cũng có người thế trịnh mà tâm không trịnh, có được người người biết cho chăng?”

“Phím đàn diu dặt tay tiên,
“Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.”

Ở đoạn Thúy-Kiều đàn cho Kim-Trọng nghe lúc tái hợp, cụ Vũ Trinh phê: “Tả Thúy-Kiều sở đàn phạm ngũ xứ. Nhất bộ phù di đàn thủy di đàn chung, nhất xứ hữu nhất xứ tình thái, nan đặc, nan đặc!”³³ = Trong truyện này, tác-gia tả Thúy-Kiều đánh đàn có năm chỗ. Ở một bộ truyện tác-gia mở đầu bằng đánh đàn thì cũng kết thúc bằng đánh đàn, mỗi chỗ có một tình thái riêng, thật khó được thế, thật khó được thế !”

“ Khúc đầu dầm âm dương hoà,
 “ Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh.
 “ Khúc đầu êm ái xuân tình,
 “ Ấy hôn Thục-đế hay mình đồ quyền.
 “ Trong sao châu nhỏ doanh quyền,
 “ Âm sao hạt ngọc Lam-diễn mới đông.”

Sáu câu này tả tiếng đàn của Thúy-Kiều ở đoạn kết thúc được cụ Vũ Trinh phê : “ Thử đoạn phiên Lý Thương-Ân Cầm sắt vì Thúy-Kiều thanh điệu, diệp tự bất tực³⁴ = Đoạn này phiên ý bài thơ Cầm sắt * của Lý Thương-Ân làm thanh điệu tiếng đàn của Thúy-Kiều cũng khác tực.”

Đọc những lời phê bình trích dẫn trên, chúng ta thấy Lan-tri người giả quả là một người tri kỷ của Hồng-son liệt-hộ. Nguyễn Du đã cảm thông với Thúy-Kiều qua thời-gian và không-gian, trong khi phỏng tác quyền tiểu thuyết diễm tình của Thanh-tâm tài-nhân. Vũ Trinh đã cảm thông trực tiếp với Nguyễn Du và gián tiếp với Thúy-Kiều, trong lúc phê bình *Đoạn trường tân thanh*. Có nhiều đoạn trong *Truyện Kiều*, nếu không có lời phê-bình của Vũ Trinh bên cạnh, thì độc giả không thấy được giá-trị của câu văn và nỗi khổ tâm của tác giả.

Tóm lại với một lời phê-bình đặc dị như lời phê bình của Kim Thánh-thán, Vũ Trinh đã nâng cao giá-trị *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du bằng những nhận xét tế-nhị và thâm-trầm.

* Nguyễn Văn Bài *Cầm sắt* và phiên âm, dịch nghĩa cùng bài dịch thơ của chúng tôi sau đây :

只是當時已惘然
 此情可待成追憶
 藍田日暖玉生煙
 滄海月明珠有淚
 此情可待成追憶
 藍田日暖玉生煙
 滄海月明珠有淚
 只是當時已惘然

Cầm sắt vô đoan ngũ thập huyền,
 Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên.
 Trang sinh hiều mộng mê hồ điệp,
 Thục đế xuân tâm thác đồ quyền.
 Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ,
 Lam diễn nhật noãn ngọc sinh yên.
 Thử tình khả đãi thành truy ức,
 Chỉ thị đương thời dĩ ỡng nhiên.

DỊCH NGHĨA

- Câu đầu nói cây đàn cầm sắt vô cơ mà có đến 50 dây,
- Câu hai nói mỗi dây có một trụ đàn, minh chạnh nhớ đến tuổi thanh xuân đã qua.
- Câu ba tả tiếng đàn cầm-sắt mơ-màng huyền-ảo như giấc-mộng buổi mai mà Trang-từ mê-muội không biết mình hóa ra bướm hay bướm hóa ra mình.
- Câu tư tả tiếng đàn đau-dớn não-nuột như Thục-đế gởi tác lòng xuân trong tiếng chim đồ-quyên.
- Câu năm tả tiếng đàn trong-trẻo như ánh trắng sáng rọi xuống núi Thương-hải chiếu suốt những hạt châu có nước mắt long-lanh.
- Câu sáu tả tiếng đàn âm-áp như nắng ấm rọi xuống Lam-diễn khiến cho những ngọc quý ở đây bốc lên hơi.
- Câu bảy nói tình cảm của buổi nghe đàn này đáng chờ trong mai sau mà nhớ lại.
- Câu tám nói lúc đó chỉ nghe tiếng đàn mà đã chán-nản ỡ-chề.

DỊCH THƠ

Cầm sắt
 Cầm sắt năm mươi chẵn sợi mảnh,
 Mỗi dây một trụ nhớ ngày xanh !
 Mơ-màng bướm lần Trang-sinh mộng,
 Áo não quyền kêu Thục-đế tình,
 Thương-hải lệ châu trăng chiếu suốt,
 Lam-diễn hơi ngọc nắng hun thành,
 Tình này đợi nhớ trong mai hậu,
 Chán-nản giờ đây khổ nỗi mình !

姐之所該想真是所見畧同使東生若自分畫調停則二
 可分辨 15 可抵一篇別賦 16 是羽年翹之所明告與官
 句別情總是別淚染成別腸寫出一篇別賦一幅別圖不
 置其是可憐可敬 17 羽年翹睡覺 18 數杯別酒敗
 幾人 19 一頁自如 20 羽年翹一片孝義念頭處之不
 之細心要 21 凡人隨上落後首自怨千古不如羽年翹能有
 見以後羽年翹起念皆先孝後情惟此二者及盟約是作者
 亦作者之低昂交看他此後所叙必先孝忠而後及情思可
 念即於鍾情上打緊而後及他念此人情理勢之自然處而
 于端可抵唐詩十餘首 22 此當初入青樓情頭甚切故一起
 17 處交淡仙交上冤孽 18 此段讀之甚覺酸愁萬斛恨緒
 已失而一點真心未嘗或失當於此等處見之
 15 一失脚成千古恨再回頭是百年人令人痛絕 16 翠翹銀身

也若使金重以此時至羽年翹惜失身年日否
 13 此聲淚俱盡辰語也 14 此寫翠翹情至交懊惱語也沒奈何語
 翠翹如何說得出又不知作者如何寫得出四句作一氣讀
 文字數語皆赤淚洒成聲淚俱出 15 這一般光景吾不知
 11 大者已竟至此方念及情作者描寫烈士志甚有頭緒若論
 10 情至筆至不知作者下筆辰至此亦敢書一慟否
 9 斯字妙有伏線而令人只覺愚讀過埋沒作者無限苦心
 8 真是驚才絕技 9 有此一段思量方見翠翹舍身不易
 7 無一刻不有淡仙在 8 不謂後來更有數章唱琴之奇文
 6 有此孽根有此幻夢非是淡仙來尋翠翹自羽年翹心上
 5 多情者不能似赤楊木 6 兒女何知乃泄造物之秘
 4 般事處處還帶悲嘆更覺有情致 5 羽年翹一言引出
 3 冒頭數語感慨係之 4 開卷數句盡之 5 胡琴是羽年翹

琴必為翠翹聲調亦自不俗
 一處有一愛情態難得難得
32 此段看李商隱錦
 之字 33 寫翠翹所彈九五宮一節夫以彈始以彈終
 世有心貞而迹不貞亦有迹貞而心不貞為得人人而知
 全重解出貞字真是翠翹知己夫心迹双貞者尚矣
 筆頭心血中寫出 34 此翠翹所以不死徐海者也
 風悲絲悲響響想當日翠翹五指上血聲都從作者一枝
 窮想像無窮傷感作者真是翠翹知音 又曰慘雨淫
 訴情空全無一點丈夫言語 35 只是一句令人無
 笑 28 見東生鍾情不如金重之厚 29 最妙是殺東生
 徐明山必無輕信疎防失算同時二大丈夫必不為官氏所
 腑可畏亦可愛使為胡總督必無說降掩龍衣說道為
 者必為閨中知己惜年其不然也 27 此是英雄細心大



Triển-lãm sách báo, nhạc-bản, họa-phẩm, điêu-khắc-phẩm và tài-liệu liên-quan đến Nguyễn-Du

VĂN-HOÁ TÙNG-THU

do Nha Văn-Hoá Bộ Giáo-Dục xuất-bản

1. SỬ-LIỆU VIỆT-MAM
Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên-soạn
(246 trang) 25\$
- 2-3. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : LỤC TỈNH NAM-VIỆT
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Tập thượng (152 trang) 20\$
Tập hạ (132 trang) 15\$
- 4-5. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Á-Nam Trần-Tuấn-Khai phiên-dịch
Thanh-Hoá Tập thượng (122 trang) 15\$
Tập hạ (174 trang) 15\$
6. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Kinh-sur (96 trang) 15\$
- 7-8. CỔ-ĐÓ HUẾ : Lịch-sử, Cờ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca
Thái-Văn-Kiểm biên-soạn
(487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản-đồ) 70\$
- 9-12. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Quảng-Trị và Quảng-Bình (208 trang) 20\$
Thừa-Iiên-Phủ Tập thượng (144 trang) 15\$
Tập trung (152 trang) 15\$
Tập hạ (134 trang) 15\$
- 13-14. VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHỈ VÙNG-BIÊN
Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên-soạn
(290 trang) 55\$
15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM
(Nền Cao-học tại Việt-Nam Cộng-Hòa)
" VIETNAM CULTURE SERIES " No. 6
Nguyễn-Đình-Hòa biên-soạn (32 trang) 6\$

16. LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE
(Văn-chương Việt-Nam)
COLLECTION "ASPECTS CULTURELS DU VIỆT-NAM" No. 7
Nguyễn-Khắc-Kham biên-soạn (26 trang) 6\$
17. DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY
(Nền dân-chủ trong xã-hội cổ-truyền Việt-Nam)
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 4
Nguyễn-Đảng-Thục biên-soạn (12 trang) 6\$
18. INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY
(Khái-luận về Thi-ca Việt-Nam)
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 3
Lý-Chánh-Trung biên-soạn (20 trang) 6\$
19. INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE
(Khái-luận về Văn-hoá Việt-Nam)
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 1
Nguyễn-Khắc-Kham biên-soạn (28 trang) 6\$
20. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-Traai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Bình-Dịnh (196 trang) 38\$
21. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-Traai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Quảng-Nam (282 trang) 25\$
22. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-Traai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Quảng-Ngãi (212 trang) 25\$
23. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
Tu-Traai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Phú-Yên và Khánh-Hòa (238 trang) 25\$
Có bán tại các hiệu sách lớn ở Thủ-đô, các Tỉnh, và tại
Nha Văn-Hoá (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

TRINH - HUY - TIẾN

***yêu-tính của
'đoạn-trường tân-thanh'
thờ đặt đúng chỗ giai-phẩm
của Nguyễn-Du (1765-1820)***

Chúng tôi không đặt lại vấn-đề "Lam-bản cuốn Đoạn-trường tân-thanh" của Nguyễn-Du. Ông Bửu-Cầm đã đặt và đã giải-quyết vấn-đề một cách rõ-ràng, thoả-đáng¹.

Chúng tôi chỉ xin thêm một nhận-xét nhỏ-nhặt là rất có thể Nguyễn-Du đã biết cả đoán-thiên tiểu-thuyết "Vương Thủy-Kiều" của Dư Hoài và tiểu-thuyết "Kim-Vân-Kiều truyện" của Thanh-tâm tài-nhân và ít ra ông cũng đã chịu ảnh-hưởng gián-tiếp của Dư Hoài là người đã ảnh-hưởng trực-tiếp đến Thanh-tâm tài-nhân.

Nguyễn-Du đã phóng-dịch "Kim-Vân-Kiều truyện", một cuốn tiểu-thuyết Tàu bằng Hán-văn viết về cuối thế-kỷ thứ XVI hoặc đầu thế-kỷ thứ XVII.

Người ta có thể phỏng theo một tác-phẩm đề soạn một tác-phẩm thuộc loại mới, chẳng hạn như phỏng theo một bài thơ đề sáng-tác một bản nhạc, phỏng theo một cuốn tiểu-thuyết đề sáng-tác một bản kịch..., miễn là sáng-tác hội đủ các tính-chất định-nghĩa loại mới mà người ta muốn thực hiện.

Trường-hợp của Đoạn-trường tân-thanh thì khác, vì Nguyễn-Du đã phóng-dịch chứ không viết một tác-phẩm thuộc về một loại mới.

Tự-điền Larousse thế-kỷ thứ XX định-nghĩa tiểu-thuyết như sau : "Tiểu-thuyết là một tác-phẩm viết bằng tân văn rút ở tri tưởng-tượng, xây-dựng trên một cốt truyện có đầu đuôi, phối-hợp ít nhiều sự-kiện thích

¹ BỬU CẦM, Lam-bản cuốn "Đoạn-trường tân-thanh", sẽ đăng trong số đặc-san sắp xuất-bản của Viện Khảo-cổ.

thú, tình-tiết éo-le, đề thu-hút, lời-cuốn độc-giả².

Bề ngoài, hình như Đoạn-trường tân-thanh không hoàn-toàn ăn khớp với định-nghĩa trên, vì tác-phẩm của Nguyễn-Du viết bằng thể văn-vấn lục bát, chứ không viết bằng tản-văn. Ngoài trừ điểm hình-thức ấy, truyện Kiều hội đủ những tính-chất định-nghĩa một cuốn tiểu-thuyết.

Và lại, thể văn không phải là một yếu-tố quyết-định về loại của một tác-phẩm: hài-kịch của Molière, kịch-bản của Victor Hugo đã được viết bằng văn xuôi hay thơ. Jean-Jacques Rousseau đã viết kịch-độc tiểu-thuyết *Julie ou La Nouvelle Héloïse* bằng thơ, Lamartine đã viết tiểu-thuyết *Jocelyn* bằng thơ mười hai âm.

Vậy tuy được viết bằng thể văn vấn lục-bát, Đoạn-trường tân-thanh vẫn hoàn-toàn là một cuốn tiểu-thuyết và không thể xếp vào bộ-môn khác được.

Tiểu-thuyết có nhiều loại: giáo-huân tiểu-thuyết, lịch-sử tiểu-thuyết, hoạt-kê tiểu-thuyết, châm-biếm tiểu-thuyết, tâm-lý tiểu-thuyết, xã-hội tiểu-thuyết, xích-độc tiểu-thuyết, phiêu-lưu tiểu-thuyết, kiếm-hiệp tiểu-thuyết, điền-viên tiểu-thuyết, luận-đề tiểu-thuyết, trình-thám tiểu-thuyết, tự-thuật tiểu-thuyết, địa-phương tiểu-thuyết, viễn-xứ tiểu-thuyết, thể-thao tiểu-thuyết, chiến-tranh tiểu-thuyết...

Đó là những loại cổ-diễn, thông-thường, chưa kể đến những quan-niệm mới về tiểu-thuyết, như tiểu-thuyết phản tiểu-thuyết (agtiroman, danh-từ của Jean-Paul Sartre), vì chắc chẳng liên-hệ gì đến truyện Kiều.

Đoạn-trường tân-thanh thuộc về loại tiểu-thuyết nào?

Theo đoàn-thiên tiểu-thuyết của Dư Hoài (qua bản dịch của Thượng-chi)³, Vương Thúy-Kiều là một ca-nhi có thật ở Lâm-truy (Hoa-bắc).

Từ Hải cũng là một nhân vật có thật, đã từng làm sư chùa Hồ-bào ở Hàng-châu (Hoa-trung), thường gọi là "Minh-sơn hòa-thượng", rồi làm tướng giặc biên, mấy lần chiếm đất Giang-nam, có vẻ một tướng cướp nguy hiểm hơn một anh-hùng hào-kiệt. Năm Gia-tính thứ 35, Từ Hải vây tuần phủ Nguyễn Ngạc ở Đông-hương và bắt được Thúy-Kiều. Hải sủng-ái Kiều, tôn lên làm phu-nhân, bắt các nàng hầu khác phải lay. Nhưng Kiều luôn luôn muốn về quê-hương với tư-cách là mệnh-phụ, nên đã khuyên Hải ra hàng và vô tình giết chồng.

Hồ Tôn-Hiến cũng có thật, làm Tổng-đốc Triết-giang (Hoa-trung).

² Larousse du XX^e siècle, art. Roman, t. 6, p. 26.

³ THƯỢNG-CHI, *Truyện Kiều, Nam phong*, số 30 tháng chạp năm 1919, tr. 488-490.

có nhiều thủ-đoạn, khéo dùng binh, biết lợi-dụng ảnh-hưởng của Kiều đề dụ Hải ra hàng. Tôn-Hiến sai quân phục-kích, Hải lọt vào vòng vây, hoảng sợ, gieo mình xuống sông, bị vớt lên chém lấy đầu, còn Kiều bị bắt sống đem về quán-môn.

Đành rằng trong một cuốn lịch-sử tiểu-thuyết, bao giờ cũng có phần tiểu-thuyết hóa. Tuy nhiên, phần này cần được lồng trong một cốt truyện lịch-sử với khá nhiều nhân-vật lịch-sử. Đoạn-trường tân-thanh chỉ trình-bày ba nhân-vật có thật (không phải là yếu-nhân lịch-sử) là Vương Thúy-Kiều, Từ Hải và Hồ Tôn-Hiến, trong tổng-số ba mươi nhân-vật, tức là một phần mười của tổng-số; còn chín phần mười đều là những nhân-vật rút ở trí tưởng-tượng không có tính-chất lịch-sử. Và lại, những sự-kiện lịch-sử thêm bớt ít nhiều thuộc về Từ Hải: "nghênh-ngang riêng một biên-thùy", rồi nghe Kiều khuyên-nhủ nên bị Hồ Tôn-Hiến lường gạt, bị phục-kích, uất-hận đến nổi chết đứng, những sự-kiện ấy là một giai-đoạn được lồng vào một cốt truyện ái-tình của Kiều và Kim là hai vai chủ-yếu trong Đoạn-trường tân-thanh.

Vậy truyện Kiều không phải là một lịch-sử tiểu-thuyết như những tiểu-thuyết được mang danh-hiệu ấy của Alexandre Damas père, Walter Scott...

Phải chăng truyện Kiều là một cuốn xã-hội tiểu-thuyết? Đoạn-trường tân-thanh đã nêu lên những tẻ-đoạn xã-hội đời Minh, những tẻ-đoạn điển-hình của xã-hội Đông-phương từ cổ chí kim: gian-thương (thằng bán tơ) vu-khống, sai-nha tham nhũng, quan-lại ăn hối-lộ, các mục đầu và các ma-cô buôn phân bán hương...

Nhưng Nguyễn Du không nhằm mục-đích trực-tiếp gây lòng phẫn-uất, đề đi đến một cuộc cách-mạng xã-hội. Ông cho rằng từ ngàn xưa, xã-hội vẫn thế, vẫn có vua có quan, có kẻ tốt người xấu, có Sờ-Khanh thì cũng có Kim Trọng, có Tú-Bà thì cũng có Giác-Duyên... Và lại, ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ, sự báo ân báo oán thấy ngay nhơn tiền, thì những tẻ-đoạn muôn thuở của xã-hội không làm cho người ta quá ư thù oán đến nỗi đòi hỏi một cuộc cải-cách xã-hội. Tác-giả cho rằng «muôn sự tại trời», khiến người ta tin rằng Kiều khổ sở vì hồng-nhan bạc-mệnh, chứ không nhận-thức rằng vì xã-hội thối-nát. Trong xã-hội tiểu-thuyết thật sự như *Les Misérables* của Victor Hugo, *Le Talon de fer* của Jack London, *Les Raisins de la colère* của John

Steinbeck..., những văn-hào có tâm gây mối thù-hận mãnh-liệt đối với các tặc-đoan và lòng khát-khao một cuộc cách-mạng xã-hội.

Đoạn-trường tân-thanh không nhằm trực tiếp những mục-tiêu ấy và không phải là một xã-hội tiểu-thuyết.

Phải chăng truyện Kiều là một luận-đề tiểu-thuyết?

Ông Đào-duy-Anh viết: "Ta đã biết rằng tư-tưởng chủ-yếu của Nguyễn-Du trong sách này là "tài-mệnh tương-đố": tư-tưởng ấy làm cái nóng cốt tinh-thần cho toàn truyện, mà mỗi một chương, mỗi một tiết, mỗi một đoạn chỉ là để chứng-minh cho nó thôi".

Xét kỹ, truyện Kiều không có tinh-thần tuyệt-đối đó.

Đoạn-trường tân-thanh bắt đầu bằng một đoạn lung ngắn:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau;
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng;
Lạ gì bi sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.*

Đó là thuyết "tài mệnh tương đố", mà hình-thức tổng-quát là thuyết "Phong vu bi, sắc vu thử", hay nói nôm là thuyết thừa trừ, nghĩa là hơn cái kia thì kém cái này; mà hình-thức riêng biệt áp-dụng cho giai nhân là thuyết "Tạo-hóa đố hồng-nhan" hay "Hồng-nhan bạc mệnh"; nói tóm lại, là thuyết thiên-mệnh của nho-giáo. Thiên-mệnh được coi như một định-luật bất-di bất-dịch, sức người không sao chống nổi.

Nhưng chính truyện Kiều có câu:

Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.

Đó là lời quả-quyết của Kim Trọng muốn đánh tan mối lo-nghĩ của Kiều bị ám-ảnh bởi một lời tiên-tri của một thầy tướng-số.

Sau khi nhận-xét những nét tâm-lý đưa Kiều vào "những lối đoạn-trường", Tam Hợp đạo-có nhận thấy Kiều đã tạo được nghiệp-duyên tốt để hưởng hậu-quả hay:

*Sự rằng: "Song chẳng hề chi,
Nghiệp-duyên cần lại nhắc đi còn nhiều;*

4 ĐÀO-DUY-ANH, *Khảo-luận về Kim-Vân-Kiều*, chương thứ bảy, tr. 173.

*Xét trong tội nghiệp Thúy-Kiều,
Mắc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm;
Lấy tình thâm trả nghĩa thâm,
Bán mình đã động hiếu-tâm đến trời!
Hại một người cứu muôn người,
Biết điều khinh-trọng, biết lời phải chăng.
Thừa công-đức ấy ai bằng?
Túc khiến đã rửa láng-láng sạch rồi.
Khi nên trời cũng chiều người,
Nhẹ-nhàng nợ trước, đến bồi duyên sau".*

Đó là thuyết nhân-quả của đạo Phật, tạo nhân để đổi quả, không hòa-hợp với thuyết thiên-mệnh của nho-giáo.

Đoạn-trường tân-thanh kết-thúc bằng những câu:

*Có đầu thiên-vị người nào,
Chữ Tài chữ Mệnh đôi-dào cả hai.
Có tài mà cậy chi tài,
Chữ Tài liền với chữ Tai một vần.
Đã mang lấy Nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa;
Thiện-căn ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.*

Nghĩa là Tâm quan-trọng hơn Tài nhiều, vô cùng mâu-nhiệm; có thể nhờ Tâm gây một nghiệp hay để hưởng một quả tốt; con người có thể tin vào sức mình, việc làm của mình, chứ không phải luôn luôn cúi đầu trước mệnh trời.

Ông Lê-văn-Hoè phê-bình: "Ý này (ý-tưởng liên-hệ đến chữ Nghiệp) mâu-thuẫn với ý Thiên-mệnh., Nhà Nho chủ-trương Thiên-mệnh bất-di bất-dịch. Không-từ mới: Từ sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên. Quân-tử hữu tam úy: úy thiên-mệnh..

Nhà Phật chủ-trương nghiệp-báo, không công-nhận mệnh Trời. Triết-lý đạo Phật là triết lý vô-thần.

Trên tác-giả nêu Thiên-mệnh của nhà Nho, đây lại nêu nghiệp-báo của nhà Phật, hai tư-tưởng hoàn-toàn trái ngược nhau!

Người ta không rõ chủ-trương tác-giả ra sao, khi tác-giả vừa tán-thành thuyết nghiệp-báo nhà Phật vừa hoan-nghênh thuyết Thiên-mệnh

nhà Nho 5."

Chúng ta có thể hiểu Nguyễn Du. Trong đoạn kết, ông nhấn mạnh về chữ Nghiệp, cực-lực đề-cao chữ Tâm đối với chữ Tài ở đoạn đầu; nghiêng về thuyết nghiệp-báo, thuyết nhân-quả chống đối với thuyết thiên-mệnh, thuyết tài-mệnh tương-đố.

Có lẽ ông nhận thấy ở đời và trong lịch-sử có sự-kiện "hồng-nhan bạc-mệnh", thương-xót Vương Thúy-Kiều và viết Đoạn-trường tân-thanh. Ông cũng nhận thấy sự-kiện tài-mệnh tương-đố ở chính bản-thân ông và viết truyện Kiều để tự an-ủi một phần nào. Đồng thời, ông cũng nhận thấy ngoại-lệ trong những sự-thực tương-đối ấy và phần chân-lý trong thuyết nhân-quả. Do đó, Đoạn-trường tân-thanh kết-luận, — đoạn kết là đoạn quan-trọng nhất và ở đây nhằm một mục-đích giáo-huấn, — bằng những tư-tưởng Phật-giáo mâu-thuẫn với tư-tưởng Không-giáo.

Người nào đã quen-thuộc với tư-tưởng triết-lý nhận chân rằng mâu-thuẫn là tính-chất tự-nhiên, nội-tại trong triết-học, và không một thuyết nào là chân-lý tuyệt-đối. Có lẽ vì thế có sự dẫn-đo, do-dự trong tư-tưởng Nguyễn Du.

Điều chắc-chắn là Đoạn-trường tân-thanh không phải là một luận-đề tiêu-thuyết viết ra để nhất nhất chứng-minh và chủ-trương thuyết "tài-mệnh tương-đố".

Hay truyện Kiều là một tự-thuật tiêu-thuyết?

Trần-trọng-Kim viết: "Tại làm sao trong tiêu-thuyết Tàu thiếu gì chuyện hay mà Cụ không dịch, lại dịch bộ Thanh-tâm tài-nhan? Là tại Cụ thấy cái cảnh-ngộ của cô Kiều đối với cái cảnh-ngộ của Cụ hình như là: "Cùng người một hội một thuyền đầu xa", cho nên lại mới dụng tâm lấy truyện Kiều mà bày-tỏ ra cho hết mọi tình mọi ý... Cụ là một người trung-thần mà gặp buổi Lê-suy, cũng như Kiều là một người trinh-nữ gặp cơn gia-biến. Dù cụ muốn trung với Lê-hoàng, song nhà đồ, một cây gỗ chống sao cho nổi, khác gì Kiều muốn thủ-nghĩa với Kim Trọng, song cuộc cha thế phải bán mình. Bạch-diện đối với hồng-nhan đã chịu chung một số kiếp thì quyền truyện Kiều có phải là chỉ để than người bạc-mệnh mà thôi, hay là để cho tác-gia nhân đó mà tự than mình nữa? Thiết-tưởng Cụ cũng nghĩ:

Lời là bạc mệnh cũng là lời chung.

5 LL-VĂN-HOÀ, *Truyện Kiều chú-giải*, Quốc-học thư-xã, 1952, tr. 721.

cho nên than người bạc-mệnh cũng là than thân mình. Vậy lấy truyện Kiều mà xét tâm-sự Cụ Nguyễn-Tiên-diên thì tưởng không lầm vậy"6.

Người ta có thể nhận thấy khá rõ-ràng ít nhiều điểm tương-tự giữa "Werther" và Goethe, "René" và Chateaubriand, "le Petit Chose" và Alphonse Daudet...

Với Vương Thúy-Kiều và Nguyễn-Du chỉ có một điểm tương-tự duy-nhất giữa lòng cô-trình của Kiều nhớ Kim-Trọng và lòng cô-trung của Nguyễn-Du hoài Lê, cũng như giữa cảnh cô-đơn của nhạc-nữ Tâm dương và nỗi cô quạnh của Giang-châu Tư-mã.

Về nhiều phương-diện khác (gia-thế, thân-thế, hoài-bảo...), khó lòng có thể so-sánh công-từ họ Nguyễn, con nhà quyền quý, mưu-đồ đại-sự, những toan khởi phục nhà Lê với thiếu-nữ họ Vương, con nhà viên-ngoại, phải bán mình chuộc cha và chịu biết bao đau-đớn ê-chề.

Tuy Nguyễn-Du có thể đau-khò ngấm-ngấm về phương-diện tinh-thần nhưng, về số phận, quả thật ông không phải là nạn-nhân của định-mệnh phu-phàng như Kiều. Khi nhà Lê mất, nhà Tây-sơn lên thay, ông chỉ lấy việc săn bắn để giải buồn, ngao-du khắp chín mươi chín ngọn Hồng-linh với biệt-hiệu là Hồng-sơn liệt-hộ. Khi vua Gia-Long thống-nhất giang-sơn, ông được mời ra hợp-tác với tân triều. Ông làm quan đến Lê-Bộ Hữu-tham-tri, được hai lần cử sung chức Chánh-sứ sang Tàu (năm Gia-long thứ 12 (1813) và năm Minh-mạng nguyên-niên (1820), nhưng chưa kịp đi thì ông thụ bệnh mất ngày 10 tháng 8 năm Canh-thìn (1820).

Tuy nhiên, truyện Kiều có một giọng ai oán khiến ta cảm thấy Nguyễn Du đau buồn thành-thật khi bị thời-cuộc bắt phụ Lê theo Nguyễn như Kiều bị gia-cảnh buộc phải phụ chàng Kim, chìm nổi theo dòng đời giang-hồ lưu-lạc.

Điều khó-tâm của nhà văn-học-sử Việt-nam là không có một tài-liệu thủ-bút do Nguyễn-Du để lại và chỉ có thể đưa ra một giả thuyết: Nguyễn-Du đã cải-trang, gói-ghé tâm-sự mình trong tâm-sự Kiều. Một giả thuyết không bao giờ có một giá trị khoa-học hoàn-toàn vững-chắc.

Đầu sau, Đoạn-trường tân thanh không phải là một tự-thuật tiêu-thuyết thông-thường.

Đành rằng việc ký-thác tâm-sự vào một nhân-vật tiêu-thuyết là một

6 TRẦN-TRỌNG-KIM, *Bài diễn-thuyết của ông Trần-trọng-Kim về lịch-sử Cụ Tiên-diên và văn-chương truyện Kiều*, Nam-phong số 86, 1924, tr. 100.

việc dễ hiểu, có khi là một nhu-cầu thường được nhận thấy ở các văn-gia thi-sĩ, nhưng đó chỉ là một trong các động-cơ sáng-tác mà thôi. Thật ra công-việc sáng-tác rất huyền-bí và những mãnh-lực, những lý-do sáng-tác rất phức-tạp, không một nhà văn-học-sử nào biết rõ được. Nhà phê-bình chỉ có thể ước đoán mà thôi.

Văn trong phạm-vi giả-thuyết, người ta có thể coi lòng thương-cảm của Nguyễn-Du như một động-cơ sáng-tác. Lòng thương ấy mông-mênh bát-ngát trong bài "Văn-tê thập loại chúng sinh". Như Bạch Cư-Dị đã thương cô-phụ Tầm-dương và đã sáng-tác Ty-bà-hành, như Du-Hoài đã xót xa nhi họ Vương và đã viết Đoàn-thiên tiểu-thuyết Vương Thúy-Kiều, như Thanh-tâm tài-nhân đã trạnh lòng trắc-ân và đã quảng-diễn truyện ngắn trong Ngu-sơ tân-chí thành tiểu thuyết Kim-Vân-Kiều truyện, có lẽ Nguyễn Du đã động mối thương-tâm mà phóng dịch và biến đổi một cuốn tiểu thuyết Tàu thành Đoạn-trường tân-thanh. Sau này, Chu-mạnh-Trình thuyết Tàu thành Đoạn-trường tân-thanh. Sau này, Chu-mạnh-Trình thuyết Tàu thành Đoạn-trường tân-thanh. Sau này, Chu-mạnh-Trình thuyết Tàu thành Đoạn-trường tân-thanh. Sau này, Chu-mạnh-Trình thuyết Tàu thành Đoạn-trường tân-thanh.

Đấy là chưa kể những văn-sĩ thi-nhân khác cũng xót-xa Kiều và ngậm vịnh nàng.

Như vậy, nhiều nhà văn đã khóc Kiều 7 chỉ vì cảm thương một nhân-vật tiểu-thuyết, chứ không phải vì đã đau-khổ như nàng.

Có lẽ trường-hợp của Nguyễn-Du hơi khác: ông vừa thương mình vừa xót Kiều và có lẽ lòng xót một nhân-vật tiểu-thuyết cũng sâu-xa ngang với lòng thương của một cô-thần đối với thân-thể mình.

Xem thế, chúng ta nhìn-nhận rằng truyện Kiều là một tác-phẩm phức-tạp, có nhiều yếu-tố và khó xếp đúng hẳn vào một loại nào.

Tuy nhiên, người ta có thể căn-cứ vào yếu-tố quan-trọng nhất của một tác-phẩm để xếp loại. Theo nguyên-tắc này, Đoạn-trường tân-thanh có thể xếp vào loại tiểu-thuyết nào?

Nhưng trước hết, yếu-tố quan-trọng nhất trong truyện Kiều là gì? Chúng ta hãy mở giai-phẩm ấy và đọc kỹ. Chúng ta nhận thấy những đoạn hay nhất, dài nhất là những đoạn tâm-lý, tình-cảm.

Chúng ta hãy chú-ý đến hai nhân-vật chính là Kim và nhất là Kiều. Nàng đã giải-bày tâm-sự nhiều lần, với nhiều người, trong nhiều trường-hợp.

7 NGUYỄN-TRỌNG-TUẬT, *Khúc Kiều*, Nam-Phong số 86, tr. 161.

Ngày thanh-minh, Kiều gặp mã Đạm-tiên, đã thương-xót người "nồi danh tài-sắc một thi" và lo-sợ nghĩ đến thân-phận mình (30 câu):

Lòng đau sấn mối thương tâm,
Thoát nghe Kiều đã dầm-dậm châu sa.

Nỗi niềm trông đến mã đau,
Thấy người nằm đó biết sau thế nào.⁸

Chiều hôm đó, về nhà, Kiều "ngón-ngang trăm mối bên lòng" - thương người phồn-hoa, nhớ người gặp-gỡ, mộng thấy Đạm-tiên, nghĩ đến tương-lai mà kinh-sợ, xụt-xùi khóc-lóc nhiều lần (52 câu trong đó có vài câu tả cảnh đượm tình):

Kiều từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời gác núi, chiếu đà thu không.

Nỗi riêng lớp-lớp sóng giời,
Nghĩ đời còn lại sứt-sùi đời còn.

Sau cuộc gặp-gỡ ngày thanh-minh, ở vườn Thúy và tại nhà Kim Trọng, Kim và Kiều cùng nhau giải-bày tâm-sự, tự-tình, thề-nguyện, gán-bó, rồi tưởng nhớ đến nhau mà không thấy mặt nhau (44 câu):

Sương-sùng giữ ý rụt-rè,
Kẻ nhìn tận mặt người e cúi đầu.

Sóng Tương một giải nông-sờ,
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.

Kiều thấy Kim "trong âu yếm có chiều là-loi", lấy lời đoan-chính khuyên-can chàng và tỏ cho chàng biết tình yêu cao-quý của nàng chỉ tính việc trăm năm trọn- vẹn (24 câu):

Sóng tình dường đã xiêu-xiêu,
Xem trong âu yếm có chiều là-loi.

8 Đề thu ngắn bài tiểu-luận này, về mỗi đoạn trích-dẫn, tác-giả xin chỉ ghi 2 câu đầu và 2 câu cuối. Độc-giả có thể tìm thấy dễ-dàng những đoạn ấy trong nhiều bản Kiều đã được xuất-bản và nên đọc tất cả những đoạn viện-dẫn để thấy rõ tính-chất tình-cảm sâu-dặm của Đoạn-trường tân-thanh.

Vội chi liễu ép hoa nài?
Còn thân út phải đến-bồi có khi.

Kim Trọng phải về hộ-tang ở Liêu-dương, Kim, Kiều bối-rối đau-buồn vô cùng trong một cuộc chia-ly đẫm lệ (28 câu):

Mãng tin xiết nỗi kinh-hoàng,
Bằng mình đến trước đài-trang tự-tình.

Ngại-ngùng một bước một xa,
Một lời trán-trọng châu sa mấy hàng.

Kiều đau thương quặn-quại, khóc than thắm-thiết trước tình-duyên dang-dò, hạnh-phúc tan-tành và dặn em thay lời (62 câu):

Một mình nàng ngọn đèn khuya,
Áo đằm giọt lệ, tóc se mái sầu.

Ôi Kim-lang hỡi Kim-lang!
Thời thời thiếp đã phụ chàng từ đây.

Khi phải theo Mã Giám-Sinh về đến trú-phường, Kiều đau lòng, ân-hận không "bề nhị đào cho người tình chung" trước khi đến "bước lạc loài" (18 câu):

Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tâm,

Đã sinh ra số long-dong,
Còn mang lấy kiếp má hồng được sao.

Kiều căm-hờn, ghê-tởm, giận duyên tui phận, toan quyền-sinh sau khi bị thất thân với Mã Giám-Sinh (20 câu):

Tiếc thay một đoá trà-mi,
Con ong đã tỏ đường đi lối về.

Nỗi mình âu cũng giận dần,
Kịp chầy thôi cũng một lần mà thôi.

Kiều khóc, nghi, sợ mắc vào tay con buôn bịp-bợm, phải chôn vùi kiếp bạc-mệnh nơi đất khách quê người (16 câu):

Nhìn càng lã-chã giọt hồng,
Rì tai nàng mới giải lòng thấp cao.

Thời con còn nói chi con,
Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người.

Kiều buồn-rầu ảo-nảo trước cảnh thu, trên đường trường đi Lâm-truy (12 câu):

Trông vời gạt lệ chia tay,
Góc trời thăm-thẳm ngày ngày đăm đăm.

Những là lạ nước lạ non,
Lâm-truy vừa một tháng tròn tới nơi.

Kiều ở lâu Ngưng-bích, lòng buồn man-mác, nhớ Kim Trọng và nhớ nhà (lần thứ nhất, 22 câu):

Trước lầu Ngưng-bích khóa xuân.
Vẽ non xa, tằm trắng gần ở chung.

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Sau khi nghe những lời dạy-dỗ của Tú-Bà, Kiều thẹn-thùng tui-nhục, thương thân trách phận, nhớ cha mẹ và chàng Kim (lần thứ nhì, 28 câu):

Những nghe nói đã thẹn-thùng,
Nước đời lắm nỗi lạ-lùng khắt-khe.

Đã dầy vào kiếp phong-trần,
Sao cho si-nhục một lần mới thôi.

Kiều do-dự, e-ngại vì tình-trạng bất-ôn của nàng, khuyên Thúc-Sinh nên tính kỹ trước khi lấy nàng:

Nàng rằng: muôn đời ơn lòng,
Chút e bên thú bên tông dễ đâu.

Thương sao cho vẹn thì thương,
Tính sao cho trọn mọi đường thì vãng!

Kiều bán-khoản, lo-lắng vì tình-trạng bưng-bít giấu quanh, khuyên Thúc-Sinh về thu-xếp việc nhà với Hoạn-Thư để nàng an phận làm vợ bé (44 câu) :

*Trương hồ vắng-về đêm thanh,
E tình, nàng mới bày tình riêng chung.*

*Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau.*

Sau khi Thúc-Sinh ra đi để về nhà Hoạn-thư, Kiều cô quạnh lại nhớ cha mẹ và Kim Trọng (lần thứ ba, 14 câu) :

*Nàng từ chiếc bóng song the,
Đường kia nổi nọ như chia mỗi sầu.*

*Nén hương đến trước Thiên đài,
Nỗi lòng khẩn chừa lời vãn vãn.*

Kiều ngập-ngừng, bối-rối khi nhận thấy Thúc-Sinh ở nhà Hoạn-Thư :

*Bước ra một bước một dừng,
Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa.*

*Càng trông mặt càng ngăn-ngợ,
Ruột tâm đôi đoạn như tơ rối bời.*

Kiều vô cùng kinh-hãi vì lối ghen thâm-độc của Hoạn-Thư, tìm cách thoát-ly, rất lo-sợ không nơi nương-tựa :

*Nghe thôi kinh-hãi xiết đầu,
Đàn bà thế ấy thấy ầu một người !*

*Chín e què khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm vành ấm no.*

Như "con én lạc đàn" đã trúng tên một lần, Kiều sợ-sệt lại mắc lừa và bị đẩy dọa vào thanh-lâu một lần thứ nhì, rồi đành liều để mai-một tuổi thanh-xuân (16 câu) :

*Thoạt trông nàng đã biết tình,
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao ?*

*Biết thân tránh chẳng khỏi trời,
Cũng liều má phấn cho rời ngày xanh.*

Trong khi chờ-đợi Từ Hải, Kiều lại thương nhớ cha mẹ và Kim Trọng (lần thứ tư, 14 câu) :

*Đoái trông muôn dặm từ phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.*

*Cánh hồng bay-bồng tuyết-vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm-đăm.*

Kiều thương-tiếc, khóc-lóc thê-thảm bên thi-hài người anh-hùng tử-trận vì quá nghe nàng :

*Khóc rằng : "Tri dũng có thừa,
Bờ nghe lời thiệp nên cơ-hội này.*

*Xin cho thiên-thở một đôi,
Gọi là đáp-điểm lấy người tử sinh.*

Sau khi bị gán cho người thõ-quan, Kiều âu-sầu ủ-rũ, tuyệt-vọng trước thảm-cảnh "giết chồng mà lại lấy chồng", đến nỗi phải gieo mình xuống sông Tiền-đường để hết kiếp đoạn-trường (32 câu) :

*Nàng càng ủ liêu phai đảo,
Trăm phần nào có phần nào phần trôi.*

*Thôi thì một thác cho rồi,
Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông !*

Giữa bữa tiệc đoàn-viên và đêm động phòng, Kim và Kiều lại giải-bày tâm-sự rất lâu. Kiều hồ-thẹn, ngại-ngùng, tự xét mình không còn trong trắng để xứng đáng với lòng chung-tinh tuyệt-đối của Kim-Trọng, nhất-định xin "đem tình cảm-sát đời ra cầm-cờ" và Kim phải chiều theo ý Kiều (112 câu) :

Rút lời nàng vội gạt đi,
Sợ muốn năm cũ kể chi bây giờ.

Chờ-che đêm bực thiếu gì ?
Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay.

Ngoài ra, còn có thể kể nhiều đoạn tâm-lý, tình-cảm khác, chẳng hạn như đoạn Kim-Trọng tương-tư (22 câu) :

Cho hay là giống hữu-tình,
Đố ai gỡ mối tơ-mành cho xong.

Gió chiều như gọi cơn sầu,
Vị-lô hiu-hắt như mầu khây-trêu.

Như đoạn Kim-Trọng tìm thấy nhà Kiều, vật-vã khốc-lóc khi nghe tin Kiều đã bán mình :

Vật mình vầy gió tuôn mưa,
Dăm-dẽ hạt ngọc, thân-thờ hồn mai.

Bao nhiêu cửa, bấy ngày dằng,
Còn tôi tôi một gặp nàng mới thôi.

Như đoạn Kim Trọng thơ-thần lao-đao, bôn-chồn nhớ Kiều, những muốn treo ấn từ quan, sống chết đi tìm Kiều cho bằng được (16 câu) :

Nghe tường ngành ngọn tiêu-hao,
Lòng riêng chàng lưỡng lao-đao thân-thờ.

Giãn mình trong đám can-qua,
Vào sinh ra từ họa là thấy nhau.

Như đoạn Hoạn-Thư nung-nấu mưu thâm kẻ độc trong lòng ghen nham-hiềm, trầm-lặng (14 câu) :

Thưa nhà huyền hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.

Trước cho bỏ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau.

Như đoạn Từ-Hải nghi-nghờ thủ-đoạn lưỡng gạt của Hồ Tôn-Hiến và biểu-lộ khí phách anh-hùng (12 câu) :

Tin vào gửi trước trung quân,
Từ-công riêng hãy mười phân hồ-đồ.

Chọc trời quấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai ?

Cố nhiên khó lòng kể hết những câu tình-cảm, những đoạn ngắn-ngắn tả cảnh nhuộm tình như phản-ảnh, dư-âm của tình-cảm, còn nhiều trong Đoạn-trường tân-thanh.

Người ta nhận thấy dễ-dàng những đoạn tâm-sự, tình-cảm (và có khi lý-luận nữa, lý-luận theo tình-cảm) là những đoạn quan-yêu, dài nhất, hay nhất.

Như trên đã nói, cảnh trong Đoạn-trường tân-thanh thường thấm tình; lý-luận cũng vậy.

Đề làm sáng tỏ điểm này, chỉ xin đơn-cử một thí-dụ. Trong đoạn tái-hợp, Kim và Kiều thảo-luận rất dài về chữ trinh. Kim nói :

Như nàng lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay ?

Ông Lê-văn-Hoè chú giải : “Trinh là một chuyện, hiếu là một chuyện. Sao lại có thể lấy hiếu làm trinh ? Vì quá yêu Thúy-Kiều mà Kim-Trọng dạy lẫn. Hay tác-giả muốn cho rằng hy-sinh chữ trinh để làm tròn đạo-hiếu cũng tức là trinh ?”⁹ Ông cho rằng Kiều cần chỉ bán mình một lần để chuộc cha không cần luân-lạc trong mười lăm năm, không giữ được chữ trinh với Kim Trọng, dù xử theo đạo tông-quyền. Đó là lý-luận theo lý-trí thuần-túy-Trái lại, Kim Trọng suy-luận theo tình-cảm (logique des sentiments). Pascal cho ta biết rằng tâm-tình có những lý-lẽ mà lý-trí không biết. Kim nhìn Kiều qua màn huyền-diệu của tình-yêu, của lòng thương. Chàng cảm thấy Kiều đã hy-sinh tất cả, đã đau khổ quá nhiều, đáng yêu-thương vô hạn, không hề vẩn-đục, và bụi đời bám vào nàng do định mệnh khắt-khe, hoàn-toàn ngoài ý muốn của nàng, không thể coi là một vết xấu và không đáng kể.

⁹ LÊ-VĂN-HOÈ, *sđđ*, tr. 702.

Kiều trả lời :

*Người yêu ta xấu với người,
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau.*

*Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cần cho vừng lại gĩa cho tan.*

Ông Lê-văn-Hoè lại khó chịu bực mình : “Kiều lý-luận thật lạ đời. Vì sao yêu nhau lại bằng mười phụ nhau? Phụ nhau là không yêu nhau, mà đã yêu nhau tất không phụ nhau. Vậy thì sao yêu nhau lại có thể là ghét nhau gấp mười lần phụ nhau? Đoạn Kiều giữ giá, vấn lý non yếu và giá tạo làm sao!... Đến người yêu-quí Kiều tột bực cũng không dám nói là Kiều còn trinh. Vậy mà ở đây, Kiều lại dám tự nhận là nàng còn trinh. Không hiểu nàng định cho một chút trinh ấy là cái gì? ⁴⁰

Nhà chú-giải có lý trên bình-diện lý-luận thuần-túy. Nhưng người ta vẫn thương và có thể hiểu Kiều. Nàng quan-niệm chữ trinh rất rõ-ràng và đã từng nói:

*Đã cho vào bực bổ kinh,
Đạo tông phụ giữ chữ trinh làm đầu...
Nghĩ thân đến bước lạc loài.
Nhị đào thà bè cho người tình chung...
Chữ trinh đáng giá nghìn vàng.
Đuốc hoa chẳng then với chàng mai xưa...
Nghĩ mình chẳng hổ mình sao,
Dám đem trần cấu dự vào bổ-kinh...*

Đối với chàng Kim, Kiều cho rằng chỉ có tâm và thân hoàn toàn trong-trắng của nàng mới xứng đáng. Ngoài những điều-kiện ấy ra, bất cứ cách yêu nào khác cũng không xứng-đáng, cũng chỉ là là phụ, là dục — tình với dục khác nhau một trời một vực. Một là tình mặn nồng với tấm thân toàn vẹn, hai là tình thanh-tịnh của đôi bạn tri-âm: theo Kiều, đó là hai hình-thức tích-cực và tiêu-cực của chữ tình, chữ trinh, chữ tiết của nàng đối với chồng. Không giữ được chữ trinh tích-cực, Kiều đành giữ chữ trinh tiêu-cực. Nàng muốn nói rằng chỉ còn chữ trinh-tiết tiêu-cực ấy, một chút tiêu-cực ấy: tức là tự xét mình không [còn trong trắng,

xứng đáng với ái-tình của chàng Kim, con người yêu nàng tha-thiết, chung-tình tuyệt-đối, “gạn đục khơi trong” đối với “thân tàn” của nàng.

Theo Kiều, yêu là phụ, không yêu là yêu. Đời cay-đắng phù-phàng, đã bắt nàng không được hưởng diễm-phúc dành cho trinh-nữ tiết-phụ thì nàng đành ngậm đắng nuốt cay giữ vững chữ trinh tiêu-cực để khỏi hổ-thẹn, khỏi phụ người chung-tình, khỏi làm ô uế ái-tình tuyệt-đối, động-chạm tới mối tình đầu:

Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau

Đối với Kiều, mỗi tình đầu là mỗi tình thơ mộng, thiêng-liêng, là kỷ-niệm vô-giá, là viên ngọc mà nàng đã giữ được toàn-vẹn cho đến khi xảy ra gia-biến, nàng phải bán mình cứu cha. Giờ đây, trong lúc tái-hợp, nàng muốn tránh mọi hành-vi mà nàng cho là không thanh tao cao-đẹp, tự hồ như nàng muốn giữ mối tình đầu được diễm-lệ, kỷ-niệm xưa được êm-đềm, hòn ngọc cũ không bị vết, — dù chỉ là vết nhỏ đến đâu chăng nữa.

Đó là tình-cảm căn-bản ăn sâu vào tâm-khảm Kiều, mà không một lý-luận nào có thể làm tiêu-tan được. Không hiểu tình-cảm sâu-xa ấy thị không thông-cảm nàng. Nếu chỉ dùng lý-trí thuần-túy thì cũng không hiểu nàng.

Như vậy, yếu-tố tình-cảm thấm-nhuần đến cả phong-cảnh, cả lý-luận trong Đoạn-trường tân-thanh và trọng-đại biết là đường nào!

Chính những đoạn tình-cảm là những đoạn được phổ-biến nhất, thường được dân-gian thuộc lòng, ngâm-nga say-sưa, hứng-thú.

Điều đó dễ hiểu. Đó là những tình-cảm phổ-quát, trường-cửu, rất “người”, mà con người đông tây kim cổ thường có: tình yêu đầy rung cảm chớm nở trong bình-minh của ái-tình, nỗi tương-tư sâu muộn của chàng si-tình, sự bồn chồn trông ngóng, lời tự-tình êm dịu, sự gán bó đá vàng giữa trai tài gái sắc, cảnh sáu chia đôi đắm lệ giữa người đi dặn-dò “gìn vàng giữ ngọc” và kẻ ở “trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai”, nỗi giận duyên tui-phận của một thiếu-nữ trinh-bạch đành phải thất thân trong tay phạm, lòng nhớ nhà, nhớ người yêu của giai-nhân lạc loài ngắm “cửa bê chiều hôm”, nỗi nhục-nhã cảm-hờn của người khuê-các bị đẩy-đọa vào thanh-lâu, tình yêu say-đắm của một khách giàu-có đối với hoa-khôi xóm Bình-khang, lòng ghen sâu-độc của một tiểu-thư quyền-quí, ái-tình tri-đắc giữa “trai anh-hùng, gái thuyền-quyên”, mối sầu hận đầy lệ trước thi-hài người anh-hùng vì mình mà chết đứng, niềm thương nhớ triền-miền của kẻ chung-

Nguyễn-trường-Tam ca-tụng lời văn: « Văn Kiêu ý-từ đã hay mà đọc đến lại trơn-tru lừ-loát. Có thể mới gọi là toàn được vì nếu văn khúc-khuyết, người đọc mất cái thú ngâm-ngã và cái thú vui tai. Muốn cho văn trơn-tru, cần phải gieo vần cho hợp, trường thế cũng là việc khó lắm, có khi nghĩ mãi một cả óc, lựa mãi mỗi cả hôm, cũng không tìm được một vần xứng đáng... Văn Cụ (Nguyễn Du) không câu nào lạc vần cả, nên đọc đến trơn-tru lừ-loát lắm. Câu văn như lướt theo tư-tưởng »¹³.

Ông Đào-duy-Anh khen ngợi tài sử-dụng thể lục-bát của Nguyễn-Du: « Dẫu Nguyễn Du viết Đoạn-trường tân-thanh bằng một thể văn âm điệu nghèo-nàn, mà trong phạm-vi chật hẹp ấy, nhờ bản-năng linh-diệu của thi-sĩ, ông đã có thể tìm được những âm-diệu khá phong-phú »¹⁴.

Alfred Droin ca-ngợi âm-diệu trong Đoạn trường tân-thanh: « Truyện Kiều là một áng thơ bất diệt có những câu êm-dềm đến mức khi người ta vừa mới ngâm-ngã, những câu ấy còn đọng lại trên môi dư vị của mặt ong »¹⁵.

Thật vậy, chính lời thơ, nhạc thơ mới là phần sáng-tác quan-yếu nhất của Nguyễn-Du. Ông có thiên-tài siêu-việt để luyện dùng thể lục-bát là thể hoàn-toàn Việt-nam, không hề thấy trong văn-chương Trung-quốc. Nhờ thiên-tài ấy, ông đã biến đổi một cuốn tiểu-thuyết Tàu thành một giai-phẩm hoàn toàn Việt-nam, thành một quốc-lưu.

Đành rằng Đoạn-trường tân-thanh có đủ giọng văn-từ giọng văn tình-cảm ly-tao đến giọng văn tự-sự bình-giản và có rất nhiều câu hùng-vinh danh thép hay chua-chát mỉa-mai, nhưng đại-đề, truyện Kiều có rất nhiều câu êm-dịu, nhẹ-nhàng, du-duơng, uyển-chuyển như lời ca môn-trên thánh-giác, như điệu đàn vuốt-ve tâm hồn. Có những câu đau buồn tuyệt-vọng như tiếng thở dài não-nùng, như tiếng tơ lòng nức-nức sụt-sùi trong đêm thanh vắng. Chính nhờ nhạc-diệu ấy mà nhiều câu lục-bát ma-lục ru hồn ta trong một thứ lạc-thú tinh-thần êm-dềm tao-nã. Đó là yếu-tính thứ nhì của Đoạn-trường tân-thanh.

Ngoài âm-diệu, truyện Kiều còn có nhiều ưu-điểm khác. Nguyễn-Du có tài dùng chữ, kể cả những chữ thông-tục, để

13 NGUYỄN-TƯỜNG-TAM, *Mấy lời bình-luận về văn-chương Nguyễn Kiều*, Nam Phong số 79, 1924, tr. 36.

14 ĐÀO-DUY-ANH, s. d. d., tr. 171.

15 RENÉ GRAYSSAC, *Kim-Vân-Kieu* traduit en vers français, po. ce, p. LXXBVI.

viết những câu văn rất đắt, thích hợp với tinh ý người trong truyện. Nhất-Linh kể ta một vài thí-dụ :

*Thiệt riêng đây, mà lại càng cực đây...
Chém cha cái số hoa đào...¹⁶*

Nguyễn-Du có tài ngắt câu lục-bát thành hai tiểu-đoạn đối nhau hoặc xếp đặt những khổ bốn câu cân-xứng, vì thể lục-bát không cho phép đặt hai câu liền đối nhau :

Thí-dụ về câu lục :

Mai cốt cách, tuyết tinh thần...

Làn thu thủy, nét xuân sơn...

Khi tình rượu, lúc tàn canh...

Khi chén rượu, khi cuộc cờ...

Câu bát :

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh...

Hương gầy mùi nhớ, trà khan giọng tình...

Đá vàng cũng quý, phong ba cũng lêu...

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo...

Hai khổ bốn câu tương xứng :

Đời phen gió tựa hoa kề,

Nửa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu ;

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Đời phen nét vẽ câu thơ,

Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa ;

Vui là vui gượng kẻo mà,

Ai tri-âm đó mặn-mà với ai ?

Với một thiên-tài lỗi-lạc, ông biến điển-cổ thành những câu văn lừ-loát hoàn toàn Việt-Nam, dồi tục-ngữ thành những câu thơ trơn-tru đến mức chính những câu trong Đoạn-trường tân-thanh cũng hóa ra bình-dân như những câu tục-ngữ ca-đạo :

Thí-dụ về điển-cổ Tàu được Việt-Nam-hóa :

16 NGUYỄN-TƯỜNG-TAM, bài đã dẫn, Nam phong số 79, 1924, tr. 32.

Sông Tương một giải nông sờ,
 Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia...
 Sông Tân một giải xanh-xanh,
 Lôi-thôi bờ liễu mấy cành Dương-quan."

Thí-dụ về tục-ngữ được sáp-nhập vào Đoạn-trường tân-thanh :

Dễ lừa yếm thắm trên kim,
 Làm chi bùng mắt bắt chim khó lòng..
 Lo gì việc ấy mà lo,
 Kiến trong miệng chén có bò đi đâu...

Ông sờ-trường về cách dùng cảm-từ là những chữ đặc-biệt Việt-Nam có âm-thanh mẫu-nhiệm đề gọi hình, gọi cảm :

Tà tà bóng ngả về tây...
 Lơ thơ tơ liễu buông mành..
 Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tướt...
 Lênh-dênh đầu nữ cũng là lênh-dênh...

Với một nghệ-thuật điêu-luyện, ông hay cũng ám-tý có khả-năng cụ-thể-hóa lời văn và gọi hình-ảnh. Đoạn-trường tân-thanh có nhiều ẩn-dụ, xin chỉ nêu vài thí-dụ phác họa bóng dáng nàng Kiều khóc :

Nội riêng lớp-lớp sóng giời...
 Giọt riêng tâm-tả tuôn mưa...
 Màu hoa lê hãy dâm-địa giọt mưa..
 Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng...

Nguyễn Du rất ưa dùng điệp-ngữ và dùng rất tài-tình, rất thích-hợp với mọi hoàn-cảnh.

Một đôi khi, trong Đoạn-trường tân-thanh. điệp-ngữ cực-tả cái giọng day nguyền ác-độc, căm-hờn, như muốn trả thù cho hả giận, cho bõ ghét :

Làm cho nhìn chẳng được nhau,
 Làm cho đẩy dọ cất đầu chẳng lên..
 Làm cho cho một cho mê,
 Làm cho đau-đớn ê-chề cho coi...

Thường thường điệp-ngữ, trong truyện Kiều, có công-dụng diễn-

tả những tình-cảm âu-sầu thăm-thía như những lệ lòng thánh-thót nhỏ xuống đáy lòng :

Còn non, còn nước còn dài,
 Còn vè, còn nhớ đến người hôm nay...
 Khi sao phong gấm rủ là,
 Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường...

Chúng ta có thể kể ra nhiều thí-dụ chứng-minh rằng Nguyễn Du có tài tả người với vài nét tiêu-biểu mà đủ vẽ những nhân-vật điển hình với nét mặt, vẻ người, dáng-điệu, khẩu-khí thích-hợp với từng nhân-vật; tài tả cảnh với vài nét đơn-giản mà đủ phác-họa những cảnh nhuộm màu sắc của tâm-hồn (những cảnh "vương-tình", để nói như Đào-nguyên-Phổ); và ở trên, đã có nhiều thí-dụ về tài tả tình bằng những câu du-dương, êm-ái.

Chúng ta không cần làm lại công-việc của nhiều nhà phê bình (các nhà nho Nguyễn Khuyến, Nguyễn-kỳ-Nam, Kiều-oánh-Mậu, Bùi khánh-Diễn, Nguyễn-khắc-Hiếu, Bùi Kỳ, Nguyễn-văn-Anh; các nhà tân học Nguyễn-văn-Vinh, Phạm Quỳnh, Trần-trọng-Kim, Nguyễn-trọng-Thuật, Vũ-dình-Long, Nguyễn-trường-Tam, Lê-văn-Hoè, Trần-cửu-Chấn...) đã đề cao văn-chương Đoạn-trường tân-thanh.

Và lại, bài tiểu-luận này không nhằm mục-đích nghiên cứu đầy đủ mà chỉ cốt nêu vài yếu-tính của truyện Kiều.

Ngôn-ngữ điêu-luyện chính là yếu-tính thứ ba của Đoạn-trường tân-thanh.

Do đó, truyện Kiều không những là khuôn vàng thước ngọc về thể văn-văn lục-bát, mà còn là một kho-tàng ngôn-ngữ. Người Việt muốn giỏi tiếng Việt nên học-hỏi, thăm nhuần Đoạn-trường tân-thanh. Đó là một công-trình ngôn-ngữ vừa uyên-bác vừa bình-dân. Thiệt-tưởng không ai bằng Nguyễn Du trong việc khai-thác khả-năng của tiếng Việt và chứng-minh rằng khả-năng ấy phong-phú phi-thường, có thể xây-dựng một nền quốc-học cho dân-tộc. Ông gây cho chúng ta một niềm tin-tưởng vững chắc vào khả-năng và tương-lai của tiếng mẹ đẻ. Không trách ngày 8 tháng 9 năm 1924 (nhằm ngày mồng 10 tháng 8 âm-lịch là ngày quốc lễ đầu tiên kỷ-niệm cụ Tiên-diễn), tại Hội-quán Hội Khai-trí Tiến-đức Hà-nội, Phạm Quỳnh đã cao hứng tuyên-bố trước mấy ngàn thanh-giả Việt và ngoại-quốc : "Truyện Kiều còn, tiếng ta

còn, tiếng ta còn, nước ta còn, có gì mà lo, có gì mà sợ, có điều chi nữa mà ngờ? ”.¹⁷

Nói tóm lại, truyện Kiều có ba yếu tính rõ-ràng: tính-chất tình-cảm, nhạc-điệu, lời văn hay. Đó chính là ba yếu-tố căn-bản của thơ. Đoạn-trường tân-thanh, chính là thơ vậy.

Tuy có sự đồng thanh ca-tụng văn-chương truyện Kiều, nhưng về phương-diện tư-tưởng, luân-lý, đạo-đức, thì khác hẳn, ngược lại.

Có hai phái chống đối nhau kịch-liệt. Nguyễn-công-Trứ nguyên-rũa “Thúy-Kiều đoạn-trường cho đáng kiếp tà đâm”¹⁸; Mai-khê chê Kiều đoảng đến nỗi “suốt một đời, Kiều không được một điều gì cả”¹⁹; Ngô-đức-Kế mặt-sát Đoạn-trường tân-thanh là “ai dâm sâu oán, đạo dục tăng bi”²⁰; Villard cho rằng “truyện Kiều có những chi tiết khiêu dâm khiến người ta nổi giận muốn kháng cự lại”.²¹

Trái lại Song-cối (Nguyễn-kỳ-Nam) khen Kiều là một niềm hiếu-thảo, muôn thuở danh thơm, đáng kính, đáng mến, hạng người vinh-quí tâm thương há dễ sánh kịp”²¹, coi Thúy-Kiều hơn cả Hạnh-Nguyên và Hồng-Ngọc chỉ thủ-tiết một thời, rồi sau được hưởng hạnh-phúc hoàn-toàn với Mai Lương-Ngọc và Tô Hữu-Bạch; Nguyễn-Khuyến xét án Kiều và bênh vực nàng là người “đủ nhân, trinh, hiếu, nghĩa”²²; Trần-trọng-Kim tán-tụng truyện Kiều “gồm đủ nhân, nghĩa, trí, tín, thật là quyền sách rất có luân-lý, rất thanh-nhã vậy”²³; Phạm Quỳnh đề cao tốt bực Đoạn-trường tân-thanh và cho rằng “văn-chương mình chỉ đọc có một quyển, vừa là kinh vừa là truyện, vừa là Thánh-thư Phúc-âm của cả một dân-tộc. Một nước không thể không có quốc-hoa, truyện Kiều là quốc-hoa của ta; một nước không thể không có quốc-túy, truyện Kiều là quốc-túy của ta; một nước không

17 PHẠM QUỲNH, *Bài diễn-thuyết đã dẫn*, Nam-phong số 86, tr. 91.

18 NGUYỄN-CÔNG-TRỨ, ca trù vịnh Kiều.

19 ĐÀO-DUY-ANH, sđd, tr. 195.

20 RENÉ CRAYSSAC, *Kim Van-Kieu* traduit en vers français, préface, p. LXXIX.

21 SONG CỐI, *Một danh-sĩ xưa đã chia hời truyện Kiều và phê-bình nàng Kiều thế nào?* Tri tân, số 63, tr. 10.

22 YÊN-ĐỒ NGUYỄN-KHUYẾN, *Án các nhân vật trong truyện Kiều*, Tri tân, số 63, tr. 13.

23 BUI KỶ và TRẦN-TRỌNG-KIM, *Truyện Thúy-Kiều*, tựa, tr. XXXIV.

thê không có quốc-hồn, truyện Kiều chính là quốc-hồn của ta”²⁴; Vũ-đình-Long thì cho rằng truyện Kiều hay thì mặc nhiên phải có luân-lý và quả-quyết: “Cụ Nguyễn Du đem tâm-sự riêng của mình bộc-bạch với non sông, mà thành ra cụ dạy đời cái cách thờ vua giúp nước, cái cách vợ thờ chồng, con thờ cha, cái cách làm người cho xứng-đáng, cái luân-lý cao quý vô cùng ấy, thực là lời lời nhả ngọc, hàng hàng găm thêu, ta nên thấp hương cảm tạ Cụ mà kính lĩnh đem ra thực-hành... Truyện Kiều là một truyện phong-tình nhưng gồm cả trung, hiếu, tiết, nghĩa, thật là một tấm gương luân-lý sáng-suốt vô cùng... Văn vô-luân-lý không phải là văn-chương chân-chính. Cái gì vô-luân-lý không thể có mỹ-thuật được. Truyện Kiều đáng là một nền văn-chương bất-hủ, một là vì cái giá-trị văn-chương, hai là vì cái giá-trị luân-lý vậy”²⁵.

Những lời khen chê có phần thái-quá, cực-đoan. Tại sao cùng một tác-phẩm, mà người lại mặt-sát là dâm-thư, kẻ lại tán-dương là Thánh-kinh? Sao lại thế? Có lẽ vì các nhà phê-bình không căn-cứ vào yếu-tính mà xét đoán và không đặt đúng chỗ giai-phẩm của Nguyễn Du.

Thiết-tưởng mục-dịch chủ-yếu của Đoạn-trường tân-thanh là kể một câu chuyện bi-tình thương tâm hơn là dạy những bài học “luân lý cao quý vô cùng”. Theo Vũ-đình-Long, Nguyễn Du bộc-bạch (bộc bạch một cách gián-tiếp, gói-gém thì đúng hơn) tâm-sự riêng của ông, một di-thần cô-trung đối với triều-đại suy vong, vào tâm-sự nàng Kiều, một thiếu-nữ cô-trinh đời với người yêu xa vắng. Nhưng có thật truyện Kiều dạy đời cách thờ vua giúp nước không? Cách vợ thờ chồng không? Cách ở đời làm người cho xứng-đáng không? Chúng ta không thấy rõ những bài học đó ở đoạn nào. Duy chỉ có bài học về cách con thờ cha (hy-sinh cho cha thì đúng hơn) thì thật rõ-ràng, ào-nào.

Phải chăng Đoạn-trường tân-thanh thật “là một tấm gương luân-lý sáng-suốt vô cùng?” Chúng ta nhận Kiều là hiện-thân cao đẹp của chữ hiếu, Kim Trọng là tượng-trung hùng biện của chữ nghĩa, của lòng chung tình. Còn nhân-vật nào tiêu-biểu cho chữ trung, chữ tiết? Một giai-nhân yếu-đuối cầu an, muốn về gia-hương, ham ngôi mệnh-phụ, khuyến chồng ra hàng rồi vô tình giết chồng, khóc ra huyết-lệ, đứt ruột nát lòng, ê-chề tuyệt-vọng đến phải gieo mình xuống sông, có phải là gương

24 PHẠM-QUỲNH *Bài diễn-thuyết đã dẫn*, Nam-phong số 86, tr. 91.

25 VŨ-ĐÌNH-LONG *Văn-chương truyện Kiều*, bài IV, Nam-phong số 87, 1924, tr. 247-249.

chối-lội của chữ trung không? Một mỹ-nhân oan-khô, mười lăm năm lưu-lạc giang hồ, có giữ được chữ tiết tích-cực, hoàn-toàn không?

Nói tóm lại, về phương-diện luân-lý đạo-đức, Đoạn-trường tân-thanh không cho chúng ta những bài học hoàn-toàn và không có một giá-trị tuyệt-đối.

Vũ-dình-Long còn nêu ra vấn-đề tương-quan giữa văn-chương nghệ-thuật và luân-lý đạo-đức; ông cho rằng một tác-phẩm tuyệt-diệu dĩ-nhiên phải có đạo-đức và giá-trị Đoạn-trường tân-thanh một nửa ở văn-chương, một nửa ở luân-lý. Thật ra không có liên-quan mật-thiết giữa văn-nghệ và đạo-đức. Thí dụ như Ly-tao của Khuất Nguyên, thi-kịch Roméo et Juliette của Shakespeare, Werther của Goethe, bi-kịch Phèdre của Racine (đề-tài là mối tình loạn-luân, ngang trái, không thể thú nhận được giữa di ghê là Phèdre và con chồng là Hippolyte), bức họa La Joconde của Léonard de Vinci, tượng khỏa-thân Vénus de Milo, toàn là những tác-phẩm văn-chương nghệ-thuật siêu-đẳng của nhân-loại, song hầu như không có yếu-tố luân-lý đạo-đức. Nếu thiện không phải là điều kiện mãn-túc, thì thiện cũng không phải là điều kiện tất-yếu của mỹ.

Nói cho thật đúng, Nguyễn Du không cốt-yếu là một triết-gia, một nhà tư-tưởng, mà là đệ-nhất thi-bá của nước ta.

Ông cũng là người tiên-phong mở đường khai lối cho một nền văn-hóa dân-tộc. Sự thành-công rực-rỡ huy-hoàng của ông khuyến khích và hướng dẫn chúng ta trong công-cuộc bồi-đắp, phát-huy nền văn-hóa quốc-gia, ngõ hầu thực-hiện một nền quốc-học phong-phú, xứng-đáng với ngàn năm văn-hiến "có tiếng hơn có miếng" và có một địa-vị khả-quan trên trường quốc-tế.

Đoạn-trường tân-thanh không cốt-yếu là một triết-phẩm, một tư-tưởng tiêu-thuyết, một tác-phẩm đạo-đức, mà là một cuốn tình-cảm tiêu-thuyết thống-thiết lâm-lĩ, một giai-phẩm văn-nghệ, một công-trình ngôn-ngữ bất-hủ của dân-tộc Việt-Nam.

Tuy không phải là "Thánh-thư Phúc-âm", nhưng truyện Kiều không vô-luân (immoral), không phi-luân (amoral) không khiêu-dâm (obscene). Ý-tưởng của Villard coi Đoạn-trường tân-thanh như một cuốn dâm-thư là một ý-tưởng quá khích, điên-khùng. Như đã nói ở trên, Nguyễn Du gạt bỏ hết những đoạn miêu-tả thô-tục và chỉ tóm-tắt bằng vài ba câu thanh-tao cần-thiết, để độc-giả thoáng thấy những thực-tế không thể che-đậy được, Nguyễn Du không phải là người giả-đạo-đức làm bộ tiêu-sái, mà là một thi-nhân đa cảm xen vào cuộc đời với nét nhìn sâu-sắc trước những thảm-trạng xã-hội, với cõi lòng rung-động trước những đau-khổ của kiếp hoa.

Còn Kiều là nhân-vật thế nào? Chúng ta cần minh-định về nàng, vì chính nàng là đối-tượng đã chia các nhà phê-bình thành hai phe-phái, một phái cực-lực đề cao, một phe hết sức hạ thấp.

Ai cũng biết Kiều là một thiếu-nữ đa-sầu, đa-cảm, đa-tình, chứ không phải một thánh-nữ cao-thượng, siêu-luân, thanh-thoát, ở ngoài và ở trên thường-tình của nhi-nữ. Nàng rất "người", hành-động tự-nhiên, theo trào lòng hơn lý-tri, theo tình-cảm rạt-rào mãnh-liệt, "oán thì trả oán, ân thì trả ân", đành và dám quyên-sinh khi tủi nhục quá, đau khổ quá (một lần toan quyên-sinh, một lần tự-tử bằng dao, một lần gieo mình xuống sông Tiền-đường). Nàng tin tưởng-số mộng-mị, tự hổ có óc mê tín, đề một "người đời xưa", một bóng ma chi-phối nặng-nề tâm-lý và những quyết-định quan trọng của đời nàng.

Tuy nhiên, khi Kim Trọng "trong âu-yếm có chiều là-loại", nàng có phản ứng rất đoan chính, rất đáng khen. Nàng luôn luôn hoài-bão một sự trong-trắng hoàn-toàn để xứng-đáng với người chung-tình tuyệt-đối. Đúng như lời nhận-xét của Tam-Hợp đạo-cô, nàng "mắc điều tình ái, khỏi điều tà-dâm".

Ai cũng phải nhìn-nhận là nàng có hiểu. René Crayssac đã làm cả một bài thơ để thi-vị-hóa hương-thơm kỳ-diệu toả ra ở người ngọc có hiểu ấy²⁶. Ông viết: "Giả-thiết ở Tây-phương một gia-đình gặp tai-vạ và một người trong gia-đình cần hy-sinh để cứu vớt các người khác. Ai là người sẽ hy-sinh? Thường thường, các người già sẽ nói: "Ba má đã đến cuối đường đời. Các con còn thanh-xuân. Để ba má chịu đựng số phận đau thương, các con hãy cố gắng tự cứu vớt các con"²⁷. Đối với người Tây-phương, sự hy-sinh của Kiều thật siêu-luân. Thế mà một số nhà nho không những không thương-hại Kiều mà còn chê-trách nàng đủ điều, thật là quá khắc-nghiệt, cố chấp. Không do-dự, nghe theo ngay tiếng gọi của lòng hiểu, Kiều bán mình chuộc cha, nghĩa là nàng đã hy-sinh tất cả, tình-duyên, hạnh-phúc, tuổi thanh-xuân thơ-mộng, và khi làm như vậy, nàng biết rằng mình đi vào cõi chết, nhất là khi nàng dặn em thay lời đề-đền nghĩa cho chàng Kim:

26 RENÉ CRAYSSAC, s đ d, tựa, tr. LXX.

27 RENÉ CRAYSSAC, s đ d, tựa tr. LXV.

*Dạ-dài cách mặt khuất lời,
Vây xin chén nước cho người thác oan.*

Cao đẹp biết bao!

Nếu phải xét án nàng, tuy không theo cụ Tam-nguyên Yên-dò mà coi nàng như gương đức-hạnh hoàn-toàn, nhưng chúng ta không buộc tội nàng, vì nàng vô tội, đáng khen hơn đáng chê.

Và nhất là nàng đau-khổ quá nhiều, khiến bao nhiêu tao-nhân mặc khách thương và khóc nàng. Người ta không thể xét-đoán Kiều mà không động lòng trắc-ân và, trong lòng thương-cảm ấy, Kiều hiện ra như một tuyệt-thể giai-nhân lưu-ly oan-khổ đáng thương, đáng yêu, đáng kính.

Là vì giữa nơi sa-đọa, Kiều quần-quai đau-thương, vẫn hàng trường nhớ Kim Trọng, luôn luôn khao-khát tiết-trình, những mong thoát-ly chốn ô-trọc để trở về cuộc đời trong-trắng. Với những tình-cảm ấy, nàng không thể bị coi như là một kỹ-nữ tầm-thường mà phải được coi là một thiếu nữ khác thường, càng đau khổ đọa-đày thì càng đáng xót-xa thương-mến.

Nếu Nguyễn-Du minh-họa một nàng Kiều chỉ là hiện-thân của đức-hạnh thuần-túy, thì nàng Kiều ấy không sống-động và không cảm-động đến cực-độ như nàng Kiều trong Đoạn-trường tân-thanh.

Đối với Nguyễn-Du, tâm-hồn chúng ta cũng rạt rào thương-cảm. Ông tự hỏi:

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên-hạ hà nhân khắp Tố-như?*

Chúng ta tin chắc rằng sau hai trăm năm (tức là hiện bây giờ), ba trăm năm, năm trăm năm nữa... dân-tộc Việt-Nam vẫn thông-cảm mỗi cô-trung của ông hay, ít ra, cũng cảm thấy một nỗi lòng u-hoài uất-hận, quần-quai náo-nùng của một thi-hào không biết sống làm vui, lúc hấp-hối không một lời trời-trăng, không thêm uống thuốc. Ông không phải là một triệu-thần đặc-chí, mà là một tinh-thần siêu-việt và, càng sâu-nào tân-toan, thì càng đáng cảm thương ái-kính, nhất là khi chúng ta ý-thức rằng nhờ nỗi cô-sầu bí-ẩn ấy mà chúng ta có truyện Kiều.

Năm nay (1965) là năm đặc-biệt trong văn-học-sử nước nhà. Chính là đệ-nhi-bách-chu-niên sinh-nhật của Nguyễn Du. Chính-phủ sẽ tổ-chức rất trọng thể cả một tuần-lễ để kỷ-niệm Nguyễn-tiên-sinh.

Nhân dịp quốc-lễ, chúng ta nên đọc lại Đoạn-trường tân-thanh để tưởng-niệm Nguyễn Du và nhận-thức rõ-ràng công ơn của ông. Ý-thức sẽ tăng tình-cảm và chúng ta sẽ cảm thấy lòng tràn ngập tri-ân, kính-ái, cảm-phục Tố-như đã để lại cho dân-tộc một công-trình văn-chương, nghệ thuật và ngôn-ngữ vô-giá, bất-diệt.



Đã có bán:

VĂN-HOÁ TÙNG-THU

đóng thành tập, bìa cứng, mỹ-thuật:

- Tập 1 : 115\$ (từ số 1 đến số 4)
- 2 : 160\$ (từ số 5 đến số 9)
- 3 : 140\$ (từ số 10 đến số 14)
- 4 : 60\$ (từ 15 đến số 19)
- 5 : 143\$ (từ 20 đến số 23)

Ở xa xin gửi thêm tiền cước-phí. Ngân-phiếu xin gửi về
Ô. Giám-Đốc Nha Văn-Hoá, 89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn.

SAY IT IN VIETNAMESE

(Second Printing, 1965)

by NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

A truly practical *Phrase Book* designed to give you no deadwood, but only useful sentences and phrases.
134 pages. Index. VN\$ 80.

SPEAK VIETNAMESE

(Revised Edition, Second Printing, 1965)

by
NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

A standard textbook based on the techniques of modern linguistics, and designed for an integrated course in the spoken language of Vietnam.

The author is Associate Professor of Linguistics and English at the Faculty of Letters, University of Saigon.

VN\$ 100.

388 pages

READ VIETNAMESE: A Graded Course in Written Vietnamese

by

NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

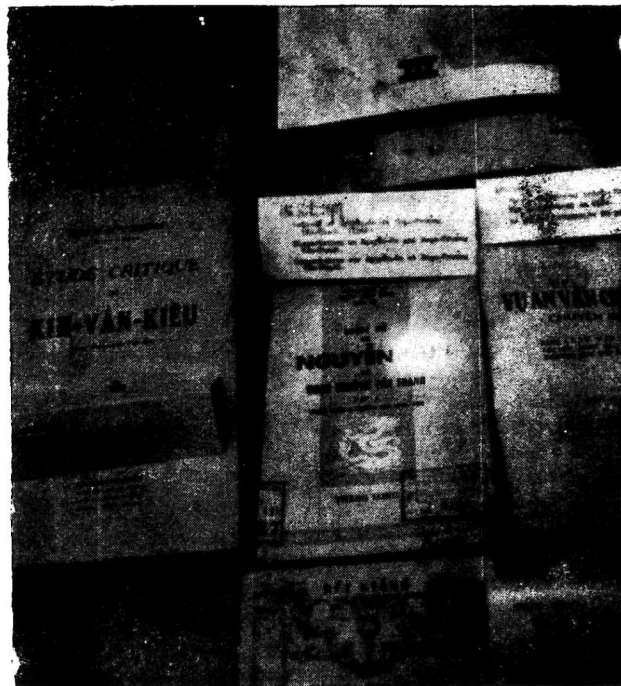
The second book aiming at familiarizing you with the language of Vietnam
A sequence to **SPEAK VIETNAMESE**

VN\$ 80.

202 pages

Please order from

- DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS,
MINISTRY OF CULTURAL AND SOCIAL AFFAIRS
89 Le-Van-Duyet Street, Saigon, Vietnam
- EDUCATIONAL MATERIALS SERVICE,
MINISTRY OF EDUCATION
240 Tran-Binh-Trong Street, Saigon, Vietnam
- VIETNAMESE-AMERICAN ASSOCIATION,
55 Mac-Dinh-Chi Street, Saigon, Vietnam
- THE BOOKSHOP, Eden Arcade, Saigon, Vietnam



Triển lãm tác-phẩm về Nguyễn-Du

TRẦN-CỬU-CHẤN

Tiến-sĩ văn-chương

Đại-học-đường Paris

phê bình sơ lược truyện 'đoạn trường tân thanh'

Khen chê là nhiệm-vụ của nhà văn tìm hiểu chân giá, nếu chỉ khen át lâm vào tất a kỳ sở hiểu, còn chỉ chê là mắc bệnh vạch lá tìm sâu không phân biệt tốt xấu, hai cách đều sai lầm và có thể gây ra nhiều tai hại cho văn-chương, chẳng vì thích hay ghét một tác-phẩm mà cho là đẹp cả hoặc xấu cả.

Trong văn thơ chẳng phải toàn hay hoặc toàn dở, chính khám phá cái hay cái dở cái dở ấy là một việc phức tạp và tế nhị rất khó làm, nhưng làm được chắc phải một tài-nghệ không thể coi rẻ.

Truyện "Đoạn Trường Tân Thanh" là một kiệt-tác trong văn-chương Việt-Nam. Ai đọc cũng khen lời văn rất hợp tâm-lý, tả cảnh tuyệt-diệu mà tả tình rất cảm-động, nhưng nếu xét kỹ ta có thể tìm ra vài khuyết-diểm chẳng những về mục nghệ-thuật mà nhưt là về phần luân-lý.

Vậy ta chia cuộc bình-phẩm ra làm hai đoạn như sau :

A. Nghệ-thuật.

Về mục này có vài tinh-tiết không được sát thực, dường như tác-giả cố ý cho ra việc này để giải quyết việc khác, bày ra tình-thế này để đi tới giai-đoạn sắp đặt sẵn trong trí.

Đây những trạng-thái coi như thiếu về tự nhiên và lẽ thật.

Hồi nhưt : Kim-Trọng bắt ngờ bị đòi về hộ tang đề không còn một ai ra tay cứu giúp Thúy-Kiều lâm nạn.

Hồi nhì : (1) Chuyện thăng bán tơ rất khó hiểu vì xảy ra đột ngột và khó tưởng tượng được.

* Bài này trích trong bộ sách "Đoạn Trường Tân Thanh tân khảo" của tác-giả đương lo ấn hành và nay mai sẽ ra mắt độc-giả.

(2) Chuyện Thúy-Kiều bán mình sắp đặt trước đề đi tới cảnh lầu xanh nhưng vô lý: đầu có phải mỗi lần bán mình mà bị đưa vào nhà thổ, nhứt là một gái có tài sắc như Thúy-Kiều.

Hồi ba: Hoạn-Thư đánh ghen bày ra những mưu-chước không đáng kể:

- a) Không cần bắt cóc Thúy Kiều.
- b) Không cần diễn cái trò hầu rượu gảy đàn.
- c) Không cần cho đi tu ở Quan-Âm các.

Hồi bốn: Thúy-Kiều trốn ra khỏi nhà họ Hoạn mang theo chuông vàng khánh bạc đề sau này sư Giác-Duyên phát nghi không dám chứa lậu mà giao phứt cho họ Bạc.

Hồi năm: Ở đây có nhiều chỗ lạ kỳ không thể nhận được như:

- (1) Tại sao Giác-Duyên lại giao đứt Thúy-Kiều cho mẹ Bạc bà làm chi đề phạm đến lục độ (sáu phép tu)?
- (2) Có ý đưa Thúy-Kiều vào lầu xanh lần thứ nhì đề gặp Từ-Hải, rồi mượn cớ bày chuyện trả ơn báo oán.
- (3) Từ-Hải tự đầu hàng là một trò cười.
- (4) Hồ-Tôn-Hiến gả Thúy-Kiều cho viên thổ-quan đề đưa nàng xuống thuyền cho có dịp trầm mình trên sông Tiền-Đường.
- (5) Thúy-Kiều nhảy xuống sông lúc trong sóng thủy-triều dựng cao ùng ùng, rồi sau một lúc khá lâu ngư thủy mới vớt lên vẫn còn sống mặt mày tươi sáng "chưa lòe bóng gương": đó là một sự phi thường khó tin được, nếu không phải là một chuyện huyền-bí có thần tiên can thiệp vào như trong truyện "Nhị Độ Mai" nàng Hạnh-Nguyên được

"Hồng vân một đóa đón đầu nức chùng!"

như trong truyện "Lục-Vân-Tiên" . nàng Kiều-Nguyệt-Nga nhờ

"Sóng thần đưa đây vào nơi bãi rày!"

Hồi sáu: Ở đây sự chuẩn-bị chi-tiết đề đi tới chung-kết thấy quá rõ rệt:

- (1) Chuyện Kim-Trọng được triều-định bổ nhậm làm quan ở huyện

Lâm-Truy cho tất nhiên có dịp đi tìm tình-nhân cũ. Nếu chàng đi nhậm chức một nơi xa nào khác, thì khó giải quyết số phận Thúy-Kiều ra sao được, nhưng tác-giả từ đây bắt đầu tính lần lần cuộc đoàn-viên sẽ nói ra sau này.

(2) Hơn nữa Kim-Trọng được cải nhậm ở Nam-Bình buộc chàng phải đi ngang Hàng-Châu nằm gần trên sông Tiền-Đường đề làm lễ chiêu-hồn mới gặp lại được Thúy-Kiều vậy, nếu chẳng có sự sắp đặt ấy, e vô phương mà tìm "bóng chìm tâm cá" cho ra.

B. Luân-lý.

Về phần luân-lý có thể vạch ra hai điểm mà toàn độc-giả nhận thấy rất chướng tai trái mắt, vì không hợp tư-tưởng và giáo-dục của người Việt.

(1). Cái nạn lầu xanh là cái bệnh xấu xa đơ nhuốc của thời-đại văn-minh phong-kiến gây ra từ cổ chí kim. Vậy tác-giả tả cảnh "sớm đào tối mặn" với điệu văn mập mờ đầy những chi-tiết khêu dâm có lẽ đề hấp dẫn người xem truyện, nhưng trái lại gieo trong lòng trí bao nhiêu tưởng-tượng không tốt đẹp chút nào về phong-hóa.

Hãy lắng nghe đoạn 10 câu thơ (1207-1216):

Ở trong còn lắm điều hay,
 Nỗi đêm khép mở nỗi ngày riêng chung.
 Nay con thuộc lấy làm lòng,
 Vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề.
 Chơi cho liễu chán hoa chê,
 Cho lãn lóc đá cho mê mẩn đời.
 Khi khỏe hạnh khi nét ngài,
 Khi ngấm ngợ nguyệt khi cười cợt hoa.
 Đều là nghề nghiệp trong nhà,
 Dù gần ấy nết mới là người soi...

Hai lần Thúy-Kiều bị sa vào cảnh buôn phấn bán hương thật ra quá nhiều, nhứt là nàng con nhà nho giáo trăm anh có tài sắc hơn người thì rất khó coi vô cùng. Con gái bất tài xú diện thì còn khá thứ, vì họ phải sinh sống với nghề nào cũng được tùy lương-tâm và phương-tiện.

- (2) Hơn nữa Thúy-Kiều bị liệt vào trường-hợp một đàn bà

năm chồng, đó là một cảnh tội bại trái hẳn phong-tục thuần-túy, có thể làm xáo trộn luật-lệ gia-đình. Mã-giám-sinh, Thúc-sinh, Bạc-Hạnh, Từ-Hải, thồ-quan là đủ thứ hạng người kém hạnh thiếu đức, thì còn gì cái danh-tiết cho một con gái như Thúy-Kiều nữa?

Năm lần đời chồng vinh ít nhục nhiều là một gương thối nát cho trai gái trong kỳ thanh xuân đầy mơ mộng lãng mạn. Năm phen thay lòng đổi dạ là rất nhiều cho đời người con gái muốn giữ trọn quan-niệm nhứt phu nhứt phụ.

Tóm tắt cảnh trụy lạc mà tác-giả diễn-tả từ đầu tới cuối trong một truyện dài 3254 câu thơ không có đem cho độc-giả trẻ tuổi một điều gì thanh nhã hữu-ích để khuyến-khích về đạo đức, không đưa ra một ý-kiến trong sạch để bồi bổ cho luân-lý nước nhà vậy.

Chắc không có một gia-đình nào dám mượn tánh-nết "lá gió cành chim" của Thúy-Kiều để làm gương-mẫu cho con cái được? hãy ghé tai nghe đoạn 6 câu thơ (1227-1232):

Lầu xanh mới rủ trướng đào,
Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người.
Biết bao bướm lá ong lời,
Cuộc say đây tháng trận cười suốt đêm.
Đập đầu lá gió cành chim,
Sớm đưa Tống-Ngọc tới tìm Tràng-Khanh...

Có ai dám tôn Thúy-Kiều lên bậc nữ-anh-hùng quốc-gia, ngoài ra kẻ vô danh lạc hậu như Nguyễn-Tiến-Lãng cả gan viết câu: "Thúy-Kiều est notre héroïne nationale!" trong tuần-báo Pháp-ngữ "Indochine" ngày xưa.

Vì chẳng trong truyện "Đoạn Trường Tân Thanh" không có một nhân-vật nào đáng cho ta noi theo bất chước mà tu bỏ đạo đức, trau dồi tánh-hạnh, chỉnh-đốn tác-phong. Thử xét kỹ hành-động những bọn chuyên-môn thừa dịp bóc lột trợn người bị sa cơ như gã bợm bãi Mã-giám sinh, Tú bà buôn người bán thịt, tên đi đực Sờ-Khanh, Bạc bà đầy mánh lối, đứa bất lương Bạc-Hạnh, cặp côn-đồ Ưng-Khuyên... tức là cận bã của xã-hội trong thời-đại suy đồi vậy.

Ở đây chúng tôi không biện-hộ cho lý-thuyết nào cả, nhưng sau khi viết ra trọn bộ "Đoạn Trường Tân Thanh tân khảo" thành năm quyển dày trên 2000 trang, có lẽ nào mà không tìm ra một vài nhược-điểm, một

ít quá thất về nội-dung và văn-thê của một tiểu-thuyết mà thuở nay thiên hạ thích xem nhưng chẳng rõ hay dở ra sao.

Ngoài ra những đoạn-giả-tạo quá rõ ràng có thể làm giảm bớt ý vị nghệ-thuật của tác-giả, ngoài ra ý-nghĩa đạo-đức ám muội bất lợi cho thanh niên, truyện giai nhân tài tử bất hủ này là một viên ngọc bích qui-báu trong văn-chương làm tiếng Việt nghìn năm bất diệt.

Dưới đây là bản danh-sách gồm có những văn-nhân xưa nay lên tiếng khen chê truyện "Đoạn Trường Tân Thanh" mà chúng tôi lược lật và sưu tầm kỹ lưỡng để hiến cho nhà khảo-cứu dùng làm tài-liệu trong việc so sánh và suy nghiệm cái hay dở về nghệ-thuật của cụ Tiên-Điền trong dịp lễ kỷ-niệm đệ nhị bách-chu-niên sinh-nhật đại thi-hào nước Việt.

Có thể chia ra làm ba hạng khác nhau tùy quan-niệm và lập-trường mỗi người.

A. Ca tụng.

Phạm-Quy-Thích hiệu Lập-Trai (1760-1825).

Minh-Mệnh (1791-1840).

Hà-Tôn-Quyền (1798-1839).

Thập-Thanh-Thị (bài tựa năm 1828 quyển "Truyện Thúy-Kiều" của Trần-Trọng-Kim năm 1927).

Mộng-Liên-Đường chủ-nhân (bài tựa năm 1828 quyển "Truyện Thúy-Kiều" của Trần-Trọng-Kim năm 1927).

Nguyễn-Văn-Thắng (bài "Kim-Vân-Kiều án" năm 1830).

Tự-Đức (1829-1883).

Trương-Vinh-Ký (quyển "Kim-Vân-Kiều truyện transcrit pour la première fois en quốc-ngữ avec des notes explicatives" năm 1898).

Đào-Nguyên-Phổ (bài tựa quyển "Tân khảo Đoạn Trường Tân Thanh" của Kiều-Oánh-Mậu năm 1902).

Chu-Mạnh-Trình (quyển "Thanh Tân Tài Nhân thi tập" năm 1911).

Nguyễn-Văn-Vinh (quyển "Kim-Vân-Kiều dịch ra quốc ngữ có chú dẫn" năm 1915).

Phan-Kế-Bính (quyển "Việt Hán văn khảo" năm 1918).

Phạm-Quỳnh (bài "Truyện Kiều" trong Nam-Phong tạp-chí số 30 năm 1919).

Vũ-Đình-Long (bài "Văn-chương truyện Kiều" trong *Nam-Phong tạp-chí* số 14 và 15 năm 1918).
 Đồ Nam Nguyễn-Trọng-Thuật (bài "Nghiên-cứu phán-đoán về truyện Kiều" trong *Nam-Phong tạp-chí* số 22 năm 1918).
 Phan-Sĩ-Bàng và Lê-Thước (quyển "Truyện cụ Nguyễn-Du trước-tác truyện Kiều" năm 1924).
 Nguyễn-Tường-Tam (bài "Bình-luận văn-chương truyện Kiều" trong *Nam-Phong tạp-chí* tháng 7 năm 1924).
 Diệp-Văn-Kỳ (bài diễn-văn tiếng Pháp trong *Bulletin de l'Association Française des Amis de l'Orient* năm 1925).
 Trần-Trọng-Kim và Bùi Kỳ (bài tựa quyển "Truyện Thúy-Kiều" năm 1927).
 Dương-Mạnh-Huy tự Huyền-Mặc Đạo-Nhân (quyển "Dẫn giải truyện Kim-Vân-Kiều" năm 1930).
 Lưu-Trọng-Lư (bài "Chiêu tuyết Vương-Thúy-Kiều" trong *Phụ-nữ Thời-Đàm* số 13 ngày 10-12-1933).
 Nguyễn-Phú-Độc (trong *Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin*, tome XVI décembre 1936).
 Nguyễn-Kỳ-Nam (trong *Tri-Tân tạp-chí* số 63 năm 1943).
 Hoàng-Xuân-Hãn (trong *Thanh-Nghị tạp-chí* số 29, 30 và 31 năm 1941).
 Nguyễn-Mạnh-Tường (trong *Thanh-Nghị tạp-chí* số 92 năm 1945).
 Nguyễn-Tiền-Lãng (trong tạp-chí pháp "Indochine").
 Dương-Quảng-Hàm (quyển "Việt-Nam văn-học-sử" năm 1941).
 Ngô-Quang-Lý (bài "Mình oan cho Thúy-Kiều" trong *Đại-Việt tạp-chí* ngày 1-9-1943).
 Đinh-Gia-Trình (trong *Thanh-Nghị tạp-chí* số 61 và 62 năm 1944).

B. Nghịch hân.

Nguyễn-Công-Trứ (1778-1858).
 Nguyễn-Khuyên (1835-1909).
 Ngô-Đức-Kế (bài "Chánh học cùng tà thuyết" trong *Hữu-Thanh tạp-chí* ngày 1-9-1924).
 Thạch-Lan (trong "Phụ-Nữ Tân-văn" ngày 30-5-1929).
 Huỳnh-Thúc-Kháng (báo *Tiếng Dân* số 661 ngày 24-1-1934).
 Phan-Khôi (bài "Học phiệt" trong *Phụ-Nữ Tân-văn* năm 1934).

Tân Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu (quyển "Vương-Thúy-Kiều chú giải" năm 1941).

C. Nửa chê nửa khen.

Hoài-Thanh (quyển "Thi nhân Việt-Nam" năm 1942).
 Nguyễn-Bách-Khoa (quyển "Nguyễn-Du và truyện Kiều" năm 1943).
 Đào-Duy-Anh (quyển "Khảo luận về Kim-Vân-Kiều" năm 1943).
 Trần-Cửu-Chấn (luận-án tiến-sĩ "Etude Critique du Kim-Vân-Kiều" năm 1948 ở Paris).
 Văn-Hạc Lê-Văn-Hoè (quyển "Truyện Kiều, chú giải" năm 1953).

Đã có bán

VÂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

Năm 1959, 1960, 1961, 1962, 1963, 1964, đóng thành bộ, bìa cứng, mỹ-thuật (mỗi bộ 2 tập) giá 180\$. Ở xa xin gửi thêm tiền cước-phí.

Ngân-phiếu xin gửi về Ô. Giám-Đốc Nha Văn-Hoá,
 89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn.

Subscribe now and make sure of each issue

VANHOA NGUYETSAN (CULTURE)

Directorate of Cultural Affairs
V.N. Ministry of Cultural and Social Affairs
Saigon, Republic of Vietnam

Please send me VAN-HOA NGUYET-SAN for

one year — US dollars 8.00 (postage included)

two years — US dollars 16.00 (postage included)

starting with the _____ issue
(month) (year)

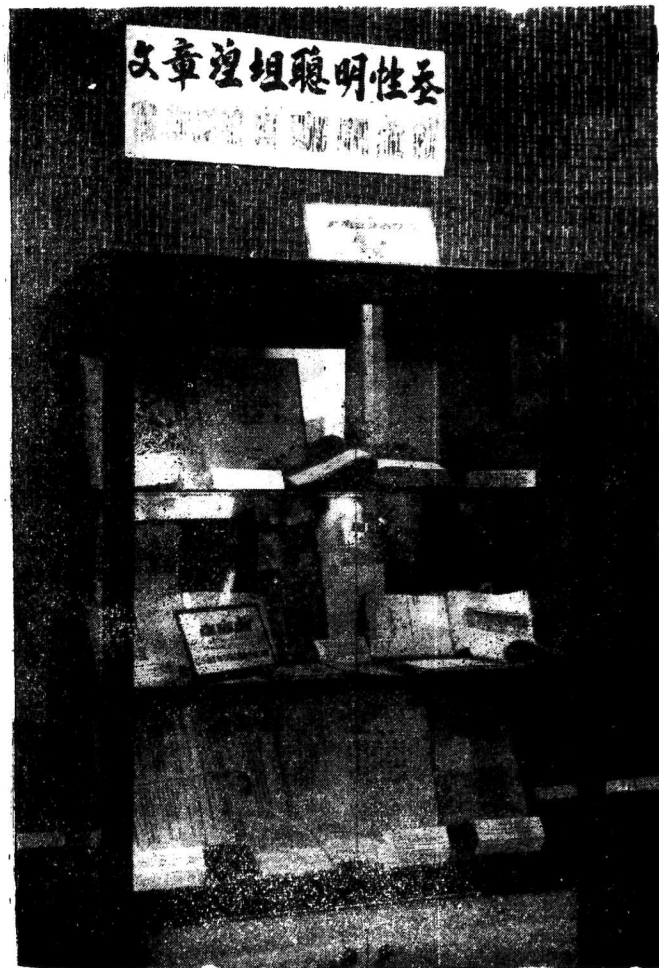
I enclose _____ to the order of DIRECTOR OF CULTURAL AFFAIRS
(remittance)

NAME _____
(please print)

ADDRESS _____

Address all correspondence to :

DIRECTOR OF CULTURAL AFFAIRS
MINISTRY OF CULTURAL AND SOCIAL AFFAIRS
89 LE-VAN-DUYET STREET
SAIGON, VIETNAM



Triển lãm tác-phẩm về Nguyễn-Du

PHẠM-VĂN-SƠN

một vài khía cạnh của phong trào ' bài kiêu ' cách đây 41 năm

Vào khoảng năm 1924 trên văn đàn Việt-Nam đã xảy ra một vụ tranh luận rất sôi nổi về truyện Thúy-Kiều của Nguyễn-Du qua mấy tờ nguyệt-san Nam-Phong, Hữu Thanh và Tiếng Dân.

Trong vụ này có hai phe đối lập nhau : một do Phạm Quỳnh cầm đầu với chủ-trương suy tôn tác-giả truyện Kiều và đề cao nội dung áng danh văn này—một do nhà chí sĩ Ngô-Đức-Kể đã bài xích kịch-liệt phong-trào suy tôn Nguyễn-Du và đề cao truyện Kiều.

Gần đây một số nhà sử-học miền Nam cũng như miền Bắc đã duyệt lại vấn đề và đã đưa ra nhiều nhận xét và thái độ mới. Dầu sao chúng ta vẫn phải đặt lại các câu hỏi dưới đây chiếu theo sự diễn-tiến của sự việc.

- Vì sao người ta nêu cao giá trị truyện Kiều ?
- Đề cao truyện Kiều có phải vì mục đích chánh trị hay không ?
- Đã phá việc suy tôn tác giả và truyện Kiều vì chánh trị hay vì luân lý, đạo đức ?
- Tâm trạng của những người cầm đầu hai phe đối lập ra sao ?
- Hoàn cảnh Việt-Nam thế nào khi xảy ra phong trào " bài Kiều " ?

Nếu chúng ta có thể đi sâu vào 5 điểm chính-yếu trên đây ta sẽ rọi được khá nhiều ánh sáng vào vấn đề và có một ý-niệm khá vững chắc về thực-chất của phong trào bài Kiều cách đây trên 40 năm.

Tờ tạp chí Nam-Phong ra đời vào năm 1915 do Phạm-Quỳnh làm chủ bút. Tạp chí này đã được quốc dân để ý đến nhiều hơn các báo khác kể từ báo hàng tuần chuyên về văn chương và nghị luận. Nội dung của

Nam Phong đáng kể là rất phong phú vì các phần bàn kim, luận cõ, phần dịch-thuật, trước-tác. Phần văn chương có các bài thi ca các loại cũ mới (cõ văn, tân văn), tất cả đều được trình bày vừa bằng quốc-âm, vừa bằng Hán-văn do đó các độc giả già trẻ các giới đều đọc được và lấy làm hứng thú.

Trên quá trình phát triển văn chương học thuật trong bước đầu ở nước ta vào đầu thế kỷ XX, thiết tưởng như vậy là khả quan vì cho tới bấy giờ các phần học thuyết Đông, Tây, kim, cõ, các áng danh văn bên ngoài thế-giới chưa được phổ biến nhiều vào quốc-dân ta bởi chưa mấy ai có sự nghiên cứu, sưu-tầm rộng rãi. Tờ Nam-Phong đã làm nhiệm vụ này và đã có nhiều ảnh-hưởng ra ngoài xã-hội nhất là đối với những ai có óc cầu học, cầu tiến cho đến cả những năm gần đây. Chính những người tri thức cũng cần tờ Nam-Phong làm cơ quan ngôn luận để trình bày những điều hiểu biết của mình và mong giúp ích cho những anh em tuổi trẻ còn non nớt về văn hóa. Trong những người viết Nam-Phong những nhân vật của phái cựu-học như cụ Tú Đông-châu Nguyễn-hữu-Tiến, cụ Tú Tùng-vân Nguyễn-đôn-Phục, cụ cử Trịn-đinh-Dur v.v... Giới tân học cũng góp phần trong việc phổ biến văn hóa Tây phương.

Tóm lại Nam-Phong là một tạp chí có giá trị ít nhất vào thời của nó và chẽ nó chỉ làm việc khảo cứu và phổ biến văn chương, học thuật suông thì thật là cổ-tĩnh phi-báng một công trình văn hóa trong khi người ta giận cá chém thớt.

Khởi đầu sự việc là vào năm 1924, Phạm Quỳnh và một số nhà văn kể cả nhân viên tòa soạn báo Nam-phong tổ chức lễ kỷ niệm cụ Nguyễn-Du hết sức long trọng. Trước bàn thờ khói trầm nghi ngút, họ Phạm với bộ quốc phục đạo mạo (khăn đóng áo dài) đã thành khăn đọc câu dưới đây như một lời thề:

"*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, còn non còn nước còn dài, chúng tôi là kẻ hậu sinh xin dốc lòng ra công chau chuốt lấy tiếng quốc âm nước nhà cho quốc-gia ngày một rực rỡ, quốc hồn ngày một vẻ vang, ngõ hầu khôi phục cái chí hoài-bảo của tiên sinh, ngâm cời chín suối hãy còn thơm lây...*" Dĩ nhiên đã có lễ kỷ niệm, đã có sự suy tôn tác giả truyện Kiều thì trên Nam-Phong có việc phê bình, nghiên cứu văn chương, nội-dung truyện Kiều rất nhiều. Rồi phong trào đề cao truyện Kiều đang ồ-ạt liền gặp một sự không may là người thủ xướng không được mấy vị lão thành cách mạng thuở ấy nhìn bằng con mắt có thiện cảm: cụ Ngô-đức-Kế, cụ Huỳnh-thúc-Kháng và nhiều vị nhà nho đồng chí... Lý do là Phạm

Quỳnh trước đó ít năm đã len lỏi vào tổ chức Đông-Kinh nghĩa thực đề dò xét hành-động và chủ trương của các văn thân thuở đó và Đông-Kinh nghĩa-thực sau khi ra đời ít tháng thì bị giải tán, các sáng-lập-viên quan trọng đã bị bắt và mang đi cầm tù ở Côn-Đảo. Đó là dư luận về phía mấy nhà Cách-mạng-già kể trên, còn Phạm Quỳnh bấy giờ đã là "*mặt thám*" của Đế quốc chưa, thì riêng chúng tôi, tác giả bài biên khảo này không dám đoan chắc. Tuy nhiên có điều rõ như ban ngày là các việc của nhóm Đông-Kinh nghĩa-thực bấy giờ đã quá ào-ạt, quá lộ liễu, nhất là những bài diễn-thuyết của cụ Phan-chu-Trinh có nhiều đoạn này lừa, sặc mùi chính khí còn che đậy làm sao được con mắt của bọn quan lại bõ Tây từ Hà-Nội vào Hà-Đông, Nam-Định, Bắc-Ninh.v.v. Cụ Tây Hồ, còn nhiều phen cõ võ quần chúng yêu sách giảm thuế, giảm sưu ở Quảng-Nam hồi 1908.

Có thể Phạm Quỳnh đã có phen tố cáo hoạt động của Đông-Kinh nghĩa thực, hoặc có kẻ khác đã làm việc này nhưng phe Cách mạng văn-thân thuở ấy đã đặt hết nghi vấn vào họ Phạm. Rồi sáu những năm đập đá, chặt gỗ, làm đời mỗi (những nghề tù phạm ở Côn đảo phải làm hằng ngày) ở Côn-lôn cụ Ngô-đức-Kế và nhiều đồng chí được trở về đất liền. Cụ Huỳnh-thúc-Kháng được người ta giúp tiền làm tờ nhật báo *Tiếng Dân*. Cụ Ngô-đức-Kế cũng là một cây viết của báo này cũng như của báo *Hữu Thanh* và hai cơ quan này. Các cụ đã bàn luận những vấn đề ích quốc lợi dân cùng đề phổ biến văn thơ tâm sự ưu quốc của các cụ.

Cái hận thù đế quốc và bọn tay sai đã uất kết đầy lòng mày cụ Nghè, cụ Bảng cựu chính trị phạm Côn-lôn từ lâu thì đây là một dịp để các cụ trút với bầu tâm sự ấy. Trong khi bài xích Kiều, Nguyễn Du và chủ bút báo *Nam Phong*, thực sự những nhát búa hạ xuống mãnh liệt, chỉ nhắm vào Phạm Quỳnh và bọn thực dân mà thôi.

Đề mở màn cho cuộc xung đột giữa phe cụ Nghè Ngô và phe Phạm Quỳnh báo *Hữu thanh* và *Tiếng Dân Hữu thanh* số 21 xuất bản ngày 1-9-1924; *Tiếng Dân* số 317 xuất bản ngày 17-9-1930 và số 661 xuất bản ngày 24-1-1934 có ba bài tiêu biểu: bài thứ nhất của Ngô-đức-Kế nhan đề là Chánh học cùng tà thuyết. Bài thứ hai là Chiêu tuyết những lời bài báng một nhà chí sĩ mới qua đời và bài thứ ba là Thuyết chiêu tuyết cho Vương-thúy-Kiều của ông Lưu-trọng-Lư với

anh học trò mê kếp hát đóng vai Tăn Cối của cụ Huỳnh-thúc-Kháng.

Với hoàn cảnh đời bấy giờ thực dân kiểm duyệt báo chí rất gắt gao, việc công kích chế độ hay người của chế độ không thể trực tiếp làm như ngày nay, cụ Ngô-dức-Kế chỉ có thể nói bóng gió, xa xôi điều mình muốn nói. Cụ bàn rằng chánh học làm cho thế đạo nhân tâm được tốt, vận nước cường thịnh, tà thuyết làm cho nhân tâm thế đạo phải xấu và vận nước suy đồi... Ngoài ra còn những đoạn chỉ trích Phạm Quỳnh là "học mướn viết thuê", "đưa văn sĩ già dôi", "anh già dôi lớp lớp"¹, bặc hiên nhân quần từ thì kín tiếng giấu tằm, nằm co ở nơi thảo dã mà bọn bí phủ thì khoa chuông gõ mõ, nháy nhót ở trên vũ đài"... hoặc: "...những người học thức kiến văn chưa được một năm, nhân cách giá-trị chẳng đáng là bao... thì đã nghiêm nhiên tự lập làm một đấng văn hào, tự xưng khai hóa quốc dân mà không ngó lại mình đã khai hóa hay chưa; thời thì bài diễn văn chất đống, sách du ký đầy thùng, thời thì tán xằng tán nhảm, nói bậy nói càn, không còn nghĩa lý chính đáng gì nữa..."

Đây là những mũi tên đầu tiên nhắm vào viên chủ bút Nam Phong kẻ đã khá mạnh do những lời bặc trực phát xuất ở một tâm hồn chân thành ái quốc. Và cũng do những lời bặc trực ta thấy cụ Ngô đã không ngần ngại dùng những chữ quá nôm na, phũ phàng như không muốn tiếc danh từ nào nữa.

Vấn đề chánh học được đề ra trên những quan điểm chính yếu của Nho-giáo không đáng cho chúng ta phải ngạc nhiên vì một nhà Nho nào cũng thường nói như vậy, khi cần đem ra bàn cãi lẽ chánh và tà trên các học thuyết kim cổ. Cái mục đích chính của cụ Ngô-dức-Kế là ít hướng về việc phê bình truyện Kiều mà đề tranh luận về chánh học hay tà thuyết hầu hạ uy thế của Phạm-Quỳnh bởi cụ thấy công việc của họ Phạm có thể mỗi ngày thêm nguy hiểm cho cuộc đấu tranh của dân tộc. Nói thẳng ra công việc của Phạm Quỳnh và mấy nhà sáng-lập-viên Đông Kinh nghĩa thực học phút này đang ở giai đoạn chống nhau: Lập Đông Kinh nghĩa thực

¹ Cụ Ngô-dức-Kế bằng một giọng câu kinh đã nói: "Một anh già dôi lớp lớp đứng đầu sừng bãi Kiều mà một bọn u mê hồ hững gào hò rần rức đề họa theo, còn một lớp người chỉ nghe lỏm, nhìn mờ mờ thì vớ tay tán thưởng, khiến người bít tai bưng mũi, phải nhức đầu loang óc vì những tiếng to: "Quốc văn! Kim-Vân-Kiều! Nguyễn-Du!"

hay Duy-tân hội, phe Văn-thân cách-mạng có mục đích khai hóa quốc dân, dẫn dắt quốc dân vào con đường đấu tranh vừa cách mạng vừa chánh trị (vừa bạo động và bất bạo động) vừa đề cao các vấn đề thực nghiệp doanh sinh cho dân giàu nước mạnh hầu có thể hỗ trợ cho Cách mạng trực tiếp hay gián tiếp. Do đó các thương cụ, thương điểm, các hội buôn một thời mọc ra khắp nơi từ Nam ra Bắc (Triều-dương thương-quán, Nam-đồng-hương, Đồng-lợi-tế v.v...)

Qua các bài thi ca bấy giờ chúng ta thấy cả một phong trào cổ động sự phát triển Nông, Công, Thương bên cạnh phong trào bài xích cái học chữ, hồ, giả, dã, cái học cũ nghiệp vô ích cho nước cho dân rất rõ rệt. Kèm vào những bài thơ, bài vè lại có cả những câu ca dao chửi bới những kẻ ra làm tôi tớ thực dân nữa bên những bài khuyến khích đấu tranh cách mạng.

Tờ Nam-Phong bấy giờ nếu do mục đích chính trị của thực dân Pháp thì mới có bước tiến đầu tiên là gây cho Phạm Quỳnh một chỗ đứng ở văn đàn Việt-Nam mà thôi. Nội dung của nó là học thuật, chánh trị. Cái học thuật và chính trị ấy nếu có tính cách phản động thì đầu chỉ buộc tội bằng một chữ "sông", vì thế theo chúng tôi, người ta chỉ có thể nghi ngờ Pháp có chủ đích dùng tờ Nam-Phong làm phương tiện cho họ Phạm bước vào chánh trường mười năm sau, còn bảo nó đấu độc thanh niên, mê hoặc quần chúng thì vô lý, kể cả việc nó cổ động công nhân cho Pháp trong khi có đại chiến thế giới lần thứ nhất (Rồng Nam phun bạc, đánh đờ Đức tặc) một công tác quảng cáo không hơn không kém mà các báo được thuê làm rất thường...

Tới việc ký-niệm nhà thơ Tiên-Điền và đề cao truyện Kiều, cụ Ngô-dức-Kế đứng trên lập-trường "Chánh học và tà thuyết" chê truyện Kiều từ cái tên sách chệ đi và đã đóng vai thăm phán lên án vai chính của tác-phẩm rất gay gắt như sau:

— "Một đời nam nữ đem thanh người vắng, trèo tường trở ngõ, ước-hội chuyện trò với nhau, đối với phong hóa đạo đức đã là việc bất chính; mở đầu quyền sách như thế, dù sau có tỏ về hiếu nghĩa gì đi nữa, cũng không đủ làm gương tốt cho đời." Bề khác họ Ngô tán thưởng cái giáo-dục theo Khổng-Mạnh của các cụ tiền bối cấm con cháu xem truyện Kiều cho rằng kẻ đọc truyện sẽ bị ảnh hưởng xấu nghĩa là "sinh ra cái tư tưởng trộm ngọc cắp

huơng, kêu hoa ghẹo nguyệt say đắm trong trời tình biển ái... »

Lời phê phán của cụ Nghè Ngô không đáng cho ta ngạc nhiên vì cái nhãn quan phong kiến và nho học vốn dĩ như thế, huống chi họ Ngô lại xuất thân ở một nền giáo-dục khắc khổ của giới Khổng-Mạnh...

“... Truyện Kiều chỉ là một thứ văn chương ngâm vịnh chơi bời để lúc thanh nhàn mà đọc đôi câu cho tiêu khiển (!)... văn chương tuy hay mà truyện là truyện phong tình thì cái về ai, dâm, sàu, oán, đạo, dục, tăng, bi, tám chữ ấy đằng nào tránh khỏi?...”

Và cụ kết luận truyện Kiều chẳng là “quốc hoa, quốc hồn chi cả... luận điệu này chỉ là để lừa người ta thả mỗi bắt bóng... nếu không có truyện Kiều thì tình-trạng dân-tộc Việt Nam ra sao?

Đề phi báng người đề xướng phong trào suy-tôn truyện Kiều là Phạm Quỳnh, cụ viết: “... thiệt là con oanh học nói xằng-xiên bậy bạ, rồ dại, điên cuồng, là tà thuyết vu dân đền thế là cùng...”

Nhìn về phía Nguyễn-Du, cụ Ngô-đức-Kế cũng nổi xung và lên tiếng chất vấn:

“Thế thì những bậc đại hào kiệt, đại huân nghiệp, cứu dân cứu nước, tái tạo giang sơn, mở mang bờ cõi cho nước ta ngày xưa, không ai làm được về vang cho giống nòi, không ai đáng kỷ niệm cả mà chỉ ông văn-sĩ “trăm năm trong cõi” là làm về vang giống nòi, là đáng kỷ-niệm mà thôi? Giống nòi ta về vang ra thế nào?”

Sáu năm sau cuộc tranh luận về truyện Kiều, cụ Huỳnh-thúc-Kháng viết bài “*Chánh học và tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không?*” nhân dịp Phạm Quỳnh tự bào chữa và phi-báng nhà chí-sĩ lúc này đã qua đời. Cụ còn có bài trả lời về “*Thuyết chiêu tuyết cho Vương-Thúy-Kiều*” cho Lưu-trọng-Lưu vì Lưu đã trách cụ tàn nhẫn với nàng Kiều bất công với Nguyễn-Du (bài này viết vào 1934 tức là 10 năm sau vụ bài Kiều).

Một bề cụ đề-cao nhân-phẩm và chí hướng của cụ Nghè Ngô đề giần tiếp mặt-sát Phạm Quỳnh là kẻ bán mình cho quân xâm lược để kiếm danh lợi, bé khác cụ giải thích lòng căm hờn của họ Ngô đối với Phạm Quỳnh đã gây ra phong trào sùng Kiều như sau:

“Ông Ngô-đức-Kế là một người tài học trở từ lúc thiếu niên, nếu như có ý thờ cái chủ nghĩa vịnh thân phi gia, mượn lối văn chương để tiền đường mua giàu chác tiếng như ai, thì trong đám người đời lên mặt sang trọng thông thái ấy, ông làm đến đâu cũng thừa. Thế mà hy sinh hết

thầy, chỉ ôm một lòng lo việc chung cho đất nước, trọn đời đầy đọa mà cứ khăng khăng một mực cho đến ngày đầy nắp hòm...”

... “Phải, căm tức là chính phải. Con đi Kiều kia có giá trị gì? Người tô vẽ Kiều (chỉ Nguyễn-Du) có công đức gì mà hoan nghênh?... ông đề xướng chánh học thì đối với sự bất chính đáng ấy mà phản đối là vì nhân tâm thế đạo mà sinh lòng công phẫn chứ có gì gọi là thù riêng...”

Và hưởng ứng kỹ hơn nữa về việc bác Kiều, cụ Huỳnh nói: “một truyện phong tình, không đường nào tránh khỏi cái án tám chữ: ai, dâm, sàu, oán, đạo, dục, tăng, bi (thương dâm sàu oán mở đường tà dục mà tăng nổi buồn rầu) dầu văn có hay cũng là một thứ văn mua vui...” (1)

Cuối bài cụ khai triển ý-kiến trên đây đề buộc tội thêm:

“Sau này tôi xin” chánh cáo cho anh em trí thức trong nước biết rằng: “Truyện Kiều chẳng qua là một lối văn chương mua vui mà thôi, chứ không phải là một thứ sách học; mà nói cho đúng truyện Kiều là một thứ dâm thư, rõ không có ích mà có hại. Ở xã hội ta, từ khi có kẻ tán dương truyện Kiều, truyền bá học Kiều đến nay đã bao lớp thanh niên say mê sóng sắc, chìm nổi bề tình, dứt cả nền nếp gia đình, trật tự xã hội mà theo lối ham mê của mình. Hiện xã-hội ta ngày nay mà diễn ra những tuồng thương vong bại tục, cái giống độc con đi Kiều gieo vào cõi tư-tưởng không phải là ít. Vậy ngày nay mà được trăm ngàn người đọc Kiều, thầy khắp trong xã hội ta, không thấy cái ích gì mà chỉ thấy cái hại, mà nếu được một người “đạo đức hẹp hòi” như ông Ngô-đức-Kế thì không khác gì cột đá dựng giữ dòng sông lở, ngọn đuốc giữa khoảng đêm trường, có công với thế-đạo nhân tâm không phải là ít vì cái mãnh-lực của ông đủ kéo được biết bao nhiêu kẻ sa hầm sục hố kia”.

Cụ Huỳnh đã mở xẻ hành-động, cử-chỉ của nàng Kiều trong 5 bài thơ có những câu kịch-liệt như sau với nhiều ý kiến phê bình hơn cụ Ngô.

...Theo trai gác xô lời cha mẹ,
Làm đi đành thân kiếp ngựa trâu,
Nghiêng nước trận cười gương mấy kiếp,
Đắm người bề sắc tội ngàn đầu.

Nếu đọc lại đoạn thơ đầu ta thấy cụ Huỳnh đã chửi thẳng Phạm Quỳnh khá rõ ràng:

A cũ quá rồi, mới chừa Âu,
 Học Kiều xúm-xít bọn mây râu.
 Đã mang thân thể nương nhà thờ,
 Còn trách ông cha vụng kiếp tu.

Bài thơ này với luận điệu của hai vị lão thành cách mạng đã cho ta thấy các cụ đã đi cùng một nhịp, một điệu trong việc phê báng viên chủ bút Nam phong và phê bình truyện Kiều.

Khi chiếu tuyết những lời phê báng cho cụ Ngô, họ Huỳnh có những lời gắt gao hơn :

— “Như con đi Kiều kia và cả truyện Kiều nữa mới là nhu mỹ...”

Ở đây cụ Huỳnh lấy lời Mạnh-tử giải thích bọn nhu mỹ tức là những kẻ chiều đời a dua, không dám chống ai cũng là hạ một nhát búa đập vào đầu họ Phạm và cụ có một câu phê bình tổng quát và rất cụ thể về truyện Kiều :

— “Thưa cùng các ông và độc giả, đoạn thích mấy câu Kiều đây cũng như con đường cái có một cái nhà, cách kiến trúc khéo đẹp chạm trổ tô vẽ có mỹ thuật. song ở trong chứa đồ không sạch mà bề ngoài chạm vẽ những tích yêu mỹ, tôi đi ngang qua đó, thấy người ta đứng xem đông, có một người quen cũng trầm trở nét vẽ nọ, cách chạm kia mà chỉ tôi lại xem, nên tôi có nói qua vài lời đấy thôi... (Tiếng Dân số, 328).

Cụ còn cho truyện Kiều là một thứ thuốc độc :

— “Một cái hộp sơn son thiếp vàng trở rỗng chạm phượng, vẻ mặt mỹ thuật rõ là cực tốt mà ở trong đựng những vật có chất độc, ai khen cái hộp tốt mặc ai, chớ những người chỉ đó mà nói với công chúng rằng trong có chất độc, chất độc ấy có hại... thật không có chút gì tàn nhẫn mà khi nào cũng chánh đáng cả.” (Tiếng Dân, số 637)

Sau này phong trào bài Kiều chìm vào quá khứ, thỉnh thoảng cụ Huỳnh có nhắc đến truyện Kiều, thì thấy không còn những lời gắt gao như trước nữa. Chứng cứ là vào tháng 1-1934, ông Ngạc-Am Võ-liêm-Sơn trên báo Công luận có góp phần phê tích truyện Kiều, bác tất cả mọi nhân vật liên-hệ sống chết với tác phẩm này. từ Nguyễn-Du, Phạm Quỳnh cho đến hai cụ Ngô, Huỳnh, cụ Huỳnh đã lên tiếng văn tấu và đây là lời cuối cùng của cụ về vấn đề: “... Nói tóm lại, tôi bác Kiều là bác những kẻ tán dương điều tà, điều bất chính, chớ bản thân nó thế nào mặc kệ nó... Cái tội to lớn là tại những ai tán dương

ca tụng điều bất chính kia mà thôi (Tiếng dân, số 665).

...“ Tôi cũng là người biết thường thức nghề mỹ thuật nhiều ít, mà chính mình lại ham nữa... Tức như truyện Kiều gần ba mươi tuổi mới được xem mà nhớ đã gần hết, nào có phải cây đa vô tình không biết thường nghề mỹ thuật đâu !” (Tiếng dân, 328).

Lời tuyên bố này đã được nêu ra trước đó một năm và rất là thành thực tuy có đôi ý mâu thuẫn như ta đã thấy.

Nay chiếu theo các việc đã xảy ra vào khoảng năm 1924, chúng ta nhận thấy các phong trào chánh-trị và cách mạng của các hậu-văn-thân (các cụ Sào-Nam, Tây-hồ, Đào-nguyên-Phổ, Nguyễn-Quyên v.v...) như Duy-Tân-hội, Đông-Kinh nghĩa-thực, Việt-Nam quang-phục-hội lần lượt thất bại, các lãnh-tụ phong trào bị Pháp lưu đày sau ít năm được trở về, không khí chánh trị Việt-Nam vẫn còn sặc mùi uất hận giữa hai phe đối kháng.

Phe cách-mạng Việt-Nam vẫn còn nung nấu ý-chí quật khởi và vẫn chờ cơ-hội. Phe đế-quốc vẫn theo-dõi họ và đã bày ra thế cờ khác là tạo nên một phong trào văn hóa mờ mang nông công thương, bành trướng học-đường, bề ngoài có vẻ lớn lao nhưng bề trong có ý cầm chừng mà thôi và chủ trương cầm chân phong-trào cách-mạng Việt-Nam. Do ý-định này Phạm Quỳnh đã thành một cây bài chánh-trị của chính-phủ thực dân lấy tờ Nam-phong làm cơ-quan đề gây dựng uy-tín trên văn đàn chánh-trị. Nếu chúng tôi không lầm ông Nguyễn-văn-Vinh cũng dự vào kế-hoạch của “Nhà nước bảo hộ”. Ông cho xuất bản vào khoảng 1930 tờ nhật báo L'Annam nouveau để cùng một số trí thức tay sai của chánh phủ thuộc-địa đời bấy giờ xôn xao hết văn đề tự-trị và lập-hiến có mục-đích dụ ngu phong-trào tranh-đấu của dân tộc chúng ta. Một vài vị lão thành thuở ấy còn rí tai chúng tôi rằng Thực-dân đã cho ông Nguyễn-văn-Vinh cái nhà in Schreiner ở phố Hàng-gai thuở đó, không biết có đúng hay không...

Các cụ Ngô, Huỳnh ở đảo về đã nhìn thấy những âm mưu đen tối của quân đế-quốc và bề lũ vong nô nên tìm cách phá bỏ với cái tài tháo-vát của Phạm Quỳnh các cụ e những người yêu nước nhất là thanh niên trí-thức nông nổi sẽ bị mê hoặc và sẽ lạc hướng chẳng. Tóm lại vấn đề bài Kiều là một cuộc tranh-luận có tánh cách chánh-trị trên căn bản của nó. Mặc dầu cụ nghề Ngô có chủi bởi phong-trào sùng Kiều, đã kích

ít nhiều cả tác giả của nó thì cũng chỉ là chuyện nhân đấm đò mà đem mẹt ra giặt mà thôi, thực chất của vấn-đề vẫn không phải là văn-học. Như vậy thiết tưởng không cần nói rằng cụ Ngô cũng như cụ Huỳnh đã đứng trên lập trường phong-kiến và nho-giáo trong cuộc tranh luận lúc đó để xét phong-trào bài Kiều có lý hay không có lý.

Còn về phần Phạm Quỳnh, nói rằng ông ta phát động phong-trào sùng Kiều để mê hoặc thanh niên chưa dễ đã đúng. Chúng tôi trước-sau chỉ nghĩ rằng ông ta thuở ấy dùng tờ Nam-phong làm đất đứng để bắt đầu các cuộc múa có tác-dụng chánh-trị để nhảy lên vũ đài sau này mà thôi. Xem nội-dung tờ Nam-phong mà cho rằng tạp-chí này chỉ nêu văn chương học thuật "sùng" thì chú-quan quá chăng? Vậy với trình-độ dân ta khoảng góc đầu thế-kỷ XX nếu đó là con đường sùng thượng văn-học và rèn luyện trí thức suông thì phở biển gì có tính cách công khai cho thực dân khỏi đã phá bấy giờ? Văn chương cách mạng, sách vở ái quốc của các Văn-thân do hai phong-trào Đông-kinh nghĩa thực và Duy-tân hội mở ra đã bị riu búa của Đế-quốc đập tan tành rồi thì vào địa vị của Phạm Quỳnh chúng ta cũng không thể nào làm khác được. Ta chỉ nên chê trách cá-nhân Phạm Quỳnh đã bán cho Pháp ngay từ thuở ấy thì công bằng hơn. Lại nói đến ảnh-hưởng của các hành động của Phạm Quỳnh bấy giờ thì ta thấy chưa có gì đáng kể về chánh-trị vì kể từ 1924 cho đến cuộc Đệ-Nhị thế chiến lần song cách-mạng hoặc bí mật hoặc công khai vẫn tiến đều để chúng tôi có thể quyết-định rằng dân ta mỗi khi lâm vào những giai đoạn đen tối của lịch sử vẫn giữ được sự tỉnh táo để tiếp tục tranh-đấu. Cái mưu thần chức quý của đế quốc kẻ cũng đáng sợ đấy nhưng vẫn thất bại như thường. Để chấm dứt theo chúng tôi việc đã phá Phạm Quỳnh của hai nhà lão thành cách-mạng rất đúng bởi không nên bao giờ để cho kẻ phản cách mạng được mọc mũi sủi tăm đầu một hai công-tác của kẻ đó chưa có gì tai hại, cái mầm phản bội phải triệt ngay từ lúc nó mới nhú lên chút ít, nếu để nó nẩy ngành xanh ngọn thì sẽ khó biết bao nhiêu. Thêm một lần nữa, chúng tôi xin miễn bàn vấn đề về phương-diện văn học vì chính các đương-sự không chủ trương đứng trên lập trường văn học khi nêu ra việc bài Kiều.

Phe tán dương truyện Kiều thuở đó thế nào?
Như những tôi đã biết, phe này đông đảo hơn, chỉ kể những người có bài tham gia vào cuộc tranh luận. Nếu nói rằng việc sùng Kiều là một

âm-mưu thì chỉ Phạm Quỳnh có âm mưu này mà thôi. Những người đứng bên cạnh ông ta mà tranh luận về truyện chỉ nhằm Kiều vào việc dự bàn một vấn đề văn-hóa mặc dầu họ đã phụ họa theo Phạm Quỳnh. Họ là những nhà trí thức, những nhà giáo, những sinh-viên tây học, tân học hay là những "tân nhân vật" theo danh từ đời bấy giờ. Tương đối so với lớp người trước, họ là những người mới về thành phần cũng như về ý thức tư tưởng. Đối với tác phẩm của nhà văn Tiên-Điền họ có một thái-độ nếu không là tiến bộ thì cũng bao dung hơn nhiều.

Xin kể ra đây một vài trường hợp :

(1) Trần-trọng-Kim tác giả *Nho-giáo* và *Việt-Nam sử lược* trong khi cùng Bùi-Kỷ hiệu khảo truyện Thúc-Kiều có đề tựa với những lời phê bình Thúc-Kiều và truyện Thúc-Kiều như sau :

... "Cứ theo thiên kiến của chúng tôi thì nàng Kiều không phải là người tà dâm, xem như khi tái hồi với Kim Trọng mà khẳng khẳng giữ một niềm không chịu đem cánh hoa tàn mà đãi người tình chung thì nàng biết trọng sự trinh tiết lắm... Tình ái mà như nàng Kiều trước sau biết nặng lời non nước, biết lấy "hiếu làm trinh", biết nhân, biết nghĩa, thì sao lại cho là không có luân lý được?... Nói rút lại, trong truyện Thúc-Kiều trước sau chỉ có hiếu với nghĩa là hơn cả... Ta cứ xem truyện Thúc-Kiều, không phải là chỉ vì văn hay, ý sâu mà thôi, nhưng lại vì những điều nhân, nghĩa, trí, tín nữa, thật là quyển sách rất có luân lý, rất thanh nhã vậy..." (Hà-nội mùa, hạ năm Ất-Sửu, 1925).

(2) Vũ-đình-Long (một nhà giáo) viết :

... "Cô Thúc-Kiều là một người con gái tài sắc tuyệt vời không may gặp cơn gia biến thành gái phong tình, nhưng tấm gương trong lòng lộng, cô vẫn là người tiết nghĩa đủ làm gương cho nữ-lưu.

(3) Vũ-đoan-Trang cũng khen không kém :

... "Kiều rất là một người thông minh và hiếu nghĩa song tài sắc quá, anh hoa phát tiết ra ngoài, nên con tạo ghen mà bắt phải bạc mệnh, thừa trừ cho bố ghét cái đời tài hoa đó thôi..."

(4) Tú-tài Tùng-vân Nguyễn-đôn-Phục tán phiền cho cô gái họ Vương tha-thiết và lâm-ly hết sức :

... "Giờ đến tập phong tình cỡ lục,
Buồn cho ai mà lại khóc cho ai.
Thương ôi sắc nước hương trời,
Thân trinh bạch cũng mai mà cũng tuyết."

(5) Tiên phong (*Mộng liên đường chủ nhân*), tháng hai niên hiệu Minh-Mệnh trong bài Tựa bằng chữ Hán cho Đoạn-thường tân-thanh (bạn của Tô-như tiên-sinh) đã viết:

...“Thúy-Kiều khóc Đạm-Tiên, Tô-như-từ làm truyện Thúy-Kiều, việc tuy khác nhau mà lòng thì là một; người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông lụy của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy.

“Ta lấy một thiên mực nhạt, xa viếng nàng Kiều, tuy lời văn quẻ ketch, không đủ sánh với bức giao thiên, song đủ tỏ ra rằng cái nợ sâu của hai chữ tài tình, tuy khác đời mà chung một dạ. May được nối ở đằng sau quyền Tân-thanh của Tô-như-từ cũng làm một khúc đoạn-trường để than khóc người xưa.”

Ngoài bài tựa này còn bài tựa nữa của Phong-tuyết (*Thập thanh thị chủ nhân*) cũng viết vào một lúc, cũng tỏ ý hoạn nghênh truyện Kiều và đưa ra một vài điểm triết lý.

(6) Phạm-quí-Thích là chỗ chí thân của Nguyễn-Du cũng dành nhiều tình thương xót cho cô gái bạc mệnh qua bài Đường-thi chữ Hán rồi tự tác giả dịch ra Nôm:

*Gọt nước Tiên đường chẳng rửa oan,
Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan.
Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng,
Gót ngọc khôn đành giã thủy quan.
Nửa gối đoạn trường tan giấc điệp,
Một dây bạc mệnh đứt cầm loan.
Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế gian.*

Những nhà trí thức từ vua quan, các nhà khoa-bảng qua ba đời Minh-Mệnh, Tự-Đức, và Thành-Thái có cảm tình với truyện Kiều rất nhiều (1841-1883) nhưng thương xót cô Kiều nhiều nhất (dĩ nhiên là tán thưởng cả văn chương truyện Kiều) không ai hơn ông nghệ Chu-mạnh-Trình do họ Chu cũng là một áng tài hoa lỗi lạc (mà vì thế nên vẫn số yếu vong chăng? Ông Chu-mạnh-Trình mất vào năm 43 tuổi). Ông làm một tập thơ vịnh Kiều đề “*Thanh tâm tài nhân thi tập*” kèm theo một bài văn xuôi bằng chữ Hán làm tựa cho truyện Kiều

vừa ngâm ngùi, vừa an ủi, vừa gỡ tội, vừa đề cao nàng Kiều. Bài này được Đoàn Qui dịch rất chải chuốt và sát ý đáng được biên chép lại đầy đủ như sau để quí độc giả thưởng thức:

“Giá sử ngay khi trước, Liễu-dương không cách trở, duyên chàng Kim đừng dở việc ma chay; quan lại công bằng, án viên ngoại tỏ ngay tình oan uổng; thì đâu đến nỗi son phấn mấy năm lưu lạc, đem thân cho thiên hạ mua cười; mà chắc biên thù một cõi nghênh ngang, ai xui được anh hùng cõi giáp. Thì sao còn tỏ được là người thực nữ mà đủ đường hiếu nghĩa, tay đàn bà mà có cơ quyền. Thế mới biết: người khôn thì hay gặp gian truân, chuyện đời khéo lắm trò quanh quẩn.

Con tạo vốn thương người tài sắc, nàng đã biết thế hay chưa? Khách má hồng đừng giận nỗi trăng già, ta cũng khuyên lời phải chăng. Chỉ vì một tội: mối manh chưa có, thế thốt đã nhiều, trăng gió mắc vào, phồn hoa dính mãi. Cũng có người bảo: tại nước chảy mây trôi lỡ bước, nên cảnh đưa lá đón quen thân. Nào biết đâu bóng hạnh nở ngoài tường, chưa để con ong qua tới; cho có mượn lưới dao liễu với mạng, lại sợ thành chấy vạ lây. Tấm lòng này như tuyết như gương, mỗi sâu nọ qua ngày qua tháng.

Ngọc kia không vết, giá liền thành khôn xiết so bì; nước đã trôi xuôi, hồn cự mộng vẫn còn vơ vẩn. Bàn cho thật phải, tình cũng nên thương. Lại xem như bút mực tài hoa, đoạn trường mười khúc; trúc tơ phong nhã, hồ cầm một chương, câu thơ vắng giọng tiêu tao, bóng ngọc trống chiều nào nuốt; hoa ghen thua thắm liễu hơn kém xanh, vậy nên khách đa tình say chuyện phong lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hảo; người chép sách tiếc vì tài sắc, nghìn thu sau nhứt cái phần hương thừa.

Than ôi! một bước phong trần mấy phen chìm nổi; trời tình mờ mịt, biển hận mênh mông. Sợi tơ mảnh theo gió đưa đi, cảnh hoa rụng chọn gì đất sạch. Ai dư nước mắt khóc người đời xưa? Thế mà giống đa tình lương những sâu chung, hạt lệ Tâm-dương chan chứa. Lòng cảm cự, ai xui thương mượn, nghe câu ngọc thụ nào nung. Cho hay danh sĩ giải nhân cũng một kiếp hoa nghiêm nặng nợ. Ngán nỗi non xanh đất đỏ, đề riêng ai luận lạc đau lòng. Ta cũng nỗi tình thương người đồng điệu. Cái kiếp không hoa làm cảm, con hồn xuân mộng băng khuảng. Đã toan đúc sẵn nhà vàng, chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chùm phương thảo hủ vĩa thuyên quyền. Sẵn bút nghiên chia vịnh từng hồi, đem sự tích tóm vào một tựa. Bấy giờ kể còn

dài chưa hết, hạt ba tiêu như thánh thốt mưa thu. Hỡi ơi! hồn có biết chăng, bóng hoàn bội tướng ra vào Lạc phố."

Không tán thành lắm và cũng không nghiệt ngã lắm, cụ Yên-Đồ (Nguyễn-Khuyến) kín đáo và nhũn nhặn trong việc phê bình Kiều với giọng dí dỏm:

Kiều nhi giắc mộng bật như cưỡi,
Tinh dậy xuân xanh quá nửa rồi.
Số kiếp bởi đâu mà lận đận,
Sắc tài cho lắm cũng lồi thồi.
Cành hoa vườn Thúy duyên vừa bén,
Ngọn nước sông Tiền nợ chảy xuôi.
Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi,
Khăng khăng vớt lấy một phần đôi.

Nhưng cụ Nguyễn-công-Trứ đã có thái độ nghiêng nhiều về luân lý, đạo đức Khổng-Mạnh nên đã lên tiếng trách Kiều khá nặng nề:

Đã biết má hồng thời phận bạc,
Trách Kiều thì chưa vẹn tâm lòng vàng.
Chiếc quạt thoa dành phụ nghĩa với Kim-lang,
Nặng vì hiếu nhẹ vì tình thì cũng phải.
Từ Mã-giám-sinh đến chàng Từ-hải,
Cành hoa đem bán lại chốn thanh lâu.
Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu?
Mà bươm chán ong chường cho đến thế!
Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa,
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm.
Bán mình trong bấy nhiều năm,
Đỡ đem chữ hiếu mà làm được ai!
Nghĩ đời mà ngán cho đời.

Đại khái trên dưới một trăm năm trở về đây, chê Kiều cũng có một số nhưng khen Kiều thì nhiều hơn trong các người trí thức vừa tân vừa cựu. Trong đám nhà nho cũng không phải ai cũng khắc nghiệt với tác phẩm này, trái lại nhiều vị tỏ ra rất khoan dung. Những nhà tân học phân tích truyện Kiều kỹ hơn và có cái nhìn bao quát hơn (theo nhận thức khoa học tâm lý, theo triết lý, chính trị, xã hội v.v..) do được khảo sát sách

truyện Á-Âu, kim cò nhiều nên đã tìm thấy ở Kiều những nét rất "thật" của con người chứ không bị mờ mịt vì ý thức hệ phong kiến nhiều khi hẹp hòi và cố chấp. Riêng tác giả truyện Thúy-Kiều sau khi cấu tạo nên tác phẩm này cũng đã mượn lời sư Tam-hợp trình bày con người Kiều ở những khía cạnh chính yếu do đó ta không thấy có ý-kiến tiêu cực, chủ quan đáng được sự tán đồng của chúng ta:

...*"Thúy-Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành;
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vây nên những chốn thung dung,
Ở không yên ổn ngôi không vững vàng.
Mà dặt lối, qui đưa dàng,
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.*

*Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm.
Lấy tình thâm trả tình thâm,
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời.
Hại một người cứu muôn người,
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng.
Thừa công đức ấy ai bằng?
Túc khiên đã rửa láng-láng sạch rồi..."*

Con người ta ở đời chỉ có hai điều lớn nhất theo quan niệm ngày nay là Trung và Hiếu và cũng là quan niệm của người đời xưa nữa. Trung chẳng phải đối với vua mà thôi (đĩ nhiên với ông vua xứng đáng là tiêu biểu cho quốc gia), Trung còn phải hiểu là xả thân cho dân, cho nước, cho nhân quần xã hội nếu cần. Trên con đường nhiệm vụ của một người dân, ngược lại những kẻ phản bội là những kẻ bất trung cũng như bất nghĩa. Hiếu cũng không kém phần quan trọng nên đã được sắp hàng với chữ Trung, đó là hết lòng thờ cha kính mẹ, tiên tổ. Thúy-Kiều đã hy-sinh ái tình và hạnh-phúc, trinh tiết là những cái gì cao quý nhất đời của con người cho đạo hiếu mà còn bị tội này tội khác thì người ta muốn đòi hỏi ở người con gái ấy là một thứ Phật, tiên, thần, thánh sao? Con người tuy linh hơn vạn

vật nhưng người chỉ là người với tất cả cái mềm yếu của con người tạo hóa đã sinh ra và vươn lên được cái đại nghĩa (Hiếu) đã là vị đại lâm rồi. Cái giá trị hiện thực, nhân đạo và nghệ thuật của Tô-như tiên sinh chính là ở chỗ này trong khi nhiều nhà văn đã tạo nên những vai quan trọng trong tác phẩm theo công thức đạo đức luân lý một cách máy móc khiến những vai trò đó trở nên giả tạo, cứng nhắc thiếu linh động v.v.. rồi tác phẩm đó đã chẳng thành một nghệ phẩm mà chẳng thành một pho luân lý để dạy được ai hết.

Chúng ta ngày nay đã có một nhãn quan rộng rãi hơn người xưa do sự phổ biến của các tư tưởng nhân đạo, nhân quyền. Các khoa học mới đã rọi nhiều ánh sáng vào các vấn đề con người và mối tương quan của nó với xã hội. Chúng ta không bị ngăn cách nhau bằng hàng rào ý thức hệ phong kiến đã lạm dụng lý thuyết Khổng-Mạnh do những kẻ thống trị để cản trở nguồn thông cảm với tha nhân để hầu vung lên đập đổ những chế độ phi nhân, phi dân, nghĩa là vô nhân đạo. Quả vậy "nhân chi sơ, tính bản thiện", tự con người đâu phải là giống tội lỗi! Cái xã hội tổ chức theo tham vọng và cuồng vọng của bọn thống trị đã đẩy những linh hồn trong trắng vào đám bùn nhơ rồi bao nhiêu kẻ bàng quan đứng ngó thân nhiên đã đủ vô nhân đạo rồi lại còn dè bỉu hay đập người ta cho rớt xuống sâu thêm trong vòng trụ lạc.

Người của các thế hệ trước đã chỉ thấy cô gái họ Vương là kẻ xấu số, bạc mệnh, đã chê trách bọn quan lại tham ô :

Có tiền việc ấy mà xong thì?

Đời trước làm quan cũng thế a!

nhưng không có mờ xè cái xã-hội đời Gia-tĩnh cho đến nơi đến chốn để tìm ra các bệnh hoạn của nó. Nói rằng :

Rằng năm Gia-tĩnh triều Minh,

Bôn phương phẳng lặng hai kinh vừng vàng...

Thì ta phải nghĩ rằng đời Gia-tĩnh là đời thái bình, thịnh trị, dân chúng yên ổn làm ăn, vậy mà một gia-đình lương thiện hiền hoà như gia đình họ Vương, chỉ vì một chuyện tiêu-xưng bậy bạ của thằng bán tơ, dấm sai nha dấm :

*Người nách thước kẻ tay đao,
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sóng.
Già giang một lão một trai,
Một dây vô lại buộc hai thân tình.
Đầy nhà vang tiếng ruid xanh,
Rụng rời giọt liểu tan tành gói mai.
Đồ tuế nhuyễn của riêng tây
Sạch-sành-sanh vết cho đây túi tham...*

thề thì bốn phương phẳng-lặng thế nào? Rồi nạn nhân của đám bạch đoạt ấy phải :

Tình bài lót đó luôn đây,

Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.

Lại có cái trò phi pháp như đem tiền nói là mua gái về làm vợ rồi dùng làm diêm, giữa thanh thiên bạch nhật người ta đốt nhà cướp người đem nộp cho gia đình "thiên quan chùng tề" tự do đánh đập tàn nhẫn cho thỏa hờn ghen. Cái xã hội gì mà có các loại phương-diện quốc-gia phụng chỉ đặc sai, kinh luân gôm tài mà lại dùng tiểu xảo lừa gạt một người thiếu phụ nhẹ dạ rồi bắt người ta đang ở cảnh đau khổ chết chống thị yến dưới màn sau đó còn gán chép cho người thờ quan v.v. ? Dã man, vô nhân đạo đến thế là cùng!

Chỉ riêng những hoạt cảnh thương tâm mà cũng bị đi, như nhớp ấy đã kết thành một bản án đòi với chế độ phong kiến đủ cho truyện Kiều thành một áng văn bất tử để thúc giục con người vùng lên bảo vệ hay giành lấy quyền sống có hạnh phúc, có công bằng cho mình.

Truyện Thúy-Kiều có công đã tố cáo tội lỗi của chế độ, cảnh cáo bọn thống trị đời xưa cũng như đời nay, buộc mọi người nhìn vào các lớp tuồng đời phong bại tục, các trò bất công phi lý, tàn nhẫn, ích kỷ một cách khủng khiếp để tìm một lối thoát. Lối thoát ấy là một cuộc cách mạng dân sinh, dân quyền, dân chủ, nếu không kiếp sống của con người chúng ta có ý nghĩa gì?

Với cảm nghĩ thô thiển này chúng ta thấy bác bỏ truyện Kiều là che đậy tội lỗi của những xã hội như xã hội đời Gia-tĩnh ngày nay còn nhan nhản ở các quốc gia lạc hậu trong đó có xã hội ta. Sự mạng của Tô-như tiên sinh còn là sự mạng của chúng ta lúc này

nếu xã hội chúng ta chưa lành mạnh hay thiếu tự do, thiếu dân chủ. Tác-phẩm này đã được gia nhập học đường của chúng ta hiện giờ là một sự tiến bộ đáng kể, chỉ cần người giảng dạy biết tìm ra những khía cạnh chính yếu để mở xé và giúp sự hiểu biết của thế-hệ kế tiếp chúng ta. Chúng tôi tin rằng việc mở mắt để cho họ nhìn thấy những thực-trạng xã-hội không là điều vô ích. Vì chúng tôi nghĩ rằng thế-hệ trẻ còn phải tiếp tục sự nghiệp cải thiện quốc-gia cho tới sự hoàn thành giá-trị và quyền lợi chính đáng của con người.

Truyện Thúy-Kiều không còn là dâm thư, yếu ngôn nữa. Ngay khắp nơi trên thế-giới có biết bao nhiêu tiểu thuyết trứ tình vạch trần tình cảm của con người xấu cũng như tốt và cả những bối cảnh xã-hội bao quanh sự sống của nó có thiếu gì? Và người viết cũng như kẻ đọc có ai kết tội những sách truyện này là dâm thư, loạn ngôn đâu!

Thánh-Thán một nhà văn đời Thanh còn dám so sánh *Tây sương ký* của Vương-thực-Phủ với thơ Quốc-Phong. đã nguyên rủa: "*Kẻ bảo vở Tây sương-ký là dâm thư, kẻ ấy ngày sau nhất định phải sa xuống địa ngục nhờ lưỡi...*" Không biết có nên mượn lời của Thánh-Thán để kết luận vấn đề bài Kiều bốn mươi một năm qua chăng?

THẠC-NHÂN

NGUYỄN-NGHĨA - KHÔI

vũ trụ 'đoạn-trường tàn-thanh'

Không gian vốn vô hạn!

Thời gian vốn vô thủy vô chung!

Cái chủ quan không đáy; cái ngoại thể không bờ! Phải chăng, có như thế để con người dễ phiêu lưu trôi dạt?

Quả vậy, không gian muôn phương ngàn hướng, người xưa cũng đã nhìn nhận như thế, từ lối nhìn nhận đó, đi đến chỗ như thế mặc ước, trường đã là rõ ràng nhất định trời đất có bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc. Như thực tế, không gian vô hạn kia, chúng ta không thể tưởng-tượng được: ai rõ Đông bắt đầu từ đâu đến đâu?... Tây bắt đầu từ đâu đến đâu?... Không có cái gì nhất định để làm căn cứ mà phân chia Đông, Tây, Nam, Bắc. Do đó có thể mỗi sự kiện mỗi vị-trí có một chiều hướng và từ mỗi một quan niệm là một vũ trụ. Tuy nhiên, đây vẫn có tính cách mặt phẳng thôi. Và lại từ phương nọ đến phương kia chẳng hạn Đông bắc thì hai phương đó chỉ cách nhau ở ranh giới rất nhỏ, và hướng của nó không biết đến đâu là cùng! Từ cái rất to và rất nhỏ ấy xê dịch, không căn cứ vào đâu để bảo là tuyệt đối. Vì thế mà kinh Dịch người ta lại nhìn nhận và phân chia thành tám hướng; 4 hướng chính: Đông, Tây, Nam, Bắc và bốn hướng phụ: Đông bắc, đông nam; tây bắc; tây nam. Như thế cũng vẫn còn có tính cách bình diện, cho nên người ta phải tạo nên hai địa bàn tức là tiên thiên bát quái và hậu thiên bát quái. Ấy là tính cả độ tung và độ hoành. Có lẽ, bởi đó mà người ta thường nói là tám hướng mười phương. Giữa cái không gian mênh-mông đó, tự cổ dĩ lai, nó vốn mênh mông vô hạn và con người chỉ là một sự kiện, một hiện tượng rất nhỏ. Không gian vô hạn kia có sự vận chuyển bao hàm và điều khiển muôn vạn sự kiện, hiện tượng xê dịch đều-đều theo chiều hướng và vận tốc của nó. Do đó, sự kiện con người đang xê dịch, đang vận chuyển, có nghĩa là đang sinh hoạt, đang sống. Khi sự kiện đó ngưng lại, không xê dịch

nữa, tức là hủy diệt. Vì vậy con người đang sống không thể thoát ly ra ngoài cái lối vận chuyển đó. Cái hữu hạn không thể phóng ra ngoài cái vô hạn. Dầu muốn dầu không, con người vẫn bị thả lỏng, buông trôi ở trong cái không gian đó và vận chuyển theo cái luật lệ chiều hướng của nó. Cho nên con người không khác gì một sự kiện bị đầy ải, giam lỏng ở trong cái không gian vô hạn mà lại là hẹp hòi kia!

Mặt khác, thời gian vốn vô thủy vô chung, không biết có từ bao giờ và đến bao giờ. Nếu ta quan niệm thời gian như một dòng sông thì dòng sông đó không đầu không cuối, nhưng nó luôn luôn trôi chảy, luôn luôn di động, và sự di động trôi chảy đó một chiều, đi không bao giờ trở lại. Từ đó, đi đến ý niệm: quá khứ, hiện tại và tương lai. Quá khứ và tương lai là hai chiều vô cực và hiện tại là một điểm rất nhỏ. Điểm nhỏ ấy luôn luôn xê dịch. Nhờ sự xê dịch đó, để lôi kéo mọi biến cố, mọi sự kiện trôi chảy theo dòng sông thời gian. Con người tự nhiên sinh và tự nhiên diệt, không khác gì chiếc bèo tự nhiên nổi lên trên sông với một quãng thời gian rồi tự nhiên chìm lìm, hủy diệt. Dù muốn dù không thời gian cũng lôi kéo đi, đi rất nhanh, đến nỗi con người không kịp ý thức đến mình với thời gian nữa. Khi ý thức được thì khi đó thời gian đã qua rồi! Và lại con người khai sinh như thế là một sự tất yếu, tất thiên, như thế là một sự bất buộc. Sự có ta là một sự ngoài ý cha mẹ ngoài ý của chính mình; con người sinh ra như thế bị vút vào đời, vút vào dòng sông thời gian, bất buộc phải như thế, dù muốn dù không cũng thế. Khi khai sinh chúng ta nếu có ai hỏi ý kiến trước thì chắc có người sẽ lắc đầu từ khước, hoặc giả "kiếp sau xin chờ làm người".

Con người được khai sinh không khác gì một sự kiện bị đầy ải vào không gian vô hạn và thời gian vô thủy vô chung kia! Dù muốn dù không cũng phải chấp nhận. Và sự chấp nhận không gian thời gian cũng như sự kiện ấy có nghĩa là chấp nhận cả hoàn cảnh khách quan. Bởi đó, con người chủ quan mất hết quyền hành! Sự bất buộc và đầy ải kia, phải chăng là để thể hiện con người số kiếp; sự chấp nhận kia phải chăng làm con người thân phận. Số kiếp, thì luôn-luôn nặng nề mà thân phận lại luôn luôn bẽ bồng! Hoàn cảnh, không thể trốn tránh; số kiếp, không thể khước từ; thân phận, không thể không đeo mang. Bởi đó con người sinh ra như thế là nghiệp chướng, dù muốn hay không muốn cũng vậy. Phán kháng lại hoàn cảnh, khước từ số kiếp tức là phủ nhận cái thân phận, phủ nhận làm con người. Phủ nhận thân phận con người

có nghĩa là từ ly cái lối vận chuyển, lối thiên di của vũ trụ và không gian thời gian kia. Như vậy là đi vào chỗ hủy diệt. Sự sinh ra mình, sự có mặt của mình ở trong vũ trụ này, mình không được tham gia định đoạt; đến cái chết, mình cũng không thể tự quyền. Thật thế, chết không phải là dễ, cũng như cuộc đời, con người không thể nào biết trước. Vì thế, sống là băn khoăn, là lo nghĩ, không khác gì lặn mò trong đêm thăm, t hời gian!

I. Đoạn-trường tân-thanh là một vũ-trụ nhiều âm-tính.

Vấn đề con người, Nguyễn-Du đã nhìn nhận một cách rõ rệt. Con người số kiếp và con người thân phận luôn-luôn chèn-ép, mâu-thuẫn, tương khắc lẫn nhau. Con người chủ quan không thể thắng con người hoàn cảnh. Nguyễn-Du đã qui định và giới hạn đặt con người vào trong một khoảng thời gian và không gian nhất định. Mở đầu:

Trăm năm trong cõi người ta

Đấy Nguyễn-Du đã giới hạn và qui định một khoảng thời gian là trăm năm, là một cuộc đời. Con người sẽ di động một chiều trong khoảng trăm năm. Nhưng thực tế thì không được mấy ai và cuộc đời nàng Kiều cũng chỉ biến chuyển trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Tiếp đến:

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Qui định sự tương khắc giữa con người số kiếp và con người thân phận hay giữa con người khách quan, con người hoàn cảnh và con người chủ quan, nội giới. Muốn giải thích sự tương khắc và diễn biến ấy, Nguyễn-Du qui định một khoảng không gian nhất định:

Rừng năm Gia Tĩnh triều Minh

Bốn phương phẳng lặng hai kinh vừng-vàng

Dần dần càng rút hẹp không gian lại:

Có nhà Viên ngoại họ Vương

Nguyễn-Du sắp đặt như thế, khác gì bày ra một cái sân khấu thu hẹp mà diễn giả để chúng ta được mục kích và suy nghĩ, đó là nàng Kiều. Nàng Kiều xuất hiện giữa năm Gia-Tĩnh và gia đình họ Vương. Nàng Kiều đẹp gái, mặn mà nhưng sắc sảo; nàng Kiều tài hoa, nhưng lại bạc mệnh. Tuy nhiên, ở đây nàng Kiều đang ngầy ngỗ bình lặng, Kiều chưa ý thức được cuộc đời; cuộc đời Kiều như đang phong kín:

*Êm đềm trường rú màn che
Trường đông ong bướm đi về mặc ai*

Nhưng Kiều sẽ lớn lên, sẽ trưởng thành, sẽ di chuyển, Kiều đi thanh-minh, Kiều thăm mà Đạm-Tiên đề Kiều ý-thức cuộc đời hay nói cách khác là đề bắt gặp cuộc đời. Cuộc đời bạc mệnh, éo le số kiếp mà con người Kiều ân-cần chấp nhận.

Đến đây, không gian và thời như thu hẹp.

*Tà-tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thân đàn tay ra về*

Không gian như đen xám lại :

*Ở đây âm khí nặng nề
Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa*

Phải, "dặm về còn xa", Kiều còn phải dậm dề mãi trong đêm tối đoạn trường, và Kiều đi thẳng vào cuộc đời cũng bắt đầu từ đó, nghĩa là biến cố cuộc đời Kiều khởi sự từ đây, chứ không phải ở giai đoạn mắc mưu thàng bán tơ. Mắc mưu bán tơ chỉ là một giai đoạn diễn tiến của biến cố cuộc đời ; của con người số kiếp nàng Kiều mà thôi. Bởi thế, cho nên sự xuất hiện của Đạm-Tiên là then chốt cho biến cố đoạn trường của Kiều. Không có Đạm-Tiên, chuyện Kiều không thể có. Do đó Kiều thơ thân ra về, đề gặp mà Đạm-Tiên, khóc Đạm-Tiên và cũng đề Kiều ý-thức đến con người thân phận.

*Khóc than khôn xiết sự tình
Khéo vô duyên ấy là mình với ta...
Đau đớn thay thân phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung...*

Phải, chung cho Đạm-Tiên, cho Kiều, cho mọi người, không riêng gì bạn má đào mà cả các bạn nam nhi nữa. Kiều khóc Đạm-Tiên là Kiều khóc Kiều, khóc thân phận, khóc số kiếp. Chẳng những khóc lời mà còn làm quen, còn năn-ni như thế là sẵn-sàng đón nhận số kiếp :

*Hữu tình ta lại gặp ta
Chớ nề u-hiền mới là chị em*
Và Đạm-Tiên đáp lại với Kiều :

*Mấy lòng hạ cố đến nhau
Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng*

Đạm-Tiên đến với Kiều như thế là thừa lệnh từ cõi bên kia đề trao cho Kiều bản án số kiếp, bản án đoạn trường :

*Vâng trình hội chủ xem tường
Mà xem trong sổ đoạn trường có tên*

Sự đời đã thế, muốn hay không, Kiều cũng phải chấp nhận, không phương cứu chữa ! Không lối từ khước. Đau đớn hơn cả là con người biết được cuộc đời đau đớn của mình trước khi mình phải từng trải. Do đó Kiều thất kinh, Kiều sợ hãi cho cuộc đời mai sau :

*Một mình lưỡng lự canh chầy
Đường xa, nghĩ nỗi sau này mà kinh*

Kiều thồn thức ? Kiều lại khóc than sùi-sụt ; càng ý-thức được thân phận, ý-thức được con người số kiếp. Kiều lại càng đau đớn :

*Nỗi riêng lớp lớp sóng đời
Nghĩ đời con, lại sùi-sụt đời con*

Từ đây số kiếp đưa đây Kiều vào một cuộc đời như đi vào trong đêm thăm mịt-mờ. Từ buổi chiều Thanh-Minh đến gia biến, bán mình vào thanh lâu, ở lầu Ngưng-Bích, gặp Thúc-Sinh, Từ Hải, Hồ-Tôn-Hiến... Bao nhiêu lần trăng lên trăng xuống, cho đến sông Tiền-Đường, vũ trụ đoạn trường Tân-Thanh hoàn toàn về đêm, một vũ trụ chứa đựng nhiều Âm-Tĩnh. Đến sông Tiền-Đường là lúc trăng đã xế, vũ trụ đoạn trường bắt đầu tan-vỡ ; cuộc đời luân lạc và con người số kiếp của Kiều đến đây cũng chấm dứt :

*Mành trăng đã gác non doài
Một mình lưỡng lự đứng ngời chưa xong
Triều đầu nỗi sóng dưng-dưng
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền-Đường
Nhớ lời thân mệnh rõ ràng
Thì thôi hết kiếp đoạn trường là đây !*

Còn sự kiện gặp gỡ Kim-Trọng chỉ là một điểm sáng, chói lên rồi lịm tắt trong cuộc đời Kiều, trong vũ trụ đoạn trường, không khác gì những nét chấm phá trong một bức vẽ. Điểm sáng Kim-Trọng xuất hiện rồi mất đi chỉ để làm vũ trụ đoạn trường càng thêm sạm tối và eo hẹp lại.

II. Đoạn-trường tân-thanh là một vũ-trụ u-linh huyền-bí.

Nguyễn-Du đưa ra vấn-đề tài mệnh như là hai yếu-tố làm then chốt cho sự tương-khác giữa con người số kiếp và con người thân phận. Kiều bất gặp Đạm-Tiên tức là Kiều bất gặp số mệnh. Bất gặp số mệnh để làm cuộc đời, cuộc đời lưu lạc trầm luân, cuộc đời lẩn mò trong đêm thắm, trong u-minh.

Kiều gặp mà Đạm-Tiên là để Đạm-Tiên gặp Kiều báo mộng cho Kiều. Đạm-Tiên và Kiều là hai con người hai thế giới, tưởng không bao giờ quen biết nhau. Thế mà cái duyên trước không quen mà duyên sau lại là nợ kiếp, tương quan dính líu đến nhau không thể tách rời ra được. Thời-gian hiện sinh của Kiều và thời gian vị trí của Đạm-Tiên, kể âm người dương, hai người hai nẻo thời gian, hai thế giới, hai vũ trụ. Hai người không thể sử dụng chung một thời gian. Vì thế Nguyễn-Du đã tạo ra một thứ thời gian để Đạm-Tiên và Kiều gặp nhau, thời gian đó là thời gian mộng (đặc biệt Đông phương). Thời gian mộng hay là thời gian trung hòa là thứ thời gian để cho hai cõi vị-trí và hiện sinh tiếp giao. Do đó Kiều mới lãnh nhận được bản án cuộc đời và số kiếp lưu đày, trầm luân, bội bạc. Từ giả cuộc đời trưởng rú màn che để đi vào cuộc đời số kiếp. Vì thế Kiều những đắng cay chua xót :

*Dừng dằng khi bước chân ra
Cực trăm ngàn nỗi, dạn ba bảy lần*

Kiều không có quyền nữa, cha và em bị giam, Kiều phải bán mình Kiều của hoàn cảnh, Kiều không còn là của Kiều nữa. Kiều phải chấp nhận hoàn cảnh với một thái độ như là liễu lĩnh, cố cù, miễn cưỡng :

*Cũng liều nhắm mắt đưa chân
Thử xem con tạo xoay vần đến đâu*

Hoàn cảnh Kiều không thể phá vỡ được. Kiều phải chấp nhận ; chấp nhận xấu xa, chấp nhận tội ác : Kiều làm đi, Kiều bị giam, Kiều làm nàng hầu, Kiều bị xỉ mắng, Kiều bị đòn. Trăm muôn ngàn nỗi cay đắng của cuộc đời như đổ lên đầu Kiều mà Kiều không thể nào trốn được :

*Biết thân chạy chẳng khỏi trời
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.*

Kiều không được làm người của Kiều, Kiều muốn chết, Kiều tự tử, nhưng tự tử cũng không xong. Cái số đoạn trường chưa cho phép Kiều được vậy. Kiều còn bị hành hạ, đày ải, số kiếp vẫn chưa tha.

*Chém cha cái kiếp hoa đào
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi*

Còn đâu là buổi "hoa ghen" "liều hờn"— Còn gì là "mặn mà" "tài hoa" "sắc sảo" :

*Tiểu thay một đóa trà mi
Con ong đã tỏ đường đi lối về*

Kiều đã phải phụ nghĩa, phải lỗi thề, Kiều đã từng than khóc. Đến đây, nàng kêu lên một tiếng thật dài rồi như đã thất thanh :

*Oi Kim Lang, hỡi Kim Lang
Thôi thôi, thiếp đã phụ chàng từ đây*

Hơn thế nữa, Kiều phải từ khước những cái đẹp để qui bấu để làm những điều dở bản, thối tha :

Chút lòng trinh bạch từ sau xin chữa !

Tất cả Kiều đã đầu hàng và chấp nhận hoàn cảnh, nhưng hoàn cảnh, không thương. Chấp nhận số kiếp, số kiếp cũng không tha. Kiều bước vào cuộc đời, cuộc đời ê-chề, đau đớn ; cuộc đời điên đảo, phụ bạc, gian ngoan. Kiều đã có ý định chết nhiều lần, Chết không được. Khi đến sông Tiền-Đường, nàng đã mừng thắm, tưởng đoạn trường đã dứt, đứng với lời hẹn của Đạm-Tiên đã hứa với Kiều từ trước :

*Đạm Tiên, nàng hỡi có hay
Hẹn ta thì đợi dưới này chờ ta*

Kiều đã quyết-định chết và nhảy xuống sông :

*Thôi thì một thác cho rồi
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông*

Đề rồi :

*Mơ màng phách quế hôn mai
Đạm-Tiên thoát đã thấy người ngày xưa
Rằng tôi đã có lòng chờ
Mất công mười mấy năm thừa ở đây*

Trên kia, ta tưởng Kiều chết được, nhưng chưa — Kiều còn sống

lại — Là một vấn đề huyền bí — u-linh chứ thực sự mà nói thì Kiều đến đây là hết, hết số kiếp, hết đoạn trường. Nhưng phải chăng vì cái quan niệm họa, phúc, ân, oán mà Nguyễn-Du đã để Kiều sống lại. Kiều sống lại cũng chỉ là tiếp nối đoạn trường, làm thêm con người số kiếp, chứ không phải là phúc hậu hoặc đền công ân cho Kiều. Ngược lại Kiều càng chua xót càng đắng cay. Kiều gặp lại Kim-Trọng, sống bên lẽ hạnh phúc Thúy-Vân. Vì thế Kiều đã van xin, đã từ khước :

*Chữ trịnh còn một chút này
Chẳng cầm cho vững lại dày cho tan*

Tuy nhiên, chúng tôi chưa giải quyết vấn đề đó ở thiên khảo luận này, xin quý vị cho phép lần khác ở chương khác cũng khảo luận truyện Kiều. Kiều chết hẳn ở sông Tiên-Đường hay được cứu sống lại là một vấn đề liên quan đến nhiều quan-niệm của người xưa, của tác-giả. Suy nghĩ theo chúng tôi thì tưởng đến Tiên đường là cuộc đời Kiều chấm dứt cũng như con người số kiếp đoạn trường của Kiều đến đó là hết nợ. Từ thuở gặp Đạm Tiên cho đến Tiên đường, trong vòng 15 năm ấy. Vai trò Thúy-Kiều đã diễn đủ các tình tiết cuộc đời trên sân khấu triều Minh, Gia Tĩnh, Viên ngoại họ Vương — Vai trò ấy không riêng gì cho những lớp người đó mà chung cho cả muôn người muôn thuở :

*Mười lăm năm, bấy nhiêu lần
Làm gương cho khách hồng quần thử soi*

Mười lăm năm lưu lạc, cuộc đời diễn biến đủ mọi khía cạnh, thể hiện bản án đoạn trường mà nàng đã nhận lãnh từ thuở gặp Đạm Tiên. Kiều nhận làm con người số kiếp, chấp nhận lấy hoàn cảnh, cái hoàn cảnh luôn-luôn rình mò, vò bứt, Kiều không thể nào trốn tránh. Sau khi gặp Đạm-Tiên, Kiều nghi ngờ số phận : nghi ngờ Kim-Trọng :

*Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không*

Chính lúc đó Kiều đã ý thức được mình. Ý thức được cuộc đời cũng như con người và số kiếp. Cả vũ-trụ u-linh — đến tối — huyền bí mà Kiều sẽ dẫn thân vào như chiếc bè trong đêm trên biển :

*Cứ trong mộng triệu mà suy
Thân con thôi có ra gì mai sau*

Từ đó về sau, mãi đến Tiên-Đường, mọi hành-động của Kiều không phải là Kiều nữa, Như thế là :

Ma đưa lối, quỷ đưa đường

Quả vậy, Kiều chỉ là hiện thân của con người số kiếp, con người đoạn trường ở trong cái vũ-trụ huyền bí ấy mà thôi. Kiều mất tự-do, mất con người chủ thể. Đạm-Tiên là kẻ thừa hành ; — Kiều là con người thể hiện số kiếp lưu đày trong vũ-trụ u-linh huyền bí ấy. Phải, hết sức huyền bí. Kiều được khai sinh rồi Kiều được khai tử — Tự nhiên sinh, tự nhiên diệt, biến-biến, hóa-hóa. Chính những biến hóa đó là những keo vạt lộn giữa con người chủ thể và con người khách thể của Kiều. Con người chủ quan vạt lộn với con người hoàn cảnh — Hoàn cảnh luôn-luôn bầu vịu, số kiếp luôn luôn hành hạ — Đầu hàng không cho — Van xin không thả — Tự tử không xong. Kiều bị số mệnh cầm đầu vào đêm tối, vào vũ-trụ đoạn trường huyền bí kia, không khác gì một kẻ sắp bị hành hình.

III. Đoạn-trường tân-thanh là một vũ-trụ tương khác.

Vũ-trụ có âm dương.

Con người vốn có tài mệnh.

Theo kinh Dịch thì vũ trụ có hai yếu tố chính làm then chốt cho sự vận hành là âm và dương. Âm dương là hai thái cực bất đồng đẳng, trái ngược nhau, luôn-luôn mâu thuẫn, tương khắc nhau. Và nhờ sự tương khắc, mâu thuẫn ấy mà vũ-trụ luôn luôn biến động, luôn luôn vận hành. Thiếu một trong hai yếu-tố đó thì vũ-trụ hư không. Dĩ nhiên không có tương khắc, mà không tương khắc thì không có hiện tượng ; không có hiện tượng thì không có sự vật. Cho nên cái quan-niệm vũ-trụ đồng nhất thể cũng có thể là khơi nguồn từ lối nhìn nhận này.

Họ cho rằng người ta sinh ra bởi những anh linh, tú khí của trời đất kết tụ lại. Cho nên sống là hoạt-động, là thể hiện và làm tiến triển cái anh linh tú khí đó ra. Do đó con người là hiện tượng của vũ-trụ bởi sự biến động và tác hợp kia mà có. Bởi vậy, con người, sống là phải tuân theo cái trật tự vận hành của vũ-trụ. Đồng thời từ sự nhìn nhận như thế, chúng ta cũng có thể nói con người được sinh ra là một sự tất yếu, một sự bắt buộc như thể bị vút vào đời, phải làm người :

Trời kia đã bắt làm người có thân

Dù muốn dù không cũng phải chấp nhận làm người, từ khước có nghĩa là tự hủy diệt.

Con người vốn có tài mệnh — Nguyễn Du đã đặt vấn đề đó làm then chốt cho vũ-trụ đoạn-trường tân-thanh. Tức là cái quan-niệm “tài mệnh tương đố” nghĩa là sự xung khắc, đố kỵ, mâu-thuẫn giữa tài và mệnh. Mệnh đi đến con người số kiếp, con người ngoại thể khách quan nhưng có toàn lực; tài đi đến con người thân phận, con người nội giới chủ-quan hữu-hạn. Hoàn cảnh và cuộc đời trái ngược nhau tức là hai con người đó tương khắc nhau. Chính sự tương khắc đó là con người là cuộc đời.

Kiều đi Thanh-minh, đi dự hội Đạp Thanh, Kiều vui vẻ và trên đường về chị em đang huyền thuyền trò chuyện — nghĩa là Kiều đang Xuân đi giữa ngày Xuân, nhưng ngày xuân đã về chiều... Ấy thế, Kiều lại gặp má Đạm-Tiên, Kiều khóc Đạm-Tiên, nghĩa là Kiều đã ý-thức được cuộc đời Kiều rồi. Kiều khóc Đạm-Tiên là Kiều khóc cho Kiều — Kiều khóc Đạm-Tiên tức là Kiều đã chấp nhận số kiếp — Kiều khóc Đạm-Tiên tức là con người số kiếp bắt đầu va chạm, xúc tiếp với con người thân phận. Giọt nước mắt Kiều chảy, là, cả một vũ-trụ chứa chan nhiều ý nghĩa, chứ không phải là giọt nước mắt thừa thãi. Ý nghĩa sâu xa hơn giọt nước mắt phở quát, giọt nước mắt vì tình thương đồng loại.

Và tự buổi chiếu Thanh Minh ấy, Kiều bắt đầu bước chân vào vũ-trụ đoạn trường. Đạm-Tiên trở lại gặp Kiều, bàn giao số kiếp cho Kiều, như thế đến để trao cho Kiều bản án. Thế là Đạm-Tiên từ giả và Kiều đi thẳng vào cuộc đời để làm con người đau khổ, hành hạ, đẩy đi bởi sự tương khắc giữa hai con người số kiếp và thân phận của Kiều. Để rồi cuộc đời bạc bẽo, phụ phàng sẽ đưa đẩy Kiều vào những nẻo đường lưu lạc với nỗi niềm đắng cay chua xót.

Kiều không thể trốn tránh được nữa. Kiều phải đương đầu với hoàn cảnh. Được nghĩa thì mất tình; bán mình chuộc cha tất phải phụ thể Kim-Trọng. Kiều bán mình tức là Kiều đã dẫn thân vào cuộc đời đầy ải, để làm con người số kiếp: từ đây số kiếp tha hồ hành hạ: Kiều làm đi, Kiều bị giam, Kiều lấy lẽ, Kiều bị đôn... Kiều bị số kiếp dày vò. Kiều không thể vượt mình lên được. Những lúc vượt mình lên chính là những lúc Kiều đau đớn hơn cả, và hoàn cảnh càng bóp chặt lại. Kiều trốn, lập tức Kiều bị bắt; Kiều bước chân đi là hoàn cảnh lôi kéo lại. Kiều muốn chết nhưng số kiếp vẫn níu lấy, bắt phải sống, sống để bị hành hạ.

lưu đây. Đến lúc hoàn cảnh và số kiếp tha Kiều, chính lúc đó Kiều chết, Kiều nhảy xuống Tiễn-đường.

Mặt khác, chính ở con người Kiều có sự hoàn hảo, và bởi cái hoàn hảo ấy cũng đưa đến một sự ghen tuông:

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Trời đất, vạn vật xưa nay vốn thế: “Thiên địa ố kỳ toàn”. Kiều ra đời và chạm tất cả mọi hướng nẻo đố kỵ con người Kiều. Hơn nữa con người nội giới, tâm trạng Kiều cũng là 1 vũ-trụ tương khắc. Kiều đang ở với cha mẹ; gia-đình đang đoàn tụ. Thế mà sau một cơn mộng, nàng đã nghi ngờ sợ hãi:

*Cử trong mộng triệu mà suy
Thân con thối có ra gì mai sau*

Hoặc giả lúc đang vui vẻ thề thốt với Kim-Trọng, tự nhiên nàng bật ý:

*Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không*

Một người đàn bà, tâm trạng như Kiều, không bao giờ có một niềm vui trọn vẹn. Trong vui luôn luôn có buồn, trong buồn luôn luôn có vui. Vui buồn lẫn lộn, đánh phá lẫn nhau.

Ngay trong tiếng đàn của Kiều cũng đề rõ dung nhan tâm sự con người bạc mệnh, con người mâu thuẫn éo le — Tiếng đàn đầu tiên Nguyễn-Du cho chúng ta nghe là tiếng đàn Kiều gảy để hầu Kim-Trọng. Đây là giai đoạn mức độ tương khắc đang mạnh mẽ kịch liệt: chính cây đàn mang hai loại dây chứa đựng với ý nghịch đảo, trái ngược:

Sơ đàn dây vũ dây văn

Rồi nhịp điệu cũng xô xát, có khi như đứt vỡ, có khi như đứt đoạn, có khi như nhẹ nhàng tê liệt, có khi như búa chát:

*Khúc đầu Hán Sở Chiến trường
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau...
Quá quan này khúc Chiêu quân
Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư gia...
Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như nước suối mới sa nửa vời*

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa

Đến nỗi những sự kiện xung quanh cũng bị ảnh hưởng :

Ngon đèn khi tỏ khi mờ
Khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sầu
Khi tựa gối khi cúi đầu
Khi vò chén khúc khi chau đôi mày.

Đến lúc đàn cho Thúc sinh nghe — Tiếng đàn lại càng oái oăm, xung khắc — mai mỉa, kẻ khóc, người cười :

Bốn dây như khóc như than
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng
Cũng trong một tiếng tơ đồng
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm

Khi đàn cho Hoạn Thư thì tiếng đàn như ti tê van xin cời mờ :

Linh lời nàng mới lựa dây
Nỉ non thánh thót dễ say lòng người

Đến lần đàn cho Hồ-Tôn-Hiến nghe, tiếng đàn là cả nỗi niềm đau xót, đắng cay — là một khúc đàn cường ép :

Một cung gió thổi mưa sầu
Bốn dây rõ máu năm đầu ngón tay
Ve kêu vượn hót nào tày
Lọt tai, Hồ cũng nhăn mày rơi châu.

Đến đây tiếng đàn như thể bị đè nén rồi văng ra, tất lim dim chầm dứt bản đàn bạc mệnh, bản đàn số kiếp.

Tuy nhiên, về sau Nguyễn-Du còn đề Kiều đánh đàn một lần cho với Kim-Trọng. Ở đây tiếng đàn tương khắc đã hết và vũ-trụ đoạ trường cũng bắt đầu mở ra :

Nàng rằng : Vì mấy đường tơ
Làm người cho đến bây giờ mới thôi

Và, lần chót này, tiếng đàn đã trở nên hòa hợp, đầm thắm êm đềm :

Khúc đầu. dăm âm dương hòa
Ấy là Hồ Điệp hay là Trang sinh
Khúc đầu êm ái xuân tình
Ấy hôn Thục đế hay mình Đỗ Quyên
Trong sao châu rõ duềnh duyên
Ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông

Đến đây, một tiếng Đàn của Kiều cũng dứt hẳn :

Một phen tri kỷ cùng nhau
Cuốn dây từ đây về sau xin chừa...

Đây, chung qui mà nói, vũ-trụ đoạn trường tân thanh là một vũ-trụ tương khắc. Chính sự tương khắc đó đã làm nổi bật cuộc đời Kiều và con người Kiều. Kiều là hiện thân của sự đau khổ, bị đát, ê-chề, dày ải.

IV. Đoạn-trường tân-thanh là một vũ-trụ hỗn loạn.

Nói vậy, hẳn có người nghĩ ngay rằng đã tương khắc tất phải hỗn loạn. Có phần đúng như thế. Tuy nhiên có nhiều sự tương khắc chưa hẳn đã hỗn loạn, nó chỉ tương khắc ngấm ngấm rồi biến diệt. Nhưng có hỗn loạn tất phải có sự tương khắc, sự xáo trộn và mất trật tự. Đây là quan niệm thông thường, ước lệ. Chứ thực ra mọi biến di, hành..động đều ăn nhịp chặt-chẽ với sự vận hành của vũ-trụ toàn diện. Nó có những vận kỳ và vận tốc nhất định. Vũ-trụ cũng có cái lẽ thường, cái lẽ bất thường. Tuy nhiên nó đều ăn nhịp chặt chẽ với cái lối vận hành phổ quát, chứ không thể nằm trệch ra ngoài được. Vì cái lẽ bất thường mà sinh ra biến; biến đề động; động đề di chuyển; di chuyển đề trường tồn hoặc đề thay đổi, hoặc đề uốn mình qua vận kỳ khác, chứ đại vũ-trụ không bao giờ hủy diệt. Vì lẽ thời-gian không bao giờ cùng; không gian không bao giờ hết. Cho nên vũ-trụ vẫn còn và vẫn mãi-mãi. Biến cố, tương khắc, hỗn loạn là sự trở mình, là sự tiếp nối từ vận kỳ này đến vận kỳ khác mà thôi. Tuy nhiên, mỗi vận kỳ cũng là một vũ-trụ nhỏ trong cái đại vũ-trụ kia.

Nàng Kiều được khai sinh vào năm “ Gia-Tĩnh triều-Minh ”, cái buổi đất nước hết sức thanh bình :

Bốn phương phẳng lặng hai Kinh vững vàng.

Nàng lại được làm con đầu lòng hai cụ Vương Viên ngoại — một

gia-đình nho giáo, phong lưu. Đây sự hiện-diện nàng Kiều có từ buổi cuối vận kỳ thanh bình ấy, nhưng rồi Kiều lớn lên theo thời-gian và đi vào một vận kỳ khác, một vận kỳ khác nghiệt, hỗn loạn. — Sự phẳng lặng kia chỉ là một sự thái bình cực độ — Từ cái cực độ thái-bình đó sẽ chuyển qua giai đoạn loạn lạc. Hay nói cách khác trong sự thái-bình ấy đã ngấm ngấm chứa đựng những sự rối loạn, xáo trộn rồi.

Thật vậy, dầu rằng đất nước thanh-bình, nhưng quan lại tham nhũng, ăn tiền, bắt công. Bắt công để tham những, ăn tiền. Và ăn tiền, tham những là bắt công. Không tham những, không ăn tiền, không bắt công thì làm sao nàng Kiều phải bán mình, phải lưu lạc. Ăn tiền đến nỗi cha lia con, vợ lia chồng, anh em xa nhau. Ăn tiền cho người ta vong gia bại sản. Ăn tiền để bắt người ta làm đi, lưu-lạc, truân chuyên thì còn thứ đã man nào bằng! Bắt công đến nỗi kẻ có tội được tha, kẻ nhân từ đạo-đức trình tiết ở đời phải xóa bỏ danh-dự để làm những điều thối tha nhục nhã. Dụ dỗ kẻ lương thiện vào con đường tội lỗi, đen tối, hư hèn (Tú bà dỗ Kiều tiếp khách).

Gẫm như lúc Kiều bị đánh — kẻ ra ai cũng da thịt, thể mà Kiều được đòn hai lần (Tú bà và Cờ, Công) cho đến lúc Kiều bị mưu Hoạn Thư bắt về nhà làm đầy tớ, nhà Kiều bị bọn Khuyển Ưng đốt và vứt xác ma vào đó để đánh lừa Thúc sinh. Đây, một xã-hội tự do đánh người, bắt người; tự do giết người và tự do đốt nhà. Quan trên không biết, kẻ dưới không thưa và ngay Thúc sinh cũng không đi kiện cáo. Xã-hội đã thối nát mà Thúc sinh lại bạc tình. Một xã-hội lão, lão như Thúc sinh :

*Sinh rằng : hay nói dè chừng
Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao ?
Đường xa chớ ngại Ngó Lào
Trăm điều hãy nhớ trông vào một ta
Đã gần chi có điều xa
Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều*

Một xã-hội đáng thương hại, thương hại như Kiều :

*Thương sao cho vẹn thì thương
Tình sao cho trọn mọi đường thì vâng.*

Những khía cạnh cuộc đời như vậy chắc thiên hạ thế gian còn nhiều. Kẻ cầm bút không làm sao kể xiết.

Rồi đến Từ Hải, đầu gối bút Nguyễn Du có thoa vẽ, phóng đại để thành một vị tướng anh hùng, nhưng không sao xóa nổi màu sắc một kẻ phản-loạn, ngang dọc, hồng hách, cát cứ một phương.

Một xã-hội ăn tiền, đánh người, giết người, đốt nhà, đi thóa, loạn lạc như thế không thể gọi là một xã-hội thanh bình mà phải nói là một xã-hội đảo điên, mất trật tự cũng như vũ-trụ đoạn trường tân thanh là một vũ-trụ hỗn loạn.

V. Đoạn-trường tân-thanh là một vũ-trụ hình-thức lý-tưởng.

Người ta vốn có tình có lý. Lý và tình luôn-luôn đi với nhau nhưng trái ngược, mâu thuẫn, xung khắc. Dùng lý trí để kiểm-soát, để phân định : phải thế nọ, phải thế kia — cho nên lý trí hướng về khách quan, hoàn cảnh, ngoại thế. Tình cảm là yếu tố sống động hồn nhiên thâm kín và sâu xa của con người chủ quan, nội giới. Con người chủ quan thường bị con người khách quan theo dõi kiểm soát. Hoàn cảnh luôn luôn đeo đuổi con người. Lý trí luôn-luôn kiểm chế tình cảm. Lý trí toa rập theo hoàn cảnh khách quan ; ảnh hưởng xã-hội và thời đại, cho nên nó có tính cách địa phương và lệ thuộc thời gian. Còn tình cảm là phần sâu xa kín đáo của con người nhưng nó phổ quát, vĩnh cửu, đồng nhất và bất biến. Khi nó biến cải là bởi ảnh hưởng lý trí, hoàn cảnh và thời gian. Tình cảm là phần cốt yếu của con người, hay nói cách khác con người là vũ-trụ tình cảm :

Do đó :

Không Mạnh chủ trương nhân nghĩa
Phật Thích ca chủ trương từ bi
Jésus chủ trương thương yêu
Lão Trang chủ trương hồn nhiên, vô vi.

Ày, tất cả đều nhắm vào tình thương, phát huy tình cảm để nhân loại tốt đẹp lương thiện.

Hơn nữa, nhìn vào lịch-sử tư-tưởng, văn-hóa, Đông phương chịu ảnh hưởng sâu xa ba học thuyết : Không, Phật, Lão. Ba học thuyết đó như thế đã tạo nên xã-hội Đông-phương và con người Đông-phương cũng xã-hội và con người Việt-Nam. Thế đó, cho nên con người Việt-Nam gồm có con người hiểu nghĩa, con người bác ái và, con người vô vi nhân từ như thế là ba phương tiện cho con người, khi cần thì sử dụng.

Họ tin-tưởng có thần linh, có nhân quả, có thiên thai, có tiên cảnh, lối tin-tưởng đó như thề là mặc nhận, hiền nhiên, không cần giải-thích. Họ lấy cái tâm, tức là cơ sở tình cảm để tôn thờ và thề hiện. Đây là những điểm đặc-biệt của con người Đông-phương. Họ ít khi vận-dụng lý trí để giải thích, phân tách hay nghiệm chứng, lý luận. Và lại con người vốn phức tạp kín đáo cũng như vũ-trụ vốn bí mật. Khả năng, trí tuệ con người không thể phân-tích diễn tả ra được. Nó u-u linh.linh, biến-biến hóa-hóa trong muôn màu muôn vẻ.

Đoạn trường tân thanh là vũ-trụ thật, là câu chuyện thật; Kiều là con người thật. Vũ-trụ thật tất phải là câu chuyện thật, biến cố thật; câu chuyện thật tất phải có con người thật, và ngược lại. Vì lẽ rằng câu chuyện Đoạn trường tân thanh, con người Kiều có thể có bất cứ hoàn cảnh nào, thời đại nào. Có thể nói là câu chuyện muôn đời, con người muôn thuở. Kiều là nạn nhân của Tài Mệnh cũng như con người và cuộc đời là kết quả bởi sự xâu xé giữa hoàn-cảnh tha-nhân và con người chủ thể.

Nhưng trong lối diễn đạt, ngòi bút Nguyễn-Du đã lý-tưởng-hóa, ước lệ-hóa con người Kiều cũng như tất cả các nhân-vật khác trong Đoạn trường tân thanh. Con người ở vũ-trụ Đoạn trường tân thanh hầu như là hoàn toàn, tuyệt-đối. Những nhân-vật đã khen thì không có điều gì chê; mà đã chê thì không có điều gì khen, kể cả dung nhan đức-tính cũng như hành-động và cuộc đời từng nhân-vật:

*Mai cốt cách, tuyết tinh-thần
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười*

Vân là cô con gái trang trọng, hiền lành, thủy mị, đẹp đẽ. Thật là dễ thương, dễ mến:

*Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.*

Kiều là con gái mặn mà, sắc sảo, đảm thắm tài hoa — kẻ ra là người đáng trọng đáng mến:

*Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn*

*Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*

Hai cô con gái nhà cụ Vương viên-ngoại hoàn-toàn quá, không có chỗ nào chê nữa.

Kim-Trọng lại là con nhà trâm anh, thông-minh, hay chữ, hào-hoa, phong-nhã. Con người nhỏ nhẹ trong nếp áo thụng xanh, cưỡi con ngựa bạch:

*Nguyên người quanh quất đầu xa
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh
Nền phú hậu, bạc tài danh
Văn chương nét dốt, thông minh tinh trời
Phong tư, tài mạo tuyệt vời
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa*

Ấy thế, có cô Kiều như vậy, tất phải có Kim-Trọng như vậy để xứng đáng, hộ đối môn đăng chử.

Mã giám-sinh, anh chàng đã già, nhưng cố làm cho trẻ, cái mặt nhân nhụy, áo quần bảnh bao, tư-cách đáng điệu một anh đi trai sành điệu:

*Hỏi tên rằng: Mã giám sinh
Hỏi quê rằng huyện Lâm thanh cũng gần
Quá niên trạc độ tứ tuần
Mày râu nhân nhụy, áo quần bảnh bao*

Sở Khanh cũng là anh chàng lo trau tría chải chuốt cho đẹp trai, cho ra vẻ học trò. Thật là một kẻ lưu manh, đáng điểm, đi thoã:

*Một chàng vừa trạc thanh xuân
Hình dong chải chuốt, áo khăn dịu dàng
Nghĩ rằng, cũng mạch thư hương
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh!*

Có thể, đêm trăng đó Sở Khanh thấy Kiều “ như mèo thấy mỡ ”:

*Bóng Nga thấp thoáng dưới màn
Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai!*

Còn Từ Hải, một anh quan võ ngang tàng, hống hách, đạo mạo, uy nghi, dọc ngang một cõi biên thùy, oai quyền, thao lược; thêm chút màu mè gió trăng, nghệ-si:

Râu hùm, hàm én, mày ngài
 Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao
 Đường đường một đấng anh hào
 Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài
 Đội trời, đạp đất ở đời
 Họ Từ tên Hải vốn người Việt-đông
 Giang hồ quen thú vẫy vùng
 Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo...
 Triều đình riêng một góc trời
 Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà
 Đồi cơn gió quét mưa sa
 Huyện thành đạp đống năm tòa cõi nam
 Phong trần mài một lưỡi gươm
 Những loài giá áo túi cơm sá gì
 Nghênh ngang một cõi biên thùy

Đầy Từ Hải hoàn-toàn quá, vừa to con, vừa lớn tướng, vừa uy vệ, vừa đường hoàng, vừa ngang tàng, vừa ngạo nghễ. Người con trai anh hùng như thế thật là khôi có chỗ chê. Chỉ hiềm một nỗi "thấp mưu thua trí đàn bà" mà thành ra một anh bại tướng. Nhưng thử nghĩ "được làm vua, thua làm giặc" cũng là việc thường tình. Vì thế, ngòi bút Nguyễn-Du cũng đã vẽ vờl bênh-vực cho Từ Hải nhiều lắm.

Tất cả những nhân-vật kể trên cũng như các nhân-vật mà chúng tôi chưa đề cập đến ở trong vũ-trụ đoạn trường, Nguyễn-Du đã lý tưởng hoá cho họ. Người đẹp có cái đẹp hoàn-toàn, tuyệt-đối; người tốt có cái tốt hoàn-tốt, tuyệt-đối; người xấu cũng có xấu hoàn-toàn, tuyệt-đối. Lý tưởng là ở chỗ đó, chứ thế gian có những hạng người hoàn-toàn và tuyệt-đối như thế đâu. Con người vốn phức tạp có xấu, có tốt, có hư, có nên, dẫu tốt đến đâu cũng phải có cái xấu; dẫu xấu đến đâu cũng phải có cái tốt. Chỉ có thể là sự chênh-lệch, tốt ít, tốt nhiều, hoặc xấu ít, xấu nhiều. Đây là những con người mới, con người đặc-biệt với cái áo quan-niệm cũ càng.

Đến như cách dàn trận, cách bố trí câu chuyện cũng như giải quyết vấn đề, Nguyễn-Du cấu tạo những vấn đề, những con người với những niềm tin những quan-niệm, lý tưởng "có hậu" hoặc "hoạ phúc" ở đời độc ác thì về sau bị xử phạt; ở đời lương thiện thì về sau được ân thưởng. Do đó trong chuyện đoạn trường đã có nhiều người bỏ mạng

và cũng có nhiều người được đền công bởi quan toà ân oán của quan-niệm Thù-Kiêu. Chính nàng Kiều cũng là nhân-vật được Nguyễn-Du tái sinh cũng như vũ-trụ đoạn trường được Nguyễn-Du gia hậu. Do đó có chuyện Kiều báo ân rồi báo oán.

Đây Thúc sinh là kẻ tình cũ, thương nàng và bây giờ nàng nhắc đến :

Cho gươm vờl đến Thúc lang...
 Nàng rằng "Nghĩa trọng ngàn non
 Lâm chuy người cũ chàng còn nhớ không?"

Kiều lý luận :

Sâm thương chẳng vẹn chữ tòng
 Tại ai, há phải phụ lòng cố nhân ?

Thế rồi Kiều đền ơn :

Gấm trăm cuốn, bạc ngàn cân
 Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là

Kế tiếp Kiều đền ơn cho Hoạn bà và Giác duyên :

Nhớ khi lỡ bước sây vờl
 Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương
 Nghìn vàng gọi chút lệ thường
 Mà lòng Phiếu-mẫu mấy vàng cho cân

Sau khi đền ơn xong, Kiều trở lại báo oán :

Nàng rằng xin hãy rón ngời
 Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù

Kể đầu tiên là Hoạn Thư — Có lẽ vì sự ghen tuông mà Hoạn Thư đứng đầu số — Chứ thật ra Kiều phải giết thằng bán tơ, giết mấy tên quan lại ăn tiền, rồi giết Tú bà... mới giết đến Hoạn Thư. Nhưng không, Kiều gọi Hoạn Thư ra trước :

Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra
 Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư

Nhưng có lẽ Hoạn Thư là người đàn bà :

Ở ăn thì nết cũng hay
 Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

Vi thế mà cái tài ăn nói Hoạn Thư đã làm Kiều người giận và tha cho tội chết :

*Khen cho thật đã nên rằng
Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời
Tha ra thì cũng may đời
Làm ra mang tiếng con người nhỏ nhen
Đã lòng tri quá thời nên
Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay*

Thế rồi đến lúc Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ung, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã giám-sinh thì :

*Lệnh trên truyền xuống nội đao
Thề sao thì lại cứ sao già hình
Máu rơi thịt nát tan tành
Ai ai trông thấy hôn kinh phách rời*

Đền đây Nguyễn-Du đã đề Kiều giải-quyết xong vấn-đề ân oán họa phúc rồi. Đó là một việc làm theo đạo trời, làm sáng tỏ cái quan niệm và lý tưởng ấy :

*Cho hay muôn sự tại trời
Phụ người chẳng bỏ, khi người phụ ta
Mấy người bạc ác tình ma
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương
Ba quân đông mặt pháp trường
Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi*

Còn nàng Kiều, từ thuở được khai sinh, sống trong nhịp đời "êm đềm trướng rủ màn che" đến ngày "hai Kiều e-lệ nép vào dưới hoa" rồi đến lúc băng nẻo vườn khuya, "trèo tường" "trở ngõ" rồi trải qua nhịp đời mười lăm năm lưu-lạc, khi làm đi, khi bị đôn, khi làm vợ lẽ, khi làm Từ Hải phu nhân, khi làm quan tòa, khi Hồ tôn Hiến, khi Thò quan... cho đến lúc trắng xé Tiên-đường, đâm đầu xuống sông tưởng cuộc đời Kiều đến đó chấm dứt là vừa phải và vũ-trụ đoạn trường cũng bắt đầu tháo cửa đề cho Kiều về thế-giới khác với Đạm Tiên là những kẻ "làm ma không chông". Kiều cũng biết cái lẽ như thế, sống nửa đời là sống dư ;

*Thân sao thân đến thế này
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi*

Nên Kiều quyết định :

*Thôi thì một thác cho rồi
Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông*

Ai cũng nghĩ rằng Kiều đền đó là chết. Nhưng không, Nguyễn-Du còn đề Giác Duyên thuê người vớt Kiều, cứu Kiều :

*Thuê năm, ngư phủ hai người
Đóng thuyền chực bến kết chài giếng sông*

Thề rồi, họ kéo được Kiều lên :

*Kiều từ gieo xuống duềnh ngân
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi
Ngư ông kéo lưới vớt người*

và Kiều sống lại :

*Nàng còn ngờ ngần biết sao
Trạc Tuyền nghe tiếng gọi vào bên tai
Giật mình thoát tình giấc mai
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn*

Kiều sống lại, Nguyễn-Du đã huyền diệu, lý tưởng hóa vấn-đề là vậy. Kiều sống lại, Kiều làm cuộc đời tiếp nối, một cuộc đời có hậu, gặp lại cha mẹ, hai em và Kim Trọng. Phải, có hậu đấy — Tuy nhiên Kiều lại bị đau khổ khác tức là sống bên lề hạnh-phúc của Thúy Vân, Kim Trọng và vợ chồng Vương quan — Kiều sống lại với Kim Trọng là một sự gượng ép :

*Chữ trinh còn một chút này
Chẳng cầm cho vững lại dày cho tan.*

Tóm lại vấn đề truyện Kiều, Nguyễn-Du đã đạt đến con người sâu xa huyền nhiệm với vũ-trụ u-minh huyền bí, nhưng hình-thức mang nhiều quan-niệm lý-tưởng, ước lệ, thời đại. Vi thế Đoạn trường tân thanh là một vũ-trụ có nhiều màu sắc và hình-thức lý tưởng, không khác gì những viên ngọc bỏ vào trong hộp kềm, dù nghệ-thuật sơn xi tinh xảo đến đâu, nó cũng vẫn là hộp kềm đựng những viên ngọc quý.

VI. Đoàn-trường tân-thanh là một vũ-trụ nghệ-thuật.

Vấn đề con người Nguyễn-Du đã nhìn nhận một cách sâu xa huyền nhiệm, vũ-trụ là cả một sự bí mật. Con người là những hiện tượng phiêu lưu, đầy ải. Còn một điều nữa, khá quan trọng, đã làm cho mọi tầng lớp độc-giả say mê, tán thưởng Đoàn-trường tân-thanh. Điều đó chính là cây bút Nguyễn-Du, ngôn ngữ Nguyễn-Du, nghệ thuật Nguyễn-Du. Ấy là vũ-trụ Đoàn-trường tân-thanh vậy.

Trước hết Nguyễn-Du là một người thợ vẽ, chất liệu là thơ, là ngôn-ngữ, là tình, là cảnh, với cây bút tài tình Nguyễn-Du đã tạo nên nhiều bức tranh kiệt tác. Mỗi một bức tranh, nhiều khi Nguyễn-Du chỉ dùng một vài nét chấm phá là thể hiện đầy đủ tinh thần bức tranh đó. Tả một quốc-gia bình trị chẳng hạn :

*Rừng năm Gia tinh triều Minh
Bốn phương phẳng lặng, hai Kinh vững vàng*

Tả một gia-đình nho gia phúc hậu :

*Có nhà Viên ngoại họ Vương
Giá tư nghị cũng thường thường bậc trung
Một trai con thứ rất lòng
Vương quan là chữ nối dòng nho gia
Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân*

Tiếp đến những bức tranh sơn thủy. Cách chế biến pha trộn màu sắc lại rất tài tình mà đẹp đẽ :

*Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

Ấy, một buổi chiều Xuân, một ngày hội lớn, trai gái đua nhau đi hội. Thật là cảnh nên thơ, nên mộng : không thể có một thứ ngôn ngữ nào khác để có thể diễn tả hơn được.

Hoặc giả, tả một đêm trăng hai người làm một cuộc ly cách :

*Vầng trăng ai sẽ làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường*

Rõ ràng "kẻ ở người đi" và thể hiện được cả cái nỗi đau xót ấy, nên thơ hơn Bạch cư Dị ở Tỳ bà hành :

*Tầm dương giang đầu dạ tổng khách
(Bên Tầm dương canh khuya đưa khách)*

Đành rằng, hai văn hào Nguyễn-Du và Bạch cư Dị đều đạt đến cái đẹp, cái nên thơ, cái tốt đỉnh của tài tình. Tuy nhiên mỗi câu mỗi vẻ, mỗi vũ trụ riêng biệt.

Hoặc giả, tả cảnh, "cảnh đó người đâu". Thi sĩ Thôi Hiệu vận dụng ngôn ngữ và diễn đạt :

*Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong*

Và đây ngôn ngữ Nguyễn-Du :

*Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào nở ngoài còn cười gió đông*

Hai câu thơ của hai tác-giả đều là kiệt tác, nhưng cũng mỗi câu, đẹp mỗi vẻ, hay mỗi ý, bao hàm cái nỗi niềm thâm kín của nó.

Đến như phương pháp tả người, Nguyễn-Du cũng vận dụng được những nét mực tinh vi, điển hình.

Chẳng hạn tả Kim Trọng, một chàng thư sinh, đẹp trai, hào hoa phong nhã mà lại thông minh, hay chữ — Thật là một người con trai lý tưởng của các bà Tú di Nho xưa :

*Nền phủ hậu, bậc tài danh
Văn chương nét đất, thông minh tinh trời
Phong tư tài mạo tuyệt vời
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa*

Tả một ông tướng võ như Từ-Hải, trước hết là cái thân xác, dung mạo rồi kể đến tả tài hoa, và giới thiệu tên tuổi, quê quán, tinh tình :

*Râu hùm, hàm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao
Đường đường một đấng anh hào
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài
Đội trời, đạp đất, ở đời
Họ Từ tên Hải vốn người Việt đông
Giang hồ quen thú vẫy vùng
Giương đàn nửa gánh, giang sơn một chèo*

Đến như tả cái anh "đầu trộm đuôi cướp", lưu manh, đáng diêm, đi thõa, Nguyễn-Du cũng chỉ dùng một vài nét chấm phá là hình dung ra ngay hạng người đó :

Một chàng vừa trạc thanh xuân
Hình dong chải chuốt áo khăn dịu dàng
Nghĩ rằng cũng mạch thư hương
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh

Còn như khi nói về Hoạn Thư, một người đàn bà ghen tương như trăm nghìn người khác ghen tương, nhưng Hoạn Thư lại là hạng đàn bà khôn ngoan, lọc lừa, thiệp liệp. Tính tình phong độ một người như thế mà Nguyễn-Du chỉ vận dụng có vòn vẹn một câu lục bát :

Ở ăn thì nết cũng hay
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

Đấy, không thừa, không thiếu mà rõ ràng.

Lại như lúc tả bóng ma, tưởng là một điều nan giải Xưa nay ma quỷ, người ta chỉ nghe, chỉ nói và chỉ tin, chứ ai đã thấy ma quỷ thế nào ? Thế mà Nguyễn-Du cũng chỉ dùng dăm hàng như vài đường nét là rõ ngay bóng ma — Chẳng hạn lúc Đạm-Tiên về ứng mộng cho Kiều :

Chênh chênh bóng nguyệt xế màn
Tựa ngồi bên triện, một mình thiu thiu
Thoắt đâu thấy một tiều Kiều
Có chiều phong vận, có chiều thanh tân
Sương in mặt, tuyết pha thân
Sen vàng lừng thừng như gần như xa
Chào mừng đón hỏi dò la
Đào nguyệt lạc lối sao mà đến đây.

Khó khăn hơn nữa là diễn tả âm thanh, một thứ chỉ có thể nghe chứ không thể thấy. Thế mà Nguyễn-Du cũng đã thành công rực rỡ trong cách vận dụng ngôn-ngữ, những ngôn từ tương ứng để diễn đạt tiếng đàn, một tiếng đàn vừa thánh thót, vừa nhẹ nhàng, vừa rạo rạt, vừa xô xát, vừa chua xót, vừa nã nùng...

Khúc dẫu Hán Sở chiến trường
Nghê rằng tiếng sắt tiếng vàng chen nhau

Khúc dẫu Tư mã Phụng cầu
Nghe ra như oán như sầu phải chăng
Kê khang này khúc Quảng lộng
Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân
Quá quan này khúc Chiêu quân
Nửa phần luyện chúa nửa phần tư gia
Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như nước suối mới sa nửa vò
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa

Hoặc là :

Bốn dây như khóc như than
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng
Cùng trong một tiếng tơ đồng
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm

Hoặc là :

Một cung gió thổi thâm mưa sâu
Bốn dây rõ máu năm đầu ngón tay

Hoặc nữa :

Khúc dẫu dăm ấm dương hòa
Ấy là Hồ Điệp hay là Trang sinh
Khúc dẫu êm ái xuân tình
Ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ Quyên

Thật là những tiếng đàn biến hóa hóa, khi mềm mại, khi xô xát, khi rạt rào, khi lai láng chảy trên bốn dây tơ. Điềm này Nguyễn-Du đã thành công rực rỡ.

Ngôn-ngữ Nguyễn-Du sáng sủa dồi dào là thế. Gãy như lúc tả tâm-trạng, thái-độ con người cũng chỉ vài dòng là đủ để người ta thấy được tâm-trạng và thái-độ của con người đó ngay.

Chẳng hạn thái độ buồn xuôi, bất lực mà chua xót, đắng cay mà phải chấp nhận của Kiều :

Thân sao đành vậy cũng vậy
Cầm như chẳng đỡ những ngày còn xanh

Đấy thể hiện được ý nghĩa kiếp người, cả một sự sống hết sức mong manh, như là cưỡng ép, bắt buộc, phi lý.

Hoặc là liễu lĩnh :

*Cũng liễu nhắm mắt đưa chân
Thử xem con tạo xoay vần đến đâu*

Hoặc là ăn năn :

*Biết thân phải bước lạc loài
Nhị đào thà bẽ cho người tình chung*

Đấy là những điểm tài tình của Nguyễn-Du đã khéo vận dụng ngôn-ngữ. Từ những ngôn-ngữ tầm thường, Nguyễn-Du đã thơ hóa, mộng hóa nó lên, đẹp đẽ, nõn nà, có khi tròn trĩnh, chắc chắn, có khi là lời, chải chuốt, có khi đậm thắm, mặn mà, có khi phụ phàng bạc bẽo. Diễn biến dưới mọi hình-thức, mọi khía cạnh.

Đoạn-trường tân-thanh là một vũ-trụ chứa đựng nhiều bức vẽ kiệt tác, muôn màu muôn sắc. Do đó Nguyễn-Du còn có cái tài tiếp nối, trang hoàng, gắn ghép, pha trộn màu sắc cho những bức vẽ ấy thành một vũ-trụ huyền diệu, công phu, rực rỡ, trầm hùng.

Khó khăn là từ bức vẽ này đến bức vẽ kia xa nhau mà gần gũi. Sự tiếp nối đó mới là tài tình. Nhiều khi chúng ta đang mãi ngắm bức tranh này thì bỗng chốc Nguyễn-Du đã đưa chúng ta sang một bức tranh khác, một hoàn cảnh khác, mà không làm chúng ta phật lòng khó chịu.

Gấm như lúc đêm khuya, Kiều đang một mình lo nghĩ, buồn ngủ—
Tường ngủ là yên chuyện, ai ngờ ngủ đề Kiều mộng, đề đón tiếp Đạm-Tiên—
Tuy nhiên Nguyễn-Du chỉ dùng một chữ hoặc hai chữ là cùng, thế mà cũng đủ đề làm cái gạch nối giữa hai ba sự kiện ấy :

*Chênh chênh bóng nguyệt xế màn
Tựa ngời lên triện một mình thiêu thiêu
Thoát đầu thấy một tiều Kiều.
Có chiều phong vận, có chiều thanh tân*

Chỉ hai chữ “thoát đầu” đủ đề chuyển mạch từ Kiều ngồi thiêu thiêu sang Kiều gặp Đạm-Tiên.

Hoặc là, lúc Kiều đang lo nghĩ phân vân thì ngoài cửa đã nghe tiếng trống, bóng cờ, quân lính kéo đến. Thế mà Nguyễn-Du chỉ dùng một chữ “còn đang đứng dăng” để chuyển mạch một cách tuyệt diệu :

*Còn đang đứng dăng ngân nga
Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng loa.*

Thật tưởng không ai hơn được. Ngòi bút Nguyễn-Du đã kể lại cả một vũ-trụ bí mật, huyền nhiệm cho chúng ta suy ngẫm. Đồng thời cũng để lại một vũ-trụ nghệ thuật tinh vi, tuyệt tác cho chúng ta thưởng ngoạn.

Kiều, một tác-phẩm chứa đựng nhiều vấn-đề, muôn màu muôn vẻ, là một rừng hoa có nghìn lối nẻo vào ra. Tưởng nói lại, tả lại, vẽ lại nhiều đến đâu cũng không bao giờ hết, không bao giờ đầy đủ. Kiều bất hủ, Kiều vĩ đại, Kiều phổ quát, dễ mến dễ thương, một tác-phẩm muôn đời muôn thuở.

vwong thuy kiêu nhân vật chính trong 'đoạn trường tân thanh'

I. Thúy-Kiều của tri-tuệ sáng suốt.

Trong một tiểu thuyết cũng như trong một vở kịch, sự miêu tả tâm tính (peinture des caractères) chỉ thành tựu khi tạo được những nhân vật mà độc giả hay khán giả sau khi xem, còn giữ mãi được hình ảnh không phai nhạt : đó là dấu hiệu chắc chắn của sự thành công.

Tiểu thuyết cũng như hoạt kịch có thể tạo được những nhân vật điển hình và trở nên bất hủ, như trường hợp của các bộ tiểu thuyết trứ danh "Tam Quốc Chí" hay "Hồng Lâu Mộng" của Trung-Hoa, hoặc "Chiến tranh và Hòa bình" của Tolstoi v.v... Tuy nhiên thể cách có khác. Trong tiểu thuyết không có sự phân tích tâm lý hoàn toàn cho động tác như ta được thường thức trong các vở kịch của Racine hay Shakespeare hay trong *Đoạn-trường Tân-thanh* của Nguyễn-Du.

Tâm lý của con người được lộ ra nhất, khi phải xử biến ; cũng vì thế mà tâm lý được phân tích sâu sắc, nhất trong bi kịch. Về kịch phẩm của Racine, tâm lý các nhân vật phụ nữ được phân tích tế nhị và sâu sắc, nhưng mỗi nhân vật thường chỉ phải xử trí với một cảnh biến mà thôi. Thúy Kiều của Nguyễn-Du đã phải xử trí với rất nhiều cảnh biến. Suốt trong 15 năm, Thúy-Kiều đã phải đối phó với rất nhiều biến cố dồn dập xảy ra do định mệnh xui-khiến. Nói riêng về ái tình, Thúy Kiều đã trải qua như cả một "âm-giai," từ ái tình nhục dục thấp nhất để trả nợ đời đến ái tình thuần túy cao thượng nhất ở buổi tái hợp, từ ái tình trong sáng đậm thắm của buổi thanh xuân trong mối tình đầu chính đáng với Kim-Trọng đến ái tình tạm thời, quyền biến với Thúc-Sinh và Từ-Hải ; nhưng ở bất cứ thứ bậc nào, nàng vẫn giữ được cái hoài

bão cao cả của lý tưởng. Tình ái nơi Thúy-Kiều, như được đặt trên nhiều bình diện, cắt thời gian ở những khoảng xa cách nhau mà vẫn có tác động dung hợp nhau, và vì nàng đã trải đủ mùi cay đắng, nên sau các bình diện ấy lại có một bình diện của ý thức tôn-giáo về cái hư ảo của giấc mộng hồng trần.

Không có một nhân vật phụ nữ nào ở cả văn chương thế giới lại phải xử biến nhiều đến thế mà vẫn nhất trí: ở tất cả các cảnh biến đều xử sự sáng suốt, thích nghi và vẫn giữ được cái cực phẩm phong tình có hữu. Thúy-Kiều, với một sức quyến rũ lạ lùng, là một nhân vật luyệt phẩm mà Nguyễn-Du đã sáng tạo ra, kết tinh cả cái tinh hoa của nền văn-minh Á-Đông trong thân thể một người đàn bà lý lịch thời cảnh biến thiên.

Thập-Thanh-Thị, một cựu nho về đời Minh-Mạng, trong một bài bình luận thâm thúy và tế nhị viết năm 1828 đã đặt câu hỏi: "Cái người gọi là Thúy-Kiều, thời cô có người ày không? Nếu không thì sao tại có có truyện?" Ông đã giải hai điểm phân tích như sau:

(1) Trong những khoảng thời gian dài ngắn của cuộc diễn biến của vũ-trụ, tất có những cái biến cái vô thường và những cái ngẫu nhiên hợp lại có-thể tạo nên những cảnh huống tương tự như cảnh huống của Thúy-Kiều. Đó là quan điểm truyền thống về sự diễn biến của vũ-trụ trong Nho học.

(2) Các nhân vật của các truyện chẳng qua là tác giả thác ra để diễn tả những xúc cảm đã kinh nghiệm về thế sự chung đúc lại trong những nhân vật ấy. Như vậy Thúy-Kiều bất tất phải có thực sau mới có truyện, nhưng tất nhiên tác giả đã phải từng trải, cảm xúc qua mới quan niệm và tạo nên được một nhân phẩm như Thúy-Kiều và sau mới có truyện. Khổng-Tử nói: "*Kinh Thi* có thể làm hứng khởi, có thể lấy để quan sát tinh tinh, để hiểu lẽ hợp quần cũng như lẽ oán hận" vì các bài ca dao trong *Kinh Thi* phản chiếu nhân tâm và mức giáo hóa của chư quốc. Thơ theo quan niệm cổ là để nói lên cái chí của người ta. Mạnh-Tử nói: "Người biết đọc thơ không nên lấy văn làm hại từ, lấy từ hại ý, lấy ý nghịch chí". Người đọc truyện Thúy-Kiều mà hiểu được lời thánh và ý thức được cái ngụ ý của thơ thì cái người gọi là Thúy-Kiều sớm tối có thể gặp được.

Về điểm sau, Thập Thanh Thị đã nhận thức như phê bình gia Âu Châu ngày nay về bản chất của các nhân vật trong tiểu thuyết hay kịch phẩm.

Một thi phẩm dù được diễn tả dưới hình thức nào đi nữa, truyện hay kịch hay thơ trữ tình thì giá trị cũng không ở đề tài hay ở thể thơ. Phẩm giá của thi phẩm là phẩm giá của cái kinh nghiệm về thế sự của thi-sĩ. Có lẽ ở đây ta có thể thấy rõ bản chất của truyện hay kịch. Truyện hay kịch không phải là chỉ mô phỏng đúng tạo vật, nếu như vậy ngày nay một cuốn phim của câu chuyện sẽ làm được đúng nhất, nhưng một cuốn phim như thế chỉ là một tài liệu lịch-sử. Vương Thúy Kiều có thật, giả thử người ta quay được thành phim, đứng trước cuốn phim đó, mỗi người sẽ có một phản ứng riêng. Nghệ sĩ chỉ là người có phản ứng mạnh hơn, dồi dào hơn, có ý nghĩa hơn người thường để muốn chia sẻ với người khác cảm xúc của mình. Mà thật, đứng trước cuốn phim "Ngu Sơ Tân Chí" của Dư Hoài, một văn sĩ trung bình Thanh Tâm Tài Nhân đã viết cuốn *Kim Vân Kiều Truyện*. Dựa vào truyện đó, một đại thi-sĩ, Nguyễn-Du đã viết ra Đ.T.T.T. Thi-sĩ không diễn lại tạo vật mà là diễn lại những kinh nghiệm của thi-sĩ chung đúc trong câu chuyện thành một tổ chức có một ý nghĩa nhân sinh quan mới.

Sự kiện sáng tác ở bậc hai đó rất thông thường trong lịch sử văn chương thế giới. Ở Âu Châu, các đại kịch gia ít khi tự đặt lấy chuyện, mà thường chỉ chọn một chuyện cổ tích hay một chuyện của một văn sĩ trước thích hợp với tâm-trạng để diễn-tả lại theo kinh-nghiệm và nghệ-thuật riêng của họ. Các kịch gia Cồ Hy Lạp thường tranh đua viết về cùng một sự tích cổ. Racine đã từng viết lại những kịch phẩm của Euripide hay Sophocle. Shakespeare đã dựa vào các chuyện của người trước để viết kịch phẩm của ông. Sự kiện trên cho thi sĩ rảnh tay giờ chuyên về phương-diện nghệ-thuật và đã giúp cho họ hoàn tất được những văn phẩm kiệt tác.

Vậy khi nói nghệ-thuật mô phỏng tạo vật thì mô phỏng chỉ là tả ra cho đúng sắc thái mà một tâm hồn đã đạt tới trước sự kiện lịch-sử, do đó nghệ-thuật là một sáng tạo. Aristote nói bi kịch cao hơn sử-ký. Quan niệm ấy trái với quan niệm của Platon. Platon dựa vào triết-lý "Ý-tưởng nguyên-thủy" của ông, cho tạo vật là mô phỏng ý tưởng nguyên-thủy, và bi kịch là mô phỏng một cái mô phỏng, do đó cho bi kịch là vô ích và còn có hiệu lực đôi bại. Ông đã đuổi các thi-sĩ và kịch gia Hy-Lạp ra khỏi nước Cộng-Hòa lý-tưởng mà ông đã xây-dựng. Bi kịch không bằng sử-ký. Người Trung-Hoa về cổ thời cũng có một quan

niệm tương-tự coi truyện, là một thể nhỏ mọn "tiểu-thuyết", đối với sử ký, coi vào bậc kinh như *Kinh Thư*, cũng vì vậy mà tiểu-thuyết và hí kịch chậm nảy nở ở văn chương Trung-Hoa.

Nhân vật chính Thúy-Kiều là một nhân vật phụ nữ tế nhị vừa phù hợp với tâm-lý phổ biến của người đàn bà, vừa điển hình cho người đàn bà Á Đông.

II. Thúy-Kiều của linh cảm huyền bí.

Đoạn-Trường Tân-Thanh là truyện Thúy-Kiều chống đối với định mệnh. Định mệnh trong hí kịch phải được hiểu với ý nghĩa siêu hình hơn là ý nghĩa thực tại. Nếu ta phân tách định mệnh trong Đoạn-Trường Tân-Thanh, ta thấy Thúy-Kiều là nạn nhân của những sự rủi ro đã mang nàng vào tay những kẻ gian tà độc ác :

Rủi may âu cũng sự trời,

Đoạn trường lại chọn một người vô duyên.

Những kẻ gian tà độc ác ấy chẳng qua cũng chỉ hành-động theo bản tính ích kỷ của chúng mà thôi. Ngày nay xã-hội có thể đã biến cái, phong tục đã thay đổi, nhưng cái may rủi vẫn không sao tránh được và bản tính ác hay ích kỷ của con người vẫn chưa dễ một mai mà có thể thắng được, nó chỉ biến hình thay dạng. Trường hợp như Thúy-Kiều ngày nay không thiếu gì ở Âu Châu, dưới những hình thức khác, nếu nó không thành bi kịch chỉ vì quan niệm về gia đình và người đàn bà có khác mà thôi. Ngót một trăm năm sau Đoạn-Trường Tân-Thanh, trong cuốn "*Tess of the d'Urbervilles*" với nhan đề phụ "*Một người đàn bà trong sạch*", tiểu-thuyết gia Anh Thomas Hardy còn tả với một màu sắc bi quan một người đàn bà số phận tương-tự như số phận Thúy-Kiều. Văn chương Âu-Châu ngày nay với triết lý hiện sinh đã bày ra những哲理 đến "nôn mửa" của Định mệnh con người. Truyện Kiều là một tuyên của triết lý hiện sinh trước cả khi thuyết lý ấy được nêu ra ở Âu Châu. Vậy ý-nghĩa của Định-mệnh vẫn còn nguyên.

Bi kịch là sự chống đối thảm bại của con người với Định mệnh, nên các bi kịch Âu-Châu thường có những chuyện huyền bí để phù trợ cho Định-mệnh. Như ở kịch *Macbeth* của Shakespeare, các Cô Then đã xuất hiện ra chào *Macbeth* là Hoàng đế tương lai, nên *Macbeth* mới mưu giết vua. Cũng như vậy, trong Đoạn-Trường Tân-Thanh, một thầy tướng đã đoán trước đời tài hoa bạc mệnh của Thúy-Kiều. Đạm Tiên

đã xuất hiện ra cho Thúy-Kiều rồi lại mấy lần báo mộng cho nàng biết về số phận của nàng. Sư Tam-Hợp đã tiên-tri cho Giác-Duyên về đời Kiều. Một thầy phù thủy báo cho Thúc-Sinh biết là Kiều còn nặng nợ chưa thác được. Tất cả đều để phù trợ cho Định-mệnh. Nguyễn-Du đã sử dụng các sự huyền bí đó như ở bi kịch *Âu Châu*.

Ngày nay, có thể giải bằng tâm-lý phân-tích ảnh-hưởng của lời thầy tướng vào tâm-trí Thúy-Kiều ; nhưng thực ra, Nguyễn-Du đã biến trí tuệ tinh nhuệ và tình cảm đời-dào của Thúy-Kiều thành một thứ linh cảm huyền bí. Nếu trí tuệ sáng suốt của Thúy-Kiều luôn luôn chống đối với Định-mệnh thì dường như nàng đã dùng linh cảm huyền bí mà dần dần hòa mình hoàn toàn được vào với Định-mệnh để khám phá cái lẽ số dĩ là Định-mệnh. Kiều đã tự đặt ra khúc đàn Bạc Mệnh, đã thông huyền được với Đạm Tiên, quá thân của Định-mệnh mà nàng tự coi là hiện thân :

Quan rằng : "Chị nội hay sao ?

Mọi lời là một vận vào khó nghe !

Thúy-Kiều của linh cảm huyền bí là một Thúy-Kiều siêu thực.

Nhưng một vấn đề nên được đặt ra. Thúy Kiều như thế có một ý nghĩa tượng trưng nào không ?

Có thể Thúy Kiều tượng trưng cho cái sứ mạng đau khổ nhưng siêu việt của Tài hoa trên trần thế :

Kiều rằng những đấng tài hoa,

Thác là thể phách còn là tinh anh.

Anh hoa phát tiết ra ngoài,

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.

Thúy-Kiều sắc sảo khôn ngoan,

Vô duyên lẽ phận hồng nhan đã đành.

Thi sĩ đã đồng nhất Tài hoa với Bạc mệnh.

Thề tục không bày ra thì thôi, đã bày ra thì cái vinh cái nhục chỉ là một. Thúy-Kiều có cái tuyệt thế tài tình đã đành là phải chịu cái khổ cực độ. Người ta càng quan niệm được cái cao cả, cái trong sạch, cái đẹp bao nhiêu thì càng phải thấy cái đê hèn, cái dơ bẩn, cái xấu bậy nhiều : đó là thế vị, và có lẽ đó là định mệnh, là bi kịch của trần thế. Do đó thi sĩ cắt nghĩa được với Không giáo rằng Trời là Chí Công, bởi

luật thừa trừ "Bi sắc thử phong", với Phật-giáo rằng "Tu là cõi phúc, tình là dây oan".

Ngày nay phê bình gia Âu Châu nói tới một thông điệp (message) mà một đại văn sĩ có thể gởi đi qua văn phạm, phải chăng đó là thông điệp của thi sĩ Nguyễn-Du?

Mộng Liên Đường chủ nhân là bạn thân của thi sĩ, trong bài tựa quyển Đ.T.T.T., viết dưới niên hiệu Minh Mệnh cũng nhận xét như thế.

"Trong khoảng trời đất, cố người tuyệt thế tài tình thì lại không thể không có việc bất bình khâm kha. Tài mà không được tương ngộ, tình mà không được tương nê, đoạn trường do đó mà sinh ra. Lại như có người thương tiếc tài tình, trông thấy việc, xét thấy người có thể nào lại không vì đó mà thở than sao? Nói rằng thánh nhân quên tình, hạ nhân bất cập tình, nghĩa là tình chung đúc ở nơi bọn ta. Thế cho nên người đã ít tình, nhất định là vô tài, chỉ là con mắt mù lòa, sống chết trong vòng áo mũ, say no, đối với trăng chiếu hoa sớm cũng như cây cỏ chim cá mà thôi..."

Quan niệm như trên thì cái bi kịch của trần thế đồng thời cũng là cái tâm thức sáng tạo, cao cả và đau khổ của con người tự do, do đó lại hé cho thấy, mặc dầu chỉ là một viễn ảnh xa xăm, một đường lối có thể hi vọng đi đến một đời sống cao cả ngay ở trần thế này, một khi con người đã quan niệm được cái cao cả ấy. Cái phi lý của cuộc đời có thể chỉ là một nhận xét về thực tại, chứ không phải là định mệnh tất nhiên của con người tinh thần và tự do:

Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.

Đó cũng là quan niệm của Khổng giáo về sự tiến hóa của vũ-trụ và thiên chức của thánh nhân sánh với trời đất mà hóa dục vạn vật. Mặc dầu trong *Đoạn-Trường Tân-Thanh*, thi sĩ sau cùng đã tìm thấy cái thẳng bằng, cái yên tĩnh, cái an ủi trong cái tuyệt đối của tôn giáo, thì phạm là cả một tấm lòng thiết tha với trần thế, với đời sống tương đối, với cái mộng đẹp của hồng trần và đã có cái hoài bão thực hiện cái mộng đẹp ấy, dù chỉ là trong lý tưởng, trong thơ.

Cũng có thể Thúy Kiều là Nàng thơ của đau khổ trong "Đêm tháng Năm" (La nuit de Mai 1835) của thi sĩ Pháp Alfred de Musset, theo như quan niệm Âu Châu.

Dù sao, bên cạnh Thúy-Kiều của trí tuệ sáng suốt đã phân tích ở

đoạn trên, lại có một Thúy-Kiều của linh cảm huyền bí làm cho nhân vật phụ nữ này trở nên phức tạp và xa xăm, tương đương với nhân vật nam tử Hamlet của Shakespeare. Hamlet, nam tử lý tưởng điển hình của Âu Châu cũng đã loạn trí để tìm hiểu Định mệnh và ý nghĩa của đời người.

Hamlet của Shakespeare, *Thúy-Kiều* của Nguyễn-Du, cùng với *Faust* của Goethe là những bi kịch sâu xa nhất trong văn chương thế giới.

PHẠM-NHƯ-NGHĨA

nghệ thuật sưu tầm bưu hoa và truyện thơ 'Kim Vân Kiều'

Mới đọc qua đầu đề, quý vị sưu tầm bưu hoa lấy làm ngạc nhiên cho rằng làm gì có chuyện thi-hào Nguyễn Du chú trọng đến vấn đề sưu tầm bưu hoa. Đề tài táo bạo này, được trình bày dưới đây chỉ là một cảm hứng của tác giả, chọn lọc một số tem thơ trong tinh thần xây dựng và phong phú hóa truyện Kiều, nhân dịp kỷ niệm 200 năm (1765-1965) Thi hào Nguyễn Du, tác giả truyện *Kim Vân Kiều*, một áng văn bất hủ của dân-tộc Việt-Nam ¹.

Riêng về truyện thi-hào Nguyễn Du sưu tầm bưu hoa, ta mở trang lịch sử bưu hoa ta thấy :

Đời Lý-Thái-Tông (1028-1054) có trạm chuyển công văn.

Đời Hồ-Quý-Lý (1400-1407) mở đường giao thông và bưu trạm.

Đời Lê-Lợi (1418-1427) dùng chim bồ câu đưa thư.

Đời nhà Nguyễn (1802-1945) tổ chức lại ngành bưu chính chu đáo hơn.

Ngày 11-4-1860 tại Việt-Nam mới có Sở Bưu Điện.

Năm 1863 phát hành một loại tem thơ có vẽ biểu hiệu Napoléon III.

Năm 1864 người dân Việt mới được dùng tem thơ dán trên thư gửi đi nơi khác.

Do đó việc Nguyễn Du sưu tầm bưu hoa kể như là một câu chuyện giải trí, vì Tiên sinh sinh năm 1765 và mất năm 1820.

Chắc quý vị dự hiểu, từ xưa đến nay nhiều họa sĩ trong nước lấy truyện Kiều để hoàn thành những bức tranh giá trị, nghệ thuật bưu hoa không được cái may mắn như lãnh vực hội họa, chưa có

¹ Cứ như trong truyện nói thì đời Thủy Kiều nằm giữa thế kỷ thứ XVI (Minh, Gia Tĩnh 1522-1566). Đời cụ Tố Nữ nằm giáp thế kỷ XVIII, XIV (Lê Cảnh Hưng 1765, Minh Mạng 1820).

một chiếc tem thơ nào họa lại một trong biết bao nhiêu cảnh đầy màu sắc tuyệt diệu chứa đựng trong truyện Kiều. Cùng thời gian ấy nhiều quốc gia khác, nhờ bưu hoa làm lợi khí tuyên truyền, cổ tâm mở mang dân trí, đóng góp với thế giới nền tảng văn hóa nước nhà mỗi ngày thêm toàn thịnh như Ai Lao Vương quốc có những chiếc tem thơ Rama, Hanouman, Ravana, Sita, Garuda nhân vật thần thoại trong hai tập truyện cổ danh tiếng *Ramayana* và *Sin Xay*; Phou Gneu Gna Gneu hai nhân vật trong câu chuyện lịch sử "Tổ tiên của người Lào"; Trung-Hoa có tem "Tận trung báo quốc" một trong hai mươi bốn câu truyện Nhị Thập Tứ Hiếu v.v...

Dùng chiếc tem thơ năm châu, đầy màu sắc lóng trong câu văn tả cảnh, tôi mạo muội đưa ra một ý kiến mới, giúp quý vị độc giả đã yêu tem thơ lại càng yêu thêm, chúng ta cùng bác một nhịp cầu thông cảm, đề nhà thơ thế kỷ thứ XVIII và nhà họa sĩ chuyên bưu hoa thế kỷ XIX và XX gặp nhau trên cương vị văn chương, tôi thiết tưởng không còn gì thú vị bằng.

Trong tập Kiều, Nguyễn Du tiên sinh tả cảnh rất nhiều, gần như mỗi tiểu đoạn lại có một cảnh đặc biệt của nó, rất tiếc trong rừng bưu hoa tìm kiếm rất khó khăn những hình ảnh ăn nhập với câu thơ vì thế việc trình bày có đôi phần sơ xuất, bù lại, trên phương diện học hỏi tổng quát, truyện Kiều và bưu hoa đã đáp ứng một phần lớn sự mong muốn.

Sưu tập bưu hoa hiện nay không còn là việc giải trí lành mạnh như thuở ban đầu, mà đã chuyển sang giới nghệ thuật, khoa học và còn tiến mãi mãi...

Bóng Bò-đé và Bưu hoa Phật-giáo

Truyện Kiều là một truyện ai cũng thích đọc, vì lời văn hay, thắm thía, đọc không bao giờ chán. Cốt truyện lấy thuyết phổ thông của đạo Phật, nói về nhân quả (Karma) làm tôn chỉ, do đó ảnh hưởng Phật giáo in rành rành qua các dòng thơ. Có nhân có quả "Vấn dĩ tải đạo" (vấn dùng để chở đạo). Truyện Kiều phải chăng là một lợi khí để truyền rộng một cái lý thuyết tu là cõi phúc:

*Ráp đem mệnh bạc, xin nhờ cửa Không.
Thôi thì thôi, cũng chiều lòng,
Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.*

*Sẵn quan âm các vườn ta,
Có cây trăm thước có hoa bốn mùa.
Có cỏ thụ có sơn hồ,
Cho nàng ra đó, giữ chùa tụng kinh.
Tàng tàng trời mới bình minh,
Hương hoa, ngũ cúng sắm sanh lễ thường.
Đưa nàng đến trước Phật đường,
Tam qui, ngũ giới, cho nàng xuất gia.
Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc tuyền.
Sớm khuya tỉnh đủ đầu đèn,
Xuân, Thu cắt sẵn hai tên hương trà.
Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng².
Nhân duyên đâu lại còn mong?
Khởi điếu thẹn phần, tài hồng thì thôi.
Phật tiền thâm lấp, sầu vùi,
Ngày pho thủ tự, đêm nổi tâm hương.
Cho hay giọt nước cành dương³,
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.
Nâu sông từ giờ màu thuyền...*

Nhìn sang ngành bưu hoa, chúng ta thấy nhiều quốc-gia mà đạo Phật là quốc giáo như: Thái-lan, Miến-Điện, Ai-Lao, Tích-Lan, Cao-Mên và nhiều quốc-gia theo đạo Phật như Trung-Hoa, Nhật-Bản, Ấn-Độ và Việt-Nam, phát hành nhiều loại tem thơ Phật-giáo, phát huy lòng mộ đạo vô biên của người dân.

Chiếc tem thơ Phật Bà Quan Thế Âm Bồ Tát của nước Nhật-Bản phát hành ngày 25-11-1959 lồng trong câu thơ: "Sẵn Quan Âm các vườn ta", chúng ta người sưu tập bưu hoa cần thấu đáo hạnh nguyện độ sinh của ngài.

² Chỗ Phật Quan Thế Âm ngồi.

³ Sách Pháp-uỳen Châu-lâm ghi: Một hôm Thạch-Lặc có đứa con đau, sư ông Phật-Tử Đổ Trùng lấy cành dương tắm nước rây cho đứa bé đau, liền khỏi. Phật Quan Thế Âm Bồ Tát có bình ngọc cắm cành dương, với nước cành dương rửa sạch buồn phiền và tai nạn

Kinh Bi Hoa chép rằng về thời kiếp quá khứ ngài Quan Thế Âm là Thái tử con vua Vô-Tránh-Niệm, đồng thời có Đức Bảo-Tạng Như-Lai ra đời giáo hóa chúng sinh. Vua nghe Đức Phật thuyết pháp hiểu được đạo lý phát tâm tu hành các khổ hạnh bỏ tất, mong sau thành Phật để cứu độ chúng sanh. Vua cúng dường Đức Phật và Tăng chúng luôn trong ba tháng, Thái tử cũng cúng dường và tu như vậy. Vua Vô-Tránh-Niệm tu hành tinh tấn, đến khi công hạnh vẹn toàn thì thành Phật ở cõi cực lạc phương tây hiệu là A Di Đà. Thái tử cũng công hạnh vẹn đủ, cũng sanh về cõi ấy thành Bồ Tát hiệu là Quan Thế Âm, đặng cùng Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sanh về cõi Phật.

Vì Đức Quan Thế Âm có nhân duyên cơ cảm với chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề này, nên Ngài rất được tôn thờ. Vì cần phải chống với ma quỷ thường sát hại loài người, cần phải giảng đạo từ bi cho chúng sanh, nên Ngài dùng phép thần thông; biến hóa ra nghìn mắt nghìn tay, nghìn thân khác nhau, khi lấy về địu dàng để truyền đạo bác ái, khi lấy về dữ tợn để trừ ma quỷ, khi lấy về nam nhi đi cứu kẻ khổ cùng, khi lấy về nữ nhi trong điệu trầm ngâm tĩnh tọa. Theo kinh Tây Tạng qua khắp thế giới, qua âm ty, Ngài thấy đầy tội nhân chịu nhiều cực hình, qua dương gian đầy kẻ tội lỗi, đau lòng đến nỗi đầu Ngài vỡ ra muôn mảnh, bỗng nhiên thoát thân khỏi nơi tịch mịch. Phật A Di Đà cố công vô ích chấp lại đầu cho đệ tử Quan Thế Âm. Trải qua bao cuộc thử thách khó khăn, A Di Đà chấp được cho Quan Thế Âm mười một đầu, chín mặt hiện, mặt thứ mười dữ có ba mắt, mặt cuối là hình ảnh của Đức A Di Đà.

Người ta thường vẽ tượng Ngài hình dáng phụ nữ tượng trưng cho lòng thương vô bờ của bà mẹ hiền chúng ta, ngài cầm nhánh dương chi để tiếp dẫn chúng sanh và bình nước cam lồ để tưới tất phiến não, đem lại nước trong mát cho mọi loài. Người ta lại vẽ Ngài đi trên hoa sen giữa bể cả ba đào, tỏ rằng bề khổ sóng gió, ngài bao giờ cũng gần gũi và cứu vớt chúng sanh bằng hoa sen từ bi bát ngát hương chân lý. Có khi vẽ Ngài ngồi pháp tọa trong rừng trúc hình dung Ngài ở núi Phổ Đà thường nhập định, đồng thời tùy duyên pháp độ chúng sinh.

Trong một năm có ba ngày vía lớn của Ngài là 19-2, 19-6 và 19-9. Riêng Ai-Lao Vương-quốc một quốc gia chịu ảnh hưởng Phật-giáo sâu đậm, người dân tìm đường lên cõi Niết bàn (Nirvana) nên đem ý tưởng và chú trọng đến mức độ cao nhất ngoài việc trau dồi đạo giáo còn

phát hành bưu hoa Phật giáo, về phẩm cũng như về lượng chiếm được lòng ham chuộng của giới sưu tâm bưu hoa.

Tập tem thơ của Việt-Nam Cộng-Hòa thừa thốt được hai bộ tem kỷ-niệm Phật giáo : tem chùa Thiên-Mụ phát hành ngày 15-5-59 (mồng 8 tháng 4 Kỷ-hợi) kỷ-niệm lễ Phật đản năm thứ 2503 và tem Phật giáo phát hành ngày 15-5-65 (mồng 8 tháng 4 Ất-tị) kỷ-niệm lễ Phật đản năm thứ 2509.

Trước khi viết đến đoạn Bồng Bò Đẻ trong truyện Kiều và bưu hoa Phật giáo, tôi lo âu không biết tìm đâu cho ra một chiếc tem thơ khá dĩ có vài nét tương đối với những vần thơ êm dịu và thanh thoát tả ra một cảnh chùa theo ý muốn của Nguyễn-Du tiên sinh, thì may thay chiếc tem thơ Việt-Nam chùa Thiên-Mụ đã đem lại cho chúng tôi cái thích thú vô hạn. Lời thơ âm điệu nhịp nhàng với nét vẽ bao la cảnh chùa Thiên-Mụ trên chiếc tem thơ, hình như có sự sắp đặt sẵn

Gió lay cành trúc là đà,

Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Khương.

Chùa Thiên Mụ hay Linh Mụ và làng Thọ Khương đều ở trên bờ Hương giang đối diện nhau, cầu ca giọng hò, âm điệu và cảnh sắc thiên nhiên, ngấm lên ta có cảm giác nghe thấy tiếng hồng chung ngân nga, tiếng gà eo óc.

Chùa Thiên-Mụ hiện nay thuộc làng An Ninh Hạ, quận Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên, chùa xây trên đồi cao, ngôi tháp bảy tầng, rừng tùng xum-xuê, sáng chiều soi bóng Hương giang, khác hẳn thế-giới trần tục, gần nơi thiên trí thanh cao

Bốn bề bát ngát mênh mông,

Triều dâng hùm sớm mây lồng trước sau.

Cảnh chùa ở đâu ta cũng mục kích những cảnh hiu quạnh, khi là một mái tranh núp dưới bóng cây râm mát, khi cheo leo bên sườn đá, từ nét mặt trầm lặng đến sắc phục kín đáo, của tu sĩ, của thế nhân sùng đạo có nhân duyên với bóng bồ đề để lần tránh cảnh phù phiếm xa hoa nơi thị-thành đầy cát bụi, hòa mình vào cảnh thiên-nhiên

Đã đem mình bỏ am mây,

Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa.

Nhận thấy một niềm vui say sưa bên ngọn đèn, quyền kính câu
kệ tâm trí thanh thản

*Phật tiền thâm lấp, sấu vùi,
Ngày pho thủ tự, đêm nôi tâm hương.*

*Sớm khuya lá bối⁴ phướn mây⁵
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.*

*Thuyền trà cạn nước hồng mai⁶
Muối dưa đắp đôi tháng ngày thông dong,*

Tem thơ Hoa, Ong, Bướm, Chim trong thơ Kiều.

Trong truyện Kiều ta thấy thi hào Nguyễn-Du tả cảnh rất nhiều,
cụ đã dùng nhiều danh hoa để tạo lên lời thơ đẹp đẽ.

Nhờ những chiếc tem thơ đề tài Hoa của nhiều quốc gia đã phát
hành, chúng tôi ghép vào thơ Kiều, giúp nghệ thuật sưu tập bu hu hoa có
thêm một ý thức mới, là ngồi trong phòng sách thưởng thức cảnh thiên
son vạn thủy, lẽ tất nhiên là có hoa, mà ta vì thiếu phương tiện để du
ngọan hoặc lưu ở lại.

Mỗi cảnh diễm vùi đóa hoa, mặc dầu láy đi láy lại, đóa hoa trong
câu văn vẫn nở đẹp, lối tả ấy cố nhiên là khó, thế mà cụ thành công được
tức là tài nghệ của cụ thật là siêu phàm. Những chiếc hoa trơ trọi, đến
cảnh đây hoa trên chiếc tem thơ tô màu rất thần tình, đã được Nguyễn-
Du tả không thiếu chi tiết, khiến ta tự hỏi phải chăng Nguyễn-Du còn
là tay họa sĩ có tài, thâu đáo nguyên tác hội họa, đi sâu vào nguyên lý
cấu tạo sự vật, có thể mới có thể diễn tả bằng lời thơ đơn sơ, đầy đủ và
linh động. Nhiều cảnh với con mắt nhìn của ta thấy không có diễm nào
nên thơ cả, thế mà Nguyễn-Du chỉ một cảnh hoa, hay một tên hoa, với
lối họa cảnh trong địa hạt thơ, đọc lên gợi được cảm xúc trong lòng người
đọc, thì đây :

*Trúc côn ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kính?*

4 Xưa dùng lá bối viết kinh.

5 Cây cờ phan nhà Phật có vẽ mây.

6 Nước uống nhà chùa, nấu bằng gỗ hoa mai.

*Xót thay đào, lý một cành,
Một phen mưa gió tan tành một phen!*

lời cuốn người đọc vào cùng một tâm trạng, với một sắc hoa, Nguyễn-Du
khiến lòng ta rộn ràng vui vui :

*Sẵn tay khăn gấm, quạt qui,⁷
Vội cảnh hoa ấy, tức thì đi trao.*

*Đòi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.
Buồng the phải buổi thông dong,
Thanh lan, rú bước trướng hồng tằm hoa.*

*Thương vì hạnh, trọng vì tài,
Thúc ông thôi cũng đẹp lời phong ba.
Huệ lan sức nức một nhà,
Từng cay đắng, lại mặn mà hơn xưa.*

một đóa hoa đẹp mắt, khi ta đã thấy cái đẹp tức lòng ta thấy vui, dẫu
người khó tính đến đâu, nhìn đến hoa cũng có thể trút hết nỗi buồn đang
nặng trĩu trong lòng, trái lại Nguyễn-Du dụng công lấy hoa nói lên cái
buồn, cái buồn thấm thía

*Cớ sao trần trọc canh khuya,
Mẫu hoa lê lãy dăm dề giọt mưa?*

*Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

*Nàng còn đứng tựa hiên tây,
Chín hồi vẫn vít, như vầy mới tơ.
Trông chừng khói giặt song thưa,
Hoa trôi giạt thắm, liễu xơ xác vàng.*

Hoa và người quay quần thân mật với nhau, hoa đối với người
đã trở nên biểu tượng, Nguyễn-Du lấy sắc hoa, tiêu biểu sắc đẹp mặn
mà của Nàng Kiều, nhân vật chính truyện Kiều, cụ viết :

*Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,*

⁷ Quạt của thiếu nữ thường thêu cảnh hoa quý. Hoa quý lúc nào cũng châu về mặt trời.

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.
 Ván xem trang trọng khác vôi,
 Khuôn trắng đầy đặn, nét ngài nở nang.
 Hoa cười, ngọc thốt, đoan trang,
 Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
 Kiều càng sắc sảo, mặn mà,
 So bề tài sắc, lại là phần hơn.
 Lan thu thủy, nét xuân sơn,
 Hoa ghen thua thắm, liêu hờn kém xanh.

tả được như thế, Nguyễn-Du chưa hài lòng, cụ muốn nhân vật chánh của cụ phải có một vẻ đẹp hơn hoa, cụ muốn nói Kiều đẹp như hoa thủy tiên? như hoa sen? như đào? cụ ngại chưa tả nổi cái đẹp của Kiều, nên đành phải

Hoa ghen thua thắm, liêu hờn kém xanh

cuối cùng muốn nhân vật chánh của cụ có một sắc đẹp ý nghĩa và rõ rệt, cụ chọn hoa đào:

Về chi một đóa yêu đào...
 Biết thân đến bước lạc loài,
 Nhị đào thà bẽ cho người tình chung.
 Trương tổ giáp mặt hoa đào,
 Về nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa.
 Chém cha cái số hoa đào,
 Cời ra rồi lại buộc vào như chơi.
 Quả mai ba bầy đương vừa,
 Đào non sớm liễu xe tơ kịp thời.
 Đào hoen quyen má liễu tan tác mây...
 Xót thay đào, lý một cành,
 Một phen mưa gió tan tành một phen!
 Dưới đèn tỏ dạng má đào thêm xuân...

Như đoạn trên chúng tôi đã nói qua, Nguyễn-Du còn là tay họa sĩ có tài, thấu đáo nguyên-tắc hội họa, đi sâu vào nguyên lý cấu tạo sự vật, do đó cụ tả cây mai:

Mai cốt cách tuyết tinh thần

Mai vừa biểu thị quyền lực của binh khí, nhờ có vẻ hùng tráng của những cành già róc vò như vầy rồng, những cánh hoa như những mảnh bạch ngọc được cắt thành hình rồi ghép lại, đầy sự kết hợp giữa cương và nhu, trưng bày mai trong tư thất, trong văn phòng đề tỏ lòng cương trực

Củ đầu nếp xuống sân mai một chiều

là hình ảnh của tiết trinh thảo, mai là hình ảnh của vợ chồng

Chắc rằng mai trúc lại vầy

Một thi sĩ vô danh có bài vịnh hoa mai:

*Trăm thứ hoa trong vườn đua nở,
 Đã chơi hoa nên biết đủ mùi hoa,
 Kia hoa Lan, hoa Sen, hoa Huệ, hoa Trà,
 So sánh có Mai là đệ nhất.
 Đã đẹp lại thơm, hương cũng ngát
 Mặn trong so ngọc trắng nào thua,
 Mặn mà thay mọi vẻ mọi ưa
 Tạo hóa khéo diễm tô nên trọn vẹn.
 Nâng chẳng ai, mưa chẳng phai, gió chẳng lay, sương
 chẳng bền
 Cứ trơ trơ không thẹn một lòng tơ.
 Nhị trên cành phong kín lưỡng lự
 Cao chót vót đợi chờ tri kỷ.
 Ướm hỏi khách giai nhân tuyết mỹ
 Để ai mà dám vi cùng Mai
 Yêu hoa hồ dễ mấy người.*

Trên địa cầu của chúng ta trước khi có sinh vật hiện hữu đã phải có chất nước, động vật có sau thảo vật, như vậy công lao đóng góp vào lịch sử mỹ quan của địa cầu không thể phủ nhận vai trò của thảo mộc, trong đó hoa được kể như là thành phần quan trọng.

Nhờ cái tinh khiết của hoa, cái hương thơm của hoa, cái sắc đẹp rực rỡ, thủy mị của hoa, hoa được mọi người thưởng thức. Chơi hoa là cái thú siêu thoát của con người. Nhiều nước trên thế giới nhờ thủy thổ ôn hòa, ngoài việc trồng hoa làm cảnh, còn kỹ nghệ hóa ngành này, hàng năm bán ra nước ngoài một số hoa, quả, rau, hạt giống quan trọng làm

giấu cho nước. Mỗi mùa hoa nở, tại Âu Châu có tổ chức nhiều cuộc triển lãm hoa, tại Nhật Bản mùa xuân có hội mừng hoa Anh Đào. Thờ dân trên các đảo trên Thái Bình Dương được du khách bốn phương trời biết đến, nhờ tánh tình hiếu khách của người dân lấy hoa rừng kết thành vòng khoác lên cổ khách du lịch, rồi cùng nhau ca múa. Tục choàng tràng hoa của thổ dân Thái Bình Dương được nhiều nước bắt chước và mệnh danh là những tràng hoa danh dự, tràng hoa chiến thắng v.v...

Địch Tiên đời Tống Nhân Tôn, người tỉnh Giang Nam xem hoa như sinh mệnh của mình, hoa rụng xuống đất, tiên sinh nhặt lên đưa đi tắm rửa hoa tàn được tiên sinh đem đi tống táng trọng thể.

Xem thế chúng ta thấy con người qua đã gởi gắm tâm hồn mình cho hoa, lá, cây, cỏ rất nhiều, dù muốn hay dù không, hoa đã chiếm một địa vị rộng rãi trong đời sống công cộng và riêng tư. Hoa đã thể nhập trong các gia đình thấp hèn hay lộng lẫy, hoa được dùng để trang trí :

*Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần...
Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời viên ngoại, ông bà cùng sang.*

hoa làm tăng vẻ trang nghiêm, các lễ nghi tôn giáo nhờ cái đẹp trang nhã, đượm màu thành kính

Hương hoa hôm sớm phụng thờ,

*Sân Quan Âm các vườn ta,
Có cây, trăm thước, có hoa bốn mùa,
Có cỏ thụ có sơn hồ...*

*Tàng tàng trời mới bình minh,
Hương hoa ngũ cúng sấm sanh lễ thường.*

*Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật,
Mối thất tình quyết dứt cho xong.
Đa mang chi nữa đeo bông
Vui gì thế sự, mà mong nhân tình.
Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa Đàm đức tuệ làm duyên.*

(Cung-Oán ngâm-khúc)

Nhiều người cho rằng hoa chỉ là những phần nhỏ không đáng kể, nhưng thực ra, hoa rất cao quý trong thiên nhiên. Trong một năm có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, tiết trời thay đổi, hoa tự đóng góp một phần trách nhiệm khá quan trọng, chúng tôi nói đến trong đoạn sau. Vào những lúc chiều tà, đây là những giây phút thần tiên để con người thả tâm hồn theo hư vô, người với hoa lại được dịp gần gũi nhau hơn, mỗi ngày thêm thêm thiết, hoa với người tâm tình :

Đời phen gió tựa hoa kề

Hoa cười đã nhiều vẻ, thì hoa nói cũng nhiều lời. Lời ở đây tượng trưng bằng màu sắc, bằng mùi hương, thay cho người tặng hoa, nói lên bao nhiêu ý thơm, tình đẹp. Xưa và nay, Đông và Tây, thường nhật tặng hoa theo cách xã giao là cả một vấn đề tế nhị.

Trong bài thơ *Yêu Hoa*, cụ Nguyễn-Công-Trứ diễn tả :

*Ngồi thử ngắm trăm hoa ai nhuộm
Một hoa là riêng một sắc hương.
Khi chưa Xuân khép nép bên tường,
Còn phong nhị đợi Đông hoàng về sáng sáng.
Liễu tia, Đào hồng, Mai trắng trắng,
Lan tươi, Huệ tốt, Lý xanh xanh.
Thêm hương khi gió lá mưa cành,
Mở mắt thấy giang san cười chúm chím.
Khách thập thủy say màu hoa diệp,
Đổi mặt hoa mà cầm, mà kỳ, mà tửu, mà thi
Khuyên ai đừng rời cuộc ly phi,
Trần trọng lấy hương trời cho trọn vẹn.
Hoa với khách như thi có hẹn,
Ưa màu nào, màu ấy là xinh,
Trăm hoa càng bề một cảnh.*

Trong một năm có bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông, mỗi mùa là ba tháng 90 ngày, chim và hoa là lịch chỉ thời gian

*Xuân Lan, Thu cúc...
Đào đã phai thắm, Sen vừa nảy xanh.
Sen tàn, Cúc lại nở hoa...
Đời thay Nhạn, Yến đã hồng đầy niên.*

Mỗi mùa Nguyễn-Du tiên-sinh, với lối văn nhẹ nhàng đọc lên ta nhận ngay tạo-hóa tạo ra mùa xuân, mùa hạ, đề gây lại măm sống vui tươi vũ trụ sau sáu tháng trời âm đạm thể lương với những cảnh lá vàng lá tả theo gió thu; cảnh âm u rét mướt của ngày đông tháng giá.

Từng cảnh, ngày cũng như đêm, đầu mùa cũng như cuối mùa ngàn hoa đua nở, ngàn cánh tung bay, Nguyễn-Du đã truyền được cho người đọc cái cảm giác cá nhân lạ lùng, cái đẹp của trời xuân.

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Cửa thiền vừa cũ cuối xuân,
Bóng hoa đầy đất, về ngân ngang trời.

Cái thi vị của đêm xuân :

Hải đường là ngọn đông lân,
Giọt sương gieo nặng cành xuân là đà.
Ngày xuân, lấm lúc đi về với xuân.
Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thơ.
Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn.

Cảnh hội hè trong ba tháng xuân :

Đêm đêm hàn-thực ngày ngày nguyên-tiên.⁸
Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.

Cảnh mùa hè nóng nực, dưới ánh mặt trời nóng như thiêu như đốt, sắc đỏ hoa lựu, tiếng khác khoải của Đổ Quyên, tiếng ve ngâm cũng đủ tạo cho Nguyễn-Du cái cảm hứng đặt lời thơ đẹp như hoa mà ta thấy trên tem thơ :

8 Trước tiết thanh minh hai ngày, dùng toàn đồ ăn nguội, không được dùng lửa củi để kỷ niệm ngày Giới Tử Thôi bị chết thiêu. Trong dịp này dân chúng tổ chức nhiều cuộc vui như thi thuyền hoa, đua bơi tãi trên sông.
Nguyên tiêu : tết rằm tháng giêng. Dân chúng treo đèn, kết hoa vui chơi.

Buôn trông phong cảnh quê người,
Đầu cành quỳên nhạt, cuối trời nhạn thưa.
Dưới trăng quỳên đã gọi hè,
Đầu tường lữ lựu lập lòe đâm bông.

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ, vì thế cảnh mùa thu gió thu làm rơi lá vàng, cái buồn man mác khó nói lên lời :

Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan san.
Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời.
Vi lộ san sát hơi may...
Đêm thu khắc lậu canh tàn,
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
Sân ngô cảnh bích đã chen lá vàng,
Giàu thu vừa nảy chồi sương.

Cái buồn của mùa đông không như của mùa thu, mặc dầu tạo vật ở trong màn sương dày đặc, lớp tuyết trắng phau, giọt sương treo trên cánh hoa, ngọn cỏ, óng ánh như những hạt kim cương muôn màu khi vầng thái dương vừa ló dạng, tạo thành bức tranh vô giá mà tạo hóa đã dành cho vạn vật :

Bạc phau tầu giá, đen rằm ngàn mây...
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
Lối mòn cỏ nhợt màu sương.
Nửa rằm tuyết ngậm, bốn bề trắng thâu...
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Ai thích hoa, thường ghét ong ghét bướm khi chúng bay đến hút nhụy hoa. Đề có một chai mật ong tinh khiết, đàn ong phải hút 4.500.000 cây hoa và phải bay 245.000 cây số, nghĩa là bay 6 vòng quanh trái đất.

Không như con ong mỗi khi một đóa hoa vừa chớm nở đã vội vàng xà xuống hút mật cạo phần một cách tàn nhẫn, con bướm khác hẳn nó liệng đi liệng lại, nhẹ nhàng hạ cánh, múa trên hoa, với đôi cánh đẹp nhiều màu, khi lên khi xuống, khi xa khi gần, nhờ bướm luyến hoa, ngàn

hoa càng tăng thêm vẻ đẹp. Trong vườn hoa, nếu vắng cánh bướm, ta thấy ngay cái vô duyên, cái khô khan của vườn hoa. Trong *Cung Oán Ngâm Khúc* và *Kiều*, hai cụ Ôn Như Hầu và Nguyễn-Du đều cho rằng bướm và hoa có mối tình thâm thiết muốn đời không ly tan :

*Vườn xuân bướm hãy còn rào,
Thấy hoa mà chẳng lối vào tìm hương.*

*Hoa này, bướm nở thờ ơ,
Đề gầy bóng thắm, để xơ nhụy vàng.*

Chàng như con bướm liệng vành mà chơi.

Âm nhạc và Bru-hoa

Trong các thú vui tao nhã của dân-tộc Á-Đông, mọi người chúng ta đều nhận thấy thi, tửu, cầm, kỳ, khách họa là đặc sắc hơn cả⁹. Một vài câu thơ

9 Những nhân vật có tiếng về các môn giải trí :

Thi thì Lý-Thái-Bạch, nhà thi hào trữ danh đời Đường, văn chương rất giỏi xưng là tứ khẩu cầm tâm. Tục truyền rằng ông uống một đấu rượu làm được trăm bài thơ. Một đêm trăng rằm, ông uống rượu say thấy trăng in trên mặt nước quá đẹp, ngỡ là trăng xuống trần gian, ông lao mình xuống ôm trăng, vì thế bị chết đuối.

Tửu thì Lưu Linh, người đất Bái, tự là Bá-Luân sanh khoảng cuối đời Tần. tính phóng khoáng, có tài uống rượu, làm bài thơ "Tứ Đức Tụng", khen đức tính của rượu, ông có tên trong "Trúc Lâm Thất Hiên" là bảy hiền nhân đời Tấn : Kế Khương, Nguyễn-có tên trong "Trúc Lâm Thất Hiên", Lưu-Linh, Nguyễn Hâm và Vương Nhung, cùng nhau đi chơi tại Trúc Lâm (rừng tre) bàn luận đạo lý.

Cầm thì Tư-Mã và Tiêu-Lang. Tư Mã tức là Tư Mã Tương Như thường gọi là Tràng Khanh người ở thành Đồ nhà Hán, thơ hay đàn giỏi, có tư cách sang trọng, theo bậc quý phái phong lưu, một đêm chàng đàn khúc "phụng cầu kỳ hoàng" theo điệu du dương, dưới bóng trăng, làm nàng Trác Văn Quân say mê bỏ nhà theo làm vợ.

Tiêu-Lang, người đời Xuân thu, khéo thổi ống sáo có tiếng như chim phụng hoàng kêu xa, Vua Mục-Công nước Tấn dựng một cái lầu cao để dạy nghề cho con là Lý-g-Ngọc Công-Chưa. Sau hai người kết duyên cùng nhau. Liệt tiên truyện kể : chim phụng nghe tiếng sáo Tiêu-Lang bay xuống, hai vợ chồng cưới trên lưng phụng bay về trời thành tiên.

Kỳ thì Đê-Thích, tức là Lý-Chê, một nhà Vua qui Phật trên trời, ông bày ra cờ tiên. Ngày mồng 9 tháng giêng là ngày hội thượng niên.

Khách — trọng khách thì Bình-Nguyên-Quan, làm quan nước Triệu về đời Đông Chầu. Tính tình hào khoáng, ưa khách. Trong nhà lúc nào cũng có trên ngàn thực khách.

Họa thì Vương-Duy, có tài vẽ khéo thơ hay đời nhà Đường. Vương-Duy tôn sùng Phật Giáo, ăn tu xa lánh trần tục, thích vẽ tranh sơn thủy theo quan niệm tất cao siêu mà bao nhiêu màu vẽ mới theo, như vang lừng nghệ thuật đời Đường.

có thể là linh hồn của một bức tranh, tiếng đàn nếu gặp tri âm¹⁰ ngón đàn càng điêu luyện, người đánh cờ gặp đối thủ, mới thấy tài cao thấp. rượu ngon phải có bạn hiền, thú tiêu khiển tao nhã của tiền nhân, mà các cụ đã linh hội được, tưởng chúng ta hậu sinh nên duy trì và bồi đắp mãi mãi.

Ở đoạn này chúng tôi không dám bàn đến những câu thơ tinh vi của Nguyễn-Du, người đã sử dụng tuyệt diệu tiếng đàn để điếm xuyết và đóng thời thăng hoa tấn bi hí kịch Đoạn-Trường Tân-Thanh qua bốn lần gãy đàn của nàng Kiều, chỉ tìm hiểu trong phạm vi âm nhạc trong truyện Kiều qua bru-hoa, chúng tôi trình bày vài loại tem thơ âm nhạc để thi vị lời thơ như tiếng nhạc đã được Nguyễn-Du diễn sinh diễn tả.

Theo các nhà khảo cổ, nền văn minh trong phạm vi âm nhạc của người thượng cổ rất tiên, từ lúc họ chưa định-nghĩa được âm nhạc là gì, thấy tiếng gỗ, tiếng đá, tiếng kim khí va vào nhau phát ra nhiều âm thanh lạ, tạo ra một bầu không khí vui vẻ hứng khởi, tinh thần, khoan khoái, do đó mỗi khi có sự tụ họp cần phải có âm thanh âm í giúp vui. Trước còn rời rạc lâu quen dần từng nhóm từng bộ lạc, từng sắc dân,

10 Tri âm — hiểu biết nhau như tri kỷ. Tích chuyện :

Đời Xuân Thu, Bá-Nha là một bậc phong lưu tài tử, nhân đêm trung thu, ông đi du ngoạn trên sông Hán dương ngắm trăng soi vàng vặc xuống núi sông như gọi ánh hữu tình, mới ghé thuyền vào bờ rồi lấy đàn ra dạo... nhưng chưa được một khúc bỗng đàn đứt gãy, ông kinh ngạc, bèn tiểu đồng lên bờ xem có ai nghe trộm không thì có tiếng đáp : "Xin đại nhân chớ lo ngại, có kẻ đi kiếm củi về khuya, nghe tiếng đàn hay quá, nên đứng lại thưởng thức". Bá-Nha cười nói : " Ông đi đốn củi mà cũng biết nghe đàn à ? " Từ-Kỳ đáp : "Trong đêm khuya vắng vẻ không có kẻ nghe đàn thì sao có người biết gãy đàn được."

Bá-Nha nghe câu trả lời ý nhị lấy làm thú vị lắm, bèn bước ra khoảng thuyền hỏi rằng : " Ông đã biết nghe đàn, thì cũng biết tôi vừa đàn bản gì chứ ?". Từ-Kỳ đáp : đó là bài của Đức-Không-Tử than tiếc học trò giỏi thầy Nhan Hồi chết sớm, tôi xin đọc ngài nghe :

Khá tiếc Nhan Hồi chẳng thọ trường,

Khiến người tở tưởng tóc như sương.

Vui lòng ăn ở đường sơ lậu,

vừa đến đây thì đàn đứt dây, nhưng tôi cũng còn nhớ câu thứ tư là : Lưu mái danh hiền khắp bốn phương).

Bá-Nha thấy người kỳ lạ, bèn sai tiểu đồng bắc cầu mời xuống thuyền đàm đạo về đàn, người kỳ đó đều thông suốt cả, thì thích lắm hỏi rằng : "Xưa kia Đức-Không-Tử đang đàn thì thấy con mèo bắt được con chuột, nên tiếng đàn sát phạt dồn dập, ông Nhan Hồi nghe tiếng đàn mà biết được cái ý ấy, nay tôi thử đàn xem ông có biết được tôi đang nghĩ gì không. Núi xong Bá-Nha đàn mà lòng nghĩ đến non cao, thì Từ-Kỳ khen rằng : " Véo von thay. Kỳ khen rằng : " Lưu loát thay có lẽ ngài đang nghĩ đến nước chảy ". Hai người kết bạn tri âm. Sau Từ-Kỳ chết, Bá-Nha đến mộ bạn đập đàn mà hát rằng :

Đập vỡ đàn kia chẳng rứt rề,

Chung Kỳ đá mắt, gây ai nghe ?

Gió xuân đau cũng người quen biết,

Khó được tri âm kết bạn bè.

từng địa phương, họ tạo ra âm điệu riêng, trước còn dùng trong các cuộc vui, sau nhận định thấy rằng mỗi khi có tiếng gõ lên ai nấy đều đồng đủ, họ định nghĩa lại, theo quy tắc hẳn hoi, thế nào là cuộc vui, thế nào là tai biến. Những vật dụng ấy còn thô sơ kịch cộm như những chiếc mõ ở diêm canh, những thanh sắt treo ở các vọng gác, những chiếc sừng trâu, vỏ ốc treo lủng lẳng bên sườn của các tuần phu, những sợi dây căng thẳng của đồng bào Bắc-Việt dùng hòa điệu hát trống quân trong đêm rằm trung thu, những ống nứa dày mỏng được đồng bào thượng vật dài ngắn khác nhau và ghép lại thành dàn ngang, những chiếc "lang khang" là cây gõ có âm thanh trầm và vọng thật xa, treo ở các ngôi chùa tại Thái Lan, Cao-Mên và Ai Lao, dùng để báo giờ theo mặt trời mọc và mặt trời lặn, những tảng đá phát ra tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng mõ tại động Hương-Tích, đền Angkor Wat (Cao Mên), đồi Chum (Ai Lao).

Kỹ thuật làm nhạc khí được cải tiến theo thời gian, từng địa-phương chế biến nhạc cụ nhưng vẫn còn tôn trọng hình dáng cổ truyền. Những chiếc hồng chung to lớn cỡ kính treo trên gác chuông cao vút có âm thanh kỳ lạ được mệnh danh là tiếng chuông thức tỉnh, tiếng chuông hòa bình. Chiếc "ranat" ghép bằng những thanh gỗ dày mỏng, âm thanh khác nhau. Chiếc "khong voong" là những chiếc chiêng đồng nhỏ treo trên giá mây hình bán nguyệt. Chiếc "khèn" do nhiều ống trúc dài ngắn ghép lại. Ba nhạc cụ này còn tồn tại ở Cao-Mên, Thái Lan và Ai Lao. Những chiếc trống đồng "tambour de bronze" của người Indonésien, nam Trung-Hoa mà các nhà khảo cổ tìm thấy rải rác tại vùng Hòa Bình (Bắc Việt), Trấn-Ninh (Ai Lao). Dân tộc này đặt nhiều trống đồng dưới thác nước, nước gieo mạnh trên mặt trống, ngày cũng như đêm, áp dụng chiến thuật nghi binh, quân nghịch ở xa nghe như trống trận của thiên binh vạn mã, bỏ ý xâm lăng.

Gần đây nhiều quốc gia phát hành nhiều bộ tem thơ loại âm nhạc, gồm nhiều nhạc khí địa phương, ước ao tiếng nhạc độc đáo của nước họ phát ra được mọi người thưởng thức, hầu san bằng nhiều sự chia rẽ là do ngôn ngữ bất đồng tạo thành, chỉ biết lấy âm-nhạc, làm nhịp cầu thông cảm tạo tình thương yêu, xóa bỏ tự hiềm, lấy âm nhạc làm công cụ trao đổi văn chương để nhân loại hiểu biết nhau hơn. Tiếng nhạc huyền diệu có một mãnh lực khiến mọi người tuy khác màu da, mỗi người một phương trời cũng có thể hòa mình chung sống cùng nhau, cùng hưởng thái bình. Trong lịch sử chưa hề nói súng đạn gươm giáo có

thể làm lui hàng vạn tinh binh một cách vẹn toàn, thế mà tiếng sáo của Trương-Lương kỳ diệu đã làm đoàn quân háo chiến Hạng Võ thối chí nản lòng. Những cánh mọc mọc quen thuộc nơi thôn dã, một cánh cò trắng lá lướt trên cánh đồng lúa xanh, mảnh nước ruộng in hình bóng mây bay, tiếng trẻ học ê a, mùi thơm của lúa chín, đầy tất cả đề tài của một bài thơ nơi đồng ruộng luôn luôn được tiếng sáo điệu tâm tình, phở nhạc:

*Trên trời tiếng sáo vi vu
Lắng nghe ai học chữ i chữ tờ.*

phải chăng âm nhạc là mỗi tình không biên giới?

Thị hào Nguyễn-Du rất giàu óc tưởng tượng, cụ ví giọt nước mưa, giọt sương rơi, đôi cánh chim, là những nhạc sĩ không tên, có ngón đàn điệu nhạc độc đáo sống động, đã giúp cụ tạo thành câu thơ nhẹ nhàng, đượm màu sắc tươi vui đầy ý nghĩa đậm đà. Một hơi gió thoảng:

*Mảnh tương¹¹ phân phát gió đàn...
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài.*

vỏ ngựa lóc cóc:

Vỏ câu khắp khênh bánh xe gập ghềnh.

tiếng gà gáy thường nhật:

*Tiếng gà nghe đã gáy sôi mái trường...
Tiếng gà điểm nguyệt đầu giầy cầu swong.*

tiếng hót líu lo, khắc khoải của chim, cùng tiếng vỗ cánh nhẹ:

*Dưới trăng quỳên đã gọi hè...
Đầu cành quỳên¹² nhặt, cuối trời nhận thừa...
Con oanh học nổi trên cành mìa mai...
Xập xè én-liêng lâu không...
Trong như tiếng hạc bay qua.*

11 Mảnh lam bằng trúc sống tương, vót nhẵn trông như ngọc xanh, gió thổi qua nghe như tiếng đàn.

12 Chim quỳên — Vua Thục Đế là Đế Vũ mắt nước uất ức chết hóa ra chim Đế Quỳên, kêu quốc quốc, tiếng kêu nhớ tiếc nước, vì quốc là nước

cụ ca tụng âm nhạc hết lời, cụ lựa chọn nhiều điển tích hay chứa đựng đầy lý tưởng thanh cao biến hóa thành tiếng đàn :

*Khúc đầu đầm ấm dương hòa,
 Ấy là hồ điệp¹³ hay là Trang sinh¹⁴...
 Ấy hôn Thục Đế hay mình Đỗ Quyên..
 Âm sao hạt ngọc Lam Điền mới đồng¹⁵...
 Khúc đầu Hán Sở chiến trường,
 Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau¹⁶.
 Khúc đầu Tư Mã phượng cầu¹⁷...
 Kê Khang này khúc Quảng Lăng¹⁸...
 Quá quan này khúc Chiêu Quân¹⁹...
 Nước non lưỡng nhữg lắng tai Chung Kỳ.*

tiên sinh còn đòi hỏi ở người chơi đàn phải có những giảng điệu thanh tao, tiếng đàn phát ra là linh hồn của cây đàn cần có một cái gì vô hình lưu luyến, trước khi nhờ hơi gió nhẹ nhàng bay xa. Vật vô hình ấy Nguyễn Du tài tình tả khói trầm khi cao khi thấp lưu luyến tiếng đàn. Kim-Trọng một lần, Kiều hai lần dạo đàn trong một khung cảnh huyền ảo, khiến người đọc đều có một tâm trạng như nhân vật của câu truyện.

Lần thứ nhất, khi mới gặp chàng Kim, Kiều

*Vội mừng làm lễ rước vào,
 Đai sen nổi sấp, song đào thêm hương.*

- 13 Hồ điệp — con bướm.
- 14 Trang Sinh là Trang Tử, một nhà hiền triết đời Chiến quốc, có lần ông nằm ngủ mơ thấy mình hóa thành ra con bướm, lúc ấy tinh thần khoan khoái chơi vui như lạc vào cõi mộng.
- 15 Ngọc Lam Điền — Ở ruộng Lam Điền có giống ngọc, tới mùa xuân khi trời ấm áp thì đồng lại thành ngọc bốc hơi ấm ra. Đường Thi : Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên (ruộng lam mặt trời ấm, ngọc sinh ra khói).
- 16 Trận oanh liệt của Hán thắng Sở, quân đôi bên dùng giáo sắt gươm vàng.
- 17 Xem chú-thích 9.
- 18 Kê Khang đời Tấn tả cảnh tai rại bãi trện của quân đất Quảng Lăng do Gia Cát Đản và Vô Khâu Kiệt khởi nghĩa chống nhà Tấn, khôi phục nhà Ngụy.
- 19 Chiêu Quân — Mao Diên Thọ không được Vua Hán ưu đãi trốn sang nước Hồ, bày mưu kể với vua Hồ bắt vua Hán cống mỹ nữ là nàng Chiêu Quân, nếu không, vua quân sang đánh phá. Vua Hán đau lòng phải chiều theo ý muốn để tránh dần hướng thái bình. Nàng Chiêu Quân khi qua biên ải, nhớ vua nhớ nhà, gảy đàn tỉ bà để giải phiền.

đoạn :

So dần dây vũ dây văn...

Phím đàn diu dặt tay tiên

Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa.

Họa đàn trong mùi trầm, mùi hương ngào ngạt phải chăng là một cái thú riêng của người Á đông mà ta ít thấy ở người tây phương; cho nên phái nam hay phái nữ Nguyễn Du cũng tạo thành một sắc thái Á đông :

Có khi vắng vẻ thư phòng,

Đốt lò hương, giờ phím đồng ngày xưa.

Bè bai rừ rừ tiếng tơ,

Trầm bay nhạt khói gió đưa lay rèm.

Như đoạn trên chúng tôi đã nói qua âm nhạc cũng có linh hồn. Dân tộc Lào cũng nhận thấy âm nhạc cũng có một vị thần ngự trị. Trong tập tài liệu nói về âm nhạc Ai lao, ông Thao-Kene, Hội viên trong Ủy ban Văn hóa Ai Lao Vương quốc cho rằng dân tộc Lào lấy nhạc điệu của cây đàn "Khène" là tiếng nhạc dân tộc.²⁰ Tục ngữ Lào có câu : ăn cơm nếp, ngủ nhà sàn, chơi đàn khène.

Trong những dịp lễ thánh lễ thần trọng đại, ban tổ chức cử một vài "mỏ khène" "thầy đàn khène" đứng ra điều khiển đàn nhạc²¹. Để khỏi khiếm khuyết trong việc tế lễ, trên ngọn đàn khène vừa tưới rượu trắng lên đàn khène vừa khăn vái thần Khène xin gởi tiếng đàn êm dịu và kính cẩn đến các thần linh ngự trị trong cõi hư vô.

20 Hình ảnh chiếc đàn khène được vẽ trên tem thơ Ai lao :

4 kíp phát hành ngày 23.5.57 để cao giới nhạc sĩ Ai Lao.

1 và 5 kíp phát hành ngày 1.10.59 trau dồi văn hóa.

21 Giàn nhạc Ai Lao gồm các nhạc cụ sau đây :

hai trống, 1 ranat (đàn gỗ), 1 kong vong (đàn đồng), nhiều so i hay so o (nhị), nhiều khouy (ống tiêu) nhiều khène. Một bộ tem âm nhạc gồm sáu đề tài phát hành ngày 23.5.57.

tinh thần nguyên-du trong thể thơ 'hai-kai' nhật-bản

1. Nhân kỷ-niệm Nguyễn-Du, ta cùng lược kiểm hạp thể thơ dân-tộc: Lục-bát và Hai-kai.

Đọc lịch-sử thi-ca và văn-chương của Việt-Nam và Nhật-Bản, chúng tôi thấy cùng một nhịp điệu khởi-nguyên và tiến-triển. Từ thế-kỷ thứ IV d.l. trở lại, khi ảnh hưởng Hán-văn từ Trung-quốc lan tràn sang Đông và xuống Nam thời sĩ-giới của hai quốc-gia cũng đều tập theo một thể : *thi, phú, từ, đối*, của nguồn trung-tâm văn-học hoàng-chúng này. Di chỉ ngày nay từ tiếp-xúc với văn-hóa Tây-phương thời cả Việt lẫn Nhật cũng cùng một thời-gian mà đôi bên có thêm thể thơ đặt chung cho một tên là Tân-thi (shin-shi) tức thơ mới hay là tự-do thi (ji-yu shi) tức Thơ Tự-do.

Tuy nhiên, đây là về phương-diệ-n chịu ảnh-hưởng của nước ngoài mà bởi tập cho văn thơ của mình, tỉ như vườn nhà đã có hoa đẹp cố-hữu rồi nay đi mua thêm ở đất lạ về trồng cho tăng hương, tăng sắc mà thôi. Bởi đi mua hoa ở đất lạ về trồng nên mới không cần một chuẩn đích nào hề thấy thứ nào đẹp và lạ là mua, nay kén thứ này, mai thích thứ khác ; nhược mua rồi mà không thích không ưa nữa thời bỏ đi cũng chẳng sao. Ngược lại, với các thứ hoa cố hữu của vườn nhà thời mãi mãi vẫn là sở hữu của mình, nhất định không thể nào để cho úa héo, hoặc ruỗi bỏ đi được. Nếu mình mà ruỗi bỏ cái cố-hữu của mình tức là vong-bản, tức là bỏ rơi quốc-tính quốc-hồn. Đề đến độ vong bản khiến thất lạc quốc-tính quốc-hồn thời làm gì còn quốc-gia, làm gì còn dân-tộc nữa, cho nên, điều mà chúng tôi trình bày ở nhập đề đây về những đóa hoa cố-hữu tại vườn nhà ấy, tức là những thể thi ca dân-tộc nó biểu-hiệu cho cái hồn của đất nước vậy.

Quốc-tính quốc-hồn mà vững mạnh thời dân-tộc được trường tồn, bởi đây, hàng năm mà chúng ta kỷ-niệm Hưng-Đạo-Vương, Lê-Thái-Tổ, Quang-Trung hay Nguyễn-Du là chú-ý sức dưỡng nền vũ-công và văn-đức

[Năm thứ XIV, Quyển 10 & 11 (Tháng 10 & 11, 1965)]

của dân-tộc để tầm bề cho sức vững mạnh ấy của linh-hồn đất nước đầy mà thôi.

Xét riêng tại Việt-Nam và Nhật-Bản, mặc dầu là có *thi, phú, từ, đối* theo Hán-phong, mặc dầu là *thơ mới* theo Âu-hóa, nhưng từ trước khi có *thi, phú, từ, đối* thời những thể *thơ* ca dân-tộc vốn đã cùng với dân-tộc mà dân-sinh từ những buổi sơ khởi xa xưa, và khi có *thi, phú, từ, đối* thời *thơ* ca dân-tộc vẫn tồn tại mà song hành; dĩ chí ngày nay có thêm *thơ mới* chẳng nữa nhưng địa vị *thơ* ca dân-tộc vẫn là địa vị nòng cốt của thi-đàn dân-tộc. Vậy *tính-chất* của *thơ-ca dân-tộc* là *vinh cửu và bất-biến, duy thơ-ca ảnh hưởng ngoại lai mới tùy thời-dại, tùy tâm lý mà đổi thay.*

Thê *thơ-ca dân-tộc Việt-Nam* là thê lục bát, còn của Nhật-Bản là thê hòa-ca¹ rồi thu gọn lại thành Hai-Kai (Bai.Hai). Nói đến sức mạnh thê lục-bát tại Việt-Nam và hòa-ca tại Nhật-bản thời vô biên, chưa cần đến trường học nhưng bất cứ ở góc bể ven rừng nào mà có người Việt hay người Nhật ở đấy là đấy có *thơ-ca lục-bát* và hòa-ca rồi. Nghe một đứa trẻ em *thơ* ngày lên 7 hay 8 tuổi đánh võng du em:

*Cái ngủ mà ngủ cho ngoan,
Bỏ còn vất vả lo toan việc nhà.
Mẹ con đi cấy ruộng xa,
Trên vai gánh mạ lội ba quãng đồng.*

Hoặc nghe cô sơn-nữ oán hồn bên lán giữa rừng:

*Ở đây những suối cùng khe,
Chân sim, móng đá, tiếng ve gọi sầu.
Lạnh lùng gió lá di đào,
Ngày than trời cột, đêm gào từ qui.²*

1 *Hòa Ca*: Waka, tức *thơ* ca riêng của người Đại-Hòa. Nguyên lai, khi người Nhật-Bản mới lập quốc, gọi là người Đại-Hòa (Yamato Hito hay Yamato Jin). *Thơ* ca của họ khi chưa biết đến Hán văn ấy, gồm hai thể: một thể 5 câu, có 5, 7, 5, 7, 7 âm và một thể nửa 7 câu, có: 4, 7, 5, 6, 4, 4, 4 âm. Về sau này, khoảng từ Nại-Lương thời đại (Nara Jidai, 710-749) mà Hán. Đường-thi truyền tới, người Đại-Hòa mới gọi tách những thể *thơ-ca* riêng của dân tộc như trên đây là Hòa-ca (Yamato No Uta hay Waka gọi tắt), để phân biệt với Hán-thi (Kan-shi) hay Đường-thi (Tô-shi).

2 *Trôi-cột* và *từ-qui*, hai loại chim diều hình cho cảnh thê lương vùng sơn cước. Ban ngày thời một loại cứ rả rã "bắt cô trôi cột" nên gọi là chim trôi-cột; ban đêm thời một loại buồng tiếng ngập nga nào nược "thủ thi thủ thi" đến sáng. Loại này gọi là chim từ-qui.

hay nghe lũ khách Nhật-Bản dần bước bên sườn đồi, cất lời ca vang về phong cảnh đất nước làm hứng-khí trên độ đường dài:

" Yamato wa, - Nước Đại-Hòa,
Kuni no mahoroba, - Xứ cửa trời xanh, cửa lúa tốt,
Thatanazuku. - trái phẳng bao la.
Ao gaki yama, - Núi có rừng tươi tốt,
Komoreru, - bao quanh.
Yamato shi, - Đấy, đất nước Đại-Hòa,
Uruwashi. - Tục là cầm-tú mỹ-lệ.

mà chúng tôi lạm xếp lại theo lục bát:

*" Đại-Hòa. Trời rộng thanh thanh,
Cánh đồng như thảm lúa xanh, Đại-Hòa.
Đại-Hòa, bốn phía rừng xa
Bao quanh ôm bức gấm hoa Đại-Hòa
Đại-Hòa, tú lệ sơn hà "*

hoặc một nông-dân ở đồng về giữa buổi trưa hè, ra tắm ở đầm sen của làng mà ngâm câu tả cảnh mùa Hạ muốn thừa của đất nước:

" Kaze fukeba, - Hễ có gió thổi,
Hasu no ukaba-ni, - lá sen trên mặt nước dong đưa,
Thama koete, - làm vỡ nước động trên lá rơi xuống
trong như ngọc,
Suzuhiku nari nu, - gió không làm trời mát được,
Higurashi no goe. - đàn ve bực rọc cất tiếng kêu.

mà chúng tôi lạm xếp theo lục bát:

*Lướt theo hơi gió qua hồ,
Lá sen trút nước bên bờ, lá rơi.
Nước như giọt ngọc vỡ đôi,
Tan theo làn gió xua oi trời hè.
Bồn bề rạo rọc tiếng ve.*

mà nếu ta hỏi em nhỏ hay cô sơn-nữ Việt-Nam, hoặc ướm lời với lũ khách hay nông-dân Nhật-Bản rằng học những bài ca ấy ở đâu, tất đều trả lời rằng chẳng học ở đâu cả chỉ nghe ông bà cha chú trong nhà hay xóm mạc vẫn ca xưa nay thời nhập tâm, và thấy hợp tình hợp cảnh nên ưa thích mà cứ thế ca theo qua năm này tháng khác đầy thôi.

Hần rằng ở Việt-Nam ta, hai bài lục bát trên đây là trong cái kho dân ca cực phong-phú phổ-thông cùng khắp dân-gian từ đồng bằng đến sơn-cước kể tiếp truyền khẩu đã từ không biết bao nhiêu đời tiền cổ dĩ lai ; còn hai bản dân-ca Nhật-Bản trích-dẫn thời bản trên thấy nói là do vị hoàng-tử tên Oa-Kiến-Mệnh (Yamato Takeru No Mikoto) từ thượng-cổ-thời hoang-sơ làm ra, và bản dưới là do công-phu sưu-tập trong dân-gian của những văn-gia hợp-biên nên bộ tối-cổ thi-ca *Vạn-Diệp Tập*³ (Manyô Shu) mà có.

Tuy nhiên, dầu của ai làm ra chăng nữa, nhưng đã từng những thế-kỷ xa xưa lưu truyền và thấm nhập vào mọi tâm hồn của con dân đất nước để thành thơ-ca dân-tộc thời thơ-ca ấy còn là dân-tộc còn. Bởi đó, trước lễ tồn-vong, mọi người của mọi thế-hệ mới không thể không tự ý thức nhận lãnh nhiệm-vụ trông cho phần tinh-túy ấy của quốc-gia. Điểm này thấy bộc lộ rõ rệt ở những dân-tộc duy-tiên như Việt-Nam và Nhật-Bản nên thơ-ca dân-tộc được kế-tiếp vun trồng cả về lượng lẫn phẩm, không những đã dư sức tích cho kho tàng văn-học độc-lập còn khả dĩ đem lại vinh hạnh cho đất nước.

Tại Việt-Nam (hãy xin dành sang một bên cái rừng phong-dao và ca-dao lục-bát phong-phú đến vô tận) tính từ Hậu-Lê sang Nguyễn-sơ thời thể thơ-ca lục-bát không còn là món nôm-na sơ-trường của khối bình-dân thôn-dã nữa mà đã chuyển thành sở-cứ thao-trường của giới sĩ-phu văn-học thượng tầng, bởi vì, tất cả Sử, Truyện, giáo-huân, y-dược,

3 Bộ cổ thi-ca *Vạn Diệp Tập* gồm 20 quyển, khởi soạn và sưu-tập vào năm nào thời không rõ, chỉ biết hoàn tất vào năm Thiên-Bình Bảo-Tự thứ ba, 759, đời Thuần-Nhân Thiên-Hoàng (Jun-Nin Tennô, 757-764). Nội dung gồm tới ngót 5000 bài cổ-thi Hòa-Ca, phần lớn là do công-phu sưu-tập dân-ca tại khắp các cõi trong nước, phần nhỏ là do hợp-soạn của một số nam nữ thi-gia đương thời. Trong số nam thi-sĩ có 5 nhà nổi tiếng nhất, gọi là *Vạn-Diệp Tập Chi Ngũ Danh But* (Manyô Shu No Go Mei Hitsu) ấy là:

Sơn-Thượng Úc-Lương : Yama No Ue No Okura
Thị-Bán Nhân Ma-Lã : Kaki No Moto Hitomaro
Sơn-Bộ Xích-Nhân : Yamabe No Akahito
Đại-Bạn Lữ-Nhân : O-Tomo No Thabito, 658-731
Đại-Ban Gia-Tri : O-Tomo Yakamochi.

Phần đóng góp của nữ thi-sĩ, có:

Đại-Ban Phán-Thượng Lang-Nữ : O-Tomo No Saka No Ue No Yratsume
Ngạch-Điện Nữ-Vương : Nukada No O-Kimi

Bà này, tức người thứ phi trắc-hết tư thông với em chồng, chủ-động cuộc nội-loạn Nhân-Thân, 672, đã cõng thuật tại Quyển I, bộ *Nhật-Bản Sử-Lược*.

y-lý, bốc phê, địa lý, địa-dư ; nói chung là cả một ngành văn-hóa dân-tộc di-lưu cho hậu-thế bằng văn-thê lục-bát cả. Không những vậy, giới sĩ-phu trí-thức ấy còn kỳ khu tháng ngày, dồn hết khả năng ra trau chuốt lục bát, đưa lên chiếm địa vị tuyệt-đỉnh tại tao-dàn, tạo thành những áng văn chương tài tình và kỳ-diệu, chứa đựng tất cả tinh-hoa và phong phú của ngôn-ngữ dân-tộc, thời thì mộc mạc có, ý nhị có, lịch thiệp có, bay bướm có, mung lung có, sâu rộng có, ly tao có, lãng mạn có, trữ tình có, nói chung là những áng văn-chương làm vừa lòng hết thảy mọi giới, mọi người, ai mà xem đến cũng thích thú đến độ xem đi đọc lại, lâu lâu thành thuộc lòng rồi mà vẫn chưa thôi được, vẫn còn phải đưa ra tán thưởng nữa ở chỗ trừ nhân quang toạ, hoặc mượn làm đầu đề tán giải đề nhờ đây mà tỏ ra cái phong-thái văn-hoa của mình. Mà đạt tới cấu thành những áng văn-chương lục-bát kỳ sắc ấy, hẳn là công đầu phải về Nguyễn-Du tay thi-bá của muôn thú của đất nước mà toàn dân chúng ta kỷ-niệm ngày hôm nay vậy.

Về phía người Nhật-Bản, tuy họ thừa hưởng thể hòa-ca dân tộc cổ-truyền nhưng cũng không tự-mãn với nền nếp ấy rồi thôi, còn kế tiếp cải-hóa và trau chuốt cũng đến độ rất mực tài-tinh ; sự tài-tinh mà chúng tôi lạm đưa ra giới-thiệu ở thiên biên-khảo này về chúng ta cùng cần nhắc hai thể : Lục-Bát và Hai-Kai, cũng như giữa hai thi bá : Nguyễn-Du của Việt-Nam và Tùng-Vỹ Ba-Tiểu của Nhật-Bản.

Ở một vài năm gần đây, bởi là buổi đầu giao liên giữa hai nền văn học Việt-Nhật, về thể thơ lục-bát thời đã dành là của ta rồi, nhưng còn với thể Hai-Kai, để chứng tỏ sự chân-xác của ý-nghĩa, thiết tưởng chúng tôi cũng cần trích qua chính văn của Nhật-Bản để giải thích sơ-lược về nguyên-lai, về cấu-thành của loại thơ dân-tộc này cho cùng nắm vững vấn-đề trước khi vào chính điểm của đề-tài. Giải thích văn tắt và rõ nghĩa, thấy tại trang 780, bộ *Minh-Giải Cổ-Ngữ Từ-Điền* (Meikai Kogo Jiten) do Tam-Tĩnh-Đường (Sansei Dô). ở Đông-Kinh ấn hành, như sau :

Hai-Kai :

(1) Waka no ittai de, kokkei imi wo obita mono.

(2) Tawamure no go, shichi, go no san ku. Haikai-ka no renka
"no shaishô no san ku wo totta mono de — (hok-ku) — t-omo iu. Yama-
"zaki Sôken, Arakida Moritake-ra ni hajimari, zoku-go wo sake-zu ni,
"kokkei wo chushin in shite ita kara, Matsunaga Theitoku no arawashi

“Go-san” ni-yotte, kakushiki ga kimari; ato Dan-Rin Fu goro wa kake-
kotoba ya, shiyare wo shu ni shi, tsui-ni hai-sei Bashō no Shō-Fu ga
“okotte, kon-nichi ni itatte iru”.

Có nghĩa :

Thơ Bài-Hải

1. Một thể thơ trào lộng trong bộ môn Hòa-Cà.

2. Thơ vui gồm ba câu có : 5, 7, 5, âm, do ba câu đầu mở bài
“cho thể liên ca bài-hải” mà làm thành. Bởi vậy, bài-hải cũng có khi
“gọi là thể thơ “phát-cú”. Lẽ lối lấy ba câu đầu ấy thành riêng một
“thể thơ cực ngắn, thuận miệng thuận vần như là tục-ngữ nhưng thiên
“về trào-phúng vốn do 2 thi-gia : Sơn-ký Tông-giám” và Hoang-Mộc-Điền
“Thủ-Vũ” khởi xướng, rồi tiếp do Tùng-Vinh Trinh-Đức cải định thành
quy-luật trong thi-tập bài-hải “Ngự-Tân” của ông. Quy-luật này được

4 *Liên-Ca Bài-Hải* : Nguyên-ngữ “bài-hải” thực ra, có nghĩa là giễu cợt để bài-xích mát-mé,
Cho nên tính hết đến thời-dại Chiến-quốc, 1600, hể là thơ giễu cợt đều gọi là Bài-Hải Ca
(Hai-Kai Ka) cả. Mà dưới những thế kỷ này, thể hòa-ca đoàn-ca (Waka No Tanka) gồm 5
câu : 5,7,5,7,7, âm thịnh hành hơn cả, nên hể bài nào thiên về trào phúng mà thay vì gọi
đoàn ca người ta gọi ráo cả là bài-hải, và bài ca nào là đoàn ca liên hành thời đây là Liên-Ca
Bài-Hải (Haikai Ka No Renka). Ba câu đầu của đoàn ca gồm : 5,7,5. âm ý là phát-cú
(Hok-ku). Chỉ từ trung khoảng của Giang-Hệ Mạc phủ thời đại (Eido Ba-kufu Jidai,
1603-1867) mà thơ bài-hải 5,7,5 âm được chuyển sang thành thể thơ nghiêm trang do
Tùng-Vỹ Ba-Tiêu khởi xướng, thời giới văn học gọi thể nghiêm trang là bài-cú (Hai-ku)
cho phân biệt với thể trào-phúng, vẫn giữ nguyên danh là bài-hải. Tuy nhiên, bài-hải là tên
phổ-thông, đối với đại chúng thời đầu nghiêm-trang hay hải-hước cũng vẫn là bài-hải cả, nên
trong bài nghiên-khảo đây, chúng tôi dùng thơ tên phổ-thông ấy để giới-thiệu thơ nghiêm
trang của Ba-Tiêu.

5 *Sơn-Ký Tôn-Giáo* (Yamazaki Sōkan, 1465-1553) là danh-sĩ đất Cận-Giang (Oumi
No Kuni) gần thủ-phủ Kinh-Đô. Làm quan về hậu-kỳ Thất-Đỉnh Mạc-Phủ nhưng
rời từ chức xuất-gia, dựng nên Đới-Nguyệt-Am (Thái-getsu An) để hôm sớm tiêu-dan
vui cùng Kinh-Kệ. Khởi, xướng ra đường lối nhắc phần phát-cú của đoàn-ca thành thơ Hai-
Kai hải-hước hoặc nối Hai-Kai thành liên-ca bài-hải. Giới văn-học tôn ông là Khởi Tổ
Bài-Hải (Haikai No So).

6 *Hoang-Mộc-Điền Thủ-Vũ* (Arakida Moritake, 1473-1549), làm quan tại bán đảo Y-
Thế, người đầu tiên hưởng ứng thể Hai-Kai của Sơn-Ký Tông-Giám. Về văn-niên, ông bị
đặt Y-Thế, lên Cận-Giang ở chung một am với Tông-Giám để cùng trước-tác thể thơ này.

7 *Tùng-Vinh Trinh-Đức* (Matsunaga Theitoku 1571-1653). Người nổi tiếng ở sơn-ký
Giang-Hệ Mạc-phủ về thể hải-hước Hai-Kai. Khởi đặt Hai-Kai thành qui-pháp, bớt lời
lề nôm na, mỗi bài phải tựa vào tục-ngữ hay ca-dao mà châm biếm trường đời bằng Hán
văn. Ông là người khởi mào cho thi-phong nghiêm trang và ăn sức của thi-thánh Tùng-Vỹ
Ba-Tiêu ở mấy chục năm sau này.

“thi-phái Đàm-Lâm” triệt-đề áp dụng, tạo thành lĩnh-vực thi-phong
“riêng, gọi là Đàm-Lâm Phong. Tiếp đây, thi-thánh Ba-Tiêu, chỉ một
“minh-dựng nên Ba-phong nữa là cứ thế mà thể thơ ấy truyền kể cho
“đến ngày nay”.

Như vậy, thể-thơ Hai-Kai ba câu ngắn gồm : 5, 7, 5, âm do phát-
cú của đoàn-ca mà thành, khởi có từ đầu thế-kỷ thứ XVI nhưng mới
trong phạm-vi trào-phúng, và sang thế-kỷ sau, XVII, nhờ thi-thánh Ba-
Tiêu mới đưa lên tột-đỉnh của thi-đàn dân-tộc Nhật-Bản để rồi truyền
tiếp đến bây giờ. Về thể-thơ Hai-Kai, sử-gia hiện tại là Hoà-Ca Sâm
Thái-Lang (Waka Mori Tarō) có bình-luận :

“Hai-Kai to iu no wa, wazuka ju-shichi moji no kotoba no naka
“ni, iro-iro na ajiwai wo kometa, sekai de mo mezurashi-i bun-gaku na
“no desu”. Có nghĩa : Thơ Hai-Kai chỉ ngắn ngủi có mấy lời gồm 17
“âm mà gói ghém rất nhiều thi-vị, thực cũng là hiếm lạ trong nền văn-
“học thế-giới”.

Trước lời bình-luận này, riêng chúng tôi không đồng ý với sử-gia
Sâm Thái-Lang cho rằng thơ Hai-Kai ngắn và gói ghém nhiều thi-vị, nên
là hiếm lạ trong nền văn-học thế-giới, bởi vì, hãy kể về số âm trong câu
thơ thời lục-bát của ta còn ngắn hơn, chỉ 14 âm nhưng ý thơ cũng mung
lung, khoáng đạt và cụ thể không kém. Tỉ dụ, một bài lục-bát của ta với
một bài Hai-Kai như dưới đây :

Mua cá thời phải xem mang,

Mua rau, xem cuống ; mua nàng, dẫn do.

và :

Zeni nashi no,	-	phận hèn lại nghèo tã,
Kuse ni itsu de mo,	-	thối độn thường là như thế,
Sai wo furi.	-	cũng muốn có quyền hành lớn, làm cha thiên-hạ.

mà chúng tôi lạng xếp sang thể lục-bát :

8 *Đàm-Lâm Phái* (Danrim Pa). Qui-pháp tân bài-hải-thi của Tùng-Vinh Trinh-Đức rồi được
Tây-Sơn Tông-Nhân, (Nishiyama Sōin áp dụng và khuếch trương... dựng lên một thi-phái mới
gọi là Đàm-Lâm Phái. Ý thơ hải-hước nhưng lời nghiêm trang, thay tiếng nôm bằng
Hán-ngữ cho ý thơ thêm hàm súc là điểm cốt-cần của thi-phong Đàm-Lâm mà đương-
thời gọi là Đàm-Lâm Phong (Danrim Fu) thịnh hành từ khoảng 1675 đến hết thế-kỷ này.

Phận hèn lại xác như vờ,
Lắm le cũng muốn cho cò đến tay.

thời có phải, tuy cùng diễn-tả về thể-thái nhân-tình, nhưng thể lục-bát của ta ngắn hơn và gọn hơn chăng?

2. Thân-thể và văn-nghiệp hai thi-thánh :

Nguyễn-Du và Tùng-Vỹ Ba-Tiêu

Về thân-thể và văn-nghiệp của thi-thánh Nguyễn-Du, thiết tưởng ở số kỷ-niệm đây tât đã có biên-khảo đến, hơn nữa mọi người chúng ta chắc đã am tường cả rồi, nên về phần chúng tôi xin cho lược miễn đề dành cho những dòng về Tùng-Vỹ Ba-Tiêu, ngõ hầu giúp thêm quý đạu bực rõ hơn phần nào về nhân-vật số 1 của thi-tao-đàn Hai-Kai này.

Tùng-Vỹ Ba-Tiêu (Matsu-O Bashō), người mà bộ *Minh-Giải Cờ-Ngữ Từ-Điền* gọi là "thánh thơ Hai-Kai" như trên kia đã trích-dẫn; về phần sử-gia Hòa-Ca Sâm Thái-Lang thời tại trang 226, bộ *Nhật-Bản Sử* của ông có khen là tài ngang Lý-Bạch và Đỗ-Phủ đời Đường, và sử-gia Phần Bản Thái Lang (Sakamoto Tarō) thời trang 650, bộ *Nhật-Bản Sử Tiều Từ-Điền* (Nihon Shi Shō Jiten), khen là: "Kok-ku serei, toku no masareta jin-kaku teki shi-jin... : thi-sĩ với đức-hạnh và nhân-phẩm tuyệt vời bởi tinh-thần thanh đạm và khắc khỗ..."; vốn tên thực là Tùng-Vỹ Tông-Phong (Matsu-O Munefusa), hiệu là Tố-Tuyên (Sosen), sinh năm Chính-Bảo nguyên-niên, 1644, đời Hậu Quang Minh Thiên Hoàng (Go Kōmyō Tennō, 1643-1654) tại bán-đảo Y-Hạ (Y-ga han-thō, tức Huyện Tam-Trung ở trung-wang đảo Bản-Châu). Tông-Phong vốn là dòng thế-gia ở địa-phương, lại sẵn thông-minh, mới 10 tuổi đã được ông Chúa Đại-Danh (Daimyō) toàn quyền xứ Y-Hạ là Đăng-Đường Lương-Tinh (Thôđō Yoshi-kyō) tuyên làm đệ-nhất phụ-cận cho thế-tử⁹. Đăng-Đường Lương-Trung (Thôđō Yoshithada) vốn cùng lứa tuổi, đương độ ăn học. Một chúa, một tôi, rất tương-đắc trong việc học hành, từ năm cùng 17 tuổi trở đi đã hăm mộ, tôi lui tán thưởng.

Năm Tông-Phong được 22 tuổi thời tiều-chủ Lương-Trung chẳng may yêu-mệnh mà lâm-chung, ông bị đặt vào hạng lãng-nhân¹⁰ nên chán

⁹ Thế-tử, con được chỉ định kế-vị Chúa Đại-Danh của cha.
¹⁰ Dưới trung-cổ-thời Nhật-Bản, 1192-1867, ngoài triều-thần bên cạnh Hoàng-Gia, ngoài Mạc-thần bên cạnh các dòng Tướng-Quân còn có chế-độ gia-thần (Ge-shin). Những dòng thế-gia Đại-Danh, những dòng quý-tộc triều-thần đều tuyên dụng những văn-nhân hay vũ-sĩ trung-kien làm vậy cánh, làm binh-đội để bảo-vệ cơ-nghiệp cho dòng họ mình thời những người được tuyên ấy gọi là gia-thần, cũng có chức-vụ và cấp-bổng cao thấp khác nhau. Ai làm gia-thần dòng họ nào là cũng đời đời kế-chức, nếu vì lý-do nào đó mà bị mất chủ thời bỏ vợ, gọi là lãng-nhân (rō-nin).

ngán cho kiếp vô-duyên với công-danh, bèn xin từ chức gia-thần của vũ-gia Đăng-Đường, rồi liền năm này, bỏ Y-Hạ lên Kinh-Đô xin làm môn-sinh nhà thi-sĩ Hai-Kai có khuynh hướng Đàm-Lâm là Bắc-Thôn Quý-Ngâm (Kitamura Kigin) để thụ-huấn về quy-luật thể thơ sô-trường này của ông.

Trong mấy năm tại Kinh-Đô, tiếng rằng còn học thầy nhưng Tông-Phong đã tự hoạch định lấy một lĩnh-vực thi-ngữ và thi-từ riêng khác hẳn của thầy, hay nói chung là khác hẳn cái thi-phong của Đàm-Lâm phái, nghĩa là: "... Zairyō ya yō-go wa, tsuzoku hikin na mono wo mōchi-ita " ten ni doku-sō sei ga aru no de aru : Riêng ông đứng trong một lẽ lối sáng " tác với đặc-tính là cá-đề-tài lẫn ngôn-ngữ đều sát với khung cảnh tạo vật " và lời lẽ của đại-chúng" ¹¹. Ti như bài ông tả cảnh trọ nơi thôn dã :

Ume waka na, - mơ muối với rau non,
Mari-ko no shuku no, - cùng bầy trẻ thơ bên quán trọ,
Tororo shiru. - canh tương nấu lẫn khoai.

Đây là những danh-từ của đại-chúng mà ông xếp thành thơ đượm màu thanh đạm, dưa muối thú quẻ, lại đủ cả bốn mùa với những cảnh vui bên đàn trẻ hồn nhiên. Mơ muối ăn quanh năm, nhưng canh rau non thời về xuân mới có ¹², và canh khoai là về cuối Thu sang Đông bởi đây là mùa dờ củ. Cái tài của Tùng-Vỹ Tông-Phong cũng như cái khéo của Nguyễn-Du, đem cả Trời Đất cùng những cảnh-vật bao la ẩn giấu vào bên trong của mấy chữ ngắn ngủi. Bạn đọc sẽ thấy tài này biểu lộ ở những bài chúng tôi sẽ giới-thiệu dưới đây cũng như ở bài quán trọ miền quê này, ông không nói đến quê mà cảnh quê hiện rõ rệt, ông không nói đến mùa mà lại có Xuân Hạ luân lưu, cũng như ông không nói đến niềm vui theo đến cùng bầy trẻ nhỏ.

Đây là thành công trong bước đầu thi-nghiệp Hai-Kai của ông, tiếng tăm lan rộng tại khắp làng thơ khu vực Kinh-Đô và Cận-Giang nên được bạn khích-tài, khuyến và giới thiệu ông lên Giang-Hộ (Eido tức thủ-phủ của dòng Tướng-Quân Đức-Xuyên tại Quan-Đông rồi thành Đông-Kinh bây giờ) để thi thử tài ba với thiên-hạ.

¹¹ Trích *Nhật-Bản Văn-học Khảo-sử* (Nihon Bun-gaku Kai-shi), trang 177, do bác sĩ Văn-Đường (Hakubun Dō) ấn hành.

¹² Tại Nhật-Bản, phải chờ đến cuối Đông, tuyết tan rồi mới trồng được rau nên đương mùa Xuân là ăn rau non. Bởi vậy, mùa Xuân cũng gọi Mùa Rau Non (Waka Na Kisetau). Dưới thời trung-cổ, cứ ngày 7 tháng Giêng là tiến Vua các thứ rau non đầu mùa nên ngày này gọi là Nana Kusa (Thất Nhật Thảo)...

Tới Giang-Hộ, ông được toàn bộ Mạc-thần đã yêu vì tài lại kính vì nết thanh đạm của con người đương độ hoa-niên nên chẳng lẽ để ông đóng vai thực-khách mãi không tiện, bèn đặc-cách cho chức giám-đốc công-trường hộ-thủy tại Tiều-Thạch-Xuyên (Ko-ishi Gawa). Không ngờ, với con người bản-căn đã găm chứa thi-tài, nay sống ở bên sông mếp nước, sớm khuya làm bạn với trăng gió mây sao là cơ-hội đẩy ông lên tới tuyệt-đỉnh thi-dàn Hai-Kai bằng ly-khai thể hải-hước cổ-truyền mà chuyên bước sang chân trời mới thực nghiêm trang, thanh thoát, mông lung và trừu-tượng khả dĩ đưa người đọc vào những thế-giới tuyệt vời tại thi-phẩm *Viện-Thoa* (Saru Mino).

Tiếp đây thời cảnh-trí thiên-nhiên mỗi ngày mỗi quyền rũ tâm hồn con người lãng-mạn xuất-chúng ấy, Tổng-Phòng bèn từ-chức giám-đốc công-trường, lui về cất am ẩn-dật. Chung quanh am, ông trồng hàng mẫu chuối cứ để cho lan man xanh tốt như rừng và để mãi cho lá già xạc xào trước gió cho gọi thi-tử. Bởi tính ông ưa chuối và cứ giữ mãi vườn chuối không buông¹³ nên ông tự-hiệu và đời cũng nhân thế mà gọi ông là Ba-Tiêu (Bashô). Vị thứ mới truyền mỹ-danh thi-bá Tùng-Vỹ Ba-Tiêu (Matsu-O Bashô) về mãi hậu-đại. Đến cái am ẩn-cư của ông cũng gọi là Ba-Tiêu Am (Bashô Am) cũng như thi-thái, thi-phong tuyệt đỉnh độc-đáo của ông mới là Ba-Tiêu Phong (Bashô Fu).

Ẩn cư một thời-gian, Ba-Tiêu nghĩ rằng, văn-thơ mà không do cặp mắt cửa thi-nhân rộng tâm thị-sát thời văn-khí sao được đây dù về kỹ thú, ông bèn khóa cửa am, cùng một tiểu-đồng bộ-hành du-ngoạn từ Quan-Đông lên khắp địa-phương Áo-Vũ (O-U Chihô, tức cực Bắc đảo Bản-Châu), khứ hồi hầu trọn nửa năm trời mưa nắng. Do cuộc du hành này, ông sáng tác thi-tập *Áo Chi Tế-Đạo* (Tsu No Hosomichi), tức Qua Những Nẻo Đường Mòn Trên Đất Áo, được kể là danh tác cổ-kim chưa có thi gia Nhật-Bản nào theo kịp. Từ Áo-Vũ trở về am, ông lại tiếp tục du hành xuống Tây-Nam, mãi mệ phong-cảnh đường xa suốt mấy năm liền, qua kinh-đô viếng thăm các cảnh cũ, lên Hồ Tỳ-Bà lăm ngoạn đủ tám cảnh đẹp¹⁴ rồi xuôi xuống Trường-Kỳ

¹³ Chuối mọc tại Nhật-Bản, có điều lạ là không bao giờ trở buồng, nên tại nước này, trái chuối quý như nho táo ở ta.

¹⁴ Hồ Tỳ Bà (Biwa Ko) ngay áp đông bắc Phú Kinh-Đô. Chung quanh đây có 8 cảnh đẹp, vẫn gọi là O-Umi No Hak-kei (Cạn Giang Bát cảnh). Kể ra đây mà không chú giải thời cũng như không mà chú giải cả Tám Cảnh ấy lại quá dài dòng nên đành khất với quý bạn đọc đến dịp khác.

Nagasaki), nhưng tới đây bị lâm bệnh nặng mới đành phải quay về. Ông chăm chăm mong mỗi nếu có mệnh hệ nào cũng được an giấc vĩnh-cửu ở giữa vườn chuối thân yêu, nhưng số mệnh chẳng chiều ý muốn nên mới đến Đại-Bản (Osaka) được nửa độ đường đã lâm chung thọ 51 tuổi. Đây là năm Nguyên-Lộc thứ bảy 1694, đời Đông-Sơn Thiên Hoàng (Higashi Yama Tennô, 1687-1709).

Ông mất đi, để lại cho dân-tộc Đại-Hòa một kho thơ Hai-Kai quý giá, không những đã bồi tập cho văn-học thi-ca của đất nước thêm phong phú mà còn là điểm hãnh diện cho người Nhật-Bản, cũng như người Việt-Nam chúng ta có Nguyễn-Du vậy. Kề về giá-trị các thi ca Nhật-Bản kiểm điểm qua lời phê bình của mấy bộ sử-liệu và văn-học sử của người chính-quốc, chúng tôi chỉ thầy duy mỗi Tùng-Vỹ Ba-Tiêu đây là được tán thưởng nhiều hơn cả. Tỉ như sử-gia Hòa-ca Sâm Thái Lang tại trang 220 bộ *Nhật-Bản Sử* của ông, sau khi đặt Ba-Tiêu lên ngang hàng Lý-Bạch và Đỗ-Phủ, lại viết tiếp: Bashô wa, Haikai no sekai ni "atarashi-i ten-chi wo hiraki, majime de takai kihin no aru mono hi shita. "Sono kufu wa, Danrin Fu to kotonaita, kan-jaku na kojôsa wo mochi, "Jôkyô gan-nen, 1684, Nagoya de "Fuyu No Nichi" no ku-kai wo kô-gyô shi, Bashô Fu wo saku-ritsu suru koto to natta. Bashô no shuk-gen "ni yotte, Haikai wa hitotsu no gezitsu teki na bungaku sak-hin to shite "dokuritsu shi ta wake de aru" Có nghĩa: "Với Ba-Tiêu ông đã mở ra cả một khung cảnh của Trời Đất bao la mới lạ trong cái thế-giới "Haikai của ông bằng những thi-phẩm tuyệt-vời. Những phong vị nhân nhả u tịch của thơ ông quả có hàm súc những vẻ cao thượng khác hẳn với thi-phái Đàm-Lâm là điểm mà mọi người đều công-nhận từ sau buổi ông trình-thuyết thi-phẩm *Những ngày đông lạnh* tại thị-trấn Danh-Cồ-Ôc vào năm Trinh-Hùng nguyên niên, 1684,¹⁵. Thế là cái Ba-Tiêu Phong được lấy-lừng từ đây. Do sự xuất hiện của tay "thi-bá độc-đáo này mà thể-thơ Bài-Hải đã chiếm một cao-vị nghệ-thuật "sáng-tác trong ngành văn-học của đất nước".

Đến tập-đoàn biên-khảo bộ *Nhật-Bản Văn-học Khái-Sử* do Bác-Văn-Đường ấn-hành, tại trang 181, có phê-bình: "Bashô no Sak-hin ni "toki" to "toroko" to wo chô-etsu shita, ei-en-sei ga aru no wa, kono yô na ji-jô ni yôru mono de arô. Bashô wo in-itsu shi-jin to shite miru ron-

¹⁵ Đời Linh-Nguyên Thiên Hoàng (Reigen, Tennô 1689).

“sha mo aru ga, Bashô wa thô-hi ni shu-shi shita hito de wa nai. Mushiro, “chi midori ni natte, shizen to nin-sei to ni thai-shita shi-jin de atta no “de aru”. Có nghĩa : “Cái đặc-sắc đến độ siêu-việt trong thi-phẩm của “Ba-Tiểu là khéo gán cho thơ có tính cách vĩnh cửu với “thời-gian” và “không-gian”, khiến thời-gian cùng không-gian mà còn là thơ ông còn. “Có nhà bình-luận cho rằng, Ba-Tiểu là thi-sĩ ẩn-dật sống xa nhân-thế, “nhưng xét đến đời ông có phải hoàn toàn lánh mình vào nơi u tịch cả “đâu, chẳng qua ông đem cái nhân-sinh đến gần cảnh-vật thiên-nhiên “để khá đi tạo nên thi-phong bất hủ của mình đấy thôi”.

Vậy, ta thấy Tùng-Vỹ Ba-Tiểu là đệ-nhật thi-tài của Nhật-Bản về thi-ca Hai-Kai cũng như Nguyễn-Du là nhà quán-thế của Việt-Nam về văn-chương lục-bát. Hai thể văn-thơ này, ngắn-ngủi thời cũng na-ná như nhau và hàm súc thời cũng sâu sắc tựa tựa, mà đến thân-thế cùng ý-khi của hai thi-thánh cha đẻ cũng lại giống nhau nốt, mặc dầu mỗi người mỗi dân-tộc, mỗi người mỗi thế-kỷ. Tùng-Vỹ Ba-Tiểu, 1644-1694, sinh vào thời phong-kiến cổ-diễn mà đạo chủ-tông cực khe khát của kỹ-luật vũ-si-đạo¹⁶ còn cao trọng hơn cả thân-mệnh mà sớm bị mất Chúa, mặc dầu vẫn là gia-thần của trong một dòng họ vũ-gia Đàng-Đường đấy, nhưng các công-tử khác ai nấy đều có đầy đủ bộ-phận gia-thần của người nấy rồi, nay mình có được gán ghép vào sau, làm tôi lẫn nữa cho công-tử nào đi chẳng nữa thời cũng vẫn là thân phận một anh chàng lãng-nhân lơ lảo. Lại tự biết mình có tài có chí mà lếch thếch đem chí đem tài đi làm tôi mấy cửa, âu là tự-lập để tạo cơ-hội giải chí phò tài với đời còn hơn là chịu bó thân quỳ lụy trong vòng cơm áo. Bởi vậy, sau khi tiều-chủ Đàng-Đường Lương-Tinh bị yêu-mệnh, dù dòng họ Đàng-Đường có cố lưu ông cũng bỏ từ để lên Kinh-Đô luyện chí tôi tài, và sau này, đầu Mạc-Phủ có cố giữ ông cũng vẫn bỏ thôi chức giám-đốc công-trường để được xông ra làm bạn với trăng gió bốn phương.

Về phần Nguyễn-Du, 1765-1820, Cụ sống dưới thời-đại quân-chủ mà đạo vua-tôi phải coi nặng như Thái-Son, nhất là với hàng ngũ trí-thức thời niền trung-kiến phải là danh-dự sanh-tử của con người; cho nên, tổ-tiên mình đã thụ ân nhà Lê mà nay Lê vong, nếu :

Phải phường ẩn xứ thì,

Tiết trâm, năm nữ bỏ đi một ngày.

16 Xin coi từ trang 62, Nguyễn 11, bộ Nhật-Bản Sử-Lược, có giải thích về đạo chủ-tông trong kỹ-luật vũ-si-đạo.

thời còn đầu đàng mặt si-phu ngửa mặt trông đời; âu đành, đầu sớm cao danh khoa-bảng cũng một niền lánh mặt điền-viên sản bán qua ngày, vui cùng thi-văn cho vẹn tiết-tháo. Lại nữa, đã bao đời hưởng lộc vua, lúc vua chết lại không hoàn cảnh phục thù đã là điều tui cho thân văn-học, há còn mang đầu áo mũ cần đai, cho nên đến Nguyễn-triều hậu-đại, đầu có được chiếu chỉ vời ra làm quan, thời :

Đã không biết sống là vui,

Tâm thân còn quản thiệt thời là thương.

nên chức tước phong đến đâu hay đó, yếu một thời cáo quan về nghỉ để luôn luôn có đủ hoàn cảnh phụng-sự cho thi-văn.

Ngày nay, đầu là người Việt hay người Nhật được hưởng những công-trình thi-văn vô giá của Nguyễn-Du hay Tùng-Vỹ Ba-Tiểu thời lòng ai mà chẳng ghi khắc công ân và tấm tắc khen ngợi rằng đấy là những bậc kỳ-tài của dân-tộc. Tuy nhiên, nếu luận về nghĩa thuần-túy của chữ “tài” thời nó cũng có ba bảy đường tài. Có thể là khéo chiều người trên để được vinh thế ấm tử, hoặc gió chiều nào khéo theo chiều nấy luôn luôn có hãnh diện thời đấy cũng là người “có tài”; dữ cùng phùng đào tường khoét vách gòì thời đấy cũng là những tay “tài ẩn trộm”. Thế nên đời tuy thiếu gì người tài, nhưng Cụ Tiên-Điền vẫn có câu :

Những phường giá áo túi cơm xá gì

bởi vì, giữ được giá áo cho dày đều, ôm nổi túi cơm cho nặng mãi, há vô tài mà đạt được ru ? Lại nếu có văn-tài đi chẳng nữa, nhưng văn-tài mà như Vương-Mãng hay Trần-ích-Tắc, thời phải chăng, “có tài mà để ở danh ngàn đời”. Như vậy, trên cái “tài” còn cần đến chí-khi và tiết-tháo của con người. Có kim, không có một anh-hùng cao-sĩ nào mà không phải là bậc chí-khi và tiết-tháo cang cường thiết thạch ?

Vậy, kết-luận, Nguyễn-Du Việt-Nam và Tùng-Vỹ Ba-Tiểu Nhật-Bản đều là thánh-thơ, nhưng đạt tới địa-vị tuyệt vời ấy bởi cả hai Cụ cùng có căn-bản chí-khi và tiết-tháo hơn đời vậy.

3. Tinh-thần Nguyễn-Du trong thể-thơ Hai-Kai.

Lục-Bát và Hai-Kai cùng đứng trong nhiều lĩnh-vực văn-chương và thi-ca của hai dân-tộc, Việt, Nhật : cách-ngôn, ca-dao, trào-phúng, miêu-tả, và khi diễn-đạt nên câu thời ở những nhà thi-thánh như

Luận đến điểm: "thi trung hữu mỹ cảnh" thời tuyết-tác đến là:

"Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng".

Ngâm xong hai câu này phải chăng, ai cũng thấy mình đứng trước một phong-cảnh bao la về chiều, có khoảng nước long lanh trong vắt in lộn bóng trời với tòa cờ thành mà dân gian đun nấu dựa khói lên quen với nền cao xanh biếc. Lại đằng sau đây là cả một dãy núi phơi mình ra, hứng lấy ráng vàng ngồn ngộn, thời nào nước, nào trời, nào thành, nào núi thuần là cảnh hùng vĩ; còn thêm khói biếc ráng vàng, thuần là màu sắc tươi đậm rực rỡ mà khéo thay, nhà thánh thơ chỉ vo gọn vào trong có 14 chữ trong khi với tay danh-họa, chừa biết là phải kỹ khu hàng bao ngày bao tháng mới nổi.

Đến Tùng-Vỹ Ba-Tiêu tả trăng thu lộng nước, thì:

"Me-i ge-tsu ya, : ya, Trăng cầm tháng Tám Ấ.L, với
I-ke wo me-gu-ri-te : wo-rite nước dưới ao làm say đắm cứ vòng
quanh trên bờ mà ngắm hoài.

Yo mo su-ga-ra : mo ra suốt đêm vẫn không dứt tình được với
cảnh đẹp.

Với người Nhật-Bản, quanh năm, chỉ Trăng Rằm tháng Tám Ấ.L mới gọi là Mei-getsu (danh-nguyệt) đề chỉ và đề gói ghém tất cả những vẻ trong sáng nên thơ tuyết-vời của trăng đêm này. Nay ao Thu đã trong

Tsuki to Ume",
là:

Trăng. Sương. Mờ phủ hoa Mơ,
Lơ thơ bóng cảnh, lững lờ chờ Xuân".

đề khả dĩ vừa thoát ý vừa theo gót được phần nào cách xếp đặt âm-vận liên-hành của Tiên-Điền. Thế nhưng, nguyên-văn bài Lập-Xuân của Ba-Tiêu, như đã trích-dẫn trên đây, chỉ là ngôn-từ nghiêm chỉnh chứ không có gì là nghệ-thuật "chơi lời" như bài ông tả mặt hồ lúc rạng đông về Thu. Cho hay, công việc dịch-thuật cũng là một trong nhiều khía cạnh khó tâm của người vương lấy nghiệp viết lách, dịch được thoát ý thời sai lời, mà cố giữ lấy lời lại phân-bội tác-giả vì lạc mất ý thơ. Tỉ-dụ như mấy thân-cú sau đây, thiết tưởng có ai mà dịch nổi sang tiếng nước ngoài với nguyên ý thơ lẫn vẻ tuyết-điệu liên-hành:

"Ngoài song thỏ oanh vàng,
Nách tường, buồng liểu bay sang lóng giềng.
Hiên tà, gác bóng nghiêng nghiêng",
Nổi riêng riêng trạnh tặc riêng một mình,
Cho hay là thói hữu tình.
Đố ai gỡ mối tơ mảnh cho xong...

lại được danh-nguyệt lộng vào thời nước lộn trăng và trăng ngậm nước, không rõ đâu là trăng thực hay là thế-giới có hai trăng, cộng với cái quang đăng sáng ngằn và man mát yên tĩnh của đêm Thu nửa mới là cảnh sắc hấp dẫn thi-nhân đến độ cứ thần thơ thơ thần mà đuổi theo trăng tới sáng. Bài này, chúng tôi xin lạm dịch là:

Trung Thu danh-nguyệt lộng cao,
Ơ kia, có nữa dưới ao, Trăng Rằm
Thần thơ theo đuổi thâu đêm

Đến những câu mà vừa tả-cảnh vừa tả-tình, đem trạng thái của tâm hồn phủ lên cảnh-vật thời Tiên-Điền hạ bút:

Gió chiều như gọi cơn sầu,
Vi-lô hiu hắt như mầu gợi trêu

thời phần Ba Tiêu cũng:

"Shi-zu-ka-sa ya : ka-sa ya Về hoang-vu tịch mịch,
Y-wa ni shi-mi-i-ru : ni-ru thăm đến cùng hang đá,
Se-mi no go-e tiếng ve kêu buồn.

mà chúng tôi lạm dịch:

Tịch hoang thăm tận đáy hang,
Đá rêu khêu lạnh, ve ran lan buồn.

Về tài tả tượng trung, lấy những vật hữu hình hoặc vô-hình làm điển trạng đề du hồn người đọc vào cõi hư hư thực thực, gọi lên những vẻ bằng khuâng man mác thời Nguyễn-Du viết về nỗi nóng lòng của anh chàng si gái:

Mây Tần khóa kín song thê,
Bóng hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao.

thời Ba-Tiêu đan tả người đi tìm nhà ý-trung-nhân trong đêm tối trời, mù mịt chẳng biết công vào ở phía nào chợt thấy đám hoa bìm bìm trắng leo trên hàng rào, lơ mờ nghĩ đấy là lối vào, nên xông đến gõ đại:

"U no ha-na no : lơ mờ đám hoa bìm bìm trắng,
Ta-e ma ta-ta-ka-mu mu : cứ những chỗ có hoa ấy mà lần
đến gõ hoài,
Ya-mi no mo-n : để tìm công trong đêm tối.

mà chúng tôi lạm dịch:

*Đêm đầy phủ kín nhà ai,
Cổng chẳng thấy, gõ hoài giậu hoa.
Bìm bìm trắng, tối, tờ mờ.*

Sao thuật đến đây, chúng tôi thấy cũng đã sáng tỏ được phần nào cái đồng thể và đồng-diệu giữa thơ lục bát 14 tiếng với thơ Hai-Kai 17 âm của Nhật-Bản. Đã đồng thể và đồng-diệu tất dễ nên đồng tính và đồng khí, cho nên, nhân kỷ-niệm thi-thánh Nguyễn-Du mới giới-thiệu thi bá Tung Vỹ Ba-Tiêu để chứng-tò cái gần gũi và sự pha trộn tinh-thần của hai nền thi-văn dân-ca của hai dân tộc vốn lập quốc trên nền-tảng ảnh-hưởng văn-hóa và nho-phong của Hán-học.

Kề về thi-bá Tung-Vỹ Ba-Tiêu, người Nhật-Bản lấy cái Tiêu-phong trang nghiêm đỉnh đặc cùng với ý thơ man mác tóa buông ra cùng tạo-vật mà tôn ông lên ngang hàng với Lý-Bạch và Đỗ-Phủ; tuy nhiên, so sánh với Nguyễn-Du, chúng tôi còn thấy kém ở điểm trữ-tình lãng-mạn. Nói rằng kém ở đây, có thể do chúng tôi chưa sưu-tập được hết thi-phần của Ba-Tiêu, hoặc giả chỉ là kẻ tự-học ở Sài-gòn mà chúng tôi không thấu đạt đến điển-tích và ẩn nghĩa lộng-ngữ Nhật-Bản nên chủ-quan của ếch ngồi đáy giếng mà phê-bình thể chẳng, nhưng bởi bản-chất chúng tôi là nông-dân chất phác, thấy sao thời cứ nói thẳng thể cốt đề mong sự chỉ giáo của những bậc đa-thức, ngõ hầu được học điều hay mà trau-giồi tiến-thủ.

Tả cái cảnh tuyệt vời của anh chàng si gái mà lần đầu được gái lên mở cổng sau cho vào nhà, Cụ Tiên-Điền đọ cảnh này sung sướng như cảnh Tiên :

*Xắn tay mở khóa động Đào,
Vén mây trông tỏ lối vào Thiên Thai.*

Với hai câu này, từ có phong-trào tán Kiều, thường Kiều khởi trên Nam-Phong đến bây giờ, thực khó mà có ai sưu-tầm được hết các bài khen ngợi, bởi nó hay quán tài, hay đến độ "nhập Thần" nên người già thấy hay theo quan-niệm già, mà trẻ thấy hay hơn theo tâm-lý trẻ. Người thanh-lịch mà nhớ đến câu văn thời thấy nghĩa nó thanh vô cùng, cứ muốn nằm dài lim dìm cặp mắt để hồn đưa người vào mãi cõi mộng thực xa, nhưng với người tục mà nghĩ đến câu văn là cạo râu, chải đầu, thẳng bộ quần áo cho tươm mà ra đi...Đi đâu? Thì đi tìm cảnh Thiên-Thai chứ còn đi đâu!

Cái hồi mà thú à-đào còn thịnh ở Bắc, những ca-nương hồ thấy khách ép ngâm hai câu này là nhất định chối bai bãi rằng: "Văn-chương đầu mà đi bỏ mẹ. Ngâm xong rồi lại bắt đi "mở khóa" thòi ai mà chịu cho nổi" Đây là áp-lực của câu văn đối với giới son-phấn; nhưng đối với phường xàm ca đạo thời lại trở thành lợi-khí moi tiền của những chàng trai trẻ. Cứ vào buổi chiều các ngày nghỉ, phường xàm năm ba người, chọn chỗ có nhiều thầy-quyển¹⁹ thướt tha qua lại mà ngồi xuống nây đàn gõ phách, khi thấy có khá trai gái quần đến nghe là bông-mạc:

*"Này, em ơi,
Con chìm tìm bạn nó hót trên đỉnh cây cao,
Còn anh với em thì đến bao giờ,
Em xắn tay mở động Đào,
Rồi em vén mây cho anh trông tỏ lối vào... Thiên-Thai.*

là các thầy quyển thích quá, cười tít mắt tổng tình lia lịa về phía các cô gái, đồng thời vãi xu tưởi xèng²⁰ loảng-choảng vào chiếc chậu đồng để thưởng cho mấy người ca đã gái đứng tìm mình và cũng để le với gái. Đây là ân huệ áo cơm của câu văn đối với người tật nguyên ca đạo.

Nay đối với 14 tiếng vốn vẹn ấy mà sao nó hay, sao nó say, sao nó quyến rũ được con người vào cõi mộng mung lung, sao nó khích động được cõi lòng vào đường tình rạo rực như của Nguyễn-Du ấy thời thiết tưởng Tung-Vỹ Ba-Tiêu không có ghế ngồi trong lĩnh-vực lãng-mạn trữ tình tuyệt-hào này của Tiên-Điền. Mặc dầu chúng tôi chưa sưu-tập được toàn bộ thi-tập của Ba-Tiêu, nhưng tại những bản trích dẫn cùng tán thưởng tài ba của thi-bá này trong bộ *Nhật-Bản Văn-học Khái-sử* và bộ *Minh-Giải Cỗ-Ngữ Từ-Điền* đều không thấy có đưa ra dòng nào về loại nhập thần tương-tự.

Nếu được đúng như liệu đoán, âu cũng nhân kỷ-niệm Nguyễn-Du mà thêm được một điểm ưu thắng nữa của Nguyễn-Du trên thi đàn Á-Châu vậy.

¹⁹ *Thầy quyển*: kinh ngữ ngoài Bắc đối với bình-nhì, bình nhất thời Pháp thuộc.

²⁰ *Xèng*: Tiền bằng đồng giá trị kém đồng xu. Tại Bắc-Việt từ 1940 trở về trước, cứ 1 xu an 2 trình Khái-Định hay an 6 xèng Báo-Đại. Danh-từ này không thấy có trong *Việt-Nam Tân Từ-Điền* của Thanh-Nghị lần Chính-tà của Lê-Ngọc-Trụ.

THI-CA

KỶ-NIỆM 200 NĂM CỤ TIÊN-ĐIỀN NGUYỄN-DU
(Tập Kiều)

Cung thăm :

*Sử xanh cờ lục còn truyền, trăm năm ghi tạc ;
Tinh trời thông minh vốn sẵn, những ngày còn thơ.*

*Trải cuộc bề dẫu,
càng treo giá ngọc.*

Kính duy : Tố-Như, Nguyễn tiên-sinh,

*Hào hoa phong nhã,
mai tuyết tinh thần.
Vốn nhà trăm anh,
có triều phong vận.*

*Xã Tiên-Điền, nối dòng Nguyễn Phụ phúc lộc gồm hai ;
Triều Hậu-Lê, thi đỗ Sinh đồ trường văn gặp hội.
“ Bắc hành thi tập ”, nhà ngọc phun châu ;
“ Nam trung tạp ngâm ”, ghi vàng tạc đá.
Ngâm thơ vịnh tỉnh Hà, xứ Lạng ; giá lớp Thịnh Đường ;
So tài ba thánh Quát, thần Siêu ; vượt qua Tiên Hán.*

Tay tiên diu dặt,
bút pháp đã tinh.

Chữ nôm vừa nổi gót Hàn-Thuyên,
Văn nôm lại trông gương Sĩ-Cổ.

Nghìn vàng đáng giá,
một thiên đoạn trường.
Tay lựa nên chương,
nghề riêng ăn đứt.

Đương buổi thịnh hành Hán-học, sau đời Trần, trước đời Nguyễn,
rộng mở khoa thi ;

Giàu lòng phát triển quốc-văn, ngoài miền Bắc, trong miền Nam, nhắc
câu Kiều lấy.

Há phải đông dài chấp nhật, mua vui một vài trống canh ;
Thiệt là trang trọng khác vờ, xiết kè muôn vàn án á.

Hôm nay :

Vừa ngày sinh nhật,
xa đưa tấc thành.
Hương lửa càng nồng,
dầu bèo soi đến.
Tri ơn, lộ là thâm tạ,
ghi lòng, riêng vẫn kính yêu.

Trái quạ thò lạc, ác tà, buồng vãn lạnh ngắt ;
Tưởng đến chim ngàn, hạc nội, tinh thành chẳng xa.

Trung khúc ân cần,
mấy lời gẫu bó.

Văn-sinh chúng tôi

Cáo thom lân mở,
ngày gió, đêm trăng ;
Cặp sách để huê,
bên trời góc bể.

Lắm lúc tập Kiều câu một, phong cảnh quê người ;
Càng thêm vẻ ngọc vẹn mười, văn chương nếp đất.

Trăm nghìn gửi lấy,
một đứng anh hào.

Ngày truy niệm vừa hai trăm năm, minh dương đôi ngã ;
Đường xa cách kẻ ngoài nghìn dặm, ngao ngán bên lòng.

Cùng mạch thu hương,
tắc lòng cố quốc.
Ngày xanh mòn mỏi,
sưởi vàng biết cho.

Văn sinh đảng đồng bá chí.

Câu Đối

I

Cái thế văn chương, thanh việt quốc âm lưu vận phủ,
Thừa gia trâm phát, thương mang mặc hải vọng tiên đàn.

II

Phong tư tài mạo tuyết vờ, muôn đời chừa quên, nường treo giải nhất,
Sau trước xa gần khen ngợi, trăm năm trong cõi vẹn, về hoà hai,

Mai-Am THÂM-QUỲNH
phụng thảo

BÀI TỰA TẬP THƠ VINH TRUYỆN KIỀU *

Vì bằng sau khi: Tặng quạt trao duyên, tang thúc-phụ không bày cơ cách trở; bán tơ gây vợ, án Lôi-châu xét rõ nỗi oan khiên. Thì, sắt cầm đầm ấm, ¹ cốt nhục sum vầy, ngọc biếc trong veo, thoa vàng chẳng gãy. Chủ lái buôn hoa, đâu có mang vàng trả giá; anh hùng giặc cỏ, hẳn không cỡi giáp về hàng. Như vậy lấy gì nêu hiệu hạnh của khách khuê phòng ², làm sao, biết cơ quyền của người 'thục nữ' ³. Thế mới biết: Việc đời không khuất khúc sẽ không ly kỳ; cảnh ngộ càng gian truân lại càng sáng tỏ. Nàng (Thúy-Kiều) là người đạt, thừa hiểu tạo hóa ghen tài; ta (tác giả) cũng đồng tình, không hờn hồng nhan kém phận. Duy có điều: Mỗi lái -chưa thông, đã riêng thề thốt; phồn hoa vừa chớm, liền thao giở trắng. Hoặc có kẻ cho rằng: "Vi nước chảy mây trôi nguyên sẵn nết, nên lá đũa cành đón dễ lạnh nghề". Có biết đâu, hoa hạnh lộ ngoài tường, phong nhị dù ong hoa bướm liệng ⁴; con dao nguyên trong áo, toan liễu e thành cháy vợ lấy ⁵. Dùi mài bằng sương trắng, đắp đổi ngày tháng bên sâu. Ngọc lạnh không vết, giá đáng sánh với thành liền ⁶; sóng cả lướt qua, hồn còn vương nơi bến cũ ⁷. Thử bình tình mà lập luận, hãy bỏ việc xét nguyên tình. Hưởng chi, mưới bài thơ mới, chiêm nhất giải hội đoạn trường; bốn sợi đàn hồ, đủ năm cung thiên bạc mệnh. Nghe ra tê tái lòng người, ngấm lại thướt tha bóng ngọc. Hoa đành thua vẻ, liễu giận kém tươi. Hết về phong lưu đất bắc, cười khóc nên thơ; trọn màu son phấn triều nam, nhạt nồng đúng mực. Vậy nên các lão chung tình, ghi

* Bản dịch bài 'Vinh Kiêu thi tập tự' của Chu Mạnh-Trinh.

- 1 Câu này nói: Thúy Kiêu sẽ kết duyên với Kim-Trọng thành vợ chồng. Kinh Thi có câu: Phu thê hảo hợp, như cỏ sắt cầm. Nghĩa là: Vợ chồng hòa thuận, êm vui như gậy đàn sắt đàn cầm.
- 2 Thúy Kiêu bán mình chuộc cha là gái hiếu.
- 3 Thúy Kiêu dụ Từ Hải để giết đi cứu tai nạn cho sinh linh, thế là một tay hiệp nữ có cơ quyền.
- 4 Thúy Kiêu tuy lén lút thề nguyện với Kim-Trọng, nhưng vẫn giữ được trong trắng.
- 5 Thúy Kiêu mang sẵn con dao theo, mà không tự sát ngay là vì sợ liên lụy đến song thân. Cổ ngữ có câu: 'thành trung thất hỏa, họa cập tri ngư'. Nghĩa là: Một khi trong thành cháy ra hỏa hoạn, thì tai họa lây đến cả con cá dưới ao.
- 6 Vua Tần Hoàng tình nguyện cắt 5 Huyện Thành của nước Tần trao cho nước Triệu để đổi lấy hòn ngọc bích của vua Triệu. Giá trị Thúy Kiêu cũng như hòn ngọc ấy.
- 7 Thúy Kiêu tuy phải lưu lạc quê người, mà lúc nào cũng tưởng nhớ Kim Trọng.

tên tuổi khắp quần là áo lượt ⁸; khiến cho người sau chép việc, tìm phong lưu nơi phần cũ hương thừa. Than ôi! Tạm ngã phong trần, trải bao nghiệt chướng! Sóng tình lồng lộng, biển hận mênh mông. Tơ liễu theo trận gió đưa, không gì vương vữu; bông hoa rơi vùng đất lấm, xiết nỗi ăn năn! Vẫn biết can dự vào việc nàng, chỉ là thêm sầu cho người cô ⁹. Nhưng cổ nhân từng, nghe khúc tỳ-bà dưới nguyệt, lệ dầm áo xanh; lắng thơ ngọc-thụ bên sông, đâu thêm tơ trắng ¹⁰. Tóm lại danh sĩ giai nhân, sau trước họa-nghiêm một kiếp: lạ gì non xanh đất sét, cùng chung luân lạc ngàn thu. Tôi vốn đa tình, cảm người đồng điệu. Chứa tình hai chữ "không hoa" trong bề sắc, lưỡng ham một trường "đo mộng" giữa đêm xuân. Nhà vàng chứa Á, niềm riêng mơ tưởng hão huyền; người đẹp cô thom, đời cách chiều hôn phảng phất. Nhân cất bút nhớ người, bèn theo hồi chia vịnh. Viết đã quá dài, thánh thốt giọt mưa tiêu bên cửa; hồn như có tới, đập đỉnh như theo sóng Lạc canh khuya.

Bản dịch của Trúc-viên LÊ-MẠNH-LIÊU

- 8 Rất nhiều các thi-hào vịnh thơ đề vào bức ảnh truyền thần Thúy Kiêu, đến nỗi ghi tên cả vào bên quần và tay áo nàng trong ảnh.
- 9 Người cô tức Thúy Kiêu.
- 10 Bạch Cư Dị nghe cô giáo-phường gảy khúc tỳ bà dưới đêm trăng, mà cảm động mỗi sâu riêng, đến nỗi khóc nước mắt ướt cả vạt áo.
- 11 Đỗ Mục nghe cô thương-nữ ngâm bài thơ ngọc thụ bên sông, mà cảm động mỗi sâu riêng đến nỗi già người đi, tóc đầu thêm sợi bạc.

phụ-trương

ADDRESS

by

**Her Britannic Majesty's Ambassador
on the occasion of the Celebration of the Bicentenary
of Nguyen-Du, Saturday, 9th October, 1965
at the Cultural House**

Your Excellencies, Ladies and Gentlemen,

I am very happy to take part in this celebration organised by the Anglo-Vietnamese English Speaking Club to mark the two hundredth anniversary of the birth of the great Vietnamese poet, Nguyen-Du. I have been invited to say a few words on the significance of this occasion and I do so with much pleasure.

First of all, let me explain why the Anglo-Vietnamese English Speaking Club has organised this meeting today. Our Club is devoted primarily to spreading the knowledge of the English language, but we believe that we have also a wider purpose, which is, on the one hand, to help Vietnamese people to gain a better understanding of the civilisation and culture of Britain and on the other, to help British people to know more about the civilisation and culture of Vietnam.

What better way of doing this can there be than to tell each other about the great men of letters that our two countries have produced! Last year we celebrated together the four hundredth anniversary of Shakespeare; this year we do honour to the memory of the Vietnamese poet, Nguyen-Du. It is very fortunate that we can link together in this way the names of two famous men, one English and one Vietnamese, who contributed so much to the literature of our respective countries. By taking part in the Nguyen-Du anniversary celebrations, we members of the Anglo-Vietnamese English Speaking Club are giving a practical sign that we genuinely desire to promote a reciprocal cultural exchange between Britain and Vietnam. We hope that by these means the cultural experience of both the British and Vietnamese people will be enriched.

While our meeting today, as I have said, contributes to the laudable purpose of promoting cultural contacts between one country and another, we must recognise that this is of subsidiary importance in the celebration of Nguyen-Du's anniversary. Its chief significance is the effect it has had on Vietnamese thought, writing and behaviour, indeed the life of the whole Vietnamese people, for Nguyen-Du is of national importance to Vietnam.

It is hardly for me as a non-Vietnamese to draw attention to those qualities of Nguyen-Du's writings which have made him the greatest Vietnamese poet. In a few moments we shall have an opportunity to hear the beauty of his verses put to music. But all agree that his most famous work, the story entitled Kim-Van-Kieu, although first written down in Sino-Vietnamese characters or *Nom*, is a masterpiece in the Vietnamese language, and meant for the enjoyment of all Vietnamese people. This is why it has ever since been the most popular work among the people, both high and low. Nguyen-Du's writings were unmistakably an important landmark in the development of the Vietnamese language as a medium of expression. This achievement fully qualifies Nguyen-Du to be one of the great national figures of Vietnam.

All of us know the powerful national appeal of poetry in our own native language. We know that poetry can symbolise the ideals of a nation and spur it to uphold those ideals. For the British people this has been expressed by one of our poets in those memorable words :

" We must be free or die, who speak the tongue

That Shakespeare spoke."

Just as Shakespeare symbolises the patriotic ideal for the British people, so does Nguyen-Du for the Vietnamese people. Surely, therefore, the bicentenary of Nguyen-Du, which we are celebrating during the present week, is an event of national significance for Vietnam. The Anglo-Vietnamese English Speaking Club feel privileged indeed to be able to take part in it.



Ông Đại-Sứ Anh-Quốc đọc diễn-văn khai-mạc buổi diễn-thuyết do hội Việt-Anh (Anglo-Vietnamese English Speaking) tổ chức ngày 9-10-1965 tại Nhà Văn-Hóa, dưới sự đồng Chủ-tọa của Ông Tổng Ủy-Viên Văn-Hóa Xã-Hội kiêm Ủy-Viên Giáo-Dục và ông Đại-sứ Anh-Quốc

"COLLECTION CULTURE"

éditée par la Direction des Affaires Culturelles
Ministère de la Culture et de l'Action Sociale

1. *SŨ-LIỆU VIỆT-NAM* (Documents sur l'Histoire du Việt-Nam)
par *Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng* (246 pages) 25\$
- 2.3. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: LỤC-TỈNH NAM-VIỆT*
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié :
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Tome I (152 pages) 20\$
Tome II (132 pages) 15\$
- 4.5. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN*
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié :
Province de Thanh-Hóa)
traduit par *A-Nam Trần-Tuần-Khai*.
Tome I (122 pages) 15\$
Tome II (174 pages) 15\$
6. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN*
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié : Centre Việt-Nam.
Les 6 Provinces du Sud Việt-Nam
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
La Capitale (96 pages) 15\$
- 7.8. *CỔ-ĐỒ HUẾ* (Huế, Ancienne Capitale)
(Histoire, Monuments, Sites et Anthologie) par *Thái-Văn-Kiểm*
(487 pages avec 53 illustrations et cartes) 70\$
- 9.12. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN*
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié : Centre Việt-Nam)
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Provinces de Quảng-Trị et Quảng-Bình
(208 pages) 20\$
Province de Thừa-Thiên : Tome I (144 pages) 15\$
Tome II (152 pages) 15\$
Tome III (134 pages) 15\$
- 13.14. *VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHÍ VŨNG-BIÊN*
(Glossaire des Personnages historiques Vietnamiens)
par *Thái-Văn-Kiểm et Hồ-Đắc-Hàm* (290 pages) 55\$

15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM
(L'enseignement supérieur au Viêt-Nam)
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6
par Nguyễn-Đình-Hòa (32 pages) 6\$
16. LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE
COLLECTION "ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM" No. 7
par Nguyễn-Khắc-Kham (26 pages) 6\$
17. DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY
(La Démocratie dans le Viêt-Nam traditionnel)
COLLECTION VIETNAM CULTURE SERIES No. 4
par Nguyễn-Đặng-Thục (12 pages) 6\$
18. INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY
(Introduction à la Poésie Việtnamiennne)
COLLECTION "VIETNAM CULTURE SERIES" No. 3
par Lý-Chánh-Trung (20 pages) 6\$
19. INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE
(Introduction à la Culture Việtnamiennne)
COLLECTION "VIETNAM CULTURE SERIES" No. 1
par Nguyễn-Khắc-Kham (28 pages) 6\$
20. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Monographie complète du Viêt-Nam unifié : Centre
Viêt-Nam) traduit par Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Province de Bình-Định (196 pages) 38\$
21. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Monographie complète du Viêt-Nam unifié : Centre
Viêt-Nam) traduit par Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Province de Quảng-Nam (282 pages) 25\$
22. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Monographie complète du Viêt-Nam unifié : Centre
Viêt-Nam) traduit par Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Province de Quảng-Ngai (212 pages) 25\$
23. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Monographie Complète du Viêt-Nam Unifié : Centre
Viêt-Nam) traduit par Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Provinces de Phú-Yên et Khánh-Hòa (242 trang) 25\$

En vente chez tous les grands libraires à Saigon comme en Province, et à
la Direction des Affaires Culturelles (89, Lê-Văn-Duyệt, Saigon).

TRẦN-QUANG-THUẬN

*esthetic psychology of kim-vân-kiêu or kiêu's real and dream world**

Ladies and gentlemen,

I cannot tell you how happy I am to be with you today to commemorate the bicentenary of Nguyen Du. How delighted I was to be invited to talk to you about Nguyễn Du whom, like almost every Vietnamese, I admire; and his works I appreciate but at the same time how worried I am to talk to you of Nguyễn Du and his works.

Various studies have been devoted to Nguyễn Du's literary career and especially to Kim Vân Kiều. Nguyễn Du's family background, the social, political conditions of his time, his training have been studied by researchers and students.

I do not now dwell on these problems but rather concentrate on understanding, appreciating the art of creation and the art of creating personages in Nguyễn Du's work. This study is based not on conception but on psychological processus involved in the development of Kiều's character and Kiều's reactions to life, Kiều's real and dream world; or in fact the impersonification of Nguyễn Du, the transmigration of soul in different physical forms.

Nguyễn Du creates his own image, cries for his own fate and wonders if people, spectators of his art still remember him, that means still remember Kim Vân Kiều, symbol of beauty, of talent, and of tragedy in the long future?

*Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như*

(Who will cry for Tố-Như (as the author has done) after three hundred years?)

* A symposium organized by the Anglo-Vietnamese English Speaking Club, at the Culture House, Saigon on Oct. 9th 1965 in commemoration of the great poet Nguyễn Du's bicentenary anniversary.

Reality or dream.

Thuy Kieu, according to Nguyen Du, represents the most complete, resourful and delicate work of creator, especially on the esthetic aspect.

Sắc đành đời một, tài đành họa hai
(Her beauty is unique, her talent is incomparable)

The spectacle or panorama appears in front of our eyes is the beautiful scenery of spring time and a lovely girl, for the first time, enters into contact with the public world. She is curious, she is impressionable and she is pure at heart. Her physical and mental conditions are developing, being at an adolescent age. She still however lives in the conditions of "Trưởng rú màn che", in the environments of a bourgeois life, shut up completely from the outside world. This is the first time she escapes from her cage to get the glimpse of the world in the spring time, the season of love, of life, of creative activities.

Nhân sinh chi tinh, thiên chi tinh dã
Cảm vi vật nhi động, tinh chi dục dã

(When man is born, the mind is still pure, it is the heaven's mind. The mind is disturbed, when getting into contact with environments. It is the mind full of desires and passions.)

Thúy Kiều, just stepping over the threshold of the inner realm to the outside world and is bewildered by the multicolored, the changing forms, by what she hears and what she encounters with.

She meets with life and death.

Life is the bursting activities of the season of spring:

Dập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm

(On the road, distinguished gentlemen and elegant ladies passed to and fro, mingling the waves of their colorful garments with endless flows of horses and chariots.)

Death is the tomb of Đạm Tiên, her tragic story and her deserted resting place.

These two impressions hitherto submerged below the surface of virginal purity and of untroubled mind but followed her like shadows. Her heart quivers at the slight wisp of wind. This kind of emotion is extremely delicate which neither painful nor thrilling.

With a complicated, preconised and prematured personality, she solves her difficulties by looking for a quiet, desolated place for meditation or rather for brooding, following the uncertain emotions of her heart. The time helps make things more complicated: The twilight, the period of light and darkness, of uncertainty, of secrecy... with the memories of Kim Trọng, the handsome young man and of Đạm Tiên, the unfortunate singer. Life is full of contrasts. Her heart is thrilled with new experiences but frightened with her unexperienced mind in dealing with these circumstances.

From twilight to young night with stream of milky light of the moon — Is the moon different from Thúy Kiều reaching the age of love? "Xấp xỉ tới tuần cập kê"? The moon light reflected in the stream, under the wooden little bridge, appears as if the fire works of a festival are going on to celebrate the joy and meaningfulness of life, following the rhythm of love, of activities of nature.

Now the first drops of dew are falling. Thúy Kiều is disturbed by her own creation and imagination. Kieu is in conflict, in contradiction:

Kiều từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời gác núi, chiếu đà thu không
Gương nga chênh chếch dùm sông
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân
Hải đường là ngọn đông lân
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà

(Kiêu came back among her flowery curtains. The setting sun touched lightly the hills, gong announced the fall of the day. The moon, the mirror of Hằng Nga, glanced through the wire lattice, strewing gold trails on the water. Its beams passed through the foliage to rest on the yard. At the East wall a camellia gently bent its head, pouring heavy drops of dew on dangling vernal boughs.)

Nguyễn Du here describes not only the scenery but also psychology of Kiều. Is she just a spectator? or is she remeniscent of her past impressions, her memories, enjoying at the same time, the fresh sensation of life?

Her heart and soul appear to be understood by the moon. Kiều is trying to understand the reality of life and the reality here is the unclaimed tomb and a deserted cold corpse under that tomb, the destiny of a human life symbolized at the untimely death of Đạm Tiên.

Nhà chèo xuân thoát gãy cành thiên hương

(The branch which carried the divinely perfumed flower, suddenly broke in the prime of spring.)

How painful is the transient, the impermanent life ! and how lonely is the life of a maitresse, a singer :

*Sống làm vợ khắp người ta
Hại thay thác xuống làm ma không chồng*

(Alive, this girl was the wife of everybody. Alas ! She is now a phantom without a husband).

Nguyễn Du shares the feeling of these unfortunate.

*Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp
Liều tuổi xanh buồn nguyệt bán hoa
Ngàn ngờ khi trở về già
Ai chồng ai tá, biết là cày ai ?
Sống đã chịu một đời phiến nảo
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa
Đau đớn thay phận đàn bà
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu ?*

(Văn-tế thập loại chúng-sinh)

(There are some who have mismanaged their lives, wasting their prime of life in giving pleasures to others, when they get old, they are lonely unclaimed.

No one cares for or protects her.

Throughout her entire life, she has undergone trials, when she dies, she has to depend on strangers for charity. How painful is the life of a woman. But how can we change this unfortunate destiny ?)

Loneliness, bitterness.

Suffering is the life of this class of people. Would I become Đạm Tiên, Kiều shudders just at the thought of it. Would I at the end of my life, deserted, unclaimed, unvisited and forgotten ?

Kiều loves Đạm Tiên, feels sorry for Đạm Tiên, but in fact she feels sorry for herself. Kiều instinctly ties up her own life with that of this unfortunate. She is a woman and every woman shares the equal fate !

Emerging from this frightful thought, and from the dark picture of life, Kieu meets Kim Trọng, handsome, majestic, extremely likable. Her view of life transforms suddenly from one extreme to another. From

a picture of darkness, to a picture of "Cây quỳnh cành đào", of jewelled trees and boughs of jade.

With rich imagination, Kiều considers this unappointed encounter as an omen of predestined relationship between "Người quốc sắc, kẻ thiên tài", between the charming prince and the lovely queen.

*Tình trong như đã, mặt ngoài còn e
Chập chờn con tình, con mê*

(And already the sovereign beauty and the heavenly endowment fell in love inwardly with each other despite their apparent reserve.)

Love at first sight perhaps more or less, is the phenomenon of an inexperienced person just getting into contact with the world and at the most impressionable age : adolescence.

What had happened to Đạm Tiên, might it happen also to this handsome man, this chevalier, and to Thúy Kiều ? These thoughts, these emotions make Kiều worried, uncertain, frightened at the unforeseen future. She considers herself defenceless and already defeated before facing the enemies at the battlefield — There is the only way of escape from this difficulty : retire from reality to the dream world. She recites softly a poetic line out of a sudden inspiration :

Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tình tình

(A hundred mixed riddles disturbed her heart, prompting her to compose beautiful verses about the sentiments of her soul).

Reflecting oneself gives creative inspiration which relieves somewhat emotional tension. In fact, these emotions register once again in subconsciousness freeing themselves from the boundaries of reason and passively, quietly, pursue their activities in the dream world.

*Thiên không vân tinh quỳnh vô trần
Uyên tự băng hồ tạ lý nhân
Nhược hữu đa tình căn vấn tẩn
Biệt lai vô dạng chi thương thân.*

(The sky is clear, the air is pure.

The world as transparent as a crystal ball inside sits a wiseman.

If a man of passion wonders at the wise man's existence, he would find the answer that there is nothing but suffering by sensations).

Sensation is man's creation, man's imagination. Kiều creates a fairy lost in a fairy land. The fairy land or the fairy here are just two components of nature, of sublime purity : The inner man of Kiều, and the passionate man of environments. Đạm Tiên is therefore an image of Kiều's inner world, appears in her dream to tell her of the future events, of her destiny, answering indirectly conceptions and realities of life that she is afraid of.

Thúy Kiều has not yet seen Đạm Tiên, but the latter already appeared in front of her, a Tiểu Kiều, beautiful, pure, ephemeral :

*Thoạt đâu thấy một Tiểu Kiều
Nửa chiều phong-vận nửa chiều thanh tân
Sương in mặt, tuyết pha thân
Sen vàng lẳng đàng như gần, như xa
Chào mừng đón hỏi dò la
Đào nguyên lạc lối đâu mà tới đây.*

(Suddenly she saw a strange young and beautiful maiden. Her face reflected the purity of dew. Her body looked as though kneaded with snows, and her feet, like two golden lotus flowers, seemed indistinct as though they were near and distant at the same time. Oh, Lady of Heaven, which wind brought you here?)

Đạm Tiên in her dream is in fact Tiểu-Kiều, or rather Kiều herself at the purest form. Nguyễn Du has discarded "Cầu tuyết diệu" (Sublime line) and replaced with a more vivid picture, half realm half unreal, the nature hidden under the passions of man, and Thúy Kiều neglects her nature, her proper image :

*... Thanh khí xưa nay
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên*

(Eternal sister, replied the apparition. Through sounds and through souls, we were together just a while ago this very day !)

The reprimand of Đạm Tiên in regard to Kiều is to reprimand of Kiều's conscience, the conscience like "gương nga chênh lệch dóm song" at the twilight before she enters the dream world.

The conflict between nature and passions results in the conflict between Destiny and Talent (chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau) — Whose acts in Kiều's Theatre of life are past processus realized now in the divided form : Destiny and Talent become actor and spectator as

Nguyễn-Công-Trứ wonders :

*Ai hay hát và ai hay nghe hát
(Who acts and who sees the acts)*

Dream Compensation.

"Love and hate share the equal fate". That is a commonly recognized conception but it does not occur in the case of Kim Trọng — Thúy Kiều — Đạm Tiên.

'The young love of Thúy Kiều, how transient, uncertain and fragile... It is uncertain therefore one endeavours to protect, to maintain it at all cost — This possessive behavior leads to fear of losing it, or the one that we want to have but hesitate to express, the one that we want to possess because of its being detrimental to the one that we want to possess unfortunately always appears as a menacing ghost which frequents our dream — This is true in the case of Thúy Kiều :

*Người mà đến thế thì thôi
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi
Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không?*

("That girl so lonely in her downfall" she murmured, "what destiny could be more cruel? Her brilliant life is insignificant now. And that young man, who could he be? What will occur from our meeting? In this life, who knows whether any bound will link us forever?")

"Người mà" and "Người đâu" divide the attention of Kiều. "Người mà" here is Đạm Tiên, "Người đâu" is Kim Trọng. One represents tragedy, past memory; the other, hope and future happiness — Why only "Người mà" appears in her dream and not "Người đâu" whom she desires to see — This principle of conflict of psychological processus or reactions has been discovered by Bergson :

"Why a dream selects this or that kind of memory, although both memories imprinted in our subconsciousness? The idiosyncracies of dream are difficult to explain just like the idiosyncracies of conscience. Perhaps if one tends to explain this phenomenon by pointing out the degrees of importance or of impression. But generally dreams record events of passing interests or even of negative importance. If a dream records the event of the day it is the insignificant event that has a better chance to appear in

our dream rather than important events.

"I am standing at a street cross section where tramway passing frequently but the tramway does not hit me, because I am standing on the pavement. If, when the tramway passes in front of me, an idea of accident suddenly appears in my mind; and, if, I step backward and my mind still does not have an idea of fear, at night I may have a dream of accident by which I am overrun by the tramway. In the day time, I am sitting next to a patient with critical conditions. There is slight hope of recovery appearing in my mind quickly, at night, I may have a dream by which the man recovers from his serious illness. In short, what we really want if what we pay the least attention. This is not a strange phenomenon. What we dream is what we pay scanty attention—We let it pass—what is suitable most to a dream is an indiffernt memory, without slightest trace of effort. The psycho-analyst said: "We do not create dreams, we are subject to dreams. We are the instruments of dream".

(The dream — dreaming. Bergson)

In the East people believe in dream and prepare for it in an act of "ăn chay nằm mộng" (fasting for dream). This is to prepare themselves to receive good news by discarding all bio-physical influence, in order to receive the echo from subconsciousness.

Kiều's dream of Đạm Tiên is an omen which forewarns of destiny, of the road on which Kiêu has to travel. Kiêu tells her mother afterwards:

"Ban ngày chơi mã Đạm Tiên
Nhập đi, thoát thấy ứng liền chiêm bao"

(To visit the tomb of Đạm Tiên in the daytime,
at night, (I) have at once a dream of her.)

This is not really the truth. The truth is that what Kiêu wanted to see is not Đạm Tiên, although she is moved when thinking of her. What Kiêu wanted to see if Kim Trọng:

Chập chờn cơn tỉnh cơn mê
Rõn ngồi chẳng tiện, dứt về chìn khôn
Bóng tà như dục cơn buồn
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo
Dưới dòng nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

(Kiêu fructuated between reality and dream. Staying there was improper, departing was painful. The wane of the day seemed to fill her with melancholy. The rider had seemed wonderfully clear. Near the bridge, the silk of the willows trailed in the evening shades.)

If she really pays little attention to Kim Trọng, why she still looks at him when he has already gone, and when he is gone she lonely, lost, bewildered and could not move? The truth is that what she does not want to see, appears in her dream, what she is afraid of "Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh", frequents her dream like a ghost.

Ràng hồng nhan tự nghìn xưa
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu
Nỗi niềm trông đến mà đau
Thấy người nằm đấy biết sau thế nào?

(Among rosy faces, for millenniums, has this calamity, this cruel fate spared anyone? This thought besets and tortures me. I am musing on the one who is resting here who knows what will become of me?)

What she is afraid of is the unfortunate fate which is awaiting her. Behind this, hides the desire that psychoanalysis explains: "There are certain dreams which materialize the complex of fear, and this complex of fear exists in the subconsciousness of the subject. Yes, but let us consider the principle of cause and effect. The complex of fear materialized hides a passive desire. In a mother's dream, she see her beloved child die. In real life, that is what she is constantly afraid of. Let us examine this deeper. In this fear complex, there is a desire hidden underneath, a desire to free herself from fetters of marriage, considering the child as an obstacle which prevents her from getting divorce, from developing her artistic capacity. This psycho-analysis leads to an important discovery that frees her from an obsession, an illness which is overcompensated. (*De l'action au rêve, de l'instinct à l'esprit*, Ch. Baudins.)

In this case, we can see the desire of Kieu hidden under the cloak of fear, it is the desire to tie her life with that of Kim Trọng, the chevalier and the more this desire submerged, the greater the fear. This fear obsesses her so much that she sees herself at the first line in the Book of Destiny:

Vì đem vào tập đoạn trường

Thì treo giải nhất chi nhường cho ai

(Should this be reckoned among the selection of poems composed by torn-bowed girls, your verses would win the first prize. What else could triumph over yours?)

According to the principle of compensation, the desire to have that close tie is really deep-rooted — this desire when hindered would submerge underneath :

*Tình trong như đã mặt ngoài còn e
Chập chờn con tình con mê.*

(And already the sovereign beauty and the heavenly endowment fell in love inwardly with each other despite their apparent reserve).

Due to effect of compensation that Kiều maintains her equilibrium and does not fall to love sickness as Kim Trọng :

*Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao
Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng
Buông vãn hơi giá như đồng
Trúc se ngọn thỏ tơ chùng phm loan*

(One moon had gone by, and oil continued to ebb in the lamp. His face reflected the dream of the other face, and his heart was logging for the other heart. How cold the air in his study room was, as cold as copper! The rabbit hair brushes began to show their stiffened points; and the chords of the phoenix-fretted guitar started getting loose).

In her dream of Đạm Tiên, besides the effect of recompensating the hidden desire of Kiều, it is also a symptom of her future destiny :

*Cứ trong mộng triệu mà suy
Phận con thôi có ra gì mai sau.*

(What does this dream presage?)

It is easy to comprehend: "The fate of your daughter can be considered as hopeless forever"

Indeed, dream is an image in action. Bergson considers instinct as a system manifesting our possible actions. If this conception is true, the image, element of dream, is an action in relation to reason interrupted by possible action. Reason is a screen on which manifests objectively, before being selected, our intended and desired activities. Dream, on the other hand manifests images of activities which had been recorded subjectively, activities had been carefully selected, activities of hope and of errors.

Before meeting with Kim Trọng and visiting the tomb of Đạm Tiên, Kiều had already registered her name in the Book of Destiny, as

illustrated by her own words :

*Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.*

(One of her romance, the "Cruel Fate" was so sad that it could move one to tears.)

In oriental psychology, sounds are faithful reflection of one's soul. It is the sounds and voices which characterize the true personality of man, from this derived the importance of magic words, curses and words of honor. Đạm Tiên in Kiều's dream is in fact the image in action, the vanguard of reality.

Thus, images or elements of dreams are desires, just as Freud said: "A dream is a desire of the soul".

"Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình (Hệ từ) (In heaven where there are no forms, ideas therefore should exist, on earth, where there are forms, concrete forms should appear). In Kim Vân Kiều, Kiều has materialized Đạm Tiên in concrete form, through imagination, natural consequence of a fatal piece of music, just in line with the story related by Vương Quan.

If dream is a desire of the soul, Đạm Tiên is thus not strange image but the desire itself, the desire that has hidden under the subconsciousness of Kiều — Or, the plan, the future destiny of Kiều has predisposed itself. There is a Vietnamese proverb saying: "Người làm sao chiêm bao làm vậy" (What he does, will he see).

In her dream, Kiều does not know that she is dreaming. On the other hand, she thinks that she is seeing the real world and overjoyed by the sight which is her submerged desire. She wanted to be admired and praised by everyone as "Một hai nghiêng nước nghiêng thành" (Her smile may destroy a country, a citadel), and to be respected by her talent. That is why when Đạm Tiên accepted her as a sister, she is so inspired that she "Tay tiên một vẫy, đủ mười khúc ngâm" (just a sweep of a hand, the beautiful pieces of music are being played).

Kiều drowns herself in her sea of imagination, in her dream life, prolonging the friendship with Đạm Tiên, and prolonging at the same time, her enjoying and suffering of life :

*Thêm hoa khách đã trở hài
Nàng còn cầm lại một hai tự tình*

(The visitor had already turned on her heels toward the flowery perron, but Kiêu still tried to weep back as for more confidence.)

Awakened, she realizes that she has been dreaming, that her hidden desires appeared unconsciously. That she is afraid :

Đường xa nghĩ nổi sau này mà kính

(She took fright when she thought of the faraway route of the future.)

Man of reason and man of sentiment begin to challenge each other, creating a battle in Kiêu—who will win? In the dream, Kiêu's desires not being hindered by reason, manifest clearly and aggressively — Her arrogance, passions, vanity have had a chance of showing themselves.

Awakened, Kiêu remains Kiêu, and Đạm Tiên disappears — Kiêu in the dream and Kiêu in the real world are two different persons. Kiêu in the dream cries for Kiêu in the real world, cries for Đạm Tiên in the dream world, but in fact cries for herself in the real world. Kiêu lives in real-dream world and with which Kiêu has a premonition. But she is trapped in the snare of passion, of love, of unseen forces — Kiêu of pure nature and Kiêu of desire are struggling, fighting each other to find a way out. Can she find a way out?

That is really a process occurred in Kiêu from the tomb of Đạm Tiên to the tomb of destiny, through a life of :

*Mười lăm năm bấy nhiêu lần
Làm gương cho khách hồng quần thử soi*

(During fifteen years, how many good examples, she had set for those who wore red trousers to follow !)

Struggle between reason and sentiment.

After the dream of Đạm Tiên, in Kiêu is raging a battle between the newly awakened desires and the foreseen difficulties that Kiêu is going to encounter with

*Khúc đầu Hán Sở chiến trường
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen ngọc.*

(Then she started playing "The Battle Field of The Han and The Tchou — what a piece of music ! When listening to it, one would think there existed a mingling sounds of iron and gold.)

Her heart is thirsting for an ideal love unsatisfied, frustrated :

*Khúc đầu Tư Mã Phụng cầu
Nghe ra như oán như sầu phải chăng ?*

(Next was the Phoenix after his Jenny, composed by Se Ma. What would they think of this one? Wasn't it a song of hatred and sorrow?)

Her mind is uncertain, sometime she is longing for freedom, enjoying the boundless esthetic world :

*Kê Khang này khúc Quảng Lăng
Một rặng lưu thủy, hai rặng hành vân*

(Here came another one "The glory of Imperial Tombs", by Kikang. One would think water was running and clouds were traveling through the flow its notes.)

Sometime she is crying for her destiny, her imaginary separation of her beloved, her heart is broken at the fate of Chiêu Quân :

*Quá quan này khúc Chiêu Quân
Nửa phần duyên chúa, nửa phần tư gia*

(Finally was a piece "Tchao-Kium at The Frontier Gate", sometimes praising the prince's love, sometimes depicting the regret of her relatives.)

Sometime, she is quiet, enjoying the tranquility and purity, her heart is full of vitality, joy of life, of hope of a young innocent girl :

*Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như gởi đờ mưa*

(The music seemed alternately pure like the cries of traveling cranes, and confusing like a forlorn noise from a spring flowing down into a waterfall.)

The frustration, uncertainly and romantic feelings have led Kiêu away from Confucian traditions and ethical codes—she leaves her home at night to meet her lover in a romantic setting, full of music, of poetry :

Xem trong âu yếm có chiều là lợi

(When the passion assaults seemed to abate a little, Kiêu realized that her sweet heart, in the effusion of his fondness, appeared to go a little far into familiarity.)

But the man of passion in Kiêu still cannot defeat the man of reason and purity. Is it the image of Đạm Tiên which prevent Kiêu from

being trapped? Or because of her filial piety toward her old father and her little brother :

*Già giang một lão một trai
Một giây vò lại buộc hai thân tình*

(They seized the old man and his son, put pillories around their necks, and unjustly chained them together.)

Her family ties, her duty make her forget her present predicaments, her own fate and suffering :

*Quyết tình nàng mới hạ tình
Rẽ ra cho thiếp bán mình chuộc cha*

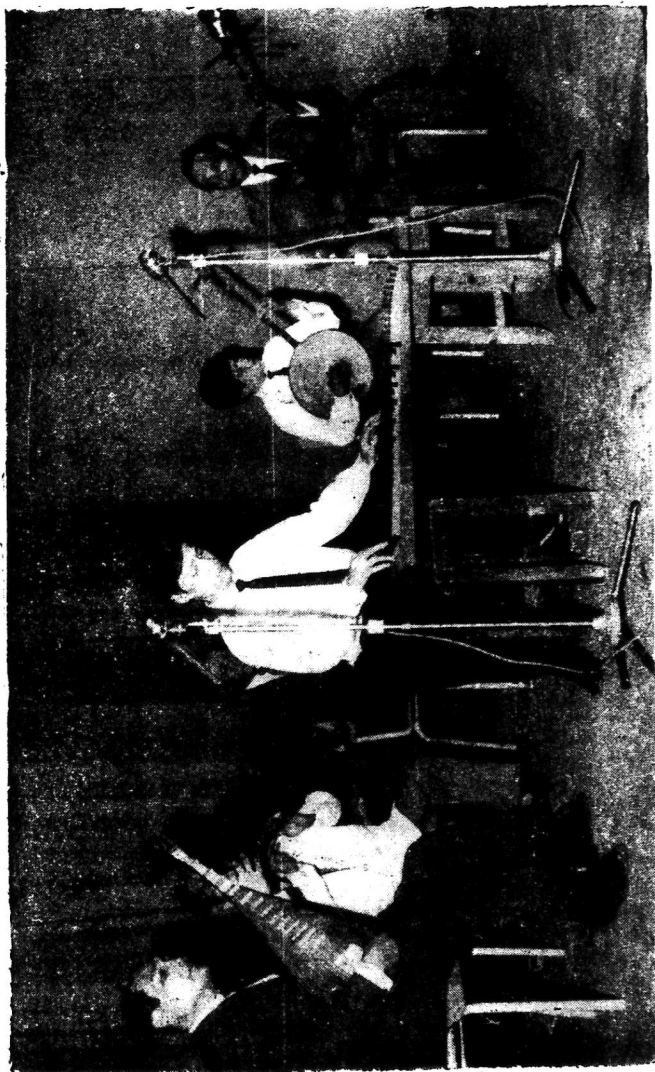
(Making up her mind, Kiều rushed forward "Give way to your servant" she cried out "I want to sell myself for the life of my father")

This retrospection, this return to nature, to reason, to duty play an important role in changing the life, the fate, and destiny of Thúy Kiều. Once again Đạm Tiên appears in her dream. Đạm Tiên is the link between life and death :

*Nào hay chưa hết trần duyên
Trong mê đã thấy Đạm Tiên rõ ràng
Nhủ rằng nhân quả dở dang
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao ?
Sẽ còn nặng nợ má đào
Người dù muốn quyết, giờ nào đã cho
Hãy xin hết kiếp liễu bờ
Sông Tiên đường sẽ hẹn hò về sau*

(Who could believe that was still attached to this dusty world? In her torpor, she seemed to see a young woman standing near her bed. "Your Karma has not been over" whispered the stranger. "How can you escape from your suffering debt? As a girl of peachy cheeks, you still have to carry the burden of your destiny. Even, if you wanted to put an end to this, Heaven will not consent to it. Try to get out of this life of a frail reed and willow (girl's life). I'll come and meet you at the Chientang river later".)

Sông Tiên đường sẽ hẹn hò về sau — That is your destiny. You cannot avoid it — you have to bear the consequences of your karma. Kieu has to bear the consequences or effect of her karma for the long 15 years and this is described by the words of Tam Hiệp to Giác Duyên :



Đêm trình diễn Văn-Nghệ để tưởng niệm Thi-hồ Nguyễn-Du tổ-chức tại trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ ngày 10.10.1965 (Tiếng đàn trong đoạn Trường Tân Thanh)

Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan
 Vô duyên là phận hồng nhan đã đành
 Lại mang lấy một chữ tình
 Khư khư mình buộc lấy mình vào trong
 Vây nên những chốn thong dong
 Ở không yên đn ngồi không vững vàng
 Ma đưa lối quỷ dẫn đường
 Lại tìm những lối đoan trường mà đi
 Hết nạn nọ đến nạn kia
 Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần
 Trong vòng giáo dục gươm trần
 Kẻ lưng kìm sói gười thân tôi đời
 Giữa dòng nước chảy sóng đời
 Trước hàm rồng cá, gieo mồi thủy tinh
 Oan kia theo mãi với tình
 Một mình mình chịu, một mình mình hay
 Làm cho sống đọa thác đầy
 Đoan trường cho hết kiếp này mới thôi

(Thúy Kiều is clever and wise, but misfortune has decreed that she be a rosy-checked girl. Moreover, full of passion, she has remained obstinately attached to it. This is why, when finding some leisurely shelter, she couldn't enjoy peace and live there for any long time. There always existed some demon or evil spirit in her way to lead her into places of misery. A misfortune ended was replaced by another one. She was twice to wear the blue clothes of a servant. Then surrounded by warriors armed with uplifted spears and unsheathed swords, she will be livin^g with bandits and hiding herself among domestics. Later, profiting from her loneliness; she will dive into a rapid current and swelling waves, like a fish offering herself to the jaws of a dragon. This is will be an unjust misfortune, but will occur because of her passion. And, she the only person who knows what will happen to her. She will still be condemned to suffer martyrdom and die like an exile. Misery will cease to pursue her only after this existence.)

Liberation from fetters, passions, in short from karma or return to Nature.

The above words are similar to those of Đạm Tiên and are in accordance with the principles of cause and effect. We have to bear the consequences of our actions. But where is an way out. Must we always

be in this vicious circle? Again it is up to us. It is we who can find way of liberation, of freedom and this freedom is derived from the purification of our hearts and mind and this purification is symbolized by an act of jumping into the river, using water to purify, to wash our sins and the sins here are the passions the desires, for oneself — Liberating oneself from desires, selfinterests is purification and redemption :

*Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều
Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm*

(She was caught in the trap of love, but she kept herself from luxury.)

*Khi nên trời cũng chiều người
Nhẹ nhàng nợ trước lên bởi duyên sau*

(Sometimes, Heaven is also indulgent to the human beings. Those who have paid off their previous debts, may expect compensation in their sentimental future.)

Love itself is not sin, it becomes sinful when it is limited for oneself or :

*Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phụ phụ, cấp kỳ
chi đã sát hồ thiên địa"*

(The "gentleman way starts from the love between husband and wife and then spreading out to cover up the whole Universe)-

This is love without sinful passion. This is a boundless love. It is love with no limited objective. It is compassion, it is the harmony between Heaven and Man.

In her last dream, Thúy Kiều sincerely repents, purifying herself from passions :

*Giết chồng mà lại lấy chồng
Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời*

(And I deceived him for a state affair! I killed my husband and now I am going to live with another one! How could I live in this with this shameful face!)

And here Đạm Tiên appears :

*Mơ màng phách quế hân mai
Đạm Tiên thoát đã thấy người ngày xưa*

(Kiêu was still immersed in a deep lethargy full of beautiful dreams of millet. Suddenly she saw Đạm-Tiên appear before her, exactly like she had been previously.)

The old friend has promised to come and here she comes when Kiêu has repented, when Kiêu has paid for her actions according to the law of karma, and when Kiêu has purified her thoughts which changes consequently her destiny :

*Rằng tôi đã có lòng chờ
Mất công mười mấy năm thừa ở đây
Chị sao phận mỏng đức dày?
Kiếp xưa đã vậy, kiếp này để ai?
Lòng thành đã thấu đến trời
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân,
Một niềm vì nước vì dân
Âm công cứu một đồng cân đã già
Đoạn trường số rứt tên ra
Đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau.*

(I have waited for you, said the apparition, and I have wasted more than ten years staying on these waters. Oh, my sister! How cruel your fate is for such great virtues! Whatever your previous life might be, it isn't easy indeed to find another heart like yours. The perfume of your faith has reached Heaven. Selling yourself to save your father is an act of altruism. You have saved your country and your people faithfully. All these secret merits began to weigh one ounce heavier than your fate. Your name has been checked off the list of torn-bowled girls. And it is time for me to restore you the poems concerning the unhappy ones.)

Sincerity and repentance has changed Kiêu's fate. Love for herself has changed into love for her father, and brother: It is piety and compassion. Due to filial piety and compassion, she has freed herself from the struggle between talent and destiny, she entered the realm of harmony between Man and Heaven.

Kiêu is enlightened now, awakened from her dream of beauty, of love, after 15 years of trials, of suffering. The water of river Tiền Đường is the sacred water, the metaphysical water of a monastery. Her heart now is pure, her mind calm, bathing in tranquility, in heavenly joy and peace.

Spring has returned, trees are budding, birds are singing, life is full of hope and joy and happiness, because Kiêu has returned to herself, because Kiêu has no conflicts in her, Kiêu has found her true love :

*Khúc đầu êm ái xuân tình
Ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ quyên?*

(And what was this second piece of music which sounded as sweet as spring love? One wondered whether this was the names of Emperor Thục or the cries of a cuckoo which was soaring somewhere in the sky?)

There exists neither fear, nor hatred, there is no distinction of Thực
Đề or Đỗ Quyên life is harmony itself :

*Trong như châu rỏ dềnh quỳên !
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông*

(The notes flowed as limpid as pure pearls dropping into a pool of water bathed in the moonlight, and as warm as pearls of dew which had just condensed on the Mount Lam-diên.)

She has changed her tormented love, frustrating and physical love
into understanding the real reason of life, the meaning of existence, tran-
quility evades her body and her heart :

*Từ nay khép cửa phòng thu
Chẳng tu thì cũng như tu mới là !
Chàng dẫu nghĩ đến tình xa
Đem tình cầm sắt đi ra cầm cờ*

(From now on, I'll close the door of my autumnal room. I am not a religious woman, but want to live like a religious one. My lord, if you still think of our past love, please forget the conjugal guitar and lute and replace them by a game of chess.)

And Kim Trọng has the same noble feelings :

*Bấy lâu đáy biển mò kim
Là nhiều vàng đá, phải tìm trắng hoa
Ai ngờ lại hợp một nhà
Lọ là chân gối mới ra sắt cầm.*

(For 10 many years I looked for you at random, like one groped for a needle at the bottom of a sea. I did it for the sincere love to which. I have dedicated my whole life, and not frivolous ones. Who could think that we should still have this happy day under the same roof? So I don't think it is necessary that we must share the same blanket or the same pillow so as to become like the guitar and the lute?)

It is the transformation of love objective, from physical or visible
into metaphysical or invisible, from practical into ideal just like that of
Indian philosopher Yajnavalkya in his words of farewell to his beloved
wife :

"A husband is loved not because he is a husband,
A husband is loved because of his nature".

(Bṛhadāraṇyaka Upaniṣad.)

The nature or essence here is the Buddhahood pervading the whole
Universe, englobing, levelling love and hate, talent and destiny, bringing

equilibrium to the heart and soul of Kiều :

*Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

(The principle of good comes from our souls and a good heart is much worthier than all the talents.)

Nguyễn Du and Kiều, and Đạm Tiên, and Kim Trọng and Từ Hải,
and Tam Hợp and Giác Duyên and the social political conditions of his
time have transformed themselves in the words of Kim Vân Kiều, in the
real and dream world of Kiều. But can we say definitely that this or that
is a real or dream world? It is difficult to answer positively: the country
was divided into 2 parts, the country was at war. Generals fighting against
generals, arrogant soldiers walking in the streets, drunken, robbing the
passers-by, pillaging peoples' houses at night. Corruption. Traitor every-
where. Social values had been turned up side down, laws of impermanence
clearly display to everyone to see: Today he is a king, next day he is a
common man, a prisoner, a condemned. Today he is a crook, next day
he is a king, a lord, a savor of the country.

In this disorder, this chaotic conditions of society, Nguyễn Du
composed his masterpiece, transforming the real life that he hates into a
dream life that he desires, criticizing, justifying this ever-changing world,
this ever-changing soul.

One thing however can save the world, can change destiny that he
values; and that is the sincerity of heart, the essential element of
purification.

ANGLO-VIETNAMESE ENGLISH SPEAKING CLUB

In the British Council, 216 Yen Do Saigon

1956-1966

To celebrate its Tenth Anniversary the above Club is offering the following prizes for a *LITERARY COMPETITION* :

1st Prize VN\$ 10,000.00

2nd Prize VN\$ 6,000.00

3rd Prize VN\$ 4,000.00

and numerous book-prizes.

WHAT YOU HAVE TO DO

Competitors are invited to submit :

- (a) An original translation into Vietnamese of the following lines :

There was a young man of Saigon

Who in English could never get on

Till he paid a small sub ,

Joined the A.V.E.S.Club.

And now he finds English great fun.

- (b) An essay in English of not less than 500 nor more than 750 words on :
Cultural relations between Vietnam and the British Commonwealth : their history and suggestions for their future development.
- (c) An undertaking that both the above compositions are the unaided work of the competitor.

RULES AND INFORMATION

1. The translation and the essay, typed or clearly written on one side of the paper only, should be on separate sheets bearing the author's pseudonym in the top right-hand corner. They must bear no other indication of the author's identity.
- a. In a sealed envelope, bearing only the competitor's pseudonym on the outside, the following signed undertaking must be submitted :
" I affirm on my honour that both the translation and the essay are my own unaided work."

Signed...

The same paper should state the competitor's full name and address and age, if under 21.

3. The competition is open to Vietnamese-speaking people of any age or nationality. The purpose of the translation (which is not competitive) is to establish that the competitor is Vietnamese-speaking: prize-winners will be expected to confirm their eligibility in this respect.

4. The panel of judges will consist of:

- Mr. R.A.O. Clark, Visiting Professor, University of Saigon.
- Mr. M. F. Judge, Director, British Information Service, The British Embassy, Saigon.
- Mr. L.S. Downes, O.B.E., Representative of The British Council in Vietnam.

The judges' decision is final and no correspondence can be entered into.

5. The award of a money prize entitles the Anglo-Vietnamese English Speaking Club to publish the prize-winning essay in any way it thinks fit. Unsuccessful essays will only be returned if a stamped addressed envelope is enclosed in the sealed envelope mentioned in para. 2 above.
6. The Committee reserves the right to withhold one or more prizes if no entry of sufficiently high standard is received.
7. The closing date for the receipt of essays is

28th February 1966

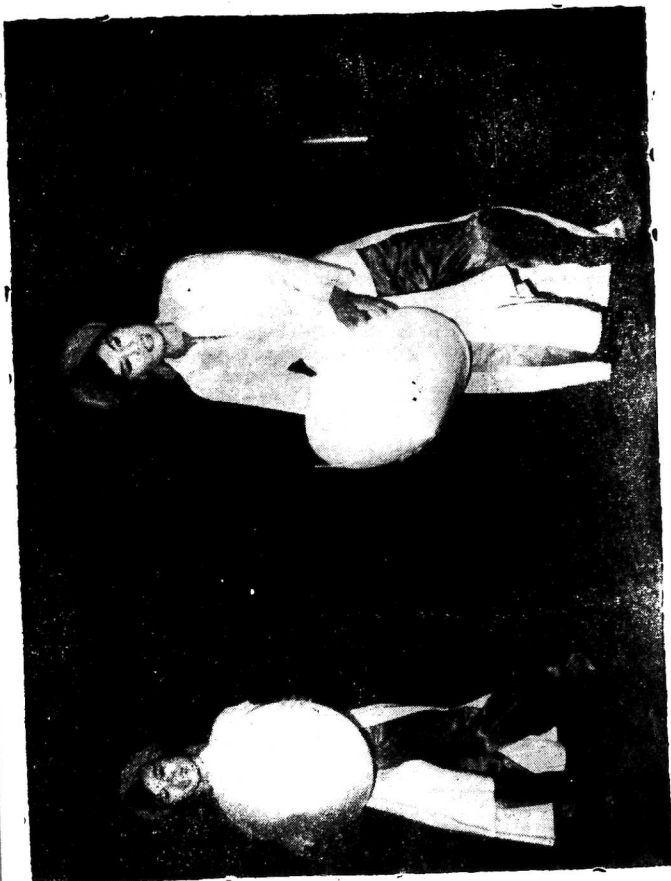
Prize-giving ceremony on *Saturday 2nd April, 1966*

Address your entry to "Literary Competition"

The British Council

216 Yen Do

Saigon



Trình-diễn Văn-Nghệ

CHIA BUỒN

Được tin Cụ THÂM-QUYNH, Cử-nhân Hán-học,
Giáo-sư Đại-học Văn-Khoa và Sư-phạm Sài-gòn, đã mệnh
chung ngày 4 tháng 12 năm 1965 nhằm ngày 12 tháng 11
năm Ất-tị, hưởng thọ 77 tuổi.

Nha Văn-Hóa và Tòa Soạn Văn-Hóa Nguyệt-San xin
chân thành cầu chúc hương hồn Cụ sớm được siêu-diệu
nơi tiên cảnh và trân trọng gửi lời phân-xu cùng tang-
quyển.
